HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ THỊ HUỆ

XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở TỈNH LÀO CAI HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ THỊ HUỆ

XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở TỈNH LÀO CAI HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC

Mã số: 9310204

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS.TS. Lê Hải Bình

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC



1. PGS.TS. Lý Việt Quang



2. TS. Nguyễn Thị Lương Uyên

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN



Lê Thị Huệ

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN 10

1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án 10

1.2. Khái quát kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài và những vấn đề đặt ra luận án cần tiếp tục nghiên cứu 40

Chương 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 45

2.1. Một số khái niệm cơ bản 45

2.2. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc 52

Chương 3: THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC Ở TỈNH LÀO CAI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 89

3.1. Khái quát về đặc điểm tự nhiên, chính trị, kinh tế - xã hội, dân cư, dân tộc và văn hóa tác động đến khối đại đoàn kết các dân tộc tỉnh Lào Cai 89

3.2. Thực trạng xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh từ 2015 đến nay - Thành tựu, hạn chế và nguyên nhân 94

3.3. Những vấn đề đặt ra trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh 143

Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC Ở TỈNH LÀO CAI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 153

4.1. Dự báo những nhân tố tác động đến việc xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 153

4.2. Phương hướng xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 160

4.3. Giải pháp xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 164

KẾT LUẬN 193

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN 196

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 197

PHỤ LỤC 215

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
CSDT	Chính sách dân tộc
CTQG	Chính trị quốc gia
DTTS	Dân tộc thiểu số
ĐĐKDT	Đại đoàn kết dân tộc
ĐĐKCDT	Đại đoàn kết các dân tộc
ĐĐKTDT	Đại đoàn kết toàn dân tộc
HTCT	Hệ thống chính trị
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
Nxb	Nhà xuất bản
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1: Mục đích của việc xây dựng khối đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai 101

Biểu đồ 3.2: Đánh giá năng lực và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc hiện nay 127

Biểu đồ 3.3: Đánh giá hạn chế trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai 135

Biểu đồ 4.1: Sự cần thiết của việc xây dựng và ban hành Luật Dân tộc ở Việt Nam nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý cho công tác dân tộc, góp phần xây dựng khối đoàn kết các dân tộc 171

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chủ tịch Hồ Chí Minh được thế giới tôn vinh là Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất. Người đã để lại cho dân tộc Việt Nam một di sản tư tưởng vô cùng to lớn và quý báu, trong đó tư tưởng về xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc (ĐĐKCDT) giữ vị trí đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là một nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc (ĐĐKTDT) nói riêng mà còn là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, xuyên suốt trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Kế thừa truyền thống đoàn kết lâu đời của dân tộc Việt Nam và tinh hoa tư tưởng nhân loại, Hồ Chí Minh đã hình thành hệ thống quan điểm sâu sắc về xây dựng khối đại đoàn kết giữa các dân tộc trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng, gắn bó và giúp nhau cùng phát triển. Người khẳng định: "Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán; Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau" [80, tr.249]. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh, trong mọi giai đoạn lịch sử, khối ĐĐKCDT trong chiến lược ĐĐKTDT luôn là nguồn lực nội sinh to lớn, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên phạm vi cả nước.

Sau 40 năm đổi mới, việc vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT tiếp tục khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, thực chất, hiệu quả. Nhờ phát huy sức mạnh ĐĐKTDT, đất nước đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế và nâng cao vị thế quốc tế. Tuy nhiên, khối ĐĐKCDT nhìn chung vẫn chưa thực sự vững chắc, nhiều nội dung trong các luận điểm của Hồ Chí Minh nhằm xây dựng khối ĐĐKCDT vẫn chưa được quán triệt và thực hiện một cách đầy đủ, nhất là ở các tỉnh có đông đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc vẫn còn nghèo, khoảng cách

chênh lệch về trình độ phát triển của đồng bào các dân tộc thiểu số so với đồng bào đa số ngày càng lớn. Đây là những trở lực cản trở sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Bước vào Kỷ nguyên mới, Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Đại hội XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu phát huy mạnh mẽ sức mạnh ĐĐKTDT, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Trong bối cảnh đó, xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục là nền tảng quan trọng trong việc củng cố niềm tin xã hội, tăng cường sự gắn kết giữa các cộng đồng dân tộc và tạo động lực cho phát triển nhanh, bền vững đất nước cũng như từng địa phương.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội, từ ngày 01/7/2025, tỉnh Lào Cai mới được thành lập trên cơ sở sáp nhập tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái, tạo ra không gian phát triển mới với quy mô kinh tế - xã hội, dân cư và quản trị địa phương rộng lớn, đa dạng hơn. Là tỉnh biên giới có vị trí chiến lược quan trọng ở vùng Tây Bắc, Lào Cai là địa bàn có nhiều dân tộc cùng sinh sống, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm tỷ lệ cao. Mỗi dân tộc có những đặc điểm riêng về lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Sự đa dạng này vừa là tiềm năng, thế mạnh, vừa là thách thức đặt ra yêu cầu cao trong việc củng cố khối ĐĐKCDT, tăng cường đồng thuận xã hội và bảo đảm phát triển bền vững trong điều kiện mới hiện nay.

Trong những năm qua, cả Lào Cai và Yên Bái (trước sáp nhập) đã đạt nhiều kết quả quan trọng trong việc xây dựng khối ĐĐKCDT, góp phần củng cố mối quan hệ gắn bó giữa các cộng đồng dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, phát triển kinh tế và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, quá trình xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai còn bộc lộ một số hạn chế và đang đặt ra những vấn đề cần tiếp tục giải quyết. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò của khối ĐĐKCDT chưa thật sự đầy đủ; việc tổ chức thực hiện xây dựng khối ĐĐKCDT còn thiếu đồng bộ, hiệu quả chưa cao; chênh lệch về trình độ phát triển, thu nhập và mức hưởng

thụ giữa các vùng, giữa khu vực trung tâm với vùng sâu, vùng xa, giữa các cộng đồng dân tộc vẫn còn lớn; công tác giảm nghèo ở một số địa bàn chưa thực sự bền vững, tiềm ẩn nhiều nguy cơ tái nghèo. Dân cư phân bổ trên địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn nên đã ảnh hưởng cho công tác tuyên truyền về công tác dân tộc và công tác bảo tồn văn hóa các dân tộc... Ở một số địa bàn, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị (HTCT) cơ sở trong triển khai, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội đối với vùng đồng bào DTTS vẫn còn những mặt hạn chế. Bên cạnh đó, nhận thức, niềm tin và ý thức tự lực, tự cường vươn lên của đồng bào các DTTS ở tỉnh Lào Cai chưa thực sự đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Trong bối cảnh triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp và thực hiện sáp nhập tỉnh, nếu công việc không được tổ chức và vận hành một cách khoa học, hiệu quả, gần dân, sát dân thì có thể phát sinh tình trạng quan liêu, xa dân, làm giảm khả năng nắm bắt đầy đủ, kịp thời tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, từ đó ảnh hưởng đến niềm tin xã hội và sự đồng thuận giữa các cộng đồng dân tộc. Đặc biệt, sau khi thực hiện sáp nhập tỉnh, bên cạnh những thời cơ và động lực phát triển mới, tỉnh Lào Cai cũng đứng trước nhiều vấn đề đặt ra trong việc củng cố đoàn kết nội bộ, hài hòa lợi ích giữa các vùng, các địa phương, bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức, hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc.

Bên cạnh đó, các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chống phá, kích động tư tưởng ly khai, chia rẽ khối ĐĐKCDT, gây mất ổn định chính trị - xã hội, nhất là tại các địa bàn vùng cao, biên giới, nơi đời sống của một bộ phận đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn. Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện cả về lý luận và thực tiễn đối với vấn đề xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm tăng cường đoàn kết nội bộ, phát huy sức mạnh tổng hợp của các dân tộc và đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của địa phương trong giai đoạn mới.

Xuất phát từ tính cấp thiết và ý nghĩa quan trọng của những vấn đề nêu trên, nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề ***"Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai hiện nay"*** làm đề tài luận án tiến sĩ ngành Hồ Chí Minh học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT; trên cơ sở đó phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất phương hướng, giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, qua đó nhận xét, đánh giá và xác định những khoảng trống mà luận án cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu.

- Làm rõ một số khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài luận án.

- Luận giải, phân tích, làm rõ những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT.

- Khảo sát và đánh giá thực trạng xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai từ năm 2015 đến nay, có phân định giai đoạn trước và sau sáp nhập tỉnh; chỉ ra thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai.

- Dự báo những nhân tố tác động đến việc xây dựng khối ĐĐKCDT, đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung:* Luận án tập trung nghiên cứu những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT bao gồm: mục đích, nội dung (chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh), lực lượng, nguyên tắc, biện pháp xây dựng khối ĐĐKCDT.

Phân tích thực trạng xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai. Dự báo những nhân tố tác động đến việc xây dựng khối ĐĐKCDT; đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

- *Về không gian:* Luận án nghiên cứu sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT trên địa bàn tỉnh Lào Cai hiện nay; trong đó, giai đoạn từ năm 2015 đến ngày 30/6/2025 khảo sát trên địa bàn hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái trước sáp nhập; từ ngày 01/7/2025 đến nay nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Lào Cai sau sáp nhập theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội.

- *Về thời gian:* Luận án khảo sát quá trình xây dựng khối ĐĐKCDT từ năm 2015 đến nay, gồm hai giai đoạn: từ năm 2015 đến ngày 30/6/2025, gắn với hai nhiệm kỳ đại hội đảng bộ của hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái trước sáp nhập (2015 - 2020, 2020 - 2025); từ ngày 01/7/2025 đến nay, gắn với quá trình sáp nhập tỉnh và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Đây là giai đoạn có nhiều chuyển biến quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, công tác dân tộc, tổ chức bộ máy và xây dựng HTCT ở địa phương, tạo cơ sở thực tiễn để luận án đánh giá thực trạng và đề xuất phương hướng, giải pháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng khối ĐĐKCDT.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, luận án vận dụng cách tiếp cận liên ngành của khoa học xã hội và nhân văn, trong đó tiếp cận của

chuyên ngành Hồ Chí Minh học giữ vai trò chủ đạo. Trong quá trình nghiên cứu, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- *Phương pháp logic và lịch sử:* Đây là phương pháp cơ bản của luận án, được sử dụng nhằm phân tích, luận giải và hệ thống hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT trong sự vận động và phát triển gắn với bối cảnh lịch sử cụ thể của cách mạng Việt Nam. Đồng thời, phương pháp này còn được sử dụng để nghiên cứu quá trình xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai qua các giai đoạn, làm rõ sự kế thừa, vận dụng và phát triển trong điều kiện hiện nay. Phương pháp này được sử dụng trong luận án ở chương 2 và chương 3.

- *Phương pháp văn bản học:* Phương pháp này được sử dụng nhằm nghiên cứu, khai thác và phân tích các tác phẩm, bài viết, bài nói của Hồ Chí Minh; văn kiện của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến vấn đề dân tộc và xây dựng khối ĐĐKCDT. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu ở Chương 1 và Chương 2 của luận án.

- *Phương pháp quy nạp và diễn dịch:* Phương pháp này được sử dụng để khái quát các kết quả nghiên cứu từ những vấn đề cụ thể thành các nhận định, kết luận có tính tổng quát; đồng thời từ các quan điểm, nguyên lý chung phân tích, luận giải và làm sáng tỏ những nội dung cụ thể của luận án. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu ở Chương 2, Chương 3 và Chương 4 của luận án.

- *Phương pháp phân tích và tổng hợp:* Tác giả sử dụng để thu thập, khai thác phân tích và hệ thống hóa các nguồn tài liệu liên quan đến luận án như tác phẩm của Hồ Chí Minh, văn kiện của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các công trình khoa học và báo cáo thực tiễn của địa phương. Trên cơ sở đó, luận án kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có, xác định khoảng trống nghiên cứu, đồng thời làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phù hợp. Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt trong toàn bộ luận án.

- *Phương pháp thống kê và so sánh:* Phương pháp này được sử dụng nhằm xử lý, đối chiếu và phân tích các số liệu, thông tin từ báo cáo thực tiễn, kết quả điều tra xã hội học và các nguồn tư liệu liên quan; qua đó làm rõ thực trạng xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay, đồng thời chỉ ra những đặc

điểm, sự khác biệt giữa các địa bàn, nhóm đối tượng và các giai đoạn, được sử dụng chủ yếu trong Chương 1 và Chương 3 của luận án.

- *Phương pháp dự báo:* Phương pháp này được sử dụng để nhận diện, phân tích và dự báo những yếu tố tác động đến quá trình xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai trong thời gian tới, làm cơ sở đề xuất phương hướng và giải pháp phù hợp. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu ở Chương 4 của luận án.

- *Phương pháp thu thập thông tin:*

+ Phương pháp điều tra xã hội học bằng bảng hỏi:

Luận án sử dụng phương pháp điều tra xã hội học bằng bảng hỏi nhằm thu thập dữ liệu định lượng phục vụ phân tích, đánh giá thực trạng xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai hiện nay. Tác giả tiến hành khảo sát 650 phiếu đối với hai nhóm đối tượng, gồm: cán bộ, công chức, viên chức (350 phiếu); đồng bào các dân tộc và người có uy tín (300 phiếu) tại một số địa bàn đại diện cho vùng cao, vùng thấp, vùng biên giới và khu vực đô thị của tỉnh Lào Cai.

Sau khi thu thập, dữ liệu được mã hóa, nhập liệu và xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 22.0; sử dụng thống kê mô tả để tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu trong Chương 3 và Chương 4.

+ Phương pháp phỏng vấn sâu:

Bên cạnh điều tra bằng bảng hỏi, luận án sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu nhằm thu thập dữ liệu định tính, làm rõ thêm nhận thức, kinh nghiệm thực tiễn, những yếu tố tác động và các vấn đề đặt ra trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai.

Phỏng vấn sâu được thực hiện với 14 người, tương ứng 14 cuộc phỏng vấn, thuộc hai nhóm đối tượng: 07 cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ làm công tác dân tộc và chuyên gia; 07 đồng bào các dân tộc và người có uy tín. Các đối tượng được lựa chọn có chủ đích, bảo đảm phù hợp với nội dung và địa bàn nghiên cứu.

Thông tin thu được từ phỏng vấn sâu được tổng hợp, phân loại và mã hóa theo các chủ đề nghiên cứu, sử dụng để bổ trợ, đối chiếu và giải thích kết quả

điều tra định lượng, qua đó góp phần nâng cao độ tin cậy và chiều sâu của các nhận định, đánh giá trong luận án.

- *Phương pháp nghiên cứu thực tiễn*

Tác giả trực tiếp khảo sát, tiếp xúc và làm việc tại địa bàn nghiên cứu nhằm quan sát, kiểm chứng và bổ sung thông tin phục vụ luận án. Đồng thời, luận án kết hợp nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn ở địa phương để đề xuất phương hướng và giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

5. Những đóng góp mới của luận án

Một là, luận án hệ thống hóa và luận giải những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT dưới góc độ tộc người, theo cách tiếp cận của chuyên ngành Hồ Chí Minh học.

Hai là, trên cơ sở khảo sát thực tiễn tại tỉnh Lào Cai, luận án phân tích và đánh giá thực trạng xây dựng khối ĐĐKCDT từ năm 2015 đến nay; chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề mới đặt ra trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và sáp nhập tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái từ tháng 7/2025.

Ba là, luận án dự báo những nhân tố tác động đến việc xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai trong bối cảnh phát triển mới của đất nước và địa phương; đề xuất phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai, góp phần củng cố đồng thuận xã hội, tăng cường đoàn kết nội bộ, phát huy vai trò chủ thể của đồng bào các dân tộc và sức mạnh tổng hợp của toàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm rõ hơn nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT dưới góc độ tộc người; đồng thời luận án bổ sung thêm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu và

vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT trong điều kiện hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể cung cấp luận cứ khoa học cho cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Lào Cai trong quá trình triển khai và nâng cao hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT sau sáp nhập; đồng thời có thể tham khảo đối với các địa phương khác có điều kiện tương đồng.

Luận án có thể sử dụng trong nghiên cứu, giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT, xây dựng khối ĐĐKCDT và công tác dân tộc trong hệ thống các học viện, các trường đại học, cao đẳng; các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các trung tâm chính trị cấp xã trên địa bàn tỉnh.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục công trình đã công bố của tác giả liên quan đến luận án, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục; nội dung của luận án gồm có 04 chương và 10 tiết.

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1.1. Những nghiên cứu về đại đoàn kết toàn dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Việt Nam

Trong những năm gần đây, có nhiều công trình khoa học nghiên cứu, khảo sát thực trạng về ĐĐKTDT và xây dựng khối ĐĐKCDT ở Việt Nam ở các góc độ chính trị, xã hội, văn hóa và quản lý nhà nước khác nhau, tiêu biểu:

Bài viết "*Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc" của tác giả Trương Mỹ Hoa"* (2003) [54] khẳng định bình đẳng, đoàn kết và tương trợ giữa các dân tộc là nguyên tắc xuyên suốt trong thực hiện CSDT. Tác giả nhấn mạnh yêu cầu nâng cao nhận thức về chủ trương, CSDT; phát huy vai trò của công tác tuyên truyền, vận động và sự tham gia của các cấp, các ngành, địa phương trong củng cố khối đoàn kết giữa các dân tộc. Bài viết là tài liệu tham khảo có giá trị trong nghiên cứu vai trò của nhận thức, tuyên truyền và thực hiện CSDT đối với xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cuốn sách "*Xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên"* của tác giả Trương Minh Dục (2008) [20] đã làm rõ thực trạng xây dựng và củng cố khối ĐĐKDT khu vực ở Tây Nguyên *(kết quả, hạn chế và nguyên nhân)*, làm rõ vai trò của các chủ thể tham gia xây dựng khối đoàn kết dân tộc, những yếu tố tác động. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và đấu tranh với các âm mưu chia rẽ khối ĐĐKDT. Công trình là tài liệu tham khảo cho luận án trong nghiên cứu các giải pháp xây dựng khối ĐĐKCDT ở các tỉnh miền núi, biên giới hiện nay.

Cuốn sách "*Bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay"* của tác giả Hoàng Chí Bảo

(2009) [10] phân tích mối quan hệ giữa bình đẳng dân tộc, hợp tác giữa các tộc người với phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc và các vùng có đông đồng bào DTTS sinh sống. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp bảo đảm bình đẳng, tăng cường hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau giữa các dân tộc nhằm củng cố khối ĐĐKCDT và thúc đẩy phát triển bền vững. Công trình góp phần làm rõ cơ sở lý luận về bình đẳng, hợp tác giữa các dân tộc và mối quan hệ giữa thực hiện CSDT với củng cố khối ĐĐKCDT trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Cuốn sách "*Phát triển nguồn cán bộ dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay"* của tác giả Lô Quốc Toản (2010) [155] đã phân tích cơ sở lý luận về công tác cán bộ theo chủ nghĩa Mác - Lênin, đánh giá thực trạng nguồn cán bộ là người DTTS ở các tỉnh miền núi phía Bắc, đồng thời chỉ ra những khó khăn, hạn chế và đề xuất các giải pháp phát triển đội ngũ cán bộ DTTS đáp ứng yêu cầu phát triển của khu vực. Kết quả nghiên cứu làm rõ vị trí, vai trò của đội ngũ cán bộ người DTTS trong HTCT và trong thực hiện công tác dân tộc ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

Cuốn sách "*Nhận thức, thái độ, hành vi của cộng đồng các dân tộc thiểu số đối với chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay thực trạng và giải pháp"* của nhóm tác giả Nguyễn Đình Tấn, Trần Thị Bích Hằng (2010) [117] đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về CSDT, đồng thời khảo sát thực trạng nhận thức, thái độ, hành vi của cộng đồng các DTTS đối với CSDT của Đảng và Nhà nước. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện các CSDT của cộng đồng các DTTS tạo động lực trực tiếp thúc đẩy bình đẳng giữa các dân tộc nói chung, phát huy vai trò của cộng đồng các DTTS nói riêng; củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước. Công trình làm rõ mối quan hệ giữa nhận thức, thái độ, hành vi của đồng bào DTTS với hiệu quả thực hiện CSDT, qua đó cho thấy vai trò của chính sách đối với củng cố niềm tin và tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc.

Đề tài khoa học "*Quan hệ tộc người và chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong phát triển bền vững Tây Nguyên"* của tác giả Phạm

Công Hoan (2015) (Đề tài thuộc Chương trình khoa học công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015 "Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên") [57] đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về tộc người, quan hệ tộc người và xây dựng khối ĐĐKDT gắn với phát triển bền vững ở khu vực Tây Nguyên. Công trình phân tích vai trò của thiết chế truyền thống, HTCT cơ sở và CSDT trong củng cố khối ĐĐKDT; đồng thời đề xuất một số giải pháp quản lý quan hệ tộc người gắn với phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Những phân tích của công trình gợi mở cho luận án trong nghiên cứu đặc điểm quan hệ tộc người và xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay, mặc dù điều kiện lịch sử, văn hóa và cơ cấu dân cư giữa Tây Nguyên và Tây Bắc có nhiều điểm khác biệt.

Cuốn sách "*Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Gia Lai (2001-2015)"* của tác giả Trần Tăng Khởi (2015) [65] được kết cấu 4 chương, trình bày nhận thức chung của tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta về ĐĐKDT và xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Gia Lai, nơi có đông đồng bào DTTS. Tác giả sâu phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Gia Lai và quá trình xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Gia Lai (2001 - 2015). Tác giả phân tích các nhân tố tác động, đánh giá thực trạng (kết quả, hạn chế) xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Gia Lai giai đoạn 2001 - 2015; đồng thời đề xuất nhiều giải pháp nhằm tăng cường xây dựng khối ĐĐKCDT gắn với phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh và đấu tranh với các âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đoàn kết dân tộc ở tỉnh Gia Lai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Công trình giúp nghiên cứu sinh có thêm cách tiếp cận trong nghiên cứu thực trạng, nguyên nhân và giải pháp xây dựng khối ĐĐKCDT ở các tỉnh miền núi, đa dân tộc hiện nay.

Cuốn sách *"Quá trình thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long (1991-2006), kết quả và kinh nghiệm"* của tác giả Phạm Văn Búa (2016) [12] đã phân tích quá trình thực hiện chiến lược ĐĐKDT ở đồng bằng sông Cửu Long; làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế và bài học kinh

nghiệm trong phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT gắn với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh. Tác giả nhấn mạnh việc thực hiện chiến lược ĐĐKDT phải "bám sát đặc điểm địa phương vùng, miền" và "được triển khai đồng bộ trong tổng thể các chính sách phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, có kiểm tra, đôn đốc, tổng kết quá trình" [12, tr.203]. Những bài học về công tác dân vận, phát huy dân chủ, củng cố HTCT cơ sở và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng là những gợi mở có giá trị đối với luận án trong nghiên cứu xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay.

Cuốn sách "*Đoàn kết dân tộc ở Việt Nam"* của tác giả Nguyễn Đình Minh (2016) [92] đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về đoàn kết dân tộc ở Việt Nam trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tác giả phân tích đặc điểm dân tộc, tôn giáo, văn hóa ở Việt Nam; đồng thời nhấn mạnh đoàn kết dân tộc là nguồn lực quan trọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công trình phân tích nội dung cơ bản chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước, đánh giá những thành tựu đạt được qua các giai đoạn cách mạng và thời kỳ đổi mới, đồng thời chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân; đồng thời cũng chỉ ra những nguy cơ, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc nhằm chia rẽ khối đoàn kết dân tộc. Những nội dung nghiên cứu của công trình gợi mở cho luận án trong phân tích nội dung của đoàn kết dân tộc đối với giữ vững ổn định chính trị - xã hội và phát triển bền vững ở tỉnh Lào Cai hiện nay.

Bài viết *"Đại đoàn kết các dân tộc - Một bảo đảm cho việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam"* của tác giả Bùi Thị Ngọc Lan (2016) [68] đã làm rõ mối quan hệ giữa ĐĐKCDT với việc bảo đảm thực hiện quyền con người ở Việt Nam, khẳng định ĐĐKCDT là điều kiện quan trọng để bảo đảm quyền bình đẳng, quyền phát triển và nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc. Tác giả phân tích những kết quả đạt được, đồng thời chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền con người ở vùng đồng bào DTTS, nhất là sự chênh lệch về trình độ phát triển, điều kiện sống và mức hưởng thụ giữa các vùng, các dân tộc. Trên cơ sở đó, bài viết nhấn mạnh yêu cầu thực hiện hiệu quả CSDT, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tăng cường sự gắn bó, đoàn kết giữa các cộng đồng dân tộc. Công trình gợi mở cho luận án cách tiếp cận xây dựng khối

ĐĐKCDT gắn với bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng và tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc cùng phát triển ở tỉnh Lào Cai hiện nay.

Cuốn sách "*Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay"* của Hoàng Thị Hương (2018) [61] đã phân tích mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào DTTS ở miền núi phía Bắc; đồng thời đánh giá những tác động của phát triển kinh tế đến đời sống văn hóa và đề xuất các giải pháp hài hòa giữa phát triển kinh tế với gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Qua đó, công trình làm rõ sự gắn kết giữa phát triển kinh tế với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa, hai phương diện có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển và gắn bó giữa các cộng đồng dân tộc ở miền núi phía Bắc.

Bài viết *"Tăng cường công tác vận động đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên - Nội dung cốt lõi để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc"* của tác giả Nguyễn Mạnh Quang (2018) [102] khẳng định vai trò cốt lõi của công tác vận động đồng bào các dân tộc có vai trò quan trọng trong xây dựng khối ĐĐKDT ở vùng Tây Nguyên. Tác giả nhấn mạnh yêu cầu lấy dân làm trung tâm, gắn công tác vận động quần chúng với giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, thực hiện dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của già làng, trưởng buôn, chức sắc tôn giáo, người có uy tín và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong xây dựng khối ĐĐKDT. Những luận điểm về đổi mới công tác vận động quần chúng, phát huy vai trò người có uy tín và gắn công tác dân vận với chăm lo đời sống đồng bào các dân tộc là những gợi mở có ý nghĩa đối với luận án trong nghiên cứu xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay.

Bài viết *"Vấn đề đoàn kết các dân tộc thiểu số trong khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam hiện nay"* của tác giả Nguyễn Văn Du, Trịnh Thị Hoa (2019) [19, tr.19-26] đã phân tích quan điểm của Đảng và Nhà nước về bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu gắn phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo và bảo tồn bản sắc văn hóa với củng cố khối ĐĐKCDT. Bài viết cũng chỉ ra âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc của các thế lực thù địch nhằm chia rẽ khối đoàn kết dân tộc ở vùng đồng bào DTTS. Với cách

tiếp cận đó, bài viết gợi mở cho nghiên cứu sinh trong nghiên cứu xây dựng khối ĐĐKCDT gắn với giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở tỉnh Lào Cai hiện nay.

Đề tài khoa học "*Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc Lai Châu, thực tiễn sau 15 năm chia tách, thành lập (2004 - 2019)"* (Đề tài Ban Dân vận Tỉnh ủy Lai Châu) do Chu Lê Chinh làm Chủ nhiệm (2019) [15] đã làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, ĐĐKCDT; quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước và Đảng bộ tỉnh Lai Châu về xây dựng khối ĐĐKCDT. Trên cơ sở phân tích điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đặc điểm dân tộc - dân cư, đề tài đánh giá thực trạng, kết quả đạt được trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở Lai Châu sau 15 năm chia tách, thành lập tỉnh, nhất là trong công tác tuyên truyền, phát triển kinh tế, thực hiện CSDT, bảo đảm quốc phòng - an ninh và đấu tranh chống các âm mưu chia rẽ. Từ đó, đề tài đề xuất hệ thống nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục củng cố và tăng cường khối ĐĐKCDT gắn với phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, công tác dân vận, quản lý tín ngưỡng, tôn giáo và giữ vững ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh. Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần làm rõ thực tiễn xây dựng khối ĐĐKCDT ở một tỉnh miền núi, biên giới, đa dân tộc, nhất là trên các phương diện phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện CSDT, công tác dân vận và bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Cuốn sách *"Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc và vấn đề quyền con người trong Hiến pháp năm 2013"* của tác giả Đào Đình Hiếu (2020) [52] đã phân tích sâu làm rõ nguồn gốc, nền tảng của tư tưởng ĐĐKDT trong Hiến pháp năm 2013; đồng thời, khẳng định ĐĐKTDT là động lực, nguồn sức mạnh to lớn để xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Tác giả nhấn mạnh, những quy định của Hiến pháp năm 2013 cho thấy sự thay đổi quan trọng trong nhận thức về ý nghĩa, vai trò của quyền con người, quyền công dân thể hiện nhất quán, bảo đảm trên thực tế xây dựng khối ĐĐKTDT ngày càng bền chặt, gắn kết để thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong giai đoạn hiện nay. Cách tiếp cận của công trình giúp nghiên cứu sinh có thêm góc nhìn trong nghiên cứu mối quan hệ giữa xây dựng khối ĐĐKCDT với bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của đồng bào các dân tộc ở tỉnh Lào Cai hiện nay.

Bài viết *"Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn tỉnh Lai Châu - kết quả và một số kinh nghiệm"* của tác giả Giàng Páo Mỷ (2020) [94, tr.74-77] phân tích những kết quả nổi bật trong việc xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lai Châu, nơi có 20 dân tộc cùng sinh sống. Tác giả khẳng định, những kết quả đạt được là do Đảng bộ tỉnh "luôn thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh và quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng về ĐĐKDT, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào, giảm nghèo bền vững và giữ vững quốc phòng, an ninh, nhất là ở khu vực biên giới" [94, tr.76]. Từ thực tiễn địa phương, bài viết rút ra một số kinh nghiệm trong xây dựng và củng cố khối ĐĐKCDT, có ý nghĩa tham khảo đối với luận án trong nghiên cứu thực tiễn xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai.

Cuốn sách "*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước" (Tập 1)* của tác giả Lê Hồng Anh (2021) [1] đã tập hợp các bài phát biểu của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước về việc phát huy dân chủ XHCN và sức mạnh ĐĐKTDT; đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng. Công trình đã đề cập đến nhiều vấn đề quan trọng, từ việc yêu cầu các bộ, ngành, địa phương, các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Những quan điểm này giúp nghiên cứu sinh có cơ sở để phân tích vai trò của HTCT, công tác tư tưởng và phát huy sức mạnh Nhân dân trong củng cố khối ĐĐKCDT hiện nay.

Cuốn sách *"Đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc với việc giữ vững chủ quyền an ninh quốc gia"* của tác giả Phạm Thị Hoàng Hà (2021) [41] đã tập hợp các bài viết, bài phát biểu của lãnh đạo Đảng và Nhà nước về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa (XHCN), sức mạnh ĐĐKTDT và xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Tác giả phân tích một cách hệ thống những đặc điểm về lịch sử, văn hóa, xã hội và chính trị của các tộc người, qua đó làm rõ mối quan hệ mật thiết giữa đoàn kết dân tộc và ổn định biên cương. Cuốn sách

cũng chỉ ra những thuận lợi, khó khăn trong quá trình phát huy sức mạnh ĐĐKCDT, đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm củng cố niềm tin, nâng cao nhận thức và phát huy vai trò chủ thể của đồng bào trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển vùng biên giới bền vững. Giá trị nổi bật của công trình là tiếp cận vấn đề đoàn kết dân tộc từ đặc thù của vùng biên giới Tây Bắc, qua đó làm nổi bật vị trí của đồng bào DTTS trong bảo đảm ổn định và phát triển bền vững địa bàn chiến lược này.

Bài viết *"Phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc, tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả công tác dân tộc tại tỉnh Hòa Bình"* của tác giả Bùi Văn Khánh (2021) [63] đã khái quát những kết quả nổi bật trong thực hiện công tác dân tộc ở tỉnh Hòa Bình, với tỷ lệ đồng bào DTTS chiếm 74,31%, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, về giáo dục và đào tạo, về y tế, về văn hóa, thể thao, du lịch, về kết quả giảm nghèo… đối với đồng bào DTTS và miền núi. Trên cơ sở đánh giá thực tiễn địa phương, tác giả rút ra một số bài học kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác dân tộc, phát huy sức mạnh ĐĐKCDT. Kết quả nghiên cứu của tác giả góp phần đề xuất các giải pháp thực hiện hiệu quả CSDT trong củng cố khối ĐĐKCDT và nâng cao đời sống đồng bào DTTS hiện nay.

Bài viết "*Đại đoàn kết dân tộc - Nguồn sức mạnh, nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam"* của tác giả Nguyễn Văn Hùng (2021) [59] đã khẳng định ĐĐKDT là nguồn sức mạnh và nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Tác giả nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục phát huy sức mạnh ĐĐKTDT, ý chí, nghị lực và sức sáng tạo của con người Việt Nam nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Những luận điểm của bài viết góp phần làm rõ hơn vai trò chiến lược của ĐĐKCDT trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Cuốn sách "*Đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn"* của tác giả Trần Hậu (2022) [51] đã phân tích một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dân tộc, ĐĐKDT, tư tưởng Hồ Chí Minh về

ĐĐKDT và vai trò của MTTQ Việt Nam trong công cuộc đổi mới đất nước. Tác giả cũng đánh giá thực trạng hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất qua các thời kỳ lịch sử và rút ra những bài học kinh nghiệm trong phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT. Công trình góp phần bổ sung những luận cứ lý luận và thực tiễn về cơ chế tập hợp, tổ chức và phát huy sức mạnh của các lực lượng trong khối đại đoàn kết dân tộc.

Cuốn sách *"Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới"* của tác giả Nguyễn Hữu Dũng, Lê Mậu Nhiệm (Đồng chủ biên) (2022) [25] đã làm rõ cơ sở lý luận, nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong xây dựng và củng cố khối ĐĐKTDT. Công trình nhấn mạnh vai trò của MTTQ Việt Nam trong tập hợp, phát huy sức mạnh Nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; đồng thời đề xuất các giải pháp đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tăng cường giám sát, phản biện xã hội và đối thoại với Nhân dân. Giá trị của công trình là làm rõ những yêu cầu đổi mới hoạt động của MTTQ Việt Nam trong điều kiện mới, nhất là phát huy dân chủ, giám sát, phản biện xã hội và tăng cường mối quan hệ giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước.

Cuốn sách *"Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc"* của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (2023) [159] thể hiện tư duy nhất quán và tầm nhìn chiến lược của Đảng về ĐĐKTDT - một đường lối cơ bản, lâu dài và nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Tác phẩm khẳng định ĐĐKTDT là nguồn sức mạnh nội sinh to lớn, nền tảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong mọi thời kỳ. Trên cơ sở kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh và tổng kết thực tiễn, cuốn sách làm rõ vai trò, nội dung, phương thức phát huy khối đại đoàn kết trong điều kiện mới, nhấn mạnh vai trò nòng cốt của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, đồng thời đề cao trách nhiệm và khát vọng cống hiến của mỗi người dân trong sự nghiệp phát triển đất nước.

Cuốn sách "*Giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy truyền thống yêu nước, vai trò nòng cốt chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, quyết*

tâm xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc" của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (2024) [160] đã khái quát quá trình phát triển tư duy lý luận và sự lãnh đạo của Đảng cũng như kết quả nổi bật về đại đoàn kết và xây dựng, phát huy sức mạnh của khối ĐĐKTDT trong thời gian tới. Trên cơ sở phân tích bối cảnh mới và những vấn đề đặt ra, cố Tổng Bí thư nêu rõ những nhiệm vụ, giải pháp nhằm phát huy truyền thống yêu nước và sức mạnh của khối ĐĐKTDT trong thời gian tới như giữ vững vai trò tiên phong, hạt nhân lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, HTCT trong xây dựng và phát huy sức mạnh khối ĐĐKTDT thời kỳ mới; phát huy dân chủ XHCN, lấy con người làm trung tâm, chủ thể, nguồn lực, động lực chủ yếu, là mục tiêu của ĐĐKTDT trong tổ chức và hoạt động của MTTQ Việt Nam.

Cuốn sách *"Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở vùng Tây Bắc (2001 - 2021)"* của tác giả Phạm Minh Thế (2024) [121] đã nghiên cứu một cách hệ thống quá trình thực hiện chính sách dân tộc ở vùng Tây Bắc trong giai đoạn 2001 - 2021. Tác giả phân tích cơ sở lý luận, đặc điểm tự nhiên - xã hội của vùng Tây Bắc; đồng thời đánh giá kết quả, hạn chế và những vấn đề đặt ra trong quá trình triển khai CSDT qua từng giai đoạn. Công trình khẳng định vai trò của Đảng, Nhà nước và Nhân dân trong thực hiện CSDT; nhấn mạnh tác động của CSDT đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và củng cố khối ĐĐKCDT ở vùng Tây Bắc. Những phân tích và luận giải của tác giả không chỉ có giá trị lý luận mà còn là cơ sở quan trọng để vận dụng vào thực tiễn xây dựng khối ĐĐKDT ở tỉnh Lào Cai.

Bài viết "*Phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc"* của tác giả Mạch Quang Thắng (2024) [120] khẳng định ĐĐKTDT là nội dung quan trọng, xuyên suốt trong đường lối của Đảng và là nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Tác giả đã phân tích sâu sắc các quan điểm, mục tiêu và giải pháp trong Nghị quyết số 43-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết trong bối cảnh hiện nay; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả phù hợp với từng địa

phương, vùng miền và các tầng lớp Nhân dân. Điểm nổi bật của bài viết là đặt vấn đề phát huy sức mạnh ĐĐKTDT trong yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, qua đó làm rõ những yêu cầu mới đối với xây dựng khối đại đoàn kết trong giai đoạn hiện nay.

Bài viết "*Sức mạnh của đoàn kết"* của Tổng Bí thư Tô Lâm (2025) [67] khẳng định ĐĐKTDT là giá trị cốt lõi, nguồn sức mạnh to lớn và là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh và tổng kết thực tiễn lịch sử dân tộc, tác giả nhấn mạnh đoàn kết là "sợi chỉ đỏ" xuyên suốt trong đường lối lãnh đạo của Đảng, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động trong toàn HTCT. Đặc biệt, bài viết làm rõ yêu cầu tăng cường đoàn kết, đồng thuận xã hội trong bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp hiện nay. Bài viết cho thấy yêu cầu xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết trong giai đoạn hiện nay phải gắn với việc tạo lập sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động, củng cố đồng thuận xã hội trong điều kiện phát triển mới của đất nước.

Bài viết "*Đại đoàn kết toàn dân tộc - cội nguồn của ý chí, niềm tin, sức mạnh để xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới"* của tác giả Đỗ Văn Chiến (2025) [14] khẳng định ĐĐKTDT là đường lối chiến lược, nguồn sức mạnh quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh và thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc, tác giả nhấn mạnh vai trò của Đảng, Nhà nước, MTTQ Việt Nam và Nhân dân trong phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc. Bài viết cũng làm rõ yêu cầu chăm lo đời sống đồng bào, nhất là vùng DTTS; phát huy dân chủ, tăng cường giám sát, phản biện xã hội và đổi mới phương thức hoạt động của MTTQ Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Bài viết nhấn mạnh sự gắn kết giữa chăm lo đời sống Nhân dân, phát huy dân chủ, củng cố đồng thuận xã hội và phát huy sức mạnh Nhân dân trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở thời kỳ phát triển mới của đất nước.

Các công trình nghiên cứu trên đã tiếp cận vấn đề ĐĐKDT và xây dựng khối ĐĐKCDT từ nhiều góc độ khác nhau, góp phần làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và những yếu tố tác động đến xây dựng khối ĐĐKCDT trong giai đoạn hiện nay. Các công trình không chỉ cung cấp những luận cứ khoa học có giá trị mà còn làm rõ vai trò của HTCT, CSDT, công tác dân vận, phát triển kinh tế - xã hội và phát huy vai trò của đồng bào DTTS trong củng cố khối ĐĐKDT. Trên cơ sở đó, luận án sẽ làm rõ các vấn đề đặt ra tại tỉnh Lào Cai, từ đó đề xuất những định hướng và giải pháp phù hợp nhằm củng cố, phát huy sức mạnh khối ĐĐKCDT, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong tình hình mới.

1.1.2. Những nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Tư tưởng Hồ Chí Minh ĐĐKTDT và xây dựng khối ĐĐKCDT là nội dung quan trọng, luôn được Đảng, Nhà nước và các nhà khoa học nghiên cứu một cách hệ thống. Tùy theo mục tiêu nghiên cứu, các tác giả đã khai thác vấn đề này ở nhiều góc độ khác nhau thông qua các cuốn sách chuyên khảo, đề tài khoa học và bài báo chuyên ngành. Các công trình này đã góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng khối ĐĐKCDT. Tiêu biểu có một số công trình sau:

Cuốn sách *"Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết và mặt trận đoàn kết dân tộc"* của tác giả Nguyễn Bích Hạnh, Nguyễn Văn Khoan (2001) [48] là công trình nghiên cứu chuyên sâu về cơ sở hình thành, nội dung và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT. Tác giả phân tích vai trò của MTTQ Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử như sự thể hiện rõ tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh; đồng thời khẳng định đại đoàn kết là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Công trình cung cấp cơ sở lý luận quan trọng giúp luận án nghiên cứu một cách hệ thống các nguyên tắc cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng vào việc phân tích thực tiễn xây dựng khối ĐĐKCDT hiện nay.

Cuốn sách *"Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh"* của tác giả Lê Mậu Hãn (2001) [44] đã làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về sức mạnh ĐĐKDT như một động lực và nhân tố quyết định thắng

lợi của cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa chủ nghĩa yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc và tư tưởng đại đoàn kết, tác giả khẳng định "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" là ngọn cờ quy tụ sức mạnh toàn dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng và xây dựng đất nước. Công trình góp phần giúp nghiên cứu sinh nhận thức sâu sắc hơn vai trò của mục tiêu, lợi ích chung dân tộc trong củng cố khối ĐĐKCDT hiện nay.

Cuốn sách "*Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết các dân tộc"* của tác giả Lê Ngọc Thắng (2005) [119] đã làm rõ cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết các dân tộc trên nền tảng truyền thống yêu nước, tinh thần cố kết cộng đồng và nhận thức sâu sắc của Người về vấn đề dân tộc ở Việt Nam. Tác giả khẳng định đoàn kết các dân tộc là nội dung có ý nghĩa chiến lược trong tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời nhấn mạnh các nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc. Công trình cũng phân tích khá sâu vai trò của đồng bào DTTS trong sự nghiệp cách mạng, mối quan hệ giữa đoàn kết dân tộc với giữ vững ổn định chính trị - xã hội, phát triển kinh tế và bảo vệ Tổ quốc. Với cách tiếp cận hệ thống và lập luận chặt chẽ, công trình giúp nghiên cứu sinh có cơ sở lý luận trong nghiên cứu xây dựng khối ĐĐKCDT dưới góc độ tộc người và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn các tỉnh miền núi, đa dân tộc hiện nay.

Bài viết *"Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết đồng bào các dân tộc thiểu số"* của tác giả Văn Thị Thanh Mai (2009) [74] đã làm rõ những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết đồng bào các dân tộc thiểu số, khẳng định bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển là nguyên tắc xuyên suốt trong giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam. Đồng thời, tác giả nhấn mạnh vai trò của khối ĐĐKCDT trong củng cố niềm tin của đồng bào các DTTS đối với Đảng và Nhà nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bài viết là tài liệu tham khảo có giá trị để luận án kế thừa trong nghiên cứu các nguyên tắc xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển.

Bài viết *"Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc Tây Nam Bộ trong thời kỳ mới, hội nhập"* của Sơn Song Sơn (2009) [116] phân tích những

đặc điểm của cộng đồng các dân tộc ở Tây Nam Bộ, đồng thời đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp phát huy sức mạnh khối ĐĐKCDT trong điều kiện hội nhập. Tác giả nhấn mạnh vai trò của công tác tuyên truyền, thực hiện hiệu quả CSDT, chính sách tôn giáo, giảm nghèo, nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực và phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào các dân tộc; đồng thời kiên quyết đấu tranh với các âm mưu chia rẽ khối ĐĐKCDT. Đây là tài liệu tham khảo có giá trị để luận án nghiên cứu các giải pháp xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt trong phát huy vai trò của người có uy tín, thực hiện CSDT và tăng cường sự đồng thuận xã hội ở tỉnh Lào Cai.

Cuốn sách "*Bí quyết thành công Hồ Chí Minh"* của tác giả Phùng Hữu Phú (2010) [101] là công trình nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Nhân dân, ĐĐKTDT và xây dựng Đảng cầm quyền. Tác giả khẳng định chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh là hệ thống những luận điểm, nguyên tắc, phương pháp và biện pháp nhằm tập hợp, phát huy cao nhất sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Công trình nhấn mạnh đại đoàn kết là "bí quyết thành công" của cách mạng Việt Nam và là nền tảng để giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và trong toàn xã hội. Những phân tích của tác giả giúp nghiên cứu sinh có cơ sở trong nghiên cứu nguyên tắc và phương pháp xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay.

Bài viết "*Xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc"* của tác giả Phạm Thị Hằng (2012) [45] đã làm rõ mục tiêu, lực lượng và phương pháp xây dựng khối ĐĐKTDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Tác giả khẳng định mục tiêu của đại đoàn kết là phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng CNXH và đấu tranh chống các âm mưu chia rẽ khối đoàn kết dân tộc. Công trình đặc biệt nhấn mạnh nghệ thuật vận động, tập hợp và phát huy mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Cách tiếp cận của công trình gợi mở việc xem xét xây dựng khối ĐĐKCDT như một quá trình tập hợp, vận động và phát huy sức mạnh của đồng bào các dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Cuốn sách "*Hồ Chí Minh về đại đoàn kết, xây dựng mặt trận và các đoàn thể quần chúng"* của tác giả Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Ngọc, Phạm Ngọc Anh và Nguyễn Văn Hồng (2013) [16] đã khái quát một cách hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT, xây dựng Mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Các tác giả khẳng định đại đoàn kết là tư tưởng xuyên suốt, là "then chốt của thành công" và là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với cách mạng. Công trình đồng thời làm rõ vai trò của Mặt trận Dân tộc thống nhất và các đoàn thể quần chúng trong tập hợp, phát huy sức mạnh Nhân dân và củng cố khối ĐĐKTDT. Qua đó, công trình cho thấy việc củng cố khối đại đoàn kết không thể tách rời cơ chế tập hợp, tổ chức và phát huy quyền làm chủ, sức mạnh của Nhân dân thông qua Mặt trận và các tổ chức quần chúng.

Cuốn sách "*Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc"* của các tác giả Nguyễn Văn Quang, Chế Đình Quang (2016) [103] trình bày có hệ thống quan niệm, nội dung và vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT trong cách mạng Việt Nam. Tác phẩm khẳng định, theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết là chiến lược xuyên suốt, nhân tố quyết định mọi thắng lợi, với toàn dân là lực lượng, lấy liên minh công, nông, trí thức làm nền tảng. Các tác giả làm rõ sự thống nhất giữa mục tiêu dân tộc và mục tiêu giai cấp, giữa lợi ích chung của Tổ quốc và lợi ích chính đáng của Nhân dân, đồng thời nhấn mạnh tư tưởng đoàn kết quốc tế như sự mở rộng tự nhiên của tinh thần đoàn kết dân tộc, nhằm tranh thủ sức mạnh thời đại cho sự nghiệp giải phóng, thống nhất và phát triển đất nước. Công trình khẳng định giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết, không chỉ trong kháng chiến mà còn trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Bài viết *"Tư tưởng Hồ Chí Minh về thêm bạn bớt thù và vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân"* của tác giả Nguyễn Hữu Đổng (2016) [35] tập trung làm rõ nội dung và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh về phương châm "thêm bạn, bớt thù" trong xây dựng khối ĐĐKTDT. Tác giả cho rằng đây là nét đặc sắc thể hiện tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh trong việc tập hợp lực lượng cách mạng, mở rộng khối đoàn kết, quy tụ sức mạnh của toàn dân để thực hiện thắng lợi các mục tiêu của đất nước. Theo tác giả, Hồ Chí Minh luôn xác định rõ ranh

giới giữa "bạn" và "thù", trong đó "kẻ thù" không chỉ là những thế lực xâm lược hay phản động mà còn bao gồm những hành vi, con người làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và Nhân dân, đặc biệt là tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Tác giả nhấn mạnh, việc phòng, chống có hiệu quả các tệ nạn này chính là cách thiết thực để thực hiện tư tưởng "thêm bạn, bớt thù", góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân, tăng cường khối ĐĐKTDT trong giai đoạn hiện nay. Cách tiếp cận này làm nổi bật giá trị của việc mở rộng điểm tương đồng, hạn chế những yếu tố gây chia rẽ và củng cố niềm tin, đồng thuận xã hội trong xây dựng khối ĐĐKCDT hiện nay.

Luận án Tiến sỹ Triết học "*Nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh"* của tác giả Lê Thị Hà (2016) [40] tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết như một chỉnh thể lý luận - thực tiễn thống nhất, trong đó làm nổi bật các nguyên tắc và phương pháp tổ chức, tập hợp lực lượng cách mạng theo hướng toàn diện, rộng rãi nhưng vẫn bảo đảm tính bền chặt. Tác giả khẳng định đại đoàn kết là phương thức phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH. Luận án phân tích sâu sắc các nguyên tắc như lấy lợi ích dân tộc làm điểm tương đồng, đoàn kết trên cơ sở chân thành, tin cậy, tôn trọng lẫn nhau; cùng các phương pháp vận động, tập hợp quần chúng theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là tài liệu tham khảo có giá trị để luận giải các nguyên tắc và phương pháp xây dựng khối ĐĐKCDT trong giai đoạn hiện nay.

Bài viết *"Nguyên tắc giải quyết vấn đề dân tộc của Hồ Chí Minh"* của tác giả Trần Thị Minh Tuyết (2017) [156, tr.30-35] đã tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc từ phương diện nguyên tắc chỉ đạo thực tiễn. Tác giả phân tích và làm rõ ba nguyên tắc cơ bản trong giải quyết vấn đề dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh, gồm: đoàn kết, bình đẳng và tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển. Trên cơ sở đó, bài viết chỉ ra hai phương hướng quan trọng nhằm hiện thực hóa các nguyên tắc này trong thực tiễn: Nhà nước cần có chính sách ưu tiên, chăm lo đối với đồng bào các DTTS trên các lĩnh vực; đồng thời, dân tộc Kinh với tư cách là dân tộc đa số cần nêu cao trách nhiệm giúp đỡ các DTTS anh em cùng tiến bộ. Những luận giải trên có giá trị tham khảo trực tiếp, giúp nghiên

cứu sinh làm rõ hơn nội dung các nguyên tắc xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cuốn sách "*Hồ Chí Minh - nhà tư tưởng thiên tài"* của tác giả Trần Nhâm (2020) (tái bản) [98] đã phân tích sâu sắc những luận điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT, coi đây là chiến lược nhất quán, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam gắn với mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH. Tác giả khẳng định tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh không chỉ phát huy sức mạnh toàn dân tộc mà còn kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo nên nguồn lực to lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và phát triển đất nước. Những luận giải của công trình góp phần giúp nghiên cứu sinh nhận thức sâu sắc hơn giá trị chiến lược và sức sống của tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKCDT trong giai đoạn hiện nay.

Bài viết "*Đồng bào các dân tộc thiểu số Việt Nam trong trái tim Bác Hồ"* của tác giả Quang Vũ (2020) [189] khẳng định tư tưởng và tình cảm sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với đồng bào các DTTS, thể hiện qua tư tưởng nhất quán về bình đẳng, đoàn kết và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào. Tác giả khẳng định tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc và không ngừng nâng cao đời sống đồng bào DTTS là nội dung xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như trong đường lối, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. Bài viết làm nổi bật quan điểm lấy đồng bào các DTTS làm chủ thể của khối đoàn kết, gắn củng cố đoàn kết với bảo đảm bình đẳng và tạo điều kiện để đồng bào cùng phát triển.

Bài viết *"Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc - tiếp cận trên phương diện quan hệ dân tộc - tộc người*" của tác giả Bùi Lệ Quyên (2021) [105] đã tiếp cận vấn đề ĐĐKDT từ góc độ quan hệ giữa các dân tộc - tộc người trong cộng đồng quốc gia, qua đó làm nổi bật chiều sâu tư tưởng và giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc gắn kết các cộng đồng khác biệt về lịch sử, văn hóa và trình độ phát triển vì lợi ích chung của quốc gia - dân tộc. Tác giả nhấn mạnh tư duy về bình đẳng dân tộc là nền tảng quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh và trong hoạch định, thực hiện CSDT của Đảng và Nhà nước. Bài viết đồng thời làm rõ vai trò của liên minh công - nông - trí thức, sự lãnh đạo của

Đảng và Mặt trận dân tộc thống nhất trong xây dựng khối ĐĐKDT. Cách tiếp cận từ quan hệ dân tộc - tộc người của công trình gợi mở hướng xem xét ĐĐKCDT trong mối quan hệ giữa các cộng đồng tộc người cùng sinh sống trong một quốc gia thống nhất.

Cuốn sách *"Bác Hồ tấm gương đại đoàn kết"* của các tác giả của Minh Anh, Nguyễn Vũ, Quang Minh (2022) [2] khẳng định giá trị sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về ĐĐKTDT thông qua những lời dạy, câu chuyện và phong cách ứng xử của Người trong thực tiễn cách mạng. Tác phẩm làm rõ tư tưởng "nói đi đôi với làm", tinh thần nêu gương và nghệ thuật tập hợp, quy tụ mọi tầng lớp Nhân dân để xây dựng khối ĐĐKTDT. Qua đó, công trình góp phần làm sáng tỏ giá trị nhân văn và ý nghĩa thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKTDT trong giáo dục nhận thức, trách nhiệm và phát huy tinh thần đoàn kết trong giai đoạn hiện nay.

Bài viết *"Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay"* của tác giả Lê Văn Lợi (2024) [72, tr.41-45] đã khẳng định ĐĐKTDT là tư tưởng xuyên suốt và chiến lược hàng đầu trong tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời là nguồn sức mạnh quan trọng của cách mạng Việt Nam trong mọi giai đoạn phát triển. Tác giả phân tích yêu cầu tiếp tục vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong bối cảnh toàn cầu hóa, phát triển kinh tế thị trường và những tác động mới đến đời sống xã hội hiện nay. Bài viết nhấn mạnh vai trò của Đảng, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tập hợp, phát huy sức mạnh các giai tầng, dân tộc, tôn giáo; đồng thời củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận xã hội. Công trình đặt ra yêu cầu tiếp tục phát huy sức mạnh ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với những biến đổi của đời sống kinh tế - xã hội và yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Bài viết *"Bác Hồ với đồng bào các dân tộc thiểu số và khối đại đoàn kết các dân tộc"* của tác giả Nguyễn Danh Tiên (2024) [124] làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc trong cộng đồng quốc gia Việt Nam. Tác giả khẳng định đồng bào DTTS giữ vị trí quan trọng trong khối ĐĐKCDT và là nguồn sức mạnh góp phần quyết định thắng lợi của cách mạng

Việt Nam. Bài viết nhấn mạnh sự quan tâm của Hồ Chí Minh đối với phát triển kinh tế - xã hội miền núi, đào tạo cán bộ DTTS và tôn trọng bản sắc văn hóa các dân tộc. công trình cho thấy sự thống nhất giữa thực hiện bình đẳng dân tộc, chăm lo phát triển vùng đồng bào DTTS, xây dựng đội ngũ cán bộ và tôn trọng bản sắc văn hóa trong củng cố khối ĐĐKCDT.

Qua nghiên cứu các công trình khoa học nêu trên cho thấy, các tác giả đã làm rõ nhiều nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKTDT và xây dựng khối ĐĐKCDT. Điểm nổi bật của các công trình là đều khẳng định ĐĐKDT giữ vị trí chiến lược, xuyên suốt trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam, là nguồn sức mạnh và nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Bên cạnh đó, nhiều công trình đã phân tích sâu sắc vai trò của đồng bào DTTS, của MTTQ Việt Nam, HTCT và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tập hợp, phát huy sức mạnh ĐĐKCDT. Một số nghiên cứu cũng tiếp cận vấn đề dưới góc độ quan hệ dân tộc - tộc người, làm rõ các nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc. Qua đó, cho thấy giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKCDT trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

1.1.3. Những nghiên cứu sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Bài viết *"Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và miền núi vào thực hiện chính sách dân tộc hiện nay"* của Nguyễn Thị Kim Dung (2004) [23, tr.231-252] khẳng định vấn đề dân tộc và xây dựng khối ĐĐKCDT là nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên cơ sở phân tích những kết quả và hạn chế trong thực hiện CSDT, tác giả nhấn mạnh yêu cầu vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng và tổ chức thực hiện CSDT trong điều kiện mới. Công trình cung cấp những luận cứ có giá trị để luận án kế thừa trong nghiên cứu nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực hiện CSDT và xây dựng khối ĐĐKCDT.

Cuốn sách "*Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết với vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới"* của Viện Hồ Chí Minh

và các lãnh tụ của Đảng (2004) [58] là công trình tập hợp các nghiên cứu chuyên sâu của nhiều nhà khoa học về tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Các tác giả làm rõ cơ sở lý luận và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết, nhấn mạnh vai trò của đoàn kết giữa các DTTS trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, cũng như vấn đề đoàn kết tôn giáo trong khối thống nhất toàn dân. Trên cơ sở đó, các tác giả đề xuất những giải pháp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết nhằm phát huy sức mạnh toàn dân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Công trình làm nổi bật giá trị và khả năng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong phát huy sức mạnh toàn dân tộc, trong đó có đoàn kết giữa các dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

Cuốn sách *"Nhân dân các dân tộc Sơn La làm theo lời Bác"* của tác giả Cầm Chí Kiên (2005) [66] đã phản ánh quá trình vận dụng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong xây dựng và củng cố khối ĐĐKCDT ở tỉnh Sơn La. Tác giả làm rõ vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền và MTTQ Việt Nam trong tập hợp, phát huy sức mạnh đoàn kết giữa các dân tộc, các tầng lớp Nhân dân vì mục tiêu phát triển địa phương. Công trình cho thấy việc phát huy tinh thần đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh đã góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị và ổn định xã hội ở tỉnh Sơn La. Những kết quả này gợi mở thêm cách tiếp cận thực tiễn cho nghiên cứu sinh trong nghiên cứu xây dựng khối ĐĐKCDT ở các tỉnh miền núi, đa dân tộc hiện nay.

Kỷ yếu hội thảo khoa học - thực tiễn *"Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh"* (2005) [76] của MTTQ Việt Nam tổ chức nhân kỷ niệm 115 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2005) đã tập hợp 31 bài viết của các nhà khoa học, các chuyên gia đã tập trung nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với ĐĐKCDT, vai trò của MTTQ Việt Nam trong xây dựng khối ĐĐKCDT. Các bài viết tập trung đánh giá thực trạng xây dựng khối ĐĐKCDT trong cả nước; phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến việc củng cố, tăng cường và phát huy khối ĐĐKCDT ở Tây Nguyên; đồng thời đề xuất nhiều giải pháp nhằm phát huy vai trò của Mặt trận, HTCT và Nhân dân trong tăng cường

khối ĐĐKCDT ở Tây Nguyên. Những kết quả nghiên cứu này giúp nghiên cứu sinh có thêm cơ sở trong nghiên cứu vai trò của MTTQ và HTCT trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở các tỉnh miền núi, vùng đồng bào DTTS hiện nay.

Cuốn sách *"Lời dạy của Bác Hồ mãi mãi soi đường cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai"* của Tỉnh uỷ Lào Cai (2015) [125] đã phân tích và làm rõ việc vận dụng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh. Tác phẩm nhấn mạnh tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc theo lời dạy của Bác: "thực hành đại đoàn kết, thương yêu nhau, giúp đỡ nhau trong mọi việc; thực hành chính sách toàn dân đại đoàn kết", qua đó khẳng định vai trò của khối ĐĐKCDT đối với sự phát triển bền vững của địa phương. Công trình là tài liệu tham khảo có giá trị trong nghiên cứu thực tiễn xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay.

Bài viết "*Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam"* của tác giả Nguyễn Đình Hòa (2015) [55] đã làm rõ quá trình Đảng ta kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT trong lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tác giả khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi ĐĐKDT là đường lối chiến lược, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, được thể hiện xuyên suốt trong các cương lĩnh, nghị quyết và chính sách của Đảng qua từng thời kỳ. Trong quá trình đó, Đảng đã vận dụng linh hoạt tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn, gắn kết mục tiêu độc lập dân tộc với CNXH, phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân, củng cố liên minh công, nông, trí thức và mở rộng mặt trận đoàn kết toàn dân tộc; đồng thời nhấn mạnh việc phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân, bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo và các giai tầng xã hội. Bài viết cũng làm rõ sự vận dụng linh hoạt tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế nhằm củng cố đồng thuận xã hội và phát huy sức mạnh toàn dân tộc. Công trình góp phần làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT ở Việt Nam hiện nay.

Bài viết *"Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ dân tộc và việc vận dụng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam hiện nay"* của tác giả

Trương Minh Dục (2017) [21] làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ dân tộc trong cộng đồng quốc gia, coi đây thực chất là xây dựng khối ĐĐKCDT, trong đó bình đẳng giữa các dân tộc giữ vai trò cốt lõi và có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở phân tích thực tiễn, tác giả đánh giá việc cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng ở các địa phương đã góp phần cải thiện đời sống đồng bào DTTS, song cũng chỉ ra những hạn chế, nhất là sự chưa đồng bộ giữa phát triển kinh tế - xã hội với thực hiện CSDT. Bài viết nhấn mạnh yêu cầu vận dụng sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh và xây dựng HTCT cơ sở vững mạnh, trong đó đội ngũ cán bộ người DTTS giữ vai trò then chốt.

Luận án tiến sĩ Triết học "*Vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Bắc hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh (qua thực tế ở Sơn La)"* của tác giả Dương Văn Mạnh (2017) [75] đã hệ thống hóa cơ sở hình thành và những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT. Trên cơ sở khảo sát thực tiễn tỉnh Sơn La giai đoạn 2001 - 2015, tác giả phân tích tương đối toàn diện thực trạng xây dựng khối ĐĐKCDT ở khu vực Tây Bắc, chỉ ra những kết quả, hạn chế và nguyên nhân. Luận án đồng thời đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Tây Bắc hiện nay. Công trình có giá trị tham khảo trực tiếp đối với luận án, nhất là về cách tiếp cận nghiên cứu thực tiễn, phương pháp điều tra xã hội học và đề xuất giải pháp xây dựng khối ĐĐKCDT ở vùng miền núi, đa dân tộc.

Luận án tiến sĩ Chính trị học "*Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc và vận dụng trong giải quyết vấn đề dân tộc ở Thái Nguyên hiện nay"* của tác giả Vũ Thị Thủy (2017) [123] làm rõ nội dung và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc và sự vận dụng vào thực tiễn giải quyết vấn đề dân tộc tại tỉnh Thái Nguyên. Tác giả hệ thống hóa các khái niệm và làm rõ mối quan hệ gắn bó giữa đoàn kết, bình đẳng, tương trợ trong tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời đánh giá thực trạng công tác dân tộc ở tỉnh Thái Nguyên từ năm 1997 đến nay; chỉ ra những kết quả,

hạn chế và đề xuất các nhóm giải pháp nhằm tiếp tục vận dụng hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh trong giải quyết vấn đề dân tộc ở Thái Nguyên. Công trình góp phần gợi mở thêm cho nghiên cứu sinh trong nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT gắn với giải quyết vấn đề dân tộc ở các tỉnh miền núi hiện nay.

Cuốn sách *"Một số vấn đề đoàn kết các dân tộc trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Phú Yên hiện nay"* của các tác giả Nguyễn Thị Trang, Phan Thị Lan, Đào Nhật Kim (2020) [158] đã làm rõ cơ sở lý luận về dân tộc và ĐĐKCDT trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng trong thời kỳ đổi mới. Trên cơ sở khảo sát thực tiễn tỉnh Phú Yên, các tác giả phân tích tương đối toàn diện thực trạng quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội, chỉ ra những kết quả, hạn chế và nguyên nhân trên các lĩnh vực như phát triển kinh tế, giảm nghèo, giáo dục, văn hóa và xây dựng HTCT cơ sở. Từ thực tiễn, các tác giả đề xuất một số phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường khối ĐĐKCDT, phát huy nội lực của đồng bào các dân tộc, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng và cùng phát triển bền vững. Công trình cho thấy yêu cầu gắn củng cố quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc với giải quyết hài hòa các vấn đề kinh tế - xã hội và phát huy nội lực của đồng bào DTTS trong quá trình phát triển địa phương.

Bài viết "*Đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh - nhìn từ Đại hội XIII của Đảng*" của tác giả Lê Thị Hường (2021) [62] tập trung phân tích sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT và sự vận dụng sáng tạo của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay. Tác giả khẳng định đại đoàn kết dân tộc vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam; đồng thời nhấn mạnh vai trò của liên minh công nhân, nông dân, trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc. Bài viết cũng làm rõ tinh thần của Đại hội XIII về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân và đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch chia rẽ khối ĐĐKDT. Những luận giải của tác giả là tài liệu tham khảo cho nghiên cứu sinh trong phân tích vai trò của ĐĐKDT đối với phát triển bền vững và giữ vững ổn định chính trị - xã hội hiện nay.

Bài viết *"Phương pháp đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng trong lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay"* của tác giả Vũ Thị Thu Hà (2021) [42] đã luận giải có hệ thống phương pháp đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh, làm rõ các phương pháp cơ bản như dựa vào dân, tạo dựng niềm tin vững chắc trong nhân dân, xác định mẫu số chung của đại đoàn kết dân tộc là hòa bình, thống nhất, dộc lập và dân chủ, xóa bỏ những thành kiến, định kiến, bệnh hẹp hòi, đồng thời đề cao tinh thần khoan dung, xóa bỏ mặc cảm, định kiến và phát huy những giá trị chung vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn hơn 35 năm đổi mới, tác giả phân tích sự vận dụng sáng tạo các phương pháp đó trong quá trình lãnh đạo của Đảng nhằm củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Công trình cung cấp những luận cứ lý luận quan trọng để luận án kế thừa trong nghiên cứu phương pháp xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bài viết *"Phát huy phương pháp đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh"* của tác giả Phạm Thị Hằng (2021) [46] đã phân tích các phương pháp đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh như tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục Nhân dân; xây dựng HTCT trong sạch, vững mạnh và xử lý hài hòa các mối quan hệ xã hội nhằm mở rộng khối đại đoàn kết. Khác với công trình của Vũ Thị Thu Hà chủ yếu luận giải hệ thống phương pháp dưới góc độ lý luận, tác giả tập trung làm rõ giá trị thực tiễn của các phương pháp đó thông qua việc vận dụng vào công tác phòng, chống đại dịch Covid-19. Công trình là tài liệu tham khảo có giá trị để luận án kế thừa trong nghiên cứu phương pháp xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với yêu cầu giải quyết các vấn đề thực tiễn trong giai đoạn hiện nay.

Cuốn sách *"Giải quyết vấn đề dân tộc - tôn giáo ở Việt Nam hiện nay nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh"* của tác giả Nguyễn Xuân Trung (Chủ biên) (2022) [161] là công trình nghiên cứu chuyên sâu về tư tưởng Hồ Chí Minh trong giải quyết mối quan hệ dân tộc - tôn giáo nhằm phát huy sức mạnh ĐĐKDT. Các tác giả đã hệ thống hóa cơ sở lý luận, phân tích thực trạng công tác dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay; đồng

thời chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo. Tác giả nhấn mạnh: "giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo sẽ góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, một trong những yếu tố có vai trò quyết định đưa tới sự thành công công cuộc đổi mới" [161, tr.205]. Trên cơ sở đó, các tác giả đề xuất nhiều giải pháp như nâng cao nhận thức chính trị - tư tưởng, hoàn thiện CSDT, tôn giáo và đấu tranh với các âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đoàn kết dân tộc. Những nội dung này góp phần giúp nghiên cứu sinh có cơ sở trong nghiên cứu mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc, tôn giáo với xây dựng khối ĐĐKCDT ở các địa phương hiện nay.

Cuốn sách *"Tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh và vận dụng ở Việt Nam hiện nay"* của các tác giả Nguyễn Nam Hưng (chủ biên) (2022) [60] trình bày một cách hệ thống cơ sở lý luận, nội dung và giá trị thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, đặc biệt là ĐĐKTDT. Các tác giả làm rõ quan niệm của Người về đoàn kết như đường lối chiến lược, nguồn sức mạnh và nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; phân tích mối quan hệ giữa đoàn kết dân tộc, đoàn kết giai cấp, tôn giáo và quốc tế. Trên cơ sở đó, các tác giả luận giải việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng khối đại đoàn kết ở nước ta hiện nay, gắn với công tác dân tộc, tôn giáo, dân vận và vai trò của MTTQ Việt Nam. Cuốn sách nhấn mạnh yêu cầu phát huy sức mạnh toàn dân, củng cố niềm tin, tăng cường đồng thuận xã hội, coi đây là nền tảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

Bài viết *"Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam hiện nay"* của tác giả Lại Quốc Khánh (2023) [64] đã khẳng định ĐĐKDT là tư tưởng trung tâm, là "điểm mẹ" trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, tạo sức mạnh quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Tác giả làm rõ đối tượng của đoàn kết là toàn dân, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc hay vùng miền; nguyên tắc đoàn kết là "cầu đồng, tồn dị", lấy cái chung là lòng yêu nước và lợi ích dân tộc làm nền tảng, đồng thời tôn trọng sự khác biệt. Bài viết nhấn mạnh niềm tin vào con người, tinh thần khoan dung, nhân nghĩa và

cách ứng xử thiện là yếu tố then chốt để củng cố khối đại đoàn kết; đồng thời khẳng định MTTQ Việt Nam giữ vai trò quan trọng trong tập hợp, phát huy sức mạnh toàn dân hiện nay. Những luận giải của tác giả góp phần làm rõ giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT trong củng cố đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh các dân tộc và giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở các địa phương hiện nay.

Bài viết *"Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay"* của tác giả Trần Thị Vui (2023) [190] đã phân tích sâu sắc quan điểm của Hồ Chí Minh về ĐĐKTDT và sự vận dụng của Đảng trong giai đoạn hiện nay. Tác giả khẳng định Đảng luôn nhất quán coi phát huy sức mạnh ĐĐKTDT là đường lối chiến lược, thể hiện qua việc Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết, văn bản liên quan đến công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo và các giai tầng xã hội từ năm 2003 đến năm 2023. Bài viết cho thấy sự kế thừa và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng trong củng cố khối ĐĐKTDT, tạo đồng thuận xã hội và phát huy sức mạnh toàn dân hiện nay.

Bài viết *"Nghiên cứu, vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc thời kỳ đổi mới kết quả và kinh nghiệm"* của tác giả Lê Văn Lợi (2024) [71] đã làm rõ giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKTDT, coi đây là nguồn sức mạnh nội sinh và nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở phân tích nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả khái quát quá trình Đảng vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng ấy trong hơn 35 năm đổi mới thông qua việc xây dựng, thực hiện các chủ trương, chính sách nhằm củng cố khối ĐĐKTDT, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và tăng cường đồng thuận xã hội. Bài viết đồng thời tổng kết nhiều kết quả, bài học kinh nghiệm quan trọng, nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết gắn với củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chế độ trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Những phân tích của tác giả góp phần làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

Bài viết *"Tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay"* của tác giả Nguyễn Thị Lương Uyên (2024) [186] đã khẳng định đoàn kết là nguồn sức mạnh to lớn và nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Tác giả làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về đoàn kết rộng rãi trên tinh thần "cầu đồng tồn dị", lấy lợi ích chung của dân tộc làm nền tảng để tập hợp mọi lực lượng yêu nước. Trên cơ sở đó, bài viết nhấn mạnh yêu cầu vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát huy sức mạnh toàn dân tộc hiện nay thông qua đổi mới phương thức tập hợp Nhân dân, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường và tăng cường đồng thuận xã hội. Những luận giải của tác giả góp phần làm rõ hơn yêu cầu phát huy sức mạnh ĐĐKTDT trong bối cảnh phát triển và hội nhập quốc tế hiện nay.

Bài viết *"Đại đoàn kết toàn dân tộc một nội dung lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh"* của tác giả Đặng Kim Oanh (2024) [99] đã khẳng định ĐĐKTDT là nội dung trung tâm, xuyên suốt và có ý nghĩa chiến lược trong hệ tư tưởng Hồ Chí Minh. Tác giả phân tích cơ sở hình thành, nội dung, lực lượng và phương pháp đại đoàn kết của Hồ Chí Minh trên tinh thần "cầu đồng tồn dị", lấy lợi ích dân tộc làm điểm tương đồng để tập hợp mọi lực lượng yêu nước. Bài viết đồng thời làm rõ vai trò của Nhân dân là chủ thể, Đảng là hạt nhân lãnh đạo và mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH trong xây dựng khối ĐĐKTDT. Trên cơ sở đó, tác giả khái quát quá trình Đảng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh qua các kỳ Đại hội từ VI đến XIII, qua đó khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc của tư tưởng đại đoàn kết trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học *"Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh"* (2024) [187] của Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng nhân kỷ niệm 134 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2024) đã tập hợp 26 bài viết của các nhà khoa học, nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với ĐĐKTDT và sự vận dụng trong giai đoạn hiện nay. Các bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận, giá trị thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT; đồng thời phân tích sự kế thừa, phát triển trong đường lối của Đảng về phát huy sức mạnh nội sinh, tăng cường đoàn

kết tôn giáo, đổi mới công tác dân vận và đấu tranh với các âm mưu chia rẽ khối đoàn kết dân tộc. Kỷ yếu góp phần làm rõ hơn giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh trong củng cố đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh toàn dân tộc và giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học "*Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh"* của tác giả Nguyễn Ngọc Cẩn (2025) [13] là công trình nghiên cứu tiếp cận dưới góc độ Hồ Chí Minh học, tác giả đã hệ thống hóa và luận giải khá toàn diện cơ sở lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT; đồng thời làm rõ những đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội, dân tộc và tôn giáo của khu vực đồng bằng sông Cửu Long có tác động trực tiếp đến quá trình xây dựng khối ĐĐKDT hiện nay. Đáng chú ý, khái niệm dân tộc trong luận án được tiếp cận theo nghĩa quốc gia - dân tộc, tác giả nhấn mạnh rằng xây dựng khối ĐĐKDT ở đồng bằng sông Cửu Long theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải "phù hợp với đặc điểm văn hóa, dân tộc, tôn giáo của các dân tộc", coi đó là "sợi dây liên kết" giữa các cộng đồng dân cư trong một quốc gia thống nhất [168, tr.142]. Trên cơ sở khảo sát thực tiễn, tác giả đánh giá thực trạng, chỉ ra những kết quả, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm tiếp tục phát huy sức mạnh ĐĐKDT trong giai đoạn hiện nay. Công trình có giá trị tham khảo quan trọng đối với luận án của nghiên cứu sinh, đặc biệt trong việc tiếp cận khái niệm dân tộc, xác định chủ thể đoàn kết và nghiên cứu xây dựng khối ĐĐKCDT phù hợp với đặc điểm vùng miền, địa phương đa dân tộc hiện nay.

Bài viết *"Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh - nguồn sức mạnh đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới"* của tác giả Võ Anh Tuấn (2025) [165] đã luận giải khá hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKTDT như một nguồn sức mạnh căn bản, giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Tác giả làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; xây dựng sự đồng thuận xã hội trên cơ sở phát huy vai trò của các giai tầng xã hội, các dân tộc và tôn giáo trong khối ĐĐKTDT. Bài viết khẳng định đại đoàn kết không chỉ là mục tiêu chiến lược mà còn là động lực tinh thần to lớn để thúc

đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh và tăng cường ổn định chính trị - xã hội trong "kỷ nguyên mới". Những luận giải của tác giả góp phần làm rõ hơn ý nghĩa thời đại và giá trị thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT trong bối cảnh phát triển mới của đất nước hiện nay.

Bài viết *"Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, bình đẳng, giúp nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc - Giá trị cho xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay*" tác giả Trần Trung (2025) [163] phân tích làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, bình đẳng, giúp nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc; đồng thời khẳng định đây là nguyên tắc có ý nghĩa chiến lược trong xây dựng và củng cố khối ĐĐKTDT hiện nay. Tác giả nhấn mạnh rằng đoàn kết dân tộc phải được xây dựng trên cơ sở "bình đẳng, tôn trọng, tương trợ lẫn nhau cùng phát triển", coi đó là điều kiện quan trọng để củng cố ổn định chính trị - xã hội và phát huy sức mạnh nội sinh của đất nước. Tác giả cũng chỉ ra những khó khăn, hạn chế trong việc thực hiện chủ trương đoàn kết, bình đẳng, giúp nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc. Tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy sức mạnh đoàn kết giữa các dân tộc trong bối cảnh phát triển mới của đất nước. Bài viết là tài liệu tham khảo có giá trị trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT và gợi mở một trong nghiên cứu nguyên tắc đoàn kết, bình đẳng, giúp nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc và vận dụng vào xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay..

Bài viết *"Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - kim chỉ nam trong xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta"* của các tác giả Đặng Văn Dũng, Hà Thị Giang (2025) [24] đã làm rõ cơ sở lý luận, nội dung cốt lõi và giá trị thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT. Tác giả nhấn mạnh việc Đảng và Nhà nước vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng và thực hiện CSDT, thông qua các chủ trương, chương trình mục tiêu quốc gia và hệ thống pháp luật nhằm phát triển toàn diện vùng đồng bào DTTS và miền núi. Đồng thời, tác giả cũng chỉ ra những vấn đề đặt ra trong thực hiện CSDT hiện nay và đề xuất nhiều giải pháp nhằm củng cố khối ĐĐKDT trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, đặc biệt, tác giả đề xuất cần "rà soát và hoàn thiện hệ thống pháp luật và CSDT, bảo đảm tính đồng bộ, liên

thông và sát hợp với điều kiện thực tiễn từng vùng, từng dân tộc", đồng thời "đẩy nhanh tiến độ xây dựng Luật Dân tộc để tạo cơ sở pháp lý vững chắc, minh bạch và nhất quán cho việc thực thi chính sách" [169, tr.4]. Công trình đặt ra yêu cầu gắn củng cố khối ĐĐKCDT với hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả CSDT, bảo đảm phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng dân tộc trong giai đoạn hiện nay.

Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học "*Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc hiện nay"* của tác giả Ngô Thị Hảo (2026) [49] đã hệ thống hóa, làm rõ những nội dung và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; khảo sát, đánh giá thực trạng tại bốn tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Sơn La và Điện Biên giai đoạn 2015 đến tháng 6/2025, chỉ ra những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và các vấn đề đặt ra; từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây là công trình có giá trị tham khảo về lý luận và thực tiễn đối với luận án. Tuy nhiên, do tiếp cận trên phạm vi các tỉnh biên giới Tây Bắc, công trình chưa đi sâu nghiên cứu một cách chuyên biệt việc xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai từ góc độ dân tộc - tộc người, nhất là những vấn đề mới đặt ra sau sáp nhập tỉnh Lào Cai và Yên Bái, gắn với vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Đây là những nội dung luận án tiếp tục tập trung nghiên cứu, làm rõ.

Bài viết "*Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới"* của tác giả Bùi Thị Minh Hoài (2026) [56] đã làm rõ quan điểm của Đảng về phát huy sức mạnh ĐĐKTDT trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng. Tác giả nhấn mạnh "sức mạnh ĐĐKTDT chính là sức mạnh yêu cầu "bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ cùng phát triển", phát huy tính tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào DTTS trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững và giữ vững ổn định chính trị - xã hội [56, tr.5]. Đồng thời, bài viết cũng đề cập việc xây dựng Chiến lược ĐĐKTDT đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045 và tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ Việt Nam cùng các tổ chức chính

trị - xã hội trong tập hợp Nhân dân. Bài viết là tài liệu tham khảo có giá trị đối với luận án của nghiên cứu sinh, đặc biệt gợi mở nhiều vấn đề trong nghiên cứu phát huy sức mạnh khối ĐĐKCDT gắn với phát triển vùng đồng bào DTTS và xây dựng đồng thuận xã hội ở tỉnh Lào Cai hiện nay.

Các công trình nghiên cứu trên đã tập trung làm rõ quá trình Đảng, Nhà nước, MTTQ Việt Nam và các địa phương vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh khối ĐĐKTDT; đồng thời phân tích vai trò của CSDT, HTCT, phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo và xây dựng đồng thuận xã hội, có cập nhật theo tinh thần Đại hội XIII, XIV của Đảng đã gợi mở những định hướng mang tính chiến lược về phát huy ý chí tự lực tự cường của đồng bào DTTS trong kỷ nguyên phát triển mới. Nhiều công trình đã đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc, phát huy sức mạnh nội sinh và giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế. Đây là nguồn tài liệu tham khảo quan trọng, cung cấp những luận cứ khoa học và thực tiễn có giá trị để nghiên cứu sinh kế thừa trong nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Khái quát kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài

Qua tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy, tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKTDT, xây dựng khối ĐĐKCDT và sự vận dụng tư tưởng đó trong đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và thực tiễn địa phương là chủ đề đã được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ và cách tiếp cận khác nhau. Kết quả như sau:

Thứ nhất, các công trình đã góp phần làm rõ cơ sở lý luận về ĐĐKTDT, xây dựng khối ĐĐKCDT và tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKTDT, ĐĐKCDT. Nhiều tác giả đã phân tích cơ sở hình thành, khái niệm, nội dung, vị trí, vai trò, nguyên tắc và phương pháp xây dựng khối ĐĐKCDT trong tư tưởng Hồ Chí Minh; khẳng định đại đoàn kết là vấn đề chiến lược, xuyên suốt, là nguồn sức mạnh quyết định

thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đáng chú ý, một số công trình đã tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết giữa các dân tộc trên các phương diện bình đẳng, tôn trọng, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển; làm rõ vai trò của Mặt trận dân tộc thống nhất, HTCT và Nhân dân trong xây dựng khối ĐĐKCDT. Các công trình đã làm rõ sự quan tâm sâu sắc của Hồ Chí Minh đối với đồng bào các DTTS, thể hiện ở yêu cầu chăm lo phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi, tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, coi trọng công tác đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ là người DTTS, cũng như phương pháp dân vận phù hợp với đặc điểm tộc người. Tuy nhiên, các nghiên cứu chủ yếu tập trung nghiên cứu phân tích làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKCDT nói chung và xây dựng khối ĐĐKCDT nói riêng; việc luận giải nội hàm xây dựng khối ĐĐKCDT từ góc độ dân tộc - tộc người, gắn với những đặc điểm đặc thù của các địa bàn đa dân tộc trong bối cảnh phát triển mới còn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ và hệ thống.

Thứ hai, các công trình đã phản ánh khá rõ thực trạng xây dựng khối ĐĐKTDT, ĐĐKCDT ở Việt Nam và một số địa phương, vùng miền. Nhiều nghiên cứu đã phân tích thực tiễn xây dựng khối ĐĐKDT, ĐĐKCDT ở Tây Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long, Sơn La, Gia Lai, Thái Nguyên, Phú Yên...; chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và các nhân tố tác động đến quá trình xây dựng khối đoàn kết giữa các dân tộc; chỉ ra quan điểm, phương hướng, đề xuất giải pháp xây dựng khối ĐĐKDT, ĐĐKCDT ở Việt Nam, ở địa phương. Các công trình cũng khẳng định vai trò của phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện CSDT, bảo tồn bản sắc văn hóa, xây dựng HTCT cơ sở, phát huy vai trò người có uy tín và bảo đảm quốc phòng - an ninh trong củng cố khối ĐĐKCDT. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào từng vùng, từng địa phương cụ thể trước đây, chưa đi sâu đánh giá thực trạng xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai sau sáp nhập, trong điều kiện một tỉnh miền núi, biên giới, đa dân tộc và đang triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Thứ ba, các công trình đã làm rõ sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKTDT, ĐĐKCDT trong đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và thực tiễn xây dựng khối ĐĐKTDT ở nước ta hiện nay. Nhiều nghiên cứu đã phân tích quá trình Đảng, Nhà nước vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

thông qua các nghị quyết, chủ trương, CSDT, chương trình mục tiêu quốc gia, hoạt động của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Một số công trình gần đây đã cập nhật tinh thần phát triển mới của đất nước, trong đó có quan điểm phát huy sức mạnh ĐĐKTDT theo định hướng Đại hội XIV của Đảng. Nhiều nghiên cứu tập trung phân tích sự cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh trong CSDT của Đảng và Nhà nước, nhấn mạnh các nguyên tắc cốt lõi như bình đẳng giữa các dân tộc, tôn trọng bản sắc văn hóa, chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào DTTS, gắn đoàn kết dân tộc với phát triển bền vững và củng cố quốc phòng - an ninh. Một số công trình tiếp cận từ thực tiễn địa phương, làm rõ kết quả, hạn chế và kinh nghiệm trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở từng vùng, từng tỉnh; qua đó khẳng định vai trò của HTCT cơ sở, của đội ngũ cán bộ người DTTS, của người có uy tín và MTTQ trong củng cố quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc. Đây là nguồn tư liệu quý để nghiên cứu sinh có thể sử dụng, tham khảo trong việc hoàn thành nội dung luận án. Tuy nhiên, các công trình chưa nghiên cứu chuyên sâu việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay, nhất là trong bối cảnh mới sau sáp nhập tỉnh, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, yêu cầu phát triển vùng đồng bào DTTS, bảo vệ biên giới, giữ gìn bản sắc văn hóa và đấu tranh với các âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc để chia rẽ khối ĐĐKCDT.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã cung cấp hệ thống lý luận và thực tiễn quan trọng về ĐĐKTDT, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT và sự vận dụng trong đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước. Những kết quả nghiên cứu đó đã góp phần làm rõ cơ sở hình thành, nội dung, giá trị và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT; đồng thời cung cấp nhiều luận cứ khoa học để phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp phát huy sức mạnh đoàn kết giữa các dân tộc trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển mới của đất nước và thực tiễn của tỉnh Lào Cai sau sáp nhập, một số vấn đề về xây dựng khối ĐĐKCDT từ góc độ dân tộc - tộc người gắn với đặc điểm của địa bàn miền núi, biên giới; do phạm vi và mục đích nghiên cứu nên chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách hệ thống về xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây vẫn còn những khoảng trống cần tiếp tục được

nghiên cứu, bổ sung và làm rõ cả về phương diện lý luận và thực tiễn về xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai trong thời gian tới.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố, đồng thời xuất phát từ yêu cầu thực tiễn xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay, luận án cần tiếp tục nghiên cứu và làm rõ một số vấn đề sau:

Một là, luận án tiếp tục nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận về xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh từ góc độ tiếp cận dân tộc - tộc người. Trên cơ sở đó, luận giải nội hàm các khái niệm, nguyên tắc, chủ thể, lực lượng, biện pháp xây dựng khối ĐĐKCDT và những nhân tố tác động đến quá trình xây dựng khối ĐĐKCDT trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, từ đó tạo cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu ở một địa bàn đa dân tộc, miền núi, biên giới như tỉnh Lào Cai.

Hai là, luận án nghiên cứu, phân tích đánh giá thực trạng xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện một tỉnh miền núi, biên giới, đa dân tộc thời gian qua. Luận án tập trung khảo sát, phân tích những tác động của việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, bảo đảm quốc phòng - an ninh và giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc đối với việc củng cố khối ĐĐKCDT trên địa bàn tỉnh; từ đó làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

Ba là, nghiên cứu dự báo các nhân tố trong nước, quốc tế và địa phương tác động đến việc xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai trong thời gian tới; làm rõ yêu cầu mới đặt ra của đất nước khi bước vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc và những nhiệm vụ mới của tỉnh sau khi sáp nhập từ hai tỉnh Lào Cai, Yên Bái. Trên cơ sở đó, đề xuất phương hướng và hệ thống giải pháp đồng bộ, khả thi nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phù hợp với đặc điểm của một tỉnh miền núi, biên giới, đa dân tộc và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới.

Tiểu kết chương 1

Tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKTDT, ĐĐKCDT đã được nghiên cứu khá toàn diện, có hệ thống, với nhiều cách tiếp cận và mức độ khác nhau. Các công trình đã làm rõ cơ sở hình thành, nội dung cốt lõi và giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKCDT, khẳng định đây là tư tưởng xuyên suốt, nhất quán, giữ vai trò quyết định đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong mọi giai đoạn.

Đối với xây dựng khối ĐĐKCDT, các nghiên cứu đều khẳng định đây là nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKCDT, được xây dựng trên nền tảng bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc, nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nhiều công trình đã làm rõ sự quan tâm đặc biệt của Hồ Chí Minh đối với đồng bào các DTTS, thể hiện ở yêu cầu chăm lo phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi, tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa, coi trọng đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ là người DTTS; đồng thời luận giải sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực hiện CSDT, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về ĐĐKDT, xây dựng khối ĐĐKCDT và sự vận dụng trong xây dựng khối ĐĐKCDT hiện nay, song việc nghiên cứu xây dựng khối ĐĐKCDT từ góc độ dân tộc - tộc người vẫn chưa được nghiên cứu luận giải một cách hệ thống, toàn diện, sâu sắc. Đặc biệt, chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh mới sau sáp nhập tỉnh, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế cửa khẩu, hội nhập quốc tế và bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn một tỉnh miền núi, biên giới, có nhiều đồng bào DTTS sinh sống. Đây chính là khoảng trống khoa học mà luận án tập trung kế thừa, bổ sung và làm rõ nhằm góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận, thực tiễn về xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai hiện nay.

Chương 2
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

2.1.1. Khái niệm dân tộc

Hiện nay, ở Việt Nam, khái niệm "dân tộc" thường được hiểu theo hai nghĩa khác nhau, dân tộc quốc gia và dân tộc tộc người.

Theo *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, khái niệm dân tộc được hiểu theo hai nghĩa. (1) Dân tộc (nation) hay quốc gia - dân tộc là cộng đồng chính trị - xã hội được chỉ đạo bởi một nhà nước, thiết lập trên một lãnh thổ nhất định, ban đầu được hình thành do sự tập hợp của nhiều bộ lạc và liên minh bộ lạc, sau này của nhiều cộng đồng mang tính tộc người (ethnie) của bộ phận tộc người. Tính chất của dân tộc phụ thuộc vào những phương thức sản xuất khác nhau. (2) Dân tộc (ethnie) còn đồng nghĩa với cộng đồng mang tính tộc người…Cộng đồng này có thể là bộ phận chủ thể hay thiểu số của một dân tộc sinh sống ở nhiều quốc gia - dân tộc khác nhau được liên kết với nhau bằng những đặc điểm ngôn ngữ, văn hóa và nhất là ý thức tộc người [162, tr.655].

Từ điển Triết học định nghĩa: "Dân tộc là một khối cộng đồng gồm nhiều người, khối ổn định, hình thành trong quá trình lịch sử, sinh ra trên cơ sở một ngôn ngữ chung, một lãnh thổ chung, một đời sống kinh tế chung, một cấu tạo tâm lý chung biểu hiện trong một nền văn hóa chung" [93, tr.219].

Tộc người hay dân tộc (theo thuật ngữ thường dùng) (ethnie) là một cộng đồng mang tính tộc người, có chung một tên gọi, một ngôn ngữ (trừ trường hợp cá biệt), được liên kết với nhau bằng những giá trị sinh hoạt văn hóa tạo thành tính cách tộc người, có chung một ý thức tự giác tộc người, tức là có chung một khát vọng cùng chung sống, có chung một số phận lịch sử, thể hiện ở những ký ức lịch sử [10, tr.35].

Thuật ngữ "dân tộc" được Hồ Chí Minh sử dụng lần đầu trong tác phẩm *Vấn đề dân bản xứ*. Sau đó, Người tiếp tục dùng thuật ngữ này trong nhiều tác phẩm khác. Người sử dụng khái niệm "dân tộc" theo hai nghĩa:

Thứ nhất, dân tộc theo nghĩa quốc gia (Nation) Là cộng đồng người có chung lãnh thổ, nhà nước, chủ quyền quốc gia, ngôn ngữ chung và nền văn hóa thống nhất. Người chỉ rõ: "Nước Việt Nam ta là một. Dân tộc Việt Nam ta là một. Dù cho sông cạn đá mòn. Nhân dân Nam, Bắc là con một nhà" [90, tr.12]; "Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi" [80, tr.280].

Thứ hai, dân tộc theo nghĩa tộc người (Ethnie) Là cộng đồng người khá ổn định, được hình thành trong quá trình lịch sử trên cơ sở của các yếu tố như chủng tộc, tiếng nói, văn hóa, phong tục và ý thức tự giác tộc người. Trong khái niệm tộc người, lãnh thổ không phải là yếu tố quan trọng nhất mà chủng tộc, ngôn ngữ, văn hóa, ý thức tộc người mới là những yếu tố quan trọng nhất. Ở Việt Nam, có rất nhiều tộc người khác nhau. Hồ Chí Minh khẳng định: "Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các DTTS khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt" [80, tr.249]. Tộc người là một bộ phận cấu thành quốc gia - dân tộc.

Hai nghĩa này tuy có sự khác biệt về nội hàm nhưng có mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất với nhau, phản ánh đặc trưng đa dạng trong thống nhất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Quốc gia - dân tộc Việt Nam được hình thành và phát triển trên nền tảng sự cộng cư, gắn bó và đoàn kết của 54 dân tộc anh em. Mỗi dân tộc có những đặc điểm riêng về lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa và phong tục, tập quán, nhưng cùng chung vận mệnh, lợi ích quốc gia và mục tiêu phát triển đất nước. Chính sự thống nhất giữa tính đa dạng của các tộc người và tính cố kết của cộng đồng quốc gia - dân tộc đã tạo nên sức mạnh nội sinh, bảo đảm cho sự ổn định, phát triển bền vững của Việt Nam trong suốt tiến trình lịch sử.

Từ những quan điểm trên, có thể khái quát: *Dân tộc là một cộng đồng người ổn định, được hình thành và phát triển trong quá trình lịch sử, có sự gắn kết bởi những đặc trưng chung về ngôn ngữ, văn hóa, tâm lý, ý thức cộng đồng và lợi ích chung. Dân tộc vừa tồn tại với tư cách là cộng đồng quốc gia thống nhất, vừa được cấu thành bởi các cộng đồng tộc người có bản sắc riêng, cùng chung sống, đoàn kết và phát triển trong một quốc gia.*

Đối với phạm vi của luận án, khái niệm "dân tộc" được tiếp cận chủ yếu theo nghĩa dân tộc - tộc người, đặt khái niệm dân tộc theo nghĩa tộc người trong mối quan hệ biện chứng với dân tộc theo nghĩa quốc gia.

2.1.2. Khái niệm đại đoàn kết các dân tộc

Đoàn kết mang tính lịch sử, phản ánh sự gắn bó, thống nhất ý chí và hành động của các cá nhân, giai cấp, dân tộc trong cộng đồng nhằm đạt mục tiêu chung vì lợi ích tập thể và dân tộc.

Theo *Từ điển Tiếng Việt*, đoàn kết là "sự kết thành một khối thống nhất, hoạt động vì một mục đích chung" [100, tr.429]. Còn đại đoàn kết mang nghĩa rộng mở hơn, là sự đoàn kết ở quy mô lớn [100, tr.367]. Khái niệm này hàm chứa cả nội dung chính trị - xã hội (một trạng thái, một phong trào) và nội dung phương pháp - chính sách (một đường lối mang tính chiến lược).

Trên phương diện tổ chức, đoàn kết tạo nên sự cố kết, thống nhất và sức mạnh của tập thể; trên phương diện xã hội, đoàn kết thể hiện sự đồng thuận, đồng tâm, hiệp lực của các thành viên trong cộng đồng; trên phương diện văn hóa, đoàn kết là một giá trị nhân văn, phản ánh tinh thần tương thân tương ái, ý thức cộng đồng và trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với tập thể và xã hội.

Từ những cách tiếp cận trên, có thể khái quát: *Đại đoàn kết các dân tộc là sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động giữa các dân tộc - tộc người trong cộng đồng quốc gia Việt Nam trên cơ sở đoàn kết, bình đẳng, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

2.1.3. Khái niệm xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Khái niệm xây dựng

"Xây dựng" được hiểu là: (1) làm nên một công trình kiến trúc theo một kế hoạch nhất định; (2) Làm cho hình thành một tổ chức hay một chính thể về xã hội, chính trị, kinh tế, văn hóa theo một phương hướng nhất định; (3) Tạo ra, sáng tạo ra cái có giá trị tinh thần, có ý nghĩa trừu tượng [188, tr.1145]. Trong luận án sử dụng theo cách hiểu thứ hai: "xây dựng" được hiểu là quá trình hình

thành, củng cố và phát triển những giá trị, thiết chế, quan hệ xã hội nhằm đáp ứng mục tiêu chính trị - xã hội nhất định.

Như vậy, "xây dựng" không chỉ là hành vi vật chất (xây dựng công trình) mà còn mang ý nghĩa tinh thần, xã hội (xây dựng tổ chức, xây dựng mối quan hệ, xây dựng văn hóa, xây dựng con người). Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần dùng từ "xây dựng" với nghĩa rộng: "Xây dựng nước ta thành một nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh" [86, tr.459]. Điều này cho thấy, "xây dựng" vừa là quá trình tạo dựng vật chất, vừa là quá trình giáo dục, tổ chức, phát huy sức mạnh con người.

Khái niệm xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Từ khái niệm ĐĐKCDT có thể thấy, đây không phải là trạng thái tự phát mà là kết quả của một quá trình tác động có mục đích, có tổ chức và lâu dài của các chủ thể trong HTCT và toàn xã hội. Vì vậy, để hình thành, củng cố và phát huy mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc - tộc người trong cộng đồng quốc gia Việt Nam, cần phải tiến hành xây dựng khối ĐĐKCDT một cách thường xuyên, liên tục và phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn lịch sử.

Theo đó, có thể quan niệm: *Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc là quá trình hoạt động có mục tiêu, có tổ chức và mang tính chiến lược của các lực lượng nhằm hình thành, củng cố và phát huy sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động giữa các dân tộc - tộc người trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giúp nhau cùng phát triển, qua đó phát huy sức mạnh tổng hợp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

Khái niệm trên cho thấy, xây dựng khối ĐĐKCDT là một quá trình hoạt động chính trị - xã hội lâu dài, đòi hỏi sự tham gia của chủ thể, lực lượng và được thực hiện thông qua những nội dung, phương thức phù hợp trong từng giai đoạn lịch sử. Để quá trình đó đạt hiệu quả, cần có cơ sở lý luận và định hướng tư tưởng đúng đắn làm nền tảng cho việc xác định mục tiêu, nội dung, lực lượng, nguyên tắc và biện pháp thực hiện.

2.1.4. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của các dân tộc trong sự nghiệp cách mạng và luôn đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng, củng cố khối đoàn kết giữa các dân tộc trong cộng đồng quốc gia Việt Nam.

Ngay trong kỳ họp Quốc hội khóa I, Người khẳng định "Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ" [88, tr.371]. Theo Hồ Chí Minh, các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam đều bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển; đoàn kết giữa các dân tộc không chỉ là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng mà còn là nguồn sức mạnh to lớn bảo đảm cho thắng lợi của công cuộc giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng xây dựng khối ĐĐKCDT không phải xuất phát từ ý chí chủ quan của lực lượng lãnh đạo, mà là nhu cầu khách quan của cách mạng và quyền lợi thiết thân của quần chúng. Người nhấn mạnh: "Đã gọi là đoàn kết thì phải giúp đỡ nhau như anh em trong nhà. Dân tộc nhiều người phải giúp đỡ dân tộc ít người, dân tộc ít người cần cố gắng làm ruộng. Hai bên phải giúp đỡ lẫn nhau. Dân tộc đông người không phải giúp qua loa, cũng như dân tộc ít người không nên ngồi chờ giúp. Một bên ra sức giúp, một bên ra sức làm. Giúp nhau thì việc gì cũng nhất định làm được" [87, tr.533]. Trong bài nói chuyện với cán bộ và đại biểu nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai, Người còn nói rõ: "Ngày nay, dưới chế độ Dân chủ Cộng hòa, các dân tộc to cũng như nhỏ đều là chủ đất nước, đều đoàn kết giúp đỡ nhau như anh em ruột thịt. Đặc biệt, đối với đồng bào những dân tộc rất ít người như đồng bào Lô Lô thì các dân tộc đông người hơn càng phải giúp đỡ về mọi mặt"[87, tr.521].

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng khối ĐĐKCDT phải được thực hiện trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa lợi ích của từng dân tộc với lợi ích chung của quốc gia; giữa giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc với củng cố sự thống nhất của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Người đặc biệt coi trọng việc thực hiện bình đẳng dân tộc, chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi, xây

dựng đội ngũ cán bộ là người DTTS; đồng thời phát huy vai trò của Đảng, Nhà nước, MTTQ Việt Nam và HTCT trong củng cố khối đoàn kết giữa các dân tộc.

Từ đó, có thể quan niệm: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc của Người về mục đích, nội dung, lực lượng, nguyên tắc và biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc - tộc người trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam định hướng cho Đảng và Nhà nước ta trong việc hoạch định chủ trương, CSDT, phát huy sức mạnh ĐĐKTDT trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc nhận thức và vận dụng tư tưởng đó vào thực tiễn từng địa phương có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhất là đối với các tỉnh miền núi, biên giới, nơi có nhiều dân tộc cùng sinh sống, trong đó có tỉnh Lào Cai.

2.1.5. Khái niệm xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo những giá trị cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai vừa là sự cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKCDT trong điều kiện mới, vừa là nhu cầu khách quan của quá trình phát triển bền vững, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

Từ cách tiếp cận đó, có thể khái quát khái niệm xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh như sau:

Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh là quá trình hoạt động có mục tiêu, có tổ chức của các lực lượng lãnh đạo và lực lượng tham gia, trên cơ sở vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT vào điều kiện thực tiễn của tỉnh, với mục đích, nội dung, nguyên tắc và biện pháp phù hợp, nhằm củng cố mối quan hệ bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển; qua đó phát huy sức mạnh tổng hợp của cộng đồng các dân tộc trong tỉnh, góp phần xây dựng tỉnh Lào Cai phát triển bền vững.

Từ khái niệm trên cho thấy, xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, về mục đích, xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai nhằm củng cố sự đoàn kết, gắn bó giữa 34 thành phần dân tộc trên địa bàn tỉnh, phát huy sức mạnh tổng hợp của cộng đồng các dân tộc, tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng - an ninh và bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

Thứ hai, về nội dung, xây dựng khối ĐĐKCDT được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh; bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

Thứ ba, về lực lượng, bao gồm Đảng bộ tỉnh, chính quyền các cấp, MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và toàn thể đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Trong đó, Đảng bộ tỉnh giữ vai trò lãnh đạo toàn diện, chính quyền các cấp quản lý và tổ chức thực hiện; MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội làm vai trò nòng cốt trong tập hợp, tuyên truyền, vận động Nhân dân; đồng bào các dân tộc là lực lượng trực tiếp tham gia xây dựng và củng cố khối ĐĐKCDT.

Thứ tư, về nguyên tắc, xây dựng khối ĐĐKCDT được thực hiện trên cơ sở bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển; thống nhất trong đa dạng; kết hợp hài hòa giữa lợi ích của các dân tộc, vùng miền và lợi ích quốc gia.

Thứ năm, về biện pháp, xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai được thực hiện thông qua công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục; phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; thực hiện tốt CSDT; phát huy dân chủ, tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của đồng bào các dân tộc; kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh, qua đó tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động giữa các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Như vậy, xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một quá trình được thực hiện thống nhất trên các phương diện mục đích, nội dung, lực lượng, nguyên tắc và biện pháp, phù hợp với đặc điểm của một tỉnh miền núi, biên giới, đa dân tộc. Quá trình đó hướng tới củng cố quan hệ bình

đẳng, đoàn kết, tôn trọng, tương trợ giữa các dân tộc; phát huy sức mạnh tổng hợp của cộng đồng các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh và bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

2.2. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC

2.2.1. Mục đích xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng khối ĐĐKCDT không phải là khẩu hiệu nhất thời mà là chiến lược cách mạng xuyên suốt, có ý nghĩa quyết định đối với sự tồn vong và phát triển của dân tộc Việt Nam.

Thứ nhất, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc nhằm tạo nên sức mạnh giải phóng dân tộc, giành độc lập và thống nhất đất nước

Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc rằng Việt Nam là quốc gia thống nhất gồm nhiều dân tộc cùng sinh sống, vì vậy sức mạnh của cách mạng chỉ có thể được tạo nên từ sự đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc trong cộng đồng quốc gia. Người cho rằng, trước sức mạnh của chủ nghĩa thực dân và đế quốc, nếu các dân tộc không đoàn kết thành một khối thống nhất thì không thể giành và giữ vững độc lập dân tộc. Từ việc nghiên cứu thực tiễn lịch sử dân tộc, Hồ Chí Minh chỉ ra rằng nhiều phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX tuy giàu tinh thần yêu nước nhưng chưa tập hợp được đông đảo các lực lượng trong xã hội, chưa xây dựng được khối ĐĐKDT rộng rãi và bền vững nên chưa đạt được thắng lợi cuối cùng. Vì vậy, xây dựng khối ĐĐKDT trở thành yêu cầu có ý nghĩa chiến lược, quyết định sự thành công của của sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Theo Hồ Chí Minh, muốn giành thắng lợi phải tập hợp được mọi lực lượng yêu nước thành một khối thống nhất. Người chỉ rõ: "Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta" [80, tr.249].

Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của đồng bào các dân tộc đối với cách mạng, ngay từ khi hoạt động ở nước ngoài, Hồ Chí Minh đã chú ý đến việc tuyên

truyền, giác ngộ cách mạng đến các vùng miền núi, có đông đồng bào các dân tộc sinh sống. Sau khi về nước năm 1941, Người lựa chọn Cao Bằng, sau này là Việt Bắc, Tây Bắc, Tây Nam Bộ... làm căn cứ địa cách mạng của cả nước. Bởi nơi đây có "thiên thời, địa lợi, nhân hòa", có quần chúng giác ngộ, ủng hộ cách mạng, có tầm quan trọng đặc biệt trong việc củng cố chính trị, kinh tế quốc phòng biên giới của Tổ quốc đối với sự thành bại của cách mạng. Hồ Chí Minh khẳng định: "Cách mệnh đã do Việt Bắc mà thành công, thì kháng chiến sẽ do Việt Bắc mà thắng lợi" [81, tr.239].

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh luôn ghi nhận và đánh giá cao những đóng góp to lớn của đồng bào các dân tộc đối với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc. Người nhắc lại: "Đồng bào Thổ, đồng bào Nùng, đồng bào Mán, đồng bào Mèo, cho đến anh em Hoa kiều, người thì giúp chúng tôi ăn, kẻ thì cho chúng tôi áo. Có những đồng bào nhịn ăn nhịn mặc, bán trâu bán ruộng để giúp chúng tôi làm cách mệnh. Thật là quý hóa vô cùng [81, tr.238]. Những đóng góp đó cho thấy đồng bào các dân tộc không chỉ là lực lượng trực tiếp tham gia cách mạng mà còn là hậu phương vững chắc. Sự đùm bọc, chở che, hy sinh và tinh thần đoàn kết, gắn bó của đồng bào các dân tộc không chỉ là nguồn sức mạnh vật chất quan trọng, mà còn là chỗ dựa tinh thần vững chắc góp phần quan trọng làm nên thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và sự nghiệp thống nhất đất nước.

Không chỉ nhằm tạo nên sức mạnh để giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh còn hướng tới mục tiêu xây dựng và phát triển đất nước sau khi cách mạng thành công. Theo Người, khi chính quyền đã thuộc về nhân dân, đoàn kết giữa các dân tộc tiếp tục là điều kiện quan trọng để phát huy sức mạnh của toàn dân tộc trong công cuộc kiến thiết đất nước, nâng cao đời sống Nhân dân và xây dựng chế độ mới. Vì vậy, Người căn dặn: "Ngày nay, chế độ ta là chế độ dân chủ, Đảng và Chính phủ ta chỉ lo phục vụ lợi ích của nhân dân. Đồng bào tất cả các dân tộc, không phân biệt lớn nhỏ, phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, phải đoàn kết chặt chẽ như anh em một nhà, để cùng nhau xây dựng" [89, tr.44-45]. Tư tưởng đó cho thấy, mục

đích xây dựng khối ĐĐKCDT không chỉ dừng lại ở việc giành chính quyền mà còn nhằm huy động sức mạnh của mọi dân tộc cùng tham gia xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ chiến lược nhằm tập hợp, phát huy sức mạnh của các dân tộc - tộc người trong cộng đồng quốc gia Việt Nam để thực hiện thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, giành độc lập, thống nhất đất nước và bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng. Đây là bài học xuyên suốt, quyết định vận mệnh dân tộc và vẫn giữ nguyên giá trị cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Thứ hai, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc nhằm tạo sức mạnh xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa

Hồ Chí Minh khẳng định đoàn kết các dân tộc không chỉ giữ vị trí quan trọng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc mà cả trong thời kỳ xây dựng đất nước. Người khẳng định: "Đồng bào miền núi có truyền thống cần cù và dũng cảm. Trong thời kỳ kháng chiến, đồng bào miền núi đã có những công trạng vẻ vang và oanh liệt. Ngày nay, trong công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh để thực hiện hòa bình, thống nhất Tổ quốc, đồng bào miền núi đang cố gắng góp phần xứng đáng của mình" [89, tr.458]. Hồ Chí Minh cho rằng xây dựng đất nước đòi hỏi sức mạnh tổng hợp của toàn dân: trí thức, công, nông, đồng bào tôn giáo, doanh nhân yêu nước, đồng bào các DTTS và người Việt Nam ở nước ngoài. Người khẳng định: "Thắng đế quốc và phong kiến là tương đối dễ; thắng bần cùng và lạc hậu còn khó hơn nhiều…" [90, tr.402]. Vì vậy, đoàn kết phải được chuyển hóa thành nội lực phát triển kinh tế - xã hội. Đây là chất keo gắn kết lợi ích các giai cấp và tộc người, giảm bất bình đẳng, tạo đồng thuận xã hội.

Đối với Người, ĐĐKDT không phải là sách lược nhất thời hay biện pháp tình thế, mà là chiến lược cơ bản, lâu dài của cách mạng Việt Nam. Người khẳng định: "Đoàn kết là một CSDT, không phải là một thủ đoạn chính trị. Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà" [85, tr.244]. Đây là tư tưởng xuyên suốt, nhất quán của Hồ Chí Minh trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Đồng thời là vấn đề

quan trọng, quyết định của con đường tự giải phóng của các quốc gia bị xâm lược, vì chỉ có những người thực sự hiểu rõ con đường ấy cần gì thì mới thấy hết vai trò, tầm quan trọng của chiến lược đại đoàn kết đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng chế độ mới.

Từ tổng kết lịch sử dựng nước và giữ nước, Hồ Chí Minh khẳng định ĐĐKCDT là động lực đưa dân tộc ta đến thắng lợi, giành độc lập, thống nhất và cũng là lực đẩy quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng xã hội mới. Sau Cách mạng Tháng Tám, tại Hội nghị đại biểu các DTTS họp ngày 03/12/1945, Người nhấn mạnh: "Nhờ sức đoàn kết tranh đấu chung của tất cả các dân tộc… Trước kia các dân tộc để giành độc lập phải đoàn kết, bây giờ để giữ lấy nền độc lập càng cần đoàn kết hơn nữa" [80, tr.130]. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Người kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Với Người, ĐĐKCDT là điều kiện quyết định mọi thắng lợi. Khi nói chuyện với nhân dân Thái Nguyên, Người căn dặn: "Đồng bào Thái Nguyên gồm nhiều dân tộc và sẵn có truyền thống đoàn kết. Nay càng phải đoàn kết hơn nữa, đoàn kết giữa các dân tộc, giữa đồng bào lương và giáo. Đoàn kết là sức mạnh, có sức mạnh đoàn kết thì làm việc gì cũng thành công. Như thế là đồng bào Thái Nguyên góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng CNXH và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà" [88, tr.526]. Tư tưởng ấy được Người khái quát thành phương châm nổi tiếng: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công" [89, tr.628]. Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc và là nguyên tắc sống còn. Người nhiều lần chỉ rõ: "Vì có đoàn kết mới có lực lượng, có lực lượng mới giành được độc lập, tự do" [79, tr.595]; "Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn" [79, tr.256]. Sau hòa bình, tinh thần đoàn kết phải tiếp tục được phát huy để xây dựng đất nước.

Khi đất nước đã giành được độc lập, đi lên xây dựng CNXH, Hồ Chí Minh vẫn luôn quan tâm xây dựng khối ĐĐKDT, để củng cố, tăng cường mối quan hệ bền chặt giữa các dân tộc để xây dựng thành công CNXH. Tại Hội nghị toàn Đảng bộ khu Việt Bắc, Người yêu cầu phải "thực hiện sự đoàn kết, bình đẳng,

tương trợ giữa các dân tộc… giúp đỡ đồng bào vùng cao cải thiện dần đời sống của mình" [88, tr.230]. Khi thăm đồng bào các dân tộc Lào Cai (23/9/1958), Người nhấn mạnh: "Đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc… các dân tộc đông người hơn càng phải giúp đỡ…" và yêu cầu "tăng gia sản xuất" để "no cơm, ấm áo" [87, tr.521]. Người căn dặn Đảng bộ Lào Cai phải làm tốt bốn việc: "Đoàn kết chặt chẽ; ra sức tăng gia sản xuất; giữ vững trật tự, trị an; xây dựng thuần phong, mỹ tục", đồng thời yêu cầu cán bộ phải "cần, kiệm, liêm, chính" và "một lòng một dạ phục vụ nhân dân" [87, tr.527]. Khi thăm Yên Bái (25/9/1958), Người tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu đoàn kết bằng hình ảnh ví dụ "10 dân tộc như 10 ngón tay… nếu nắm chặt thì không bẻ được" và dặn: "Nếu kẻ nào chia rẽ thì phải đập vào đầu chúng nó" [87, tr.532]. Đây là lời cảnh tỉnh sâu sắc về việc bảo vệ vững chắc khối đoàn kết trong điều kiện mới. Quan tâm đến đời sống của đồng bào các dân tộc, Người coi đoàn kết là con đường để mang lại cơm no áo ấm và tạo nền tảng xây dựng CNXH. Trong nhiều lần gặp gỡ tại căn cứ Việt Bắc, Người nhắc đồng bào và cán bộ phải giữ gìn đoàn kết để vượt qua khó khăn và xây dựng cuộc sống mới. Khi chia tay đồng bào Cao Bằng, Người nói: "Tất cả mọi người, mọi dân tộc phải thấm nhuần điều đó" [89, tr.48]. Trong cuộc mít tinh ở Thuận Châu, Người kêu gọi thi đua sản xuất, tiết kiệm để tiến dần lên CNXH và tặng bốn câu thơ: "Người người mạnh khỏe; Đoàn kết chặt chẽ; Hăng hái thi đua; Thành công vui vẻ" [89, tr.205-206]. Theo Người, đoàn kết không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực thúc đẩy các dân tộc cùng thi đua lao động sản xuất, phát triển kinh tế và xây dựng xã hội mới.

Trong thời kỳ đất nước xây dựng CNXH, đói nghèo, lạc hậu và chênh lệch phát triển giữa các dân tộc là những trở ngại lớn đối với sự phát triển của đất nước. Vì vậy, các dân tộc phải đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau để cùng tiến bộ. Người khẳng định: "Đồng bào tất cả các dân tộc, không phân biệt lớn nhỏ, phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, phải đoàn kết chặt chẽ như anh em một nhà, để cùng nhau xây dựng Tổ quốc chung, xây dựng chủ nghĩa xã hội làm cho tất cả các dân tộc được hạnh phúc, ấm no" [89, tr.44-45]. Quan điểm đó thể hiện rõ mục tiêu của xây dựng khối ĐĐKCDT không chỉ là bảo đảm sự thống nhất

của quốc gia mà còn hướng tới sự phát triển hài hòa, tiến bộ và thịnh vượng của tất cả các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Trên cơ sở đó, Hồ Chí Minh chủ trương phát động các phong trào thi đua yêu nước, lao động sản xuất và xây dựng đời sống mới trong đồng bào các dân tộc, qua đó tập hợp và phát huy sức mạnh của mọi dân tộc vào công cuộc xây dựng CNXH. Theo Người, khi các dân tộc cùng chung sức, đồng lòng tham gia phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội thì sức mạnh tinh thần của khối đoàn kết sẽ được chuyển hóa thành nguồn lực vật chất to lớn, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng khối ĐĐKCDT nhằm tạo sức mạnh xây dựng xã hội mới - XHCN, trong đó các dân tộc đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau cùng phát triển, cùng hưởng thành quả của cách mạng và cùng hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Thứ ba, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc nhằm làm thất bại mọi âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch

Hồ Chí Minh hiểu rõ quy luật thống trị của chủ nghĩa thực dân và phong kiến: để xâm lược và bóc lột, chúng thực hiện chính sách "chia để trị", khoét sâu khác biệt dân tộc, tôn giáo, vùng miền nhằm phá hoại sự thống nhất quốc gia. Người chỉ rõ: "Với âm mưu chia cắt đất nước ta và nô dịch đồng bào ta, địch dùng mọi thủ đoạn thâm độc để phá hoại ta về mọi mặt" [86, tr.204]. Vì vậy, xây dựng và củng cố khối ĐĐKCDT vừa là nền tảng tập hợp lực lượng, vừa là vũ khí chính trị, tinh thần để đập tan mọi thủ đoạn chống phá từ bên ngoài và bên trong.

Ngay từ những năm đầu hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh khẳng định muốn giành độc lập và giữ độc lập thì dân tộc ta phải đoàn kết chặt chẽ, không để kẻ thù lợi dụng sự khác biệt để kích động hằn thù, gây chia rẽ. Người chỉ ra rõ âm mưu của thực dân và phong kiến: "Trước kia bọn thực dân phong kiến chia rẽ chúng ta... xúi giục dân tộc này hiềm khích oán ghét dân tộc khác để chúng áp bức bóc lột chúng ta. Nay chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ" [87, tr.532]. Theo Người, đánh bại kẻ thù phải bắt đầu từ việc xây dựng đoàn kết bền chặt, bình đẳng, thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc.

Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết không chỉ nhằm chống ngoại xâm trong những thời điểm nhất thời, mà là sức mạnh lâu dài để bảo vệ chế độ mới. Người nhấn mạnh: "Để đánh thắng kẻ thù chung, chúng ta nhất định phải đoàn kết chặt chẽ. Đoàn kết là sức mạnh vô địch của chúng ta" [88, tr.724]. Kẻ thù luôn tìm cách phá từ gốc rễ, phá niềm tin, phá tình thân ái, phá mối liên kết giữa các giai cấp và các dân tộc. Mất đoàn kết sẽ đe dọa toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Vì vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện chia rẽ, dù đến từ bên ngoài hay nảy sinh trong nội bộ. Người còn nhấn mạnh đại đoàn kết phải gắn liền với cảnh giác cách mạng. Trong các bài nói chuyện với đồng bào DTTS, Người luôn cảnh báo rằng nếu để bị chia rẽ thì sức mạnh sẽ suy yếu và dễ bị khuất phục. Sự cảnh giác này xuất phát từ bài học lịch sử và từ tầm nhìn chiến lược của Người về bảo vệ Tổ quốc XHCN. Hồ Chí Minh luôn gắn đoàn kết dân tộc với nhiệm vụ giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Độc lập dân tộc không bền vững nếu khối đoàn kết bị rạn nứt. Vì vậy, xây dựng ĐĐKCDT còn là điều kiện quan trọng để củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trước mọi kẻ thù xâm lược và phá hoại. Đoàn kết trở thành "lá chắn" bảo vệ chế độ, biên cương và sự thống nhất của đất nước.

Có thể thấy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng khối ĐĐKCDT là một chiến lược lâu dài nhằm làm thất bại mọi âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch. Đại đoàn kết phải được xây dựng trên niềm tin vào Đảng, sự bình đẳng giữa các dân tộc, tôn trọng bản sắc văn hóa và luôn gắn với cảnh giác, đấu tranh không khoan nhượng với mọi biểu hiện chia rẽ. Nhờ đó, cách mạng Việt Nam đã vượt qua nhiều thử thách, làm thất bại chính sách chia rẽ của thực dân, phong kiến và đế quốc, giữ vững khối thống nhất quốc gia. Những chỉ dẫn của Người vẫn còn nguyên giá trị: muốn bảo vệ độc lập dân tộc và CNXH thì phải giữ gìn và củng cố khối ĐĐKCDT, kiên quyết đánh bại mọi âm mưu phá hoại.

2.2.2. Nội dung xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Hồ Chí Minh luôn coi vùng dân tộc và miền núi có vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng. Người nhiều lần khẳng định: "Miền núi có vị trí cực kỳ quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng của cả nước" [89, tr.458]. Theo Người, sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ

quốc không thể tách rời sự tham gia, đóng góp của đồng bào các dân tộc thiểu số và các địa bàn miền núi, biên giới. Tuy nhiên, do điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hậu quả của chính sách thống trị của thực dân, phong kiến, trình độ phát triển giữa miền núi và miền xuôi, giữa các vùng và các dân tộc còn có sự chênh lệch. Đồng bào ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa thường gặp nhiều khó khăn hơn về đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội. Sự phát triển không đồng đều đó không chỉ ảnh hưởng đến đời sống của đồng bào mà còn tác động trực tiếp đến việc củng cố quan hệ bình đẳng, đoàn kết và gắn bó giữa các dân tộc.

Xuất phát từ thực tiễn này, để xây dựng khối ĐĐKCDT, Hồ Chí Minh không chỉ kêu gọi, động viên các dân tộc đoàn kết chung chung mà còn gắn đoàn kết các dân tộc với việc không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc. Người nói "Các chú đều biết, là miền núi nước ta có một vị trí quan trọng đối với quốc phòng, đối với kinh tế. Vì vậy, Trung ương Đảng và Chính phủ mà trực tiếp là các cấp ủy Đảng, các ủy ban địa phương, các cô, các chú phải làm sao nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào các dân tộc. Muốn như thế... phải đoàn kết các dân tộc, phải đoàn kết thương yêu nhau về mọi mặt" [90, tr.166]. Cùng với sự nỗ lực, phấn đấu vươn lên của mỗi dân tộc, Hồ Chí Minh luôn yêu cầu Đảng, Nhà nước quan tâm, giúp đỡ đồng bào phát triển toàn diện. Đây vừa là nội dung, vừa là điều kiện để củng cố khối ĐĐKCDT và phát huy tiềm năng, sức mạnh của các dân tộc. Cụ thể là:

Một là, trên lĩnh vực chính trị

Xây dựng sự thống nhất về mục tiêu, lý tưởng chính trị giữa các dân tộc

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng khối ĐĐKCDT trước hết phải xây dựng sự thống nhất về mục tiêu, lý tưởng chính trị giữa các dân tộc. Người cho rằng, đoàn kết không phải là sự tập hợp đơn thuần hay liên kết hình thức, mà phải được xây dựng trên cơ sở thống nhất về mục tiêu và lập trường chính trị. Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Đoàn kết thật sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí" [87, tr.362]. Đối với các dân tộc trong cộng đồng quốc gia Việt Nam, sự nhất trí đó được thể hiện ở việc cùng hướng tới mục tiêu chung là độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, xây dựng đất nước hòa bình, phát triển và từng bước đi lên CNXH.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, lợi ích của mỗi dân tộc - tộc người luôn gắn bó mật thiết với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc. Vì vậy, xây dựng khối ĐĐKCDT phải làm cho các dân tộc nhận thức sâu sắc rằng bảo vệ độc lập dân tộc, giữ vững chủ quyền quốc gia, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho Nhân dân chính là mục tiêu chung của toàn thể cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Người khẳng định: "Chúng ta góp chung lực lượng lại để giữ gìn quyền tự do, độc lập cho Tổ quốc ta" [80, tr.250].

Xuất phát từ mục tiêu đó, Hồ Chí Minh luôn đề cao tinh thần phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân và coi đây là điểm tương đồng lớn nhất để quy tụ các giai cấp, tầng lớp và các dân tộc. Người khẳng định mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể khái quát trong tám chữ: "Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc" [83, tr.49]. Theo Người, mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước đều phải hướng tới lợi ích của quốc gia và Nhân dân; đây cũng là nền tảng để củng cố sự đồng thuận và thống nhất giữa các dân tộc. Do đó, xây dựng sự thống nhất về mục tiêu, lý tưởng chính trị giữa các dân tộc là nội dung có ý nghĩa nền tảng trong xây dựng khối ĐĐKCDT. Đây là cơ sở để củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng, Nhà nước và chế độ; tạo sự đồng thuận xã hội; tăng cường thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động; đồng thời phát huy sức mạnh tổng hợp của các dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Xây dựng hệ thống chính trị vùng các dân tộc

Hồ Chí Minh cho rằng, nguyên tắc xuyên suốt xây dựng hệ thống chính trị ở Việt Nam, trong đó có vùng các dân tộc đều vì lợi ích của nhân dân. Ngay từ những ngày đầu thiết lập chính quyền cách mạng, Người khẳng định mô hình nhà nước của Việt Nam là Nhà nước dân chủ nhân dân. Người viết "Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra" [82, tr.232].

Với chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954), một vùng rộng lớn các tỉnh Tây Bắc được giải phóng. Một năm sau, năm 1955, Chính phủ đã quyết định thành lập Khu tự trị Thái - Mèo với mục đích làm cho các dân tộc anh em ở nơi đây dần dần tự quản lý lấy công việc của mình, mau chóng phát triển kinh tế và văn hoá của mình, thực hiện các dân tộc bình đẳng về mọi mặt. Trong Thư gửi đồng

bào Khu tự trị Thái - Mèo, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: Đảng và Chính phủ tin vào tinh thần yêu nước và lực lượng phấn đấu của đồng bào Khu tự trị Thái - Mèo, mong toàn thể nhân dân đồng tâm hiệp lực, làm cho Khu tự trị ngày thêm phát triển và tiến bộ, để góp phần xứng đáng vào công cuộc đấu tranh cho hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ khắp cả nước Việt Nam yêu quý của chúng ta [82, tr.232].

Từ thực tiễn đó cho thấy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng HTCT ở vùng đồng bào các dân tộc phải hướng tới phát huy vai trò của Nhân dân, bảo đảm sự gắn bó mật thiết giữa các tổ chức trong HTCT với đồng bào các dân tộc.Các tổ chức trong HTCT vừa có trách nhiệm tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, vừa phải thường xuyên gần gũi, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, chăm lo quyền và lợi ích chính đáng của đồng bào các dân tộc. Qua đó, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân, tăng cường niềm tin và tạo nền tảng chính trị cho khối ĐĐKCDT.

Đồng thời, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ ở vùng đồng bào các dân tộc, nhất là cán bộ người DTTS. Theo Người, cán bộ phải gần dân, hiểu dân, tôn trọng phong tục, tập quán của đồng bào, biết tuyên truyền, vận động và tổ chức Nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Việc chăm lo xây dựng tổ chức đảng, chính quyền và đội ngũ cán bộ ở cơ sở vững mạnh, phát huy vai trò của cán bộ người DTTS không chỉ nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách mà còn góp phần bảo đảm quyền làm chủ, tăng cường sự gắn bó giữa các dân tộc và củng cố khối ĐĐKCDT từ cơ sở.

Thực hiện bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các dân tộc

Đoàn kết dân tộc theo Hồ Chí Minh phải gắn với bình đẳng dân tộc, đấu tranh chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc nhỏ, tự ti hoặc chia rẽ dân tộc. Người yêu cầu: "làm cho các dân tộc anh em dần dần tự quản lấy mọi công việc của mình, để mau chóng phát triển kinh tế và văn hóa của mình, để thực hiện các dân tộc bình đẳng về mọi mặt" [85, tr.453].

Người cho rằng, các dân tộc trong cộng đồng quốc gia Việt Nam tuy khác nhau về quy mô dân số, trình độ phát triển, điều kiện sinh sống và bản sắc văn hóa nhưng đều bình đẳng cả về quyền lợi và nghĩa vụ, và quyền bình đẳng đó phải được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội…

Quyền bình đẳng đó còn phải được hiện thực hóa, thể chế hóa trong mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng, Nhà nước bằng pháp luật. Điều 3 Hiến pháp năm 1959 ghi rõ: "Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ". Điều 6 Hiến pháp năm 1946 ghi rõ: "Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa".

Quyền bình đẳng tối cao là quyền làm chủ đất nước. Hồ Chí Minh khẳng định: "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là tất cả đồng bào các dân tộc đều là người chủ nước nhà" [89, tr.94]. Tại phiên họp Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (3-9-1945), Người đã đề nghị "Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái, mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống" [80, tr.7].

Vậy nên các dân tộc cũng bình đẳng về nghĩa vụ, trong đó nghĩa vụ cao nhất là giữ gìn sự thống nhất đất nước. Mỗi người dân, mỗi dân tộc phải "một lòng một dạ", "đồng tâm hiệp lực" vì lợi ích quốc gia - dân tộc, nỗ lực phấn đấu để cùng nhau xây dựng một nước Việt Nam: Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc.

Để thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc, Hồ Chí Minh còn yêu cầu phải đấu tranh với tư tưởng hẹp hỏi dân tộc, tính cục bộ, địa phương cũng như tâm lý tự ti dân tộc. Người chỉ rõ "phải khắc phục những tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc. Người dân tộc lớn dễ mắc bệnh kiêu ngạo. Cán bộ địa phương, nhân dân địa phương lại dễ cho mình là dân tộc bé nhỏ, tự ti, cái gì cũng cho là mình làm không được rồi không cố gắng" [90, tr.167]. Điều 3 Hiến pháp năm 1959 còn ghi rõ: "Nhà nước có nhiệm vụ gìn giữ và phát triển sự đoàn kết giữa các dân tộc. Mọi hành vi kinh miệt, áp bức, chia rẽ dân tộc đều bị nghiêm cấm".

Như vậy, bình đẳng giữa các dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ được pháp luật ghi nhận mà còn phải được hiện thực hóa trong đời sống chính trị và xã hội. Thực hiện bình đẳng phải gắn với phát huy quyền làm chủ, tạo điều kiện để các dân tộc cùng tham gia,

cùng đóng góp và cùng phát triển; đồng thời kiên quyết khắc phục những biểu hiện tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti, kỳ thị và âm mưu xuyên tạc, chia rẽ dân tộc. Đây là cơ sở quan trọng để củng cố niềm tin, tăng cường sự gắn bó và xây dựng khối ĐĐKCDT bền vững.

Hai là, trên lĩnh vực kinh tế

Phát triển kinh tế, tổ chức sản xuất, tạo việc làm cho đồng bào các dân tộc, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa các dân tộc và vùng miền

Do điều kiện kinh tế - tự nhiên, lịch sử và hậu quả của chính sách đô hộ của thực dân, đế quốc để lại, miền núi và đồng bào các DTTS ở nước ta trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội còn thấp nhiều so với đồng bào miền xuôi; dân tộc ở vùng núi cao còn nhiều khó khăn hơn đồng bào các dân tộc sống ở đô thị. Sự chênh lệch về đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các vùng đồng bào dân tộc tạo ra sự phát triển không đồng đều giữa các dân tộc. Đây là một trở lực lớn để thực hiện sự đoàn kết các dân tộc nói riêng, sự phát triển của cả nước nói chung trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, bởi "chủ nghĩa xã hội là tất cả mọi người các dân tộc ngày càng ấm no, con cháu chúng ta ngày càng sung sướng" [89, tr.78].

Xuất phát từ thực tế đó, Hồ Chí Minh không chỉ kêu gọi các dân tộc đoàn kết mà còn gắn đoàn kết với phát triển kinh tế, mở rộng sản xuất, tạo việc làm và từng bước khắc phục sự chênh lệch giữa các vùng, nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc. Theo Người, muốn đoàn kết bền vững phải tạo điều kiện để đồng bào có sinh kế, có việc làm, có khả năng phát triển sản xuất và từng bước cải thiện đời sống bằng chính sức lao động của mình.

Xuất phát từ tiềm năng thiên nhiên, truyền thống sản xuất và những nhu cầu cơ bản, thiết yếu đối với đồng bào các dân tộc, Hồ Chí Minh yêu cầu trước hết là "mở mang nghề nghiệp cho các dân tộc được hưởng", lấy phát triển nông nghiệp làm khâu đột phá và làm tiền đề, điều kiện cho công nghiệp hóa sau này. Bởi nông nghiệp là con đường cốt yếu có thể đáp ứng và thỏa mãn các nhu cầu của con người một cách nhanh nhất, thiết thực nhất. Người yêu cầu: "Chính phủ sẽ gắng sức giúp các DTTS để mở mang nông nghiệp, ai cũng có đất mà cày" [82, tr.156]. Phát triển nông nghiệp toàn diện, tùy điều kiện của từng địa phương mà phát triển cây lương thực hay cây ăn quả, cây công nghiệp. Đưa tiến bộ khoa học -

kỹ thuật vào các ngành nông, lâm nghiệp, đẩy mạnh phong trào cải tiến công cụ sản xuất và khắc phục tình trạng xói mòn đất. Người khẳng định: "Chúng ta phải làm cho miền núi và trung du thành một nơi giàu có về nông nghiệp để nâng cao hơn nữa đời sống của nhân dân, để thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa" [90, tr.293].

Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng kinh tế hợp tác, xem đây vừa là hình thức tổ chức sản xuất, vừa là phương thức phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ trong lao động. Người viết: "Đảng và Chính phủ đã chia ruộng đất cho dân cày. Từ chỗ làm ăn riêng lẻ không có lợi, bà con nông dân đã tổ chức hợp tác xã, làm ăn tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau cùng làm cùng hưởng" [89, tr.6]. Bên cạnh đó, Người còn chủ trương động viên đồng bào miền núi thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng nông trường gương mẫu, dần dần phát triển công nghiệp địa phương. Kết hợp chặt chẽ công nghiệp địa phương, thủ công nghiệp và nông nghiệp; sản xuất, chế biến và giao lưu hàng hóa.

Để phát triển kinh tế, phát triển sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào các dân tộc, Hồ Chí Minh quan tâm nhiều vấn đề liên quan đến việc phát triển thủy lợi, mở mang đường sá giao thông. Những con đường lớn, huyết mạch thì do Trung ương phụ trách, Bộ Giao thông chịu trách nhiệm. Những con đường nhỏ nối làng này qua làng khác, thì xã tự động làm, và điều quan trọng hơn nữa mà Người căn dặn các cấp ủy, chính quyền địa phương là "nên làm cho đồng bào thấy rõ lợi ích của việc làm thêm đường sá". Người nhắc nhở: "Thủy lợi cũng còn kém. Bác có đi mấy chỗ, thì thấy rằng thủy lợi mà làm to như dưới xuôi thì khó. Nhưng làm thủy lợi nhỏ thì không khó lắm đâu. Những nơi khe núi, nếu mình biết đắp đập, cũng chứa được nước để lúc cần mở ra. Những chỗ như thế không phải là ít..." [90, tr.165]. Người cho rằng: "Vấn đề quan trọng nhất miền núi hiện nay là xây dựng hợp tác xã cho tốt, củng cố cho tốt, quản lý cho tốt, làm thủy lợi cho tốt, phát triển giao thông giữa huyện này và huyện khác, giữa tỉnh này và tỉnh khác" [90, tr.166].

Ngoài ra, Hồ Chí Minh còn quan tâm đến việc trồng rừng, bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng cho phù hợp với điều kiện và đặc thù của khu vực. Người viết: "Các cô, các chú cần hết sức chú ý vấn đề bảo vệ rừng. Nếu cứ để tình trạng

đồng bào phá một ít, nông trường phá một ít, công trường phá một ít, thậm chí đoàn thăm dò địa chất cũng phá một ít, thì rất tai hại. Phá rừng thì dễ, nhưng gây lại rừng thì phải mất hàng chục năm. Phá rừng nhiều như vậy sẽ ảnh hưởng đến khí hậu, ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống rất nhiều..." [90, tr.165]. Qua đó cho thấy, trong tư tưởng của Người, phát triển kinh tế vùng dân tộc phải dựa trên khai thác hợp lý tiềm năng, tổ chức sản xuất phù hợp, phát triển hạ tầng và bảo vệ các điều kiện tự nhiên bảo đảm cho sự phát triển lâu dài.

Nâng cao đời sống vật chất của đồng bào các dân tộc

Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất của đồng bào các dân tộc, nhất là đồng bào DTTS ở miền núi, vùng sâu, vùng xa và vùng biên giới. Theo Người, xây dựng khối ĐĐKCDT phải gắn với việc không ngừng cải thiện đời sống của Nhân dân. Người căn dặn: "Các chú đều biết là miền núi nước ta chiếm một vị trí quan trọng đối với quốc phòng, đối với kinh tế. Vì vậy Trung ương Đảng và Chính phủ, mà trực tiếp là các cấp ủy đảng, các ủy ban địa phương, các cô, các chú, phải làm sao nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào các dân tộc" [90, tr.166].

Đối với Hồ Chí Minh, nâng cao đời sống vật chất của đồng bào các dân tộc vừa là mục tiêu, vừa là điều kiện quan trọng để xây dựng khối ĐĐKCDT. Điều đó đòi hỏi phải chăm lo phát triển sản xuất, tạo việc làm, cải thiện thu nhập và điều kiện sống, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc. Qua đó, bảo đảm bình đẳng thực chất, củng cố niềm tin, tăng cường sự gắn bó và tạo nền tảng vật chất bền vững cho khối ĐĐKCDT.

Ba là, trên lĩnh vực văn hoá - xã hội

Tôn trọng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc

Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, coi văn hóa là yếu tố quan trọng góp phần gắn kết cộng đồng và củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc. Theo tư tưởng của Người, mỗi dân tộc đều có những giá trị văn hóa riêng cần được tôn trọng, giữ gìn và phát huy trong sự thống nhất của nền văn hóa dân tộc Việt Nam. Quan điểm đó được thể hiện trong Điều 3 Hiến pháp năm 1959: "Các dân tộc có quyền duy trì

hoặc sửa đổi phong tục tập quán, dùng tiếng nói chữ viết, phát triển văn hoá dân tộc mình".

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng khối ĐĐKCDT không có nghĩa là đồng nhất hay xóa bỏ sự khác biệt giữa các dân tộc, mà là xây dựng sự đoàn kết trên cơ sở tôn trọng những nét riêng của mỗi dân tộc. Đây chính là sự thống nhất trong đa dạng, "cầu đồng tồn dị", lấy những lợi ích và mục tiêu chung của quốc gia, dân tộc làm điểm tương đồng để gắn kết các dân tộc, đồng thời tôn trọng những khác biệt về văn hóa, phong tục, tập quán và lối sống của mỗi dân tộc. Người căn dặn: *"Ngày nay, các dân tộc anh em chúng ta muốn tiến bộ, muốn phát triển văn hóa của mình thì chúng ta phải tẩy trừ những thành kiến giữa các dân tộc, phải đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau như anh em một nhà"* [85, tr.375]. Theo đó, xây dựng khối ĐĐKCDT trên lĩnh vực văn hóa - xã hội phải gắn với việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, đồng thời tăng cường giao lưu, học hỏi lẫn nhau, xóa bỏ mặc cảm, định kiến dân tộc, xây dựng sự hiểu biết, tôn trọng và gắn bó giữa các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.

Xây dựng đời sống văn hóa mới cho từng dân tộc

Không chỉ quan tâm đến việc giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa của các dân tộc, Hồ Chí Minh còn rất chú ý đến việc đề ra những nội dung, biện pháp, bước đi thích hợp về xây dựng nền văn hóa mới cho từng dân tộc. Người xác định nhiệm vụ trước mắt của Đảng và Nhà nước: "Ra sức giúp đỡ đồng bào phát triển những việc có ích cho đời sống vật chất và văn hóa của các dân tộc. Ra sức làm cho tốt, cho khéo" [90, tr.169].

Theo Hồ Chí Minh, do điều kiện đặc thù còn nhiều khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số chịu ảnh hưởng bởi các phong tục tập quán lạc hậu nên càng khó khăn hơn: "Những hủ tục khác như cúng bái, ma chay còn nhiều. Có nơi nuôi gà, nuôi lợn được bao nhiêu giết để cúng gần hết" [90, tr.164]. Để xây dựng đời sống văn hóa mới vùng đồng bào dân tộc, theo Người, bên cạnh việc trân trọng, kế thừa, phát huy những gì tốt, quý báu, còn phải loại bỏ những gì là hủ tục lạc hậu, truyền thống không phù hợp. Cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ, cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý còn cái gì mới mà hay, thì

ta phải tiếp thu. Người xác định: "Muốn cải tạo phong tục tập quán được tốt, thì tuyên huấn phải làm, mà phải làm bền bỉ liên tục, làm dần dần, chứ không thể chủ quan nóng vội, muốn làm hết ngay một lúc" [90, tr.165].

Nâng cao dân trí, phát triển giáo dục, y tế và đời sống văn hóa - xã hội của đồng bào các dân tộc

Hồ Chí Minh cho rằng xây dựng khối ĐĐKCDT phải gắn với việc không ngừng nâng cao dân trí, chăm lo giáo dục, y tế và đời sống văn hóa, tinh thần của đồng bào các dân tộc, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Theo Người, sự chênh lệch về trình độ dân trí, điều kiện học tập, chăm sóc sức khỏe và hưởng thụ văn hóa giữa các dân tộc có thể ảnh hưởng đến sự phát triển đồng đều và bền vững của khối đoàn kết. Người nhấn mạnh: *"Đồng bào, cán bộ cần chú ý giúp đỡ đồng bào rẻo cao, vì ở đấy làm ăn khó nhọc hơn, văn hóa cũng phát triển chậm hơn"* [87, tr.552].

Ngay sau khi giành được độc lập, Người đã khẳng định: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu" [80, tr.7], từ đó đặc biệt quan tâm đến công tác xóa nạn mù chữ, nâng cao dân trí và phát triển giáo dục cho Nhân dân. Để giúp đỡ công tác bình dân học vụ ở các tỉnh miền núi phía Bắc, vùng dân tộc thiểu số, Nha Bình dân học vụ, ngay sau khi được thành lập, đã mở hai khoá huấn luyện sư phạm đào tạo cán bộ chống mù chữ là khóa Đoàn kết và khóa Xung phong. Khoá Đoàn kết là khóa học dành cho cán bộ người dân tộc thiểu số còn khoá Xung phong dành cho các cán bộ, giáo viên ở Hà Nội, các tỉnh miền xuôi tình nguyện, xung phong lên miền núi công tác, xây dựng công tác bình dân học vụ. Ngoài ra, từ ngày 25-6 đến 27-7-1946, Nha Bình dân học vụ còn tổ chức khóa huấn luyện sư phạm cho 75 học viên người Mường, Tày, H'Mông, Dao, v.v… tăng cường cho các lớp xóa mù chữ. Ngay sau khi thành lập, Ban Bình dân học vụ các địa phương đã cử nhiều cán bộ đến từng bản làng để vận động nhân dân hưởng ứng Chiến dịch diệt dốt của Trung ương.

Để phát triển giáo dục phổ thông, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng và Nhà nước phải phát triển các loại trường học tập phù hợp với đặc điểm địa hình, giao thông đi lại của miền núi, và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của miền núi như: trường dân tộc nội trú, trường thanh niên dân tộc vừa học vừa làm.

Cán bộ, con em đồng bào các dân tộc phải được đãi ngộ xứng đáng và tạo điều kiện học tập; phải có động cơ, thái độ học tập đúng đắn để sau này đóng góp công sức cho sự phát triển của vùng miền núi, đồng bào các dân tộc.

Đi cùng với đó, Hồ Chí Minh còn chú trọng đẩy mạnh công tác y tế, chăm lo sức khỏe, vệ sinh phòng bệnh và chữa bệnh cho đồng bào các dân tộc; làm cho bản mường sạch sẽ, đồng bào mạnh khoẻ. Để giữ gìn và nâng cao sức khỏe cho đồng bào các dân tộc, Người chỉ ra những vấn đề mà Đảng và Nhà nước phải quan tâm giúp đỡ, như: chú ý đến việc phòng, khám chữa bệnh cho đồng bào; xóa bỏ những hủ tục mê tín, những vấn đề ăn, mặc, ở chưa hợp vệ sinh, làm cho đồng bào hiểu rõ "giữ gìn vệ sinh, ăn sạch, uống sạch, ở sạch thì mới khỏe; sức càng khỏe thì lao động sản xuất càng tốt" [89, tr.95].

Bốn là, trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh

Tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị ở vùng đồng bào các dân tộc

Nhận thức sâu sắc vị trí chiến lược của vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Người nhấn mạnh: "Miền núi đối với quốc phòng rất quan trọng. Vì vậy phải chăm lo đến việc củng cố quốc phòng, duy trì trật tự trị an, để chủ động tiêu diệt nhanh chóng bọn biệt kích, đập tan âm mưu của bọn phản động" [90, tr.167]. Theo Người, bảo vệ quốc phòng, an ninh ở vùng miền núi không chỉ là nhiệm vụ của các lực lượng chuyên trách mà còn là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị và Nhân dân: "Cố nhiên đây là trách nhiệm chính của bộ đội, của công an biên phòng, của dân quân. Nhưng toàn Đảng, toàn dân đều có trách nhiệm giúp sức vào việc đó" [90, tr.167]. Đặc biệt, Người coi trọng vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, việc khắc phục tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc và tăng cường đoàn kết trong các tổ chức đảng, đoàn thể. Người chỉ rõ: "Trước hết là cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, phải tránh thói công thần... Cũng phải khắc phục những tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc… Phải củng cố vững chắc, phát triển tốt Đảng và đoàn thanh niên. Muốn củng cố phát triển tốt Đảng, Đoàn, trước hết

nội bộ phải đoàn kết chặt chẽ từ tỉnh, huyện đến xã." [90, tr.167]. Những chỉ dẫn đó thể hiện sự gắn bó chặt chẽ giữa củng cố quốc phòng, an ninh với xây dựng đoàn kết nội bộ, phát huy sức mạnh của Nhân dân, tạo nền tảng vững chắc cho khối ĐĐKCDT.

Xây dựng thế trận lòng dân vững chắc gắn với củng cố quốc phòng - an ninh

Hồ Chí Minh cho rằng sức mạnh của quốc phòng - an ninh trước hết bắt nguồn từ Nhân dân và khối ĐĐKTDT. Theo Người, muốn bảo vệ vững chắc Tổ quốc phải xây dựng được lòng dân vững chắc, tạo sự đồng thuận, tin tưởng và gắn bó giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ. Người khẳng định: "Dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong" [91, tr.280]. Đây là sự khẳng định sâu sắc vai trò quyết định của Nhân dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để củng cố quốc phòng - an ninh, Hồ Chí Minh luôn gắn nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc với việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, nhất là đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và vùng biên giới. Theo Người, khi đời sống của Nhân dân được cải thiện, niềm tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước được tăng cường, từ đó tạo nên nền tảng chính trị - xã hội vững chắc cho sự nghiệp bảo vệ đất nước. Chăm lo đời sống đồng bào vùng cao, vùng sâu, vùng xa là "giữ nước từ sớm, từ xa" thông qua việc củng cố lòng dân. Đồng thời, Hồ Chí Minh đề cao mối quan hệ máu thịt quân - dân. Người căn dặn: "Cán bộ và chiến sĩ thương yêu nhau như ruột thịt, chia ngọt sẻ bùi. Quân và dân như cá với nước..." [90, tr.435]. Theo đó, lực lượng vũ trang không chỉ làm nhiệm vụ quốc phòng mà còn tích cực tham gia công tác dân vận, giúp dân phát triển sản xuất, khắc phục khó khăn, giữ vững an ninh chính trị và trật tự ở cơ sở. Thông qua đó, củng cố khối ĐĐKCDT, tăng cường thế trận lòng dân và tạo nên sức mạnh tổng hợp để bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội và củng cố quốc phòng - an ninh là những nhiệm vụ có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ lẫn

nhau. Phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân là cơ sở quan trọng để củng cố quốc phòng - an ninh; ngược lại, giữ vững quốc phòng - an ninh, ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội.

Đối với vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm phát triển sản xuất, nâng cao dân trí, chăm lo đời sống Nhân dân gắn với củng cố quốc phòng - an ninh. Theo tư tưởng của Người, việc kết hợp các nhiệm vụ này không chỉ góp phần cải thiện đời sống, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc mà còn tạo cơ sở củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước, tăng cường sự gắn bó giữa các dân tộc, phát huy sức mạnh của Nhân dân trong giữ gìn an ninh, trật tự và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Qua đó, xây dựng khối ĐĐKCDT. vững chắc, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước.

2.2.3. Lực lượng xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng khối ĐĐKCDT là sự nghiệp của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Để xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đoàn kết giữa các dân tộc, cần có sự tham gia của toàn bộ hệ thống chính trị và toàn thể đồng bào các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

2.2.3.1. Đảng Cộng sản Việt Nam - lực lượng lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Hồ Chí Minh khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo cách mạng, đồng thời là hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Người chỉ rõ: "Cách mệnh trước hết phải có đảng cách mệnh... Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy" [78, tr.289]. Đảng có trách nhiệm đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn về công tác dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc; tổ chức, lãnh đạo và phát huy sức mạnh của các dân tộc nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Sự lãnh đạo của Đảng đối với khối ĐĐKCDT phải xuất phát từ lợi ích của Nhân dân và vì hạnh phúc của Nhân dân. Người nhấn mạnh: "Ngoài lợi ích của nhân dân Đảng ta không có lợi ích nào khác. Vì vậy, cán bộ và đảng viên

phải một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phải là người đầy tớ hết sức trung thành của nhân dân" [89, tr.107]. Đây vừa là mục tiêu, vừa là cơ sở để Đảng tập hợp, đoàn kết các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Để thực hiện mục tiêu đó, Đảng phải thường xuyên chăm lo xây dựng và củng cố khối đoàn kết giữa các dân tộc. Hồ Chí Minh khẳng định: "Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta là: Các dân tộc đều bình đẳng và phải đoàn kết chặt chẽ, thương yêu giúp đỡ nhau như anh em" [89, tr.495]. Theo Người, đoàn kết giữa các dân tộc không chỉ là yêu cầu khách quan của cách mạng mà còn là trách nhiệm của các cấp ủy đảng và chính quyền trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và vùng biên giới.

Đồng thời, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân và coi đây là điều kiện bảo đảm cho sự thành công của sự nghiệp đại đoàn kết. Người chỉ rõ: "Nếu không có nhân dân giúp sức, thì Đảng không làm được việc gì hết" [81, tr.278]. Vì vậy, Đảng phải thường xuyên giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ, gắn bó mật thiết với Nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của đồng bào các dân tộc.

Như vậy, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam là chủ thể lãnh đạo xây dựng khối ĐĐKCDT, giữ vai trò định hướng, tổ chức và phát huy sức mạnh của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định bảo đảm cho khối ĐĐKCDT được xây dựng, củng cố và phát triển bền vững.

2.2.3.2. Nhà nước - lực lượng tổ chức thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước giữ vai trò tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng về đoàn kết dân tộc, bảo đảm các quyền lợi chính đáng của Nhân dân và hiện thực hóa mục tiêu đại đoàn kết trong đời sống xã hội. Người khẳng định chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là Nhân dân là người làm chủ đất nước, còn Chính phủ là người đầy tớ trung thành của Nhân dân, có trách nhiệm phục vụ Tổ quốc và phục vụ Nhân dân. Vì vậy, xây dựng khối

ĐĐKCDT không chỉ là nhiệm vụ của Đảng mà còn là trách nhiệm trực tiếp của Nhà nước thông qua việc tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc, bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc và chăm lo đời sống của đồng bào các dân tộc.

Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Nhà nước và Nhân dân trong xây dựng khối đoàn kết dân tộc, Người khẳng định: "Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối… nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì" [80, tr.64]. Theo đó, sức mạnh của Nhà nước bắt nguồn từ Nhân dân, đồng thời Nhà nước có trách nhiệm lãnh đạo, tổ chức và tạo điều kiện để Nhân dân các dân tộc tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước. Sự gắn bó giữa Nhà nước với Nhân dân vừa là điều kiện, vừa là cơ sở bảo đảm cho khối ĐĐKCDT được củng cố và phát triển bền vững.

Để tập hợp và đoàn kết đồng bào các dân tộc, Hồ Chí Minh yêu cầu Nhà nước phải đặc biệt quan tâm đến lợi ích vật chất và tinh thần của Nhân dân. Người nhấn mạnh: "Đối với dân, Chính phủ phải thi hành một nền chính trị liêm khiết như cải thiện đời sống của nhân dân, cứu tế thất nghiệp, sửa đổi chế độ xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa,… Có như thế, dân chúng mới đoàn kết chung quanh Chính phủ…" [80, tr.258]. Theo Người, việc không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc vừa là mục tiêu, vừa là điều kiện quan trọng để tăng cường sự gắn bó giữa Nhân dân với Nhà nước, củng cố niềm tin của đồng bào đối với chế độ.

Đặc biệt, Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc thực hiện CSDT nhằm bảo đảm quyền bình đẳng và tạo điều kiện phát triển cho đồng bào các DTTS. Người khẳng định: "Dân tộc bình đẳng: Chính phủ sẽ bãi bỏ hết những điều hủ tệ cũ, bao nhiêu bất bình đẳng trước sẽ sửa chữa đi" và "Chính phủ sẽ gắng sức giúp cho các dân tộc thiểu số về mọi mặt" [80, tr.130]. Theo đó, Nhà nước có trách nhiệm chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, nâng cao dân trí, cải thiện đời sống và tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc cùng phát triển, cùng hưởng thành quả của cách mạng.

2.2.3.3. Mặt trận Dân tộc thống nhất và các tổ chức chính trị - xã hội - lực lượng tập hợp, vận động và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Mặt trận Dân tộc thống nhất là hình thức tổ chức cơ bản của khối ĐĐKTDT, nơi quy tụ mọi giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và những người yêu nước cùng phấn đấu vì mục tiêu chung của dân tộc. Hồ Chí Minh khẳng định: "Tham gia Mặt trận gồm đông đảo các giai cấp, tầng lớp quần chúng, các đảng phái yêu nước không phân biệt dân tộc, tôn giáo, xu hướng chính trị" [89, tr.561]. Theo đó, Mặt trận không chỉ là nơi tập hợp lực lượng mà còn là hình thức tổ chức của khối ĐĐKDT trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Bên cạnh Mặt trận Dân tộc thống nhất, các tổ chức chính trị - xã hội như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân... giữ vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc và đoàn kết dân tộc. Thông qua hoạt động của mình, các tổ chức chính trị - xã hội góp phần tập hợp, phát huy sức mạnh của các dân tộc, tạo sự đồng thuận xã hội và củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng có thể đoàn kết được vì lợi ích của dân tộc. Người chỉ rõ: "Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ" [83, tr.438]. Quan điểm đó thể hiện tư tưởng đoàn kết rộng rãi, lâu dài và chân thành, không phân biệt thành phần dân tộc, tôn giáo hay địa vị xã hội.

Như vậy, Mặt trận Dân tộc thống nhất và các tổ chức chính trị - xã hội giữ vai trò nòng cốt trong việc tập hợp, vận động và phát huy sức mạnh của các tầng lớp Nhân dân, các dân tộc và các lực lượng xã hội; qua đó góp phần củng cố sự đồng thuận, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân và xây dựng khối ĐĐKCDT ngày càng vững chắc.

2.2.3.4. Đồng bào các dân tộc - lực lượng trực tiếp tham gia xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có tốt, có đúng nhưng nếu thiếu con người thực hiện hoặc có thực hiện nhưng thiếu sự gắn kết của đồng bào các dân tộc thì hiệu quả của những chủ trương, chính sách đó cũng không phát huy được tác dụng, hoặc nếu có thì cũng chỉ dừng lại ở mức độ nhất định. Hơn nữa, tâm lý tự ti dân tộc, hẹp hòi dân tộc vẫn đang tồn tại không ít trong đồng bào các dân tộc. Vì vậy, rất dễ nảy sinh tình trạng mất đoàn kết cục bộ.

Với vai trò là chủ thể trực tiếp xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, Hồ Chí Minh yêu cầu đồng bào các dân tộc phải đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ an ninh thôn bản. Người căn dặn: "Đồng bào các dân tộc ghi nhớ và làm cho đúng: 1. Đoàn kết thân ái giúp đỡ lẫn nhau. 2. Giúp đỡ bộ đội diệt phỉ, trừ gian, giữ gìn trật tự. 3. Ra sức sản xuất để mọi người được no ấm. 4. Hết sức trung thành với Tổ quốc với Chính phủ..." [84, tr.367]. Trong bốn nội dung đó, Hồ Chí Minh đặt đoàn kết lên vị trí hàng đầu bởi đây là cơ sở để phát huy vai trò chủ thể của đồng bào các dân tộc trong phát triển kinh tế, giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng cuộc sống mới. Chính sự tham gia tích cực của đồng bào các dân tộc đã tạo nên sức mạnh của khối ĐĐKCDT.

Đồng thời, Hồ Chí Minh yêu cầu đồng bào các dân tộc phải khắc phục những biểu hiện cản trở đoàn kết như tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc; tăng cường giúp đỡ lẫn nhau giữa miền núi và miền xuôi, giữa dân tộc đa số và dân tộc thiểu số. Điều đó cho thấy, khối ĐĐKCDT không phải là sự liên kết mang tính hình thức mà được hình thành, củng cố và phát triển từ chính quá trình đồng bào các dân tộc cùng tham gia lao động sản xuất, xây dựng đời sống mới, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện các mục tiêu phát triển của đất nước. Đây chính là cơ sở xã hội bền vững tạo nên sức mạnh của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng bào các dân tộc là chủ thể trực tiếp tham gia xây dựng khối ĐĐKCDT. Sức mạnh của khối đoàn kết được tạo

nên từ quyền làm chủ, tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm, sự đồng lòng và hành động tự giác của các dân tộc trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

2.2.4. Nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, ĐĐKCDT là vấn đề chiến lược, quyết định thắng lợi của cách mạng và sự phát triển bền vững của đất nước. Khối ĐĐKCDT chỉ vững nếu được xây dựng trên những nguyên tắc rõ ràng, nhất quán và được thực hiện bằng tổ chức, bằng hành động của cả HTCT.

Thứ nhất, bảo đảm sự thống nhất giữa lợi ích quốc gia dân tộc với lợi ích chính đáng của từng dân tộc

Đây là nguyên tắc có ý nghĩa nền tảng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT. Đoàn kết chỉ thực sự bền vững khi các dân tộc cùng hướng tới mục tiêu, lợi ích chung của quốc gia - dân tộc, đồng thời những lợi ích chính đáng của mỗi dân tộc được tôn trọng và bảo đảm. Hồ Chí Minh đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ lợi ích này.

Hồ Chí Minh đã tìm ra mẫu số chung để đoàn kết các dân tộc là độc lập tự do của đất nước, hạnh phúc của nhân dân. Người khẳng định dân tộc Việt Nam có quyền được hưởng tự do, độc lập; đồng thời nhấn mạnh độc lập dân tộc phải gắn liền với tự do, hạnh phúc của Nhân dân. Trên cơ sở đó, Người chủ trương tập hợp mọi lực lượng yêu nước, không phân biệt dân tộc, giai cấp, tôn giáo hay xu hướng chính trị, tạo nên sự thống nhất về mục tiêu, ý chí và hành động vì độc lập dân tộc và hạnh phúc của Nhân dân.

Đối với cộng đồng các dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc rằng mỗi dân tộc có những đặc điểm lịch sử, văn hóa, điều kiện phát triển và nhu cầu riêng. Vì vậy, xây dựng khối ĐĐKCDT không phải là xóa bỏ sự khác biệt mà là tôn trọng sự đa dạng, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. Theo Người, mọi dân tộc đều có quyền bình đẳng, được tạo điều kiện phát triển và cùng hưởng thành quả của cách mạng. Việc giải quyết đúng đắn lợi ích giữa các dân tộc không chỉ góp phần tăng cường niềm tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước mà còn tạo động lực quan trọng để củng cố khối ĐĐKCDT trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, đại đoàn kết các dân tộc một cách tự giác, có tổ chức và có lãnh đạo.

Theo Hồ Chí Minh, ĐĐKCDT không phải là sự liên kết ngẫu nhiên, tự phát hay nhất thời mà phải được xây dựng trên cơ sở tự giác, bền vững và hướng tới mục tiêu chung của dân tộc. Người cho rằng chỉ khi các dân tộc nhận thức đúng quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với đất nước thì mới tự nguyện đoàn kết, gắn bó và cùng hành động vì mục tiêu độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc của Nhân dân. Vì vậy, xây dựng khối ĐĐKCDT trước hết phải làm cho đồng bào các dân tộc giác ngộ về lợi ích chung của quốc gia - dân tộc và vai trò của mình trong sự nghiệp cách mạng.

Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết chỉ trở thành sức mạnh hiện thực khi được tổ chức thành lực lượng có mục tiêu, có phương hướng và có sự phối hợp hành động thống nhất. Một dân tộc dù đông đến đâu nhưng nếu không được tổ chức, không có mục tiêu thì cũng không thể tạo thành sức mạnh. Vì vậy, khối ĐĐKCDT phải được tập hợp trong các hình thức tổ chức phù hợp, trước hết là Mặt trận dân tộc thống nhất - nơi quy tụ các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và mọi lực lượng yêu nước. Thông qua Mặt trận, sức mạnh của các dân tộc được tập hợp, phát huy và chuyển hóa thành sức mạnh của toàn dân tộc.

Đặc biệt, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng khối ĐĐKCDT. Theo Người, chỉ có Đảng mới đủ bản lĩnh chính trị, trí tuệ và năng lực tổ chức để định hướng, tập hợp và phát huy sức mạnh của các dân tộc vì mục tiêu chung của cách mạng. Người khẳng định: "Đấu tranh trên hai mặt trận như thế, thì vai trò lãnh đạo của Đảng trong Mặt trận dân tộc thống nhất mới được đảm bảo, nền tảng công nông của Mặt trận mới được vững chắc, tính chất rộng rãi của Mặt trận mới được phát huy đầy đủ" [91, tr.417]. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, khối ĐĐKCDT được xây dựng trên cơ sở thống nhất về mục tiêu, lợi ích và hành động, bảo đảm sự gắn bó chặt chẽ giữa các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Thứ ba, tin vào dân, dựa vào dân và phấn đấu vì quyền lợi của đồng bào các dân tộc.

Đây là nguyên tắc xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh, được hình thành trên cơ sở kế thừa truyền thống "lấy dân làm gốc" của dân tộc, quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Người khẳng định: dân là gốc rễ, là nền tảng của đại đoàn kết. Dân là chủ thể của đại đoàn kết. Dân là nguồn sức mạnh vô tận, vô địch của khối đại đoàn kết.

Hồ Chí Minh luôn tin vào lòng yêu nước, tinh thần tự tôn, tự hào của các dân tộc; không cam chịu làm nô lệ, không cam chịu đói nghèo, quyết tâm bảo vệ sự thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia gắn với tự do, hạnh phúc, bình đẳng của đồng bào các dân tộc. Chính niềm tin sâu sắc này đã giúp Người tập hợp, đoàn kết và phát huy được sức mạnh to lớn của đồng bào các dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như xây dựng đất nước.

Hồ Chí Minh cũng đề cao truyền thống đoàn kết, gắn bó; lòng trung thành với Đảng, với cách mạng; tinh thần chịu khó, thật thà, cần cù, thông minh... của đồng bào các dân tộc. Thời gian Người sống, gắn bó và gần gũi với đồng bào các dân tộc càng giúp Người hiểu rõ những truyền thống tốt đẹp đó. Trong những lần gặp gỡ, tiếp xúc, qua những bức thư gửi đồng bào các dân tộc, Hồ Chí Minh luôn nhắc lại công ơn của đồng bào đối với Người, với cách mạng. Qua đó, đề cao những truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc, đồng thời kêu gọi đồng bào các dân tộc phát huy những truyền thống tốt đẹp đó để cùng góp sức thực hiện thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước.

Hồ Chí Minh luôn tin tưởng vào khả năng tự vươn lên của đồng bào các dân tộc. Trong thư gửi đồng bào Khu tự trị Thái - Mèo, Người tha thiết "kêu gọi những người ở Tây Bắc đã lầm đường lạc lối, mau mau cải tà quy chánh về với nhân dân làm ăn lương thiện. Chính phủ và đồng bào luôn luôn khoan hồng đối với những người biết hối cải" và tin tưởng rằng "tinh thần yêu nước và lực lượng phấn đấu của đồng bào khu tự trị Thái - Mèo... sẽ góp phần xứng đáng vào công cuộc đấu tranh cho hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ khắp cả nước Việt Nam yêu quý của chúng ta" [85, tr.454]. Cũng từ niềm tin này, Người khẳng định: "Cái gì miền xuôi làm được, thì miền ngược cũng làm được" [90, tr.162].

Thứ tư, đoàn kết, bình đẳng, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển giữa các dân tộc

Việt Nam là quốc gia có 54 dân tộc, có trình độ phát triển kinh tế, xã hội không đồng đều, sự đa dạng về văn hóa, nhưng thống nhất với nhau về lợi ích cơ bản và lâu dài. Vận dụng Cương lĩnh dân tộc của V.I.Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đề ra nguyên tắc cơ bản nhằm xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trong quốc gia đa dân tộc Việt Nam: Đoàn kết, bình đẳng, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc.

Người viết: "Ngày nay, nước Việt Nam là nước chung của chúng ta... Giang sơn và Chính phủ là giang sơn, Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả các dân tộc ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, ủng hộ Chính phủ ta

Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt" [80, tr.249].

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc nhở: "Phải tăng cường đoàn kết dân tộc. Đây là một công tác rất quan trọng, có nội dung mới và rộng hơn. Các dân tộc miền núi đoàn kết chặt chẽ, các dân tộc thiểu số đoàn kết với dân tộc đa số" [89, tr.225]. Người đặc biệt chú ý đến chính sách đối với miền núi, đồng bào các dân tộc thiểu số ít người, theo đó, các dân tộc cần phải đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau xây dựng Tổ quốc chung, xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho tất cả các dân tộc được ấm no, hạnh phúc. Người viết: "Đồng bào miền núi phải đoàn kết giúp đỡ đồng bào miền xuôi. Và đồng bào miền xuôi phải đoàn kết giúp đỡ đồng bào miền núi. Đó là hai phía, đó là chính sách dân tộc của Đảng" [90, tr.166]. Tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau là sự hỗ trợ lẫn nhau về vật chất, tinh thần, kinh nghiệm trong quát trình xây dựng và phát triển giữa dân tộc đông người với dân tộc ít người, giữa dân tộc ở miền xuôi với dân tộc ở miền núi... và ngược lại. Tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau vừa là yêu cầu, vừa là mục tiêu của sự phát triển bền vững của cộng đồng quốc gia dân tộc. Đây cũng chính là bản chất của chế độ XHCN.

2.2.5. Biện pháp xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng khối ĐĐKCDT không chỉ có mục tiêu đúng đắn, nguyên tắc phù hợp mà còn cần những biện pháp khoa học, đồng bộ và hiệu quả. Phương pháp là những cách làm để chuyển hóa tư tưởng, chủ trương và đường lối về đoàn kết các dân tộc thành hành động thực tiễn, làm cho các dân tộc tự giác tham gia, gắn bó và cùng hướng tới mục tiêu chung của quốc gia - dân tộc. Hồ Chí Minh đã đưa ra một hệ thống giải pháp phù hợp với đặc điểm của từng dân tộc, từng địa phương và từng giai đoạn cách mạng để xây dựng khối ĐĐKCDT.

Những biện pháp xây dựng khối ĐĐKCDT trong tư tưởng Hồ Chí Minh vừa mang tính nguyên tắc, vừa thể hiện sự mềm dẻo, linh hoạt và giàu tính nhân văn; kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục với nêu gương, dân vận; giữa phát huy nội lực của đồng bào các dân tộc với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và vai trò của HTCT. Thông qua đó, khơi dậy tinh thần yêu nước, ý thức cộng đồng, trách nhiệm công dân và sức mạnh đoàn kết của các dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.2.5.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và vận động đồng bào các dân tộc tham gia xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, công tác tuyên truyền, giáo dục và vận động đồng bào các dân tộc là biện pháp quan trọng để xây dựng khối ĐĐKCDT. Đoàn kết không thể hình thành một cách tự phát mà phải được xây dựng trên cơ sở nhận thức đúng, sự đồng thuận và tham gia tự giác của đồng bào các dân tộc. Vì vậy, muốn xây dựng khối ĐĐKCDT vững chắc cần phải tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, vận động đồng bào dân tộc thiểu số và đấu tranh chống âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc phá hoại sự nghiệp cách mạng. Người chỉ rõ: "Mọi việc bất kỳ to nhỏ, phải có kế hoạch, phải bàn bạc kỹ. Phải giải thích cho dân hiểu rõ, sao cho dân vui vẻ thi đua làm. Hết sức tránh bệnh quan liêu, bệnh mệnh lệnh" [82, tr.489].

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, do trình độ học vấn của đồng bào các dân tộc thiểu số còn thấp, lại ở vùng sâu vùng xa, thiếu thông tin nên công tác tuyên truyền phải cụ thể thiết thực: "Tuyên truyền cái gì? Tuyên truyền cho ai? Tuyên

truyền để làm gì? Tuyên truyền bằng cách nào?". Người cho rằng: "Nhiệm vụ công tác tuyên huấn có thể chia ra hai mặt: Một mặt là làm sao mưu lợi ích cho đồng bào. Một mặt nữa là làm sao tránh được tệ hại cho đồng bào" [90, tr.161]. Phương pháp tuyên truyền phải phù hợp với từng đối tượng. Người lấy ví dụ: "Một tỉnh có đồng bào Thái, đồng bào Mèo, thì tuyên truyền huấn luyện đối với đồng bào Thái khác, đồng bào Mèo khác, phải có sự thay đổi cho phù hợp. Bởi vì đời sống, trình độ đồng bào Mèo và Thái khác nhau cho nên tuyên truyền huấn luyện phải khác" [90, tr.159]. Để làm tốt công tác này, Người cho rằng, cán bộ tuyên truyền phải có nhiệt tình cách mạng, tình thương yêu chân thành đồng bào các dân tộc và tinh thần hết lòng phục vụ đồng bào các dân tộc [90, tr.159].

Gắn liền với tuyên truyền, giáo dục là công tác dân vận. Hồ Chí Minh khẳng định: "Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công" [82, tr.234]. Theo Người, công tác dân vận phải xuất phát từ lợi ích chính đáng của Nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ của đồng bào các dân tộc, biết lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của đồng bào và giải quyết những vấn đề thiết thực liên quan đến đời sống của họ. Người yêu cầu cán bộ phải gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm giải thích, vận động để đồng bào hiểu, tin và tích cực thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Để công tác dân vận đạt hiệu quả, Hồ Chí Minh chỉ rõ người cán bộ phải thực hiện phương châm: "Óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm" [82, tr.233-234]. Đây là yêu cầu vừa mang tính phương pháp, vừa thể hiện phong cách công tác gần dân, trọng dân và dựa vào dân. Thông qua đó, cán bộ nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của đồng bào các dân tộc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh, tăng cường sự đồng thuận và củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước.

Hồ Chí Minh cũng đặc biệt đề cao phương pháp thuyết phục, cảm hóa và nêu gương trong công tác vận động quần chúng. Người chủ trương lấy giáo dục, giải thích và giúp đỡ làm chính; phát huy những nhân tố tích cực, hạn chế những biểu hiện tiêu cực, từng bước xóa bỏ tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc và những định kiến còn tồn tại giữa các dân tộc. Người căn dặn cán bộ

phải "lấy tình thân ái mà cảm hóa họ" [81, tr.293]. Theo đó, công tác vận động quần chúng không phải bằng áp đặt hay mệnh lệnh hành chính mà bằng sự chân thành, tôn trọng, thuyết phục và nêu gương. Qua đó, tăng cường sự hiểu biết, tin cậy, gắn bó giữa các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Như vậy, làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục và vận động đồng bào các dân tộc là phương pháp quan trọng để nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận xã hội và phát huy vai trò chủ thể của đồng bào các dân tộc trong xây dựng khối ĐĐKCDT. Thông qua phương pháp này, tư tưởng đoàn kết dân tộc được chuyển hóa thành nhận thức, tình cảm và hành động tự giác của đồng bào các dân tộc, tạo nền tảng vững chắc cho việc củng cố và phát huy sức mạnh của khối ĐĐKCDT.

2.2.5.2. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các dân tộc và vùng miền

Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết không chỉ được xây dựng bằng tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào các dân tộc mà còn phải được bảo đảm bằng những lợi ích thiết thực trong đời sống của đồng bào. Khi đời sống của đồng bào được cải thiện, quyền lợi chính đáng được bảo đảm, niềm tin đối với Đảng, Nhà nước được củng cố thì sự gắn bó giữa các dân tộc ngày càng bền chặt, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho khối ĐĐKCDT. Người khẳng định: "Đoàn kết dân tộc và nâng cao đời sống của đồng bào là hai điều quan trọng nhất trong chính sách của Đảng và Chính phủ đối với miền núi" [89, tr.459]. Người cũng chỉ rõ: "Chính phủ sẽ gắng sức giúp cho các dân tộc thiểu số về mọi mặt. Về kinh tế, sẽ mở mang nông nghiệp cho các dân tộc được hưởng. Về văn hóa, Chính phủ sẽ chú ý trình độ học thức cho các dân tộc" [80, tr.131].

Ngay sau khi đất nước giành được độc lập, Hồ Chí Minh quyết định thành lập "NHA DÂN TỘC THIỂU SỐ" để săn sóc cho tất cả các đồng bào, với chức năng, nhiệm vụ xem xét các vấn đề chính trị và hành chính thuộc về các dân tộc thiểu số trong nước và thắt chặt tình thân thiện giữa các dân tộc sống trên đất Việt Nam. Nhiệm vụ đầu tiên Nha Dân tộc thiểu số triển khai là mở Trường Đào tạo cán bộ dân tộc mang tên "*Nùng Chí Cao*", khóa học đầu tiên tại Hà Nội được Người tới thăm. Lớp cán bộ dân tộc do trường đào tạo sau đó tỏa đi khắp cả

nước tham gia công tác trên các lĩnh vực, phục vụ cho sự nghiệp kháng chiến kiến quốc. Dưới sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh, các cơ quan được thành lập tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của Nha Dân tộc thiểu số là: Tổ Nghiên cứu dân tộc thuộc Ban Mặt trận - Dân vận Trung ương (1947), Tiểu Ban Dân tộc Trung ương (1955), Ủy ban Dân tộc Chính phủ (1959), Khu đào tạo cán bộ dân tộc miền Nam (1959),...

Bên cạnh sự hỗ trợ của Đảng và Nhà nước, Hồ Chí Minh cũng đặc biệt coi trọng việc phát huy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc. Người khuyến khích đồng bào tích cực lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương để cải thiện đời sống và xây dựng quê hương. Theo Người, sự kết hợp giữa hỗ trợ từ Nhà nước với nỗ lực vươn lên của đồng bào sẽ tạo động lực quan trọng để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống và củng cố khối ĐĐKCDT một cách bền vững.

Như vậy, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc gắn với thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các dân tộc và vùng miền là biện pháp quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm củng cố niềm tin, tăng cường sự gắn bó và phát huy sức mạnh đoàn kết giữa các dân tộc. Thông qua việc bảo đảm lợi ích thiết thực và tạo điều kiện phát triển bình đẳng cho mọi dân tộc, khối ĐĐKCDT có cơ sở xã hội vững chắc để không ngừng được củng cố và phát triển.

2.2.5.3. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc, người có uy tín ở các dân tộc

Hồ Chí Minh khẳng định, cán bộ là lực lượng trực tiếp đưa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước đến với Nhân dân; đồng thời là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với đồng bào các dân tộc. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc có ý nghĩa to lớn trong việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, Nhà nước vào chỉ đạo thực tiễn nhằm nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc, củng cố khối đoàn kết các dân tộc. Người chỉ rõ: "Phải chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, cất nhắc cán bộ miền núi" [89, tr.225]; "Đảng ủy các cấp ở miền núi phải đào tạo và giúp đỡ phụ nữ các dân tộc. Đó là

trách nhiệm mà Trung ương Đảng và Bác giao phó cho các đồng chí phải làm cho tốt" [90, tr.264].

Để thực hiện nhiệm vụ trên, theo Hồ Chí Minh, một mặt, Chính phủ phải hết sức quan tâm đến công tác bồi dưỡng, sử dụng cán bộ dân tộc, mặt khác cán bộ vùng dân tộc cũng phải hết sức nỗ lực và đoàn kết với cán bộ từ miền xuôi. Người viết: "Ra sức bồi dưỡng, giáo dục và cất nhắc cán bộ địa phương, cán bộ dân tộc. Dù lúc đầu cán bộ địa phương, dân tộc trình độ thấp, kinh nghiệm ít, công tác chưa tốt, cán bộ lãnh đạo phải dìu dắt họ, giúp đỡ họ, lâu ngày chắc chắn họ sẽ tiến bộ. Cán bộ địa phương, dân tộc, phải cố gắng học tập, đoàn kết chặt chẽ với cán bộ xuôi lên công tác, tránh tư tưởng dân tộc hẹp hòi" [87, tr.523]. Người cán bộ phải là người có đạo đức cách mạng, có lập trường giai cấp vững vàng, nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, học phải gắn với thực hành, lý luận gắn với thực tiễn. Đồng thời, phải đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực làm ảnh hưởng đến khối đoàn kết các dân tộc.

Trong công tác cán bộ dân tộc thiểu số, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến phát triển đội ngũ cán bộ nữ; xóa bỏ sự phân biệt, đối xử không công bằng giữa nam và nữ. Tại Hội nghị tuyên giáo miền núi, khi được biết không có đại biểu nữ người dân tộc thiểu số nào, Người đã nghiêm khắc phê bình: "Trong mọi mặt hoạt động cách mạng, phụ nữ các dân tộc thiểu số đều có đóng góp lớn lao. Một cuộc họp như thế này mà quên mất vai trò phụ nữ, thì chắc ở các địa phương, các chú cũng quên mất vai trò phụ nữ" [90, tr.158]. Do vậy, Người yêu cầu: "Đảng ủy các cấp ở miền núi cần phải ra sức phát triển đảng viên và đoàn viên phụ nữ, cần phải đào tạo và giúp đỡ cán bộ phụ nữ các dân tộc. Đó là nhiệm vụ mà Trung ương và Bác giao cho các đồng chí phải làm cho tốt" [90, tr.264].

Hồ Chí Minh nhắc nhở phải chú ý kết nạp đảng viên của các dân tộc, củng cố và phát triển đoàn thanh niên. Đảng viên, đoàn viên phải gương mẫu trong đoàn kết, học tập, công tác. Người nhấn mạnh: "Cán bộ là đầy tớ của nhân dân, chỗ nào dân cần đến mình thì mình phải đến, bất kỳ chỗ nào cũng là Tổ quốc, cũng là đất nước. Vì vậy, cán bộ các nơi đến phải yên tâm, tích cực công tác, phải gương mẫu, phải đoàn kết chặt chẽ, giúp đỡ cán bộ địa phương tốt. Vì vậy,

cán bộ địa phương cùng cán bộ nơi khác đến phải đoàn kết thương yêu nhau, là gương cho nhân dân địa phương" [88, tr.212].

Bên cạnh đội ngũ cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò của những người tiêu biểu, có uy tín trong cộng đồng như già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo, nhân sĩ, trí thức, nghệ nhân, doanh nhân tiêu biểu và những người am hiểu phong tục, tập quán, được đồng bào tin yêu, kính trọng. Đây là những lực lượng có ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức, tình cảm và hành động của cộng đồng; có khả năng giải thích, vận động, hòa giải, quy tụ quần chúng và củng cố sự gắn bó giữa các dân tộc. Trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh luôn thể hiện sự trân trọng, tin tưởng và khéo léo phát huy vai trò của những cá nhân này như những hạt nhân đoàn kết trong cộng đồng các dân tộc. Tiêu biểu là Bức thư Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Vương Chí Sình (Vua Mèo) năm 1946, trong đó Người bày tỏ sự tôn trọng, chân thành và mong muốn cùng đồng bào dân tộc Mông đoàn kết bảo vệ nền độc lập của đất nước. Chính sự chân thành và tin tưởng đó đã góp phần củng cố niềm tin của đồng bào dân tộc Mông đối với Đảng và Chính phủ cách mạng. Hồ Chí Minh cũng nhiều lần gửi thư động viên các nhân sĩ người Mường như Đinh Công Huy, Đinh Công Niết, Đinh Công Phủ, ghi nhận vai trò và kêu gọi họ phát huy ảnh hưởng tích cực trong vận động đồng bào tham gia kháng chiến, xây dựng chính quyền mới và tăng cường đoàn kết dân tộc. Những hoạt động đó cho thấy Hồ Chí Minh không chỉ trực tiếp nêu gương bằng chính cuộc sống và phong cách của mình mà còn rất coi trọng việc phát hiện, tập hợp, trọng dụng và phát huy vai trò của những người có uy tín trong đồng bào các dân tộc. Theo Người, thông qua uy tín xã hội của họ, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước được chuyển tải một cách gần gũi, thuyết phục hơn đến với đồng bào; đồng thời góp phần tạo dựng sự đồng thuận, củng cố niềm tin và tăng cường khối đoàn kết ngay từ cơ sở.

2.2.5.4. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, xử lý hài hòa quan hệ giữa các dân tộc và tăng cường đồng thuận xã hội

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng khối ĐĐKCDT không chỉ là nhiệm vụ của từng cá nhân hay cộng đồng dân tộc mà phải được tổ chức và bảo đảm bằng một HTCT vững mạnh từ Trung ương đến cơ sở. Theo Người, hệ thống

chính trị có vai trò lãnh đạo, quản lý, tổ chức và điều hòa các mối quan hệ xã hội, tạo môi trường thuận lợi để các dân tộc đoàn kết, gắn bó và cùng phát triển. Vì vậy, xây dựng khối ĐĐKCDT phải gắn liền với xây dựng Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động vì Nhân dân và dựa vào Nhân dân.

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Người khẳng định: "Chính phủ là công bộc của dân" [80, tr.21]. Theo đó, mọi hoạt động của HTCT phải hướng tới phục vụ Nhân dân, chăm lo lợi ích chính đáng của đồng bào các dân tộc, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân và tạo điều kiện để đồng bào tham gia quản lý xã hội. Khi HTCT thực sự gần dân, trọng dân, hiểu dân và có trách nhiệm với dân thì niềm tin xã hội được củng cố, tạo nền tảng quan trọng để tăng cường khối ĐĐKCDT.

Trong xử lý quan hệ giữa các dân tộc, Hồ Chí Minh luôn đề cao tinh thần dân chủ, đối thoại, tôn trọng sự khác biệt và giải quyết hài hòa lợi ích. Người cho rằng các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam tuy có những đặc điểm riêng về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán và điều kiện phát triển nhưng đều có chung lợi ích căn bản là độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc và sự phát triển của đất nước. Vì vậy, cần giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích chung của quốc gia - dân tộc với lợi ích chính đáng của từng cộng đồng dân tộc; phát huy những điểm tương đồng, tôn trọng những khác biệt không trái với lợi ích chung, qua đó củng cố sự gắn bó và thống nhất trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Hồ Chí Minh cũng đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng sự đồng thuận xã hội trên cơ sở thực hành dân chủ và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Người chỉ rõ: "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân làm chủ" [85, tr.382]. Theo Người, đồng thuận xã hội không phải là sự áp đặt ý chí từ trên xuống mà phải được hình thành thông qua quá trình Nhân dân được biết, được bàn, được tham gia và được hưởng lợi từ các chủ trương, chính sách. Khi quyền làm chủ của đồng bào các dân tộc được tôn trọng và bảo đảm, khi những vấn đề liên quan đến lợi ích của đồng bào được giải quyết công bằng, thấu tình đạt lý thì sẽ tạo nên sự thống nhất về nhận thức và hành động, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vai trò của HTCT cơ sở trong việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đồng bào, giải quyết các vấn đề phát sinh từ cơ sở và củng cố mối quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc. Theo đó, chi bộ đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể phải thực sự là chỗ dựa tin cậy của Nhân dân; đồng thời phát huy tốt vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản trong hòa giải, vận động và xây dựng sự đồng thuận trong cộng đồng. Đây là phương thức quan trọng để phòng ngừa những mâu thuẫn xã hội, hạn chế các biểu hiện chia rẽ dân tộc và củng cố khối ĐĐKCDT từ cơ sở.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh luôn đề cao tinh thần cảnh giác, kiên quyết đấu tranh với những âm mưu, luận điệu xuyên tạc, chia rẽ khối đoàn kết giữa các dân tộc. Theo tư tưởng của Người chỉ ra rằng cần chủ động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của Nhân dân; đồng thời đấu tranh làm thất bại âm mưu lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân tộc tự quyết, dân chủ, nhân quyền để xuyên tạc chủ trương, chính sách, kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, gây chia rẽ giữa các dân tộc, giữa đồng bào với Đảng và Nhà nước. Thực hiện tốt biện pháp này góp phần củng cố niềm tin, giữ vững đồng thuận xã hội và bảo vệ sự đoàn kết thống nhất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Như vậy, xây dựng HTCT vững mạnh, xử lý hài hòa quan hệ giữa các dân tộc và tăng cường đồng thuận xã hội là phương pháp quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm xây dựng và củng cố khối ĐĐKCDT. Thông qua việc phát huy dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, giải quyết hài hòa các mối quan hệ dân tộc và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT, sức mạnh đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được khơi dậy và phát huy bền vững trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tiểu kết chương 2

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT là một nội dung quan trọng trong hệ thống tư tưởng của Người về vấn đề dân tộc và cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở kế thừa truyền thống đoàn kết của dân tộc, tiếp thu sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tổng kết thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã phát triển một hệ thống quan điểm toàn diện, nhất quán và sâu sắc về mục đích, nội dung, chủ thể, nguyên tắc và phương pháp xây dựng khối ĐĐKCDT.

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng khối ĐĐKCDT không chỉ nhằm tăng cường sức mạnh để giành và giữ vững độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mà còn hướng tới thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Đây là quá trình phát huy vai trò của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đội ngũ cán bộ, đảng viên, người có uy tín và đặc biệt là sự tham gia trực tiếp, tự giác của đồng bào các dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT được thực hiện trên cơ sở bảo đảm sự thống nhất giữa lợi ích quốc gia - dân tộc và lợi ích chính đáng của các dân tộc; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển; đồng thời kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện chia rẽ dân tộc. Những phương pháp như dân vận, tuyên truyền, giáo dục, chăm lo đời sống đồng bào các dân tộc, phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, người có uy tín, Mặt trận dân tộc thống nhất và xây dựng HTCT vững mạnh đã tạo nên giá trị thực tiễn sâu sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng khối ĐĐKCDT.

Từ những luận điểm đã phân tích, có thể khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT là một hệ thống quan điểm khoa học, toàn diện và giàu giá trị nhân văn, thể hiện sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, giữa mục tiêu dân tộc và mục tiêu phát triển con người. Tư tưởng đó không

chỉ góp phần làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam mà còn tiếp tục giữ nguyên giá trị định hướng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Đây là cơ sở lý luận và phương pháp luận quan trọng để nghiên cứu, đánh giá thực trạng, từ đó đề xuất phương hướng và giải pháp xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và phát huy sức mạnh ĐĐKCDT trong kỷ nguyên phát triển mới.

Chương 3
THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC Ở TỈNH LÀO CAI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

3.1. KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, CHÍNH TRỊ, KINH TẾ - XÃ HỘI, DÂN CƯ, DÂN TỘC VÀ VĂN HÓA TÁC ĐỘNG ĐẾN KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC TỈNH LÀO CAI

3.1.1. Đặc điểm vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

Tỉnh Lào Cai sau sáp nhập (ngày 01/7/2025) theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 có diện tích tự nhiên 13.256,92 km², gồm 99 xã, phường. Tỉnh nằm ở vùng Tây Bắc, có đường biên giới dài 182,086 km tiếp giáp với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), giữ vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Đồng thời, đây cũng là địa bàn kết nối hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương quốc tế, hợp tác, phát triển và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia.

Địa hình của tỉnh chủ yếu là đồi núi, có sự phân hóa và phân tầng độ cao rất khắc nghiệt, kéo dài từ vùng núi cao hiểm trở của dãy Hoàng Liên Sơn phía Tây Bắc xuống các vùng thung lũng, vùng thấp dọc hành lang sông Hồng và sông Chảy. Khí hậu của tỉnh mang đặc trưng nhiệt đới gió mùa, phân hóa rõ theo độ cao, tạo nên sự đa dạng về tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan và các sản phẩm nông nghiệp đặc hữu. Đây là những điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và kinh tế cửa khẩu.

Những đặc điểm về vi trí địa lý và điều kiện tự nhiên tạo nhiều thuận lợi cho xây dựng khối ĐĐKCDT. Vị trí chiến lược của tỉnh biên giới làm cho yêu cầu đoàn kết giữa các dân tộc luôn gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ gìn an ninh biên giới và ổn định chính trị - xã hội. Quá trình sinh sống, giao lưu và gắn bó lâu dài giữa các dân tộc trong điều kiện tự nhiên khắc nghiệt cũng góp phần hình thành truyền thống đoàn kết, tinh thần tương trợ và sự cố kết cộng đồng, tạo nền tảng xã hội quan trọng cho xây dựng khối ĐĐKCDT.

Bên cạnh những thuận lợi, địa bàn rộng, địa hình chia cắt mạnh và sự khác biệt về điều kiện tự nhiên giữa các vùng cũng làm cho việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc, bảo đảm tiếp cận đồng đều các dịch vụ công và nâng cao đời sống Nhân dân gặp nhiều khó khăn hơn so với các địa phương khác. Điều này đòi hỏi các cấp ủy, chính quyền phải có những chính sách phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng dân tộc; đồng thời tăng cường kết nối giữa các khu vực, thu hẹp khoảng cách phát triển, tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc cùng tham gia và cùng hưởng thành quả phát triển. Đây là yêu cầu quan trọng nhằm củng cố sự gắn bó giữa các dân tộc và tăng cường khối ĐĐKCDT trên địa bàn tỉnh.

Như vậy, đặc điểm vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của tỉnh Lào Cai vừa tạo thuận lợi để hình thành và phát huy truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc, vừa đặt ra những yêu cầu đặc thù trong việc thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, củng cố thế trận lòng dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và tăng cường khối ĐĐKCDT trong điều kiện một tỉnh miền núi, biên giới có quy mô lớn, đa dạng về điều kiện tự nhiên và dân cư.

3.1.2. Đặc điểm chính trị, kinh tế - xã hội

Lào Cai là vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa và truyền thống cách mạng; kế thừa những giá trị lịch sử của cả Lào Cai và Yên Bái. Trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, nhiều địa danh như Cam Đường, Khởi nghĩa Yên Bái (1930), Nghĩa Lộ, Văn Chấn,... đã ghi dấu những đóng góp quan trọng của đồng bào các dân tộc đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Chính truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý chí kiên cường và sự gắn bó với cách mạng được hun đúc qua các thời kỳ lịch sử đã góp phần củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường sự đồng thuận xã hội và tạo nền tảng chính trị - tinh thần vững chắc cho việc xây dựng khối ĐĐKCDT trên địa bàn tỉnh.

Hệ thống chính trị của tỉnh được kiện toàn theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng đối với công tác dân tộc và xây dựng khối ĐĐKCDT. Đảng bộ tỉnh có 103 đảng bộ trực thuộc, 1.601 tổ chức cơ sở đảng với 118.931 đảng viên; 100% thôn, bản có chi bộ Đảng lãnh đạo trực tiếp ở cơ sở [133, tr.5]. Một đặc điểm nổi bật của tỉnh Lào Cai là đội ngũ cán

bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ khá cao. Tính đến tháng 6 năm 2026, toàn tỉnh có 16.844 cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số, chiếm 35,97% tổng số cán bộ, công chức, viên chức [147, tr.16]. Với sự am hiểu ngôn ngữ, phong tục, tập quán và đời sống của đồng bào các DTTS, lực lượng này góp phần nâng cao hiệu quả triển khai chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, củng cố niềm tin và tăng cường sự gắn kết giữa HTCT với đồng bào các DTTS.

Cùng với sự ổn định về chính trị, kinh tế - xã hội của tỉnh có bước phát triển tích cực, tạo điều kiện quan trọng để thực hiện công tác dân tộc và xây dựng khối ĐĐKCDT. Giai đoạn 2021 - 2025, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt khoảng 8,1%/năm; quy mô nền kinh tế năm 2025 gấp 1,7 lần năm 2020; thu nhập bình quân đầu người đạt 78 triệu đồng/năm [132, tr.6]. Hệ thống kết cấu hạ tầng tiếp tục được đầu tư đồng bộ; các trung tâm kinh tế từng bước phát huy hiệu quả; mạng lưới giao thông kết nối liên vùng ngày càng hoàn thiện. Những kết quả đó đã tạo thêm nguồn lực cho phát triển vùng đồng bào DTTS, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, giảm nghèo bền vững và thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc.

Đặc biệt, việc đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển hạ tầng số và cộng đồng số ở vùng cao đã tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc tiếp cận tốt hơn các dịch vụ công, giáo dục, y tế và thông tin xã hội. Điều này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống mà còn tạo cơ hội bình đẳng hơn trong tiếp cận các nguồn lực phát triển, tăng cường sự gắn kết giữa các khu vực và các nhóm dân cư trong tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, quá trình phát triển kinh tế - xã hội và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp cũng đặt ra một số yêu cầu mới đối với xây dựng khối ĐĐKCDT. Mặc dù đời sống Nhân dân từng bước được cải thiện, song sự chênh lệch về điều kiện phát triển giữa vùng thấp và vùng cao, giữa khu vực đô thị, cửa khẩu với những địa bàn đặc biệt khó khăn vẫn còn; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS còn cao hơn mức bình quân của tỉnh. Cùng với đó, việc sắp xếp tổ chức bộ máy sau sáp nhập làm thay đổi địa bàn, vị trí việc làm và nhiệm vụ của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, đặt ra yêu cầu tiếp tục ổn

định tổ chức, tăng cường công tác tư tưởng, củng cố sự thống nhất trong HTCT và phát huy sức mạnh đoàn kết của toàn xã hội. Đây là những vấn đề cần được quan tâm giải quyết nhằm bảo đảm sự phát triển hài hòa, bền vững và tăng cường khối ĐĐKCDT trên địa bàn tỉnh.

Như vậy, những kết quả đạt được trong xây dựng HTCT và phát triển kinh tế - xã hội đã tạo nền tảng chính trị, kinh tế và xã hội quan trọng cho việc củng cố niềm tin của Nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội và xây dựng khối ĐĐKCDT trên địa bàn tỉnh.

3.1.3. Đặc điểm dân cư, dân tộc và văn hóa

Lào Cai là một trong những địa phương có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao của cả nước. Toàn tỉnh có 1.029.896 người DTTS, chiếm tỷ lệ 57,6% dân số, với 34 thành phần dân tộc cùng sinh sống, trong đó các dân tộc có tỷ lệ cao gồm: Mông 36,8%; Tày 25,7%; Dao 21,2%; Nùng 5,0%; Thái 4,9%; Giáy 2,7%; Mường 1,1%; Phù Lá 0,8%...; các dân tộc khác chiếm tỷ lệ nhỏ hơn [108, tr.3]. Sự đa dạng về thành phần dân tộc, ngôn ngữ, phong tục, tập quán và tín ngưỡng tạo nên bản sắc văn hóa phong phú, đồng thời là điều kiện quan trọng để xây dựng khối ĐĐKCDT.

Đặc điểm nổi bật của tỉnh Lào Cai là sự phân bố dân cư gắn với đặc điểm địa hình, điều kiện tự nhiên và không gian cư trú truyền thống của các dân tộc. Phần lớn đồng bào Mông, Dao, Hà Nhì, Phù Lá sinh sống ở vùng núi cao, khu vực biên giới; trong khi các dân tộc Tày, Nùng, Thái và người Kinh tập trung nhiều hơn ở các vùng thấp, thung lũng và dọc các tuyến giao thông. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, giao lưu và di cư, sự cộng cư, đan xen giữa các dân tộc ngày càng rõ nét, góp phần tăng cường giao lưu, hợp tác và gắn kết cộng đồng. Tuy nhiên, đặc điểm này cũng đặt ra yêu cầu phải thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, bảo đảm bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết và phát huy sự thống nhất trong đa dạng giữa các dân tộc, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Lào Cai là địa bàn có nền văn hóa đa dạng, phong phú, mang bản sắc riêng của các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Nhiều giá trị văn hóa truyền

thống của các dân tộc được bảo tồn và phát huy, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa, tăng cường sự hiểu biết, tôn trọng lẫn nhau và củng cố sự gắn kết giữa các dân tộc. Đây là nguồn lực văn hóa quan trọng cho việc xây dựng khối ĐĐKCDT trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh những thuận lợi, sự đa dạng về dân cư, dân tộc và văn hóa cũng đặt ra không ít khó khăn đối với xây dựng khối ĐĐKCDT. Sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng; một số phong tục, tập quán lạc hậu như tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, di cư tự do vẫn còn tồn tại ở một số địa bàn. Quá trình hội nhập, phát triển du lịch, đô thị hóa và sự du nhập của các yếu tố văn hóa mới cũng đặt ra những thách thức đối với việc bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống và giữ gìn sự gắn kết giữa các dân tộc. Điều đó đòi hỏi các cấp ủy, chính quyền phải tiếp tục quan tâm thực hiện tốt CSDT; phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp, đồng thời khắc phục những yếu tố cản trở sự phát triển và đoàn kết giữa các dân tộc.

Đặc điểm dân cư, dân tộc và văn hóa của tỉnh Lào Cai vừa là nguồn lực nội sinh cho xây dựng khối ĐĐKCDT, vừa đặt ra những yêu cầu mới trong việc bảo đảm bình đẳng, tôn trọng sự khác biệt, phát huy bản sắc văn hóa và tăng cường sự gắn bó giữa các dân tộc. Đây là một trong những nhân tố tác động trực tiếp đến quá trình xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay.

Tóm lại, các đặc điểm vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, chính trị, kinh tế - xã hội, dân cư, dân tộc và văn hóa của tỉnh Lào Cai vừa tạo những điều kiện thuận lợi, vừa đặt ra những yêu cầu đặc thù đối với xây dựng khối ĐĐKCDT. Sự đa dạng về văn hóa, địa hình và thành phần tộc người, cùng với sự hội nhập, chuyển đổi số và việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp đã tạo ra những điều kiện và yêu cầu mới đối với xây dựng khối ĐĐKCDT. Đặc biệt, mô hình chính quyền địa phương hai cấp tạo điều kiện tinh gọn tổ chức bộ máy, tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao tính chủ động của chính quyền cấp xã trong giải quyết những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống đồng bào các dân tộc; qua đó góp phần củng cố niềm tin và tăng cường sự gắn bó giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước. Tuy nhiên, việc sắp xếp đơn vị hành chính, mở rộng địa bàn quản lý và thay đổi phương thức hoạt động của chính quyền cơ sở cũng đặt

ra những thách thức trong việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, bảo đảm hài hòa lợi ích, giữ gìn bản sắc văn hóa và tăng cường sự đồng thuận giữa các cộng đồng dân tộc, nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới. Thực tiễn đó đòi hỏi phải đổi mới nội dung, phương thức xây dựng khối ĐĐKCDT theo hướng vừa tôn trọng, phát huy bản sắc riêng của từng dân tộc, vừa tăng cường sự thống nhất, gắn bó và phát triển bền vững. Những đặc điểm trên khẳng định vai trò của đồng bào các DTTS là nguồn lực nội sinh quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Lào Cai theo hướng bền vững, hài hòa, giàu bản sắc; đồng thời làm rõ sự cần thiết của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay.

3.2. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC Ở TỈNH LÀO CAI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TỪ 2015 ĐẾN NAY - THÀNH TỰU, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

3.2.1. Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai từ năm 2015 đến nay

Quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt quan điểm về ĐĐKDT là vấn đề chiến lược, là nguồn sức mạnh quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, trong những năm qua, đặc biệt từ năm 2015 đến nay, các cấp ủy đảng, chính quyền tỉnh Lào Cai, tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập) và tỉnh Lào Cai mới sau sáp nhập luôn xác định xây dựng khối ĐĐKCDT là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên và lâu dài. Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo được triển khai đồng bộ, gắn chặt với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, xây dựng HTCT cơ sở, giữ vững quốc phòng - an ninh và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia.

Giai đoạn 2015 - 2020: Tập trung quán triệt, cụ thể hóa chủ trương của Đảng về công tác dân tộc, tạo nền tảng xây dựng khối ĐĐKCDT

Trong giai đoạn 2015 - 2020 diễn ra trong bối cảnh đất nước tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT và các chủ trương của Đảng đối với công tác dân tộc, các cấp ủy, chính quyền tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa các chủ

trương của Trung ương thành những chương trình, kế hoạch và đề án phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, tạo nền tảng quan trọng cho xây dựng khối ĐĐKCDT.

Tại tỉnh Yên Bái, việc triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 được cụ thể hóa thông qua Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 11/9/2015 về triển khai Chiến lược và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh. Cùng với việc triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, tỉnh đặc biệt quan tâm phát triển nguồn nhân lực DTTS thông qua Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 quy định một số chính sách phát triển nguồn nhân lực tỉnh Yên Bái, trong đó có những chính sách khuyến khích, thu hút, ưu tiên cán bộ, công chức và học sinh người DTTS; Đề án số 11-ĐA/TU ngày 08/8/2019 về xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS; phát huy vai trò người có uy tín trong cộng đồng; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc gắn với phát triển du lịch và giảm nghèo bền vững… Những chủ trương, chính sách này góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, tăng cường sự đồng thuận xã hội và khối ĐĐKCDT trên địa bàn tỉnh.

Tại tỉnh Lào Cai, công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng khối ĐĐKCDT được triển khai đồng bộ và có nhiều điểm nhấn. Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 28/3/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 33-CT/TU ngày 30/10/2017 về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền trong phòng, chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng đồng bào DTTS. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; Đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017 - 2020; Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với dân tộc Phù Lá, dân tộc Bố Y; Kế hoạch tăng cường vai trò người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS; Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030; Kế

hoạch xây dựng bộ dữ liệu các DTTS tỉnh Lào Cai cùng nhiều chương trình, chính sách về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển nhà ở cho người dân.

Việc ban hành và triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách trên cho thấy công tác dân tộc đã được đặt ở vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển của cả hai địa phương trước khi sáp nhập. Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo không chỉ tập trung giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội trước mắt mà còn chú trọng phát huy vai trò lực lượng của đồng bào các dân tộc, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy vai trò của người có uy tín, bảo tồn bản sắc văn hóa và củng cố HTCT cơ sở. Nội dung đoàn kết dân tộc được lồng ghép trong các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội phát động, từng bước nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò của khối ĐĐKCDT.

Đặc biệt, việc gắn xây dựng khối ĐĐKCDT với thực hiện các chương trình giảm nghèo, phát triển kết cấu hạ tầng, nâng cao dân trí và chăm lo đời sống đồng bào DTTS đã thể hiện rõ sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp hài hòa giữa đoàn kết và phát triển, giữa bảo đảm quyền lợi thiết thực của Nhân dân với củng cố niềm tin chính trị và tăng cường sự đồng thuận xã hội. Đây là cơ sở quan trọng để Lào Cai và Yên Bái đạt được nhiều kết quả tích cực trong xây dựng khối ĐĐKCDT, đồng thời tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Giai đoạn trước khi sáp nhập, từ năm 2021 đến trước ngày 01/7/2025: Tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc gắn với phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Bước vào giai đoạn 2021 - 2025, trong bối cảnh triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái tiếp tục được các cấp ủy đảng, chính quyền xác định là nhiệm vụ chiến lược, vừa mang ý nghĩa chính trị, vừa là động lực quan trọng bảo đảm phát triển bền vững vùng DTTS và miền núi.

Tại tỉnh Yên Bái, việc triển khai Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được cụ thể hóa thông qua Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 11/7/2022; Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 24/8/2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025…; đồng thời thực hiện hiệu quả Đề án tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, các chính sách phát triển du lịch, bảo tồn di sản văn hóa, nâng cao chất lượng dạy học tiếng DTTS, chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS. Đặc biệt, Đề án số 17-ĐA/TU ngày 24/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Yên Bái về đẩy lùi tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và xuất cảnh trái phép trong vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023 - 2025 đã thể hiện rõ quyết tâm chính trị của tỉnh trong giải quyết những vấn đề xã hội tác động trực tiếp đến chất lượng nguồn nhân lực và sự phát triển bền vững của cộng đồng các dân tộc.

Tại tỉnh Lào Cai, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 28-CT/TU ngày 01/7/2022 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc trong tình hình mới; Nghị quyết số 43-NQ/TU ngày 25/9/2023 về tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tảo hôn trong vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2023 - 2030; Kế hoạch số 82-KH/TU ngày 13/12/2023 về thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 09-NQ/TU về phòng, chống tảo hôn, nữ dưới 18 tuổi sinh con. Đồng thời, tỉnh tiếp tục triển khai Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác dân tộc; xây dựng và thực hiện đồng bộ các đề án, chương trình trọng tâm của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Điểm nổi bật trong giai đoạn này là việc xây dựng khối ĐĐKCDT không chỉ được tiếp cận dưới góc độ chính trị - xã hội mà còn gắn chặt với mục tiêu phát triển bền vững vùng đồng bào DTTS và miền núi. Các cấp ủy, chính quyền không chỉ quan tâm giải quyết những khó khăn về kinh tế, đời sống mà còn chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa

các dân tộc, phát triển giáo dục, y tế, xây dựng nông thôn mới và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Quan điểm phát triển lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng và chất lượng cuộc sống của đồng bào các dân tộc làm thước đo hiệu quả đã từng bước được hiện thực hóa thông qua các chương trình, dự án và CSDT trên địa bàn.

Cùng với đó, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục được đổi mới theo hướng tăng cường đối thoại, phát huy dân chủ ở cơ sở, bảo đảm sự tham gia của Nhân dân trong quá trình xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến đồng bào DTTS. Qua đó, sự đồng thuận xã hội được củng cố, niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước tiếp tục được tăng cường, tạo nền tảng quan trọng để phát huy sức mạnh khối ĐĐKCDT trong điều kiện phát triển mới.

Giai đoạn sau sáp nhập (từ 01/7/2025 đến nay): Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc đáp ứng yêu cầu phát triển tỉnh Lào Cai trong kỷ nguyên phát triển mới

Sau sáp nhập tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái, việc xây dựng khối ĐĐKCDT được đặt trong bối cảnh mới với yêu cầu cao hơn về phát huy sức mạnh tổng hợp của các dân tộc nhằm thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định phát huy sức mạnh ĐĐKTDT, khơi dậy khát vọng phát triển và ý chí vươn lên của Nhân dân là một trong những động lực quan trọng để xây dựng tỉnh Lào Cai phát triển theo hướng "xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc".

Trên cơ sở đó, tỉnh tiếp tục cụ thể hóa chủ trương của Đảng và CSDT của Nhà nước bằng nhiều chương trình, kế hoạch quan trọng, như Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 12/8/2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2025; Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 15/9/2025 triển khai các tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi; Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 13/4/2026 về triển khai công tác dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh năm 2026. Các kế hoạch này thể hiện sự quan tâm của tỉnh trong việc tiếp tục chăm lo đời sống đồng bào DTTS, phát triển

nguồn nhân lực, bảo tồn bản sắc văn hóa, nâng cao chất lượng HTCT cơ sở và củng cố khối ĐĐKCDT trong điều kiện tỉnh mới sau sáp nhập.

Trong giai đoạn này, xây dựng khối ĐĐKCDT được gắn chặt với nhiệm vụ xây dựng Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ ở cơ sở; thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia; đồng thời tạo sự đồng thuận xã hội trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và mở rộng không gian phát triển của tỉnh. Điều đó cho thấy sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKCDT không chỉ nhằm củng cố sự gắn bó giữa các dân tộc mà còn hướng tới phát huy sức mạnh đoàn kết như một nguồn lực nội sinh quan trọng phục vụ phát triển tỉnh Lào Cai trong giai đoạn mới.

Nhìn chung, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai giai đoạn từ năm 2015 đến nay được triển khai liên tục, có sự kế thừa và phát triển qua từng giai đoạn. Từ việc quán triệt, cụ thể hóa chủ trương của Đảng về công tác dân tộc; đến gắn xây dựng khối ĐĐKCDT với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống đồng bào DTTS và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; đến việc củng cố sự đồng thuận, tăng cường gắn kết giữa các dân tộc trong điều kiện mới đã phản ánh sự vận dụng sáng tạo và hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT vào thực tiễn tỉnh Lào Cai.

3.2.2. Thành tựu và nguyên nhân xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh

3.2.2.1. Thành tựu

Trên cơ sở quán triệt và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng về xây dựng khối ĐĐKCDT, từ năm 2015 đến nay, cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã triển khai nhiều chủ trương, chính sách và biện pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Trước ngày 01/7/2025, hoạt động xây dựng khối ĐĐKCDT được thực hiện trên địa bàn hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái; từ ngày 01/7/2025, sau khi hai tỉnh hợp nhất thành tỉnh Lào Cai mới, hoạt động này tiếp tục được triển khai trong điều kiện không gian hành chính, quy mô dân cư và thành phần dân tộc có sự thay đổi. Qua các giai đoạn, việc xây dựng khối ĐĐKCDT đã đạt được những

kết quả quan trọng trên các phương diện mục đích, nội dung, lực lượng, nguyên tắc và biện pháp; góp phần củng cố quan hệ bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc, tăng cường đồng thuận xã hội và phát huy sức mạnh của cộng đồng các dân tộc trong xây dựng, phát triển tỉnh Lào Cai.

Thứ nhất, nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, HTCT và đồng bào các dân tộc về xây dựng khối ĐĐKCDT ở Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh được nâng lên rõ rệt

Từ năm 2015 đến nay, nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh Lào Cai hiện nay về vị trí, vai trò của xây dựng khối ĐĐKCDT từng bước được nâng lên. Trước khi sáp nhập tỉnh, tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái đã chú trọng quán triệt, cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc và ĐĐKTDT phù hợp với đặc điểm từng địa phương. Tiêu biểu, tỉnh Yên Bái ban hành Kế hoạch số 151/KH-UBND triển khai Chiến lược công tác dân tộc; tỉnh Lào Cai ban hành các Kế hoạch số 146/KH-UBND, 147/KH-UBND và 148/KH-UBND về phát triển vùng đồng bào DTTS, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới. Sau sáp nhập từ ngày 01/7/2025, nhận thức về xây dựng khối ĐĐKCDT tiếp tục được đặt trong yêu cầu mới của tỉnh Lào Cai có không gian rộng hơn, nhiều dân tộc cùng sinh sống và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Kết quả điều tra xã hội học đối với 350 cán bộ, công chức, viên chức cho thấy, có 47,4% số người được hỏi đánh giá mức độ nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị và Nhân dân các dân tộc trong xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở mức "tốt" và 44,6% ở mức "khá" và 8% ở mức bình thường [Phụ lục 2.1]. Đối với 300 đồng bào các dân tộc và người có uy tín, có 55% đánh giá mức độ nhận thức và trách nhiệm đối với việc xây dựng khối ĐĐKCDT ở mức "tốt", 34,3% ở mức "khá", 6,7% ở mức "bình thường" và 4% "khó đánh giá". Đồng thời, có 86,3% số người được hỏi cho rằng xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay là "rất quan trọng" hoặc "quan

trọng" [Phụ lục 2.2]. Kết quả khảo sát cho thấy đa số cán bộ, công chức, viên chức và đồng bào các dân tộc, người có uy tín đánh giá tích cực về nhận thức và trách nhiệm của các chủ thể trong xây dựng khối ĐĐKCDT, qua đó phản ánh sự quan tâm đối với vị trí, vai trò của nhiệm vụ này. Đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục nâng cao trách nhiệm của các chủ thể trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phát huy vai trò chủ động của đồng bào các dân tộc trong các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa, tham gia giám sát, phản biện xã hội và củng cố khối ĐĐKCDT trên địa bàn tỉnh.

Biểu đồ 3.1: Mục đích của việc xây dựng khối đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai

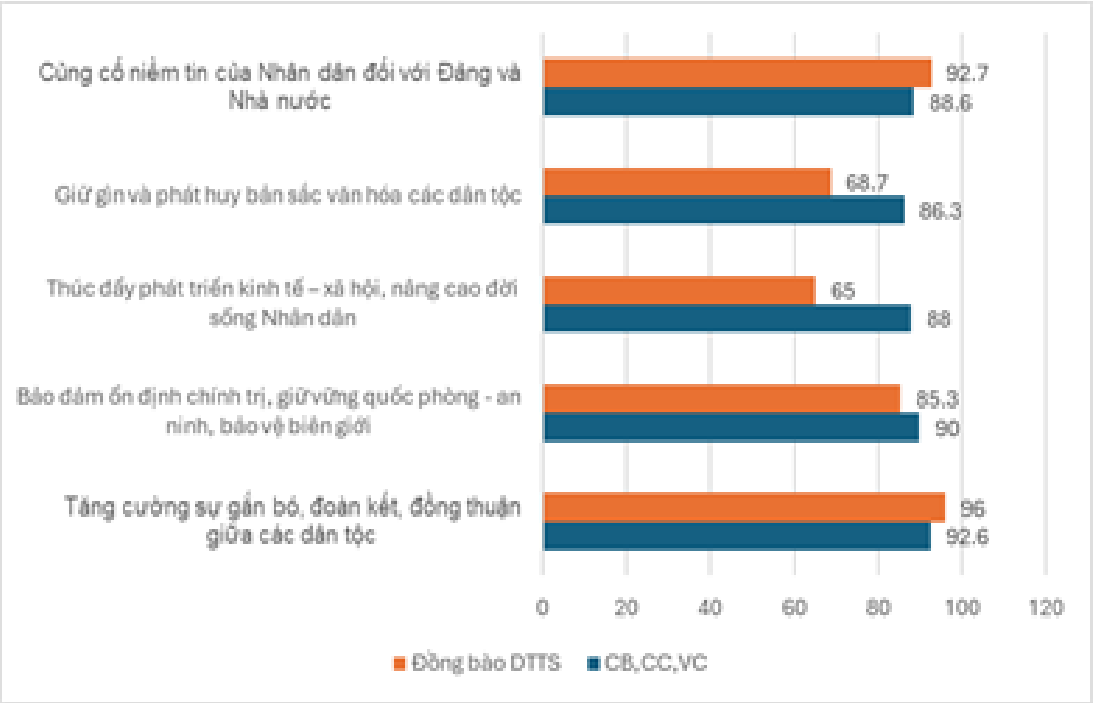

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Kết quả khảo sát tại Biểu đồ 3.1 cho thấy sự thống nhất cao giữa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức với đồng bào các dân tộc và người có uy tín về mục đích xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai. Trong nhóm cán bộ, 92,6% cho rằng mục tiêu quan trọng nhất là tăng cường sự gắn bó, đoàn kết giữa các dân tộc; 90% lựa chọn mục tiêu giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng - an ninh và bảo vệ biên giới; 88,6% nhấn mạnh việc củng cố niềm tin của Nhân dân đối

với Đảng và Nhà nước. Đối với đồng bào các dân tộc và người có uy tín, các tỷ lệ tương ứng lần lượt là 96%, 85,3% và 92,7%. Sự tương đồng trong nhận thức của hai nhóm cho thấy mục đích xây dựng khối ĐĐKCDT ngày càng được nhìn nhận gắn với củng cố quan hệ đoàn kết, niềm tin chính trị và bảo đảm ổn định, quốc phòng - an ninh.

Như vậy, từ năm 2015 đến nay, nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, HTCT và đồng bào các dân tộc đối với xây dựng khối ĐĐKCDT có những chuyển biến tích cực. Từ quá trình quán triệt, cụ thể hóa chủ trương ở hai tỉnh trước sáp nhập đến nhận thức của cán bộ và đồng bào trong tỉnh Lào Cai hiện nay cho thấy ngày càng rõ hơn sự thống nhất về vị trí, vai trò và mục đích xây dựng khối ĐĐKCDT, tạo tiền đề để chuyển nhận thức thành hành động trong thực tiễn. Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKCDT từng bước được cụ thể hóa trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, góp phần củng cố khối ĐĐKCDT để Lào Cai phát triển nhanh, bền vững, giữ vững ổn định chính trị và bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

Thứ hai, xây dựng khối ĐĐKCDT được củng cố và phát huy trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh

Trên lĩnh vực chính trị, xây dựng khối ĐĐKCDT được củng cố thông qua việc xây dựng HTCT vững mạnh, phát huy dân chủ của Nhân dân và tăng cường đồng thuận xã hội giữa các dân tộc.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, từ năm 2015 đến nay, xây dựng khối ĐĐKCDT trên lĩnh vực chính trị ở Lào Cai được chú trọng gắn với công tác xây dựng Đảng, xây dựng HTCT và thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đối với công tác dân tộc và xây dựng khối ĐĐKCDT ngày càng được tăng cường; các chủ trương của Đảng được cụ thể hóa thành chương trình, đề án và nhiệm vụ phù hợp với đặc điểm địa bàn, dân cư, dân tộc, qua đó tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong HTCT, phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và đồng bào các dân tộc.

Từ năm 2015 đến ngày 30/6/2025, tại hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái trước sáp nhập, các cấp ủy, chính quyền chú trọng củng cố tổ chức đảng và HTCT ở cơ sở, nhất là vùng đồng bào DTTS; đổi mới công tác dân vận, thực hiện dân chủ ở cơ sở, tăng cường tiếp xúc, đối thoại và phát huy vai trò của Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, chính quyền. Ở tỉnh Yên Bái trước sáp nhập, MTTQ các cấp đã tổ chức 2.623 cuộc tiếp xúc, đối thoại và tổng hợp 1.335 văn bản góp ý của Nhân dân vào các dự thảo văn bản của Đảng và Nhà nước [185, tr.6]. Công tác dân vận đối với đồng bào DTTS được đổi mới, phát huy vai trò của bí thư chi bộ, trưởng thôn, bản, ban công tác mặt trận và người có uy tín. Qua đó, dân chủ ở cơ sở từng bước được phát huy, mối quan hệ giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân được tăng cường, tạo điều kiện để tâm tư, nguyện vọng và những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của đồng bào các dân tộc được phản ánh và giải quyết từ cơ sở.

Ở tỉnh Lào Cai trước sáp nhập, cùng với củng cố HTCT ở cơ sở, công tác tuyên truyền, vận động được chú trọng hướng mạnh về địa bàn dân cư. Mô hình Tuyên vận được duy trì từ năm 2012 đến tháng 7/2025, góp phần đưa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với Nhân dân, đồng thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và những vấn đề phát sinh trong cộng đồng. Việc kết hợp giữa tuyên truyền với vận động, giữa chuyển tải chủ trương với nắm bắt tình hình Nhân dân đã góp phần tăng cường mối liên hệ giữa cấp ủy, chính quyền với đồng bào các dân tộc và củng cố sự đồng thuận xã hội.

Từ ngày 01/7/2025 đến nay, sau sáp nhập, xây dựng Đảng và HTCT được Tỉnh ủy Lào Cai tập trung lãnh đạo, chỉ đạo gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Các tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội được sắp xếp, kiện toàn, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị liên tục, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. HTCT sau sắp xếp từng bước đi vào hoạt động ổn định, thẩm quyền và trách nhiệm của cấp xã được nâng lên, tạo điều kiện giải quyết các công việc và những vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở. Đây là kết quả có ý nghĩa quan trọng trong điều kiện tỉnh mới có địa bàn rộng, dân số đông, tỷ lệ đồng bào DTTS cao và sự đa dạng về điều kiện phát triển giữa các vùng, các dân tộc.

Tháng 9 năm 2025, toàn tỉnh có 103 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, 1.601 tổ chức cơ sở đảng [137, tr.2], góp phần bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đến cơ sở. Đặc biệt, việc củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy các cấp và xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đề án số 02 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Đề án chú trọng củng cố tổ chức đảng ở vùng nông thôn, miền núi, khu vực biên giới; xây dựng đội ngũ cán bộ cấp xã gần dân, sát dân, am hiểu văn hóa địa phương, có khả năng vận động, thuyết phục Nhân dân; đồng thời quan tâm tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ và cán bộ người DTTS. Nội dung này thể hiện rõ yêu cầu xây dựng HTCT không chỉ vững mạnh về tổ chức mà còn phải có khả năng tập hợp, vận động và đại diện cho lợi ích chính đáng của Nhân dân, phù hợp với đặc điểm một tỉnh có đông đồng bào DTTS.

Công tác phát triển đảng viên, nhất là trong đồng bào DTTS và ở địa bàn biên giới, có chuyển biến tích cực. Tính đến ngày 15/8/2026, toàn tỉnh kết nạp 3.202 đảng viên, đạt 88,1% kế hoạch năm; trong đó có 1.810 đảng viên là người DTTS, 328 đảng viên thuộc các xã biên giới [137, tr.5]. Kết quả này cho thấy sự quan tâm mở rộng nguồn phát triển Đảng trong các cộng đồng dân tộc và ở những địa bàn có vị trí đặc thù, góp phần bổ sung lực lượng chính trị tại cơ sở, tăng cường mối liên hệ giữa tổ chức đảng với đồng bào các dân tộc.

Cùng với củng cố tổ chức đảng, dân chủ và mối quan hệ giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân tiếp tục được chú trọng. Năm 2025, toàn tỉnh tổ chức trên 200 cuộc đối thoại trực tiếp giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân [137, tr.16], góp phần nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, giải quyết những vấn đề phát sinh và củng cố niềm tin, sự đồng thuận trong Nhân dân. Sau sáp nhập, kinh nghiệm của mô hình Tuyên vận ở Lào Cai trước đây được kế thừa và mở rộng trên địa bàn tỉnh mới; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định số 33-QĐ/TU ngày 21/8/2025 về công tác tuyên vận, thống nhất triển khai mô hình trên toàn tỉnh [9, tr.3]. Việc mở rộng mô hình đến địa bàn Yên Bái trước sáp nhập góp phần thống nhất phương thức tuyên truyền, vận động, tăng cường kết nối giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân trong không gian tỉnh mới.

Kết quả điều tra xã hội học của luận án tiếp tục phản ánh những chuyển biến trên. Có 98,9% cán bộ, công chức, viên chức và 98,6% đồng bào các dân tộc, người có uy tín đánh giá kết quả xây dựng khối ĐĐKCDT trên lĩnh vực chính trị ở mức tốt và khá; trong đó, tỷ lệ đánh giá ở mức tốt tương ứng là 45,1% và 53,3% [Phụ lục 2.1, 2.2]. Đáng chú ý, mức đánh giá tích cực giữa hai nhóm đối tượng đều rất cao, cho thấy những kết quả trong xây dựng HTCT, thực hiện dân chủ và tăng cường mối quan hệ giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân không chỉ được nhìn nhận từ phía đội ngũ cán bộ mà còn được đồng bào các dân tộc ghi nhận.

Có thể thấy, thành tựu nổi bật trong xây dựng khối ĐĐKCDT trên lĩnh vực chính trị từ năm 2015 đến nay là sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác dân tộc và đại đoàn kết được tăng cường; tổ chức đảng và HTCT ở cơ sở từng bước được củng cố; dân chủ, đối thoại và vai trò của Nhân dân được phát huy; sự tham gia của đồng bào DTTS vào Đảng và HTCT ngày càng được quan tâm. Đặc biệt, sau sáp nhập, việc nhanh chóng kiện toàn tổ chức, duy trì sự lãnh đạo liên tục của Đảng và vận hành HTCT trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, tăng cường sự thống nhất và đồng thuận trong điều kiện không gian phát triển mới. Những kết quả đó góp phần củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng, Nhà nước và cấp ủy, chính quyền địa phương, tạo nền tảng chính trị quan trọng cho xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trên lĩnh vực kinh tế, xây dựng khối ĐĐKCDT được củng cố và phát huy thông qua việc phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc và nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về gắn đoàn kết với chăm lo, nâng cao đời sống Nhân dân, từ năm 2015 đến nay, phát triển kinh tế vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Lào Cai hiện nay được gắn với giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ phát triển sản xuất và cải thiện các điều kiện thiết yếu của đời sống. Qua đó, đồng bào các dân tộc có thêm điều kiện tham gia

phát triển kinh tế, cải thiện sinh kế và thụ hưởng thành quả phát triển, tạo cơ sở vật chất để củng cố khối ĐĐKCDT.

Trước khi sáp nhập, cả Yên Bái và Lào Cai đều đạt nhiều kết quả tích cực trong phát triển kinh tế vùng đồng bào DTTS. Tại tỉnh Yên Bái, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 5,03%/năm, trong đó hai huyện nghèo thuộc Chương trình 30a giảm 7,88%/năm [149, tr.5]. Giai đoạn 2021-2025, tỷ lệ hộ nghèo tiếp tục giảm bình quân 3,4%/năm; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS giảm từ 30,36% xuống còn 16,4%, bình quân giảm 6,98%/năm; 111/150 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có nhiều xã vùng đồng bào DTTS [153, tr.8]. Những kết quả này cho thấy điều kiện phát triển và đời sống của đồng bào DTTS từng bước được cải thiện, góp phần giảm dần sự chênh lệch giữa vùng thấp với vùng cao, vùng đồng bào DTTS.

Tại tỉnh Lào Cai trước sáp nhập, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 5,17%/năm, đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 8,46% [127, tr.11]. Giai đoạn 2021-2023, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 25,19% xuống còn 14,94%; tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào DTTS giảm từ 31,3% xuống còn 18,8%; 60 xã vùng đồng bào DTTS đạt chuẩn nông thôn mới; nhiều mô hình sản xuất hàng hóa và sản phẩm OCOP được hình thành, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của đồng bào [178, tr.2-3]. Sự chuyển biến này cho thấy phát triển kinh tế vùng đồng bào DTTS từng bước chuyển từ hỗ trợ đời sống sang kết hợp hỗ trợ sinh kế, tổ chức sản xuất và khai thác tiềm năng, lợi thế của từng địa bàn, qua đó góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống và phát huy tính chủ động của đồng bào trong phát triển kinh tế.

Từ ngày 01/7/2025 đến nay, sau khi sáp nhập tỉnh, các chương trình, chính sách phát triển kinh tế, giảm nghèo và nâng cao đời sống đồng bào tiếp tục được triển khai trên không gian phát triển của tỉnh Lào Cai mới. Đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn 5,5%; tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn 9,6%, vượt chỉ tiêu Chính phủ giao; 98,28% hộ dân được sử dụng điện, 98% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh và trên 26.000 căn nhà được hỗ trợ xây dựng cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có

hoàn cảnh khó khăn [144, tr.3-4]. Sau khi sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, tỉnh có 37/89 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao [140, tr.4]. Những kết quả này không chỉ cải thiện điều kiện sống mà còn tạo cơ hội để đồng bào các dân tộc tiếp cận bình đẳng hơn với các nguồn lực phát triển, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng và các dân tộc.

Cùng với giảm nghèo, phương thức tổ chức sản xuất và phát huy tiềm năng kinh tế của đồng bào các dân tộc từng bước có chuyển biến. Các mô hình sản xuất hàng hóa, phát triển dược liệu, du lịch cộng đồng, sản phẩm OCOP và kinh tế hợp tác đã tạo điều kiện để đồng bào tham gia các chuỗi sản xuất, liên kết, tiêu thụ sản phẩm và khai thác lợi thế về đất đai, lao động, kinh nghiệm sản xuất, tri thức bản địa và các giá trị văn hóa. Quá trình hợp tác trong sản xuất và phát triển sinh kế không chỉ tạo thêm nguồn thu nhập mà còn mở rộng giao lưu, hỗ trợ và liên kết giữa các hộ gia đình, cộng đồng và các dân tộc, qua đó tạo thêm cơ sở kinh tế cho sự gắn bó và đoàn kết.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy 85,3% đồng bào các dân tộc và người có uy tín cho rằng xây dựng khối ĐĐKCDT là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc [Phụ lục 2.2]. Điều đó cho thấy đồng bào các dân tộc đã nhận thức rõ mối quan hệ giữa đoàn kết dân tộc và phát triển kinh tế, đồng thời khẳng định những kết quả phát triển kinh tế đã góp phần củng cố niềm tin, tăng cường sự gắn bó và đồng thuận xã hội trên địa bàn tỉnh.

Có thể thấy, từ năm 2015 đến nay, phát triển kinh tế gắn với giảm nghèo, tổ chức sản xuất và nâng cao đời sống vật chất của đồng bào các dân tộc đã đạt được những kết quả rõ nét. Nếu trước sáp nhập, Lào Cai và Yên Bái từng bước tạo nền tảng thông qua giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và phát triển sinh kế, thì sau sáp nhập, những kết quả đó được kế thừa trong không gian phát triển mới của tỉnh. Qua đó, điều kiện sống của đồng bào được cải thiện, khoảng cách phát triển từng bước được thu hẹp, sự tham gia và thụ hưởng của các dân tộc được mở rộng, tạo nền tảng kinh tế quan trọng để củng cố khối ĐĐKCDT.

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội: bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, nâng cao dân trí, chăm lo sức khỏe và đời sống tinh thần Nhân dân, góp phần củng cố sự gắn bó và đồng thuận giữa các cộng đồng tộc người.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo phát triển văn hóa, nâng cao dân trí và đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc, từ năm 2015 đến nay, các chính sách văn hóa - xã hội trên địa bàn nghiên cứu được triển khai gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa, phát triển giáo dục, chăm sóc sức khỏe, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống. Qua đó, điều kiện thụ hưởng văn hóa và các dịch vụ xã hội của đồng bào từng bước được cải thiện, góp phần tăng cường sự hiểu biết, tôn trọng, giao lưu và gắn bó giữa các dân tộc.

Từ năm 2015 đến ngày 30/6/2025, tại hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái trước sáp nhập, công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc được quan tâm gắn với phát triển du lịch, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Nhiều lễ hội, phong tục, tiếng nói, chữ viết, dân ca, dân vũ, nghề thủ công truyền thống của đồng bào Mông, Dao, Tày, Nùng, Thái... được bảo tồn, phục dựng và phát huy. Quá trình này vừa góp phần giữ gìn những giá trị văn hóa riêng của từng dân tộc, vừa tạo không gian giao lưu, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau giữa các cộng đồng, qua đó làm phong phú những giá trị văn hóa chung và củng cố khối ĐĐKCDT.

Cùng với bảo tồn văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội vùng đồng bào DTTS từng bước được cải thiện. Hệ thống trường học, y tế cơ sở được quan tâm đầu tư; các chính sách hỗ trợ giáo dục, chăm sóc sức khỏe và giảm thiểu tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống được triển khai, góp phần nâng cao dân trí, chất lượng cuộc sống và bảo đảm cơ hội thụ hưởng ngày càng bình đẳng giữa các dân tộc, qua đó củng cố khối ĐĐKCDT.

Sau khi sáp nhập, tỉnh Lào Cai có 34 thành phần dân tộc cùng sinh sống, tạo nên không gian văn hóa đa dạng, giàu bản sắc. Toàn tỉnh hiện có 04 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, 56 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và 207 di tích được xếp hạng các cấp; cùng với đội ngũ 02 Nghệ nhân Nhân dân, 26 Nghệ nhân Ưu tú, 45 nghệ nhân cấp tỉnh và 15 nghệ nhân dân gian đang trực tiếp gìn giữ, trao

truyền các giá trị văn hóa truyền thống [143, tr.12]. Nhiều lễ hội truyền thống như Gầu Tào của người Mông, Tết Nhảy của người Dao, lễ hội xuống đồng của người Tày, Giáy, lễ cúng rừng của người Nùng... tiếp tục được bảo tồn và phát huy. Sự đa dạng văn hóa sau sáp nhập không chỉ làm giàu thêm bản sắc văn hóa của tỉnh mà còn mở rộng không gian giao lưu giữa các dân tộc, tạo điều kiện tăng cường hiểu biết, tôn trọng và gắn bó trong cộng đồng.

Trên lĩnh vực giáo dục và phát triển nguồn nhân lực, hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tiếp tục được đầu tư; tỷ lệ học sinh DTTS hoàn thành trung học cơ sở đạt 96,5%, học trung học phổ thông đạt 87,4%; công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực được chú trọng [140, tr.8]. Kết quả này góp phần nâng cao dân trí, mở rộng cơ hội học tập và phát triển của đồng bào DTTS, từng bước thu hẹp sự chênh lệch về khả năng tiếp cận giáo dục giữa các vùng, các dân tộc.

Trong chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội, đến năm 2025, khoảng 97% đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế; hệ thống y tế, giáo dục và thiết chế văn hóa cơ sở tiếp tục được củng cố [140, tr.10]. Việc thực hiện các chương trình giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cũng tạo chuyển biến trong nhận thức và hành vi của đồng bào; giai đoạn 2021 - 2025 chỉ ghi nhận 01 trường hợp hôn nhân cận huyết thống vào năm 2022, từ năm 2023 không phát sinh trường hợp mới [110, tr.5]. Những chuyển biến này góp phần nâng cao chất lượng dân số, cải thiện đời sống xã hội và tạo điều kiện để các dân tộc cùng tham gia, cùng thụ hưởng thành quả phát triển.

Kết quả điều tra xã hội học của luận án cho thấy 97,7% cán bộ, công chức, viên chức và 94,7% đồng bào các dân tộc, người có uy tín đánh giá kết quả xây dựng khối ĐĐKCDT trên lĩnh vực văn hóa - xã hội ở mức tốt và khá [Phụ lục 2.1, 2.2]. Mức đánh giá cao của cả hai nhóm cho thấy những kết quả về bảo tồn văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội đã góp phần tích cực vào củng cố niềm tin, sự gắn bó và đồng thuận giữa các cộng đồng dân tộc.

Có thể thấy, từ năm 2015 đến nay, phát triển văn hóa - xã hội đã từng bước tạo nền tảng tinh thần và xã hội cho xây dựng khối ĐĐKCDT. Việc vừa tôn trọng, bảo tồn bản sắc riêng của từng dân tộc, vừa nâng cao dân trí, chăm lo

sức khỏe, bảo đảm an sinh và mở rộng giao lưu văn hóa đã góp phần thực hiện bình đẳng, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển, qua đó tăng cường sự gắn bó và củng cố khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai.

Trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh: xây dựng khối ĐĐKCDT gắn với bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững ổn định chính trị và xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

Giai đoạn 2015 đến trước khi sáp nhập tỉnh, tại Lào Cai cũ, với đặc thù có đường biên giới tiếp giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), cấp ủy, chính quyền và các lực lượng chức năng đã chú trọng phát huy vai trò của đồng bào các dân tộc trong bảo vệ đường biên, mốc giới, giữ gìn an ninh, trật tự và xây dựng thế trận lòng dân ở khu vực biên giới. Các lực lượng quân sự, công an, biên phòng phối hợp với cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật, tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, phòng, chống tội phạm và giải quyết các vấn đề về an ninh, trật tự ngay từ cơ sở. Các mô hình tự quản về an ninh, trật tự, bảo vệ đường biên, mốc giới đã tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc trực tiếp tham gia thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và quốc gia.

Tại Yên Bái cũ, mặc dù không có đường biên giới quốc gia, sức mạnh của đồng bào các dân tộc được phát huy trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, hòa giải mâu thuẫn và giải quyết những vấn đề phát sinh từ cơ sở. Các mô hình tự quản trong cộng đồng dân cư cùng vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín đã góp phần vận động đồng bào chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giữ gìn đoàn kết trong cộng đồng và xây dựng địa bàn an toàn, ổn định. Qua đó, khối ĐĐKCDT trở thành một nguồn lực xã hội quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh ở địa phương.

Sau khi sáp nhập tỉnh, nhiệm vụ quốc phòng - an ninh tiếp tục được gắn chặt với công tác dân tộc, dân vận và xây dựng khối ĐĐKCDT trong điều kiện không gian quản lý mới. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 02-CT/TU ngày 19/8/2025 về lãnh đạo nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội các tháng cuối năm 2025; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số

63/KH-UBND ngày 21/8/2025 về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Qua đó, công tác quân sự, quốc phòng, biên phòng được triển khai gắn với phát huy sức mạnh của Nhân dân, đặc biệt coi trọng xây dựng thế trận lòng dân ở vùng đồng bào DTTS và khu vực biên giới.

Các lực lượng quân sự, công an, biên phòng phối hợp với cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục quốc phòng - an ninh, phổ biến pháp luật, vận động đồng bào tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Tỉnh tiếp tục triển khai Đề án "Tổ chức lực lượng, huấn luyện huy động và bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030", góp phần xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, phát huy sức mạnh của Nhân dân và cộng đồng các dân tộc trong bảo vệ địa bàn.

Kết quả nổi bật là vai trò trực tiếp của đồng bào các dân tộc trong bảo vệ chủ quyền biên giới và giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở ngày càng được phát huy. Các mô hình "Tổ tự quản đường biên, mốc giới", "Dòng họ tự quản", "Thôn, bản bình yên", "Cụm dân cư hai bên biên giới kết nghĩa" tiếp tục được duy trì, thu hút đồng bào Mông, Dao, Hà Nhì, Tày, Giáy, Nùng... tham gia phối hợp với lực lượng chức năng bảo vệ đường biên, mốc giới và giữ gìn an ninh biên giới. Thông qua các mô hình này, đồng bào không chỉ là đối tượng được tuyên truyền, vận động mà ngày càng thể hiện rõ vai trò chủ thể, lực lượng trực tiếp tham gia bảo vệ địa bàn và chủ quyền quốc gia, qua đó tăng cường trách nhiệm cộng đồng, sự gắn bó giữa các dân tộc và xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

Cùng với vai trò rộng rãi của đồng bào các dân tộc, già làng, trưởng bản và người có uy tín tiếp tục là lực lượng quan trọng, có sức ảnh hưởng trực tiếp trong cộng đồng. Lực lượng này tích cực tuyên truyền, vận động đồng bào chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia hòa giải mâu thuẫn, giải quyết những vấn đề phát sinh từ cơ sở và đấu tranh với các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động, chia rẽ. Việc phát huy vai trò của người có uy tín đã góp phần gắn kết đồng bào với cấp ủy, chính

quyền và lực lượng chức năng, củng cố niềm tin, đồng thuận và đoàn kết trong cộng đồng.

Ý thức tự quản và trách nhiệm của đồng bào còn được thể hiện trong tham gia phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Giai đoạn 2021 - 2025, thông qua Dự án "Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đồng bào phòng, chống tội phạm về ma túy trong vùng đồng bào DTTS", mô hình điểm được xây dựng tại xã Lao Chải với 10 câu lạc bộ "Đồng bào dân tộc thiểu số phòng, chống ma túy", góp phần nâng cao nhận thức pháp luật và phát huy vai trò tự quản của Nhân dân trong giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở. Sau sáp nhập, công tác này tiếp tục được tăng cường, nhất là việc triển khai Nghị quyết số 51-NQ/TU ngày 12/2/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng "xã, phường không ma túy". Tỉnh ủy Lào Cai đã tổ chức quán triệt, triển khai các giải pháp phấn đấu xây dựng 100% xã, phường không ma túy trong năm 2026 theo chỉ đạo của Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ Công an và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Qua đó, vai trò của cấp ủy, chính quyền, các lực lượng chức năng và Nhân dân tiếp tục được phát huy, góp phần giữ vững an ninh, trật tự, tạo môi trường ổn định và củng cố khối ĐĐKCDT trên địa bàn tỉnh.

Kết quả điều tra xã hội học của luận án tiếp tục củng cố cho những đánh giá trên: 97,1% cán bộ, công chức, viên chức và 95% đồng bào các dân tộc, người có uy tín đánh giá kết quả xây dựng khối ĐĐKCDT trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh ở mức tốt và khá; không có ý kiến đánh giá chưa tốt [Phụ lục 2.1, 2.2]. Kết quả này cho thấy những thành tựu đạt được trong bảo đảm quốc phòng - an ninh đã được cả đội ngũ cán bộ và đồng bào các dân tộc ghi nhận, đồng thời phản ánh mức độ đồng thuận cao đối với việc phát huy sức mạnh Nhân dân trong bảo vệ địa bàn và chủ quyền quốc gia.

Như vậy, thành tựu xây dựng khối ĐĐKCDT trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh không chỉ thể hiện ở việc giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội và chủ quyền biên giới quốc gia, mà quan trọng hơn là vai trò chủ thể, trách nhiệm của đồng bào các dân tộc và vai trò nòng cốt của già làng, trưởng bản, người có uy tín ngày càng được phát huy. Qua đó, sự gắn bó giữa các dân tộc,

giữa Nhân dân với cấp ủy, chính quyền và lực lượng vũ trang được củng cố, góp phần xây dựng thế trận lòng dân vững chắc và phát huy sức mạnh khối ĐĐKCDT trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ ba, nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc được bảo đảm

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Bình đẳng thật sự giữa các dân tộc là cơ sở của đoàn kết thật sự. Đoàn kết mà không bình đẳng thì không thể bền vững được" [82, tr.240]. Trên cơ sở đó, trong quá trình xây dựng khối ĐĐKCDT, nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc từng bước được cụ thể hóa trong chủ trương, chính sách và thực tiễn phát triển ở địa bàn tỉnh Lào Cai hiện nay. Trong giai đoạn 2015 - 2025, ở cả Lào Cai cũ và Yên Bái cũ, các chủ trương, CSDT được triển khai theo hướng bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của đồng bào, tạo điều kiện để các dân tộc tham gia đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ gìn bản sắc và cùng thụ hưởng thành quả phát triển. Sau khi sáp nhập tỉnh, những kết quả đó tiếp tục tạo cơ sở để thực hiện nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giúp nhau cùng phát triển trong không gian tỉnh Lào Cai mới.

Trước hết, bình đẳng giữa các dân tộc từng bước được thể hiện trong việc bảo đảm quyền tham gia HTCT, quyền làm chủ và cơ hội tiếp cận các nguồn lực phát triển. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ là người DTTS được quan tâm thực hiện, tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc tham gia quản lý nhà nước và xã hội. Đến năm 2025, cán bộ, công chức cấp xã là người DTTS chiếm khoảng 42% tổng số cán bộ cấp xã toàn tỉnh [137, tr.5]. Nhiều cán bộ người DTTS giữ các vị trí lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở, góp phần phát huy quyền làm chủ của đồng bào, tăng cường sự đại diện, bình đẳng, và đồng thuận trong cộng đồng các dân tộc.

Cùng với việc bảo đảm quyền bình đẳng, nguyên tắc tôn trọng giữa các dân tộc ngày càng được thể hiện rõ trong quá trình phát triển. Tỉnh Lào Cai luôn nhất quán quan điểm tôn trọng sự đa dạng về bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán, tín ngưỡng và tiếng nói, chữ viết của các dân tộc; đồng thời tạo điều kiện để các dân tộc giao lưu, học hỏi, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa

truyền thống. Các phong trào thi đua yêu nước, Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc, Đại hội đại biểu các DTTS, các hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở được duy trì thường xuyên, góp phần tăng cường sự hiểu biết, tôn trọng và gắn bó giữa các cộng đồng dân tộc. Đến năm 2025, toàn tỉnh xây dựng được khoảng 1.800 mô hình "Dân vận khéo", có 85,5% hộ gia đình văn hóa và 77,5% thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa [136, tr.13], tạo môi trường thuận lợi để phát huy các giá trị đoàn kết, nhân văn và đồng thuận xã hội.

Nguyên tắc giúp nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc tiếp tục được hiện thực hóa thông qua việc triển khai đồng bộ các CSDT và phát huy tinh thần tương trợ trong cộng đồng. Các chương trình phát triển vùng đồng bào DTTS, các phong trào thi đua yêu nước, các mô hình "Dân vận khéo", "Khu dân cư tự quản", "Liên kết phát triển kinh tế cộng đồng"... đã tạo điều kiện để các dân tộc tăng cường liên kết, hỗ trợ nhau trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa và giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở. Qua đó, mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc ngày càng được củng cố, góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp của cả cộng đồng trong quá trình phát triển.

Kết quả phỏng vấn sâu cũng phản ánh rõ nét sự chuyển biến này. Một cán bộ làm công tác dân tộc cho biết: *"Hiện nay các dân tộc trên địa bàn tỉnh đều được tạo điều kiện tham gia vào các chương trình phát triển, được tôn trọng bản sắc văn hóa và có cơ hội như nhau trong tiếp cận các chính sách. Điều quan trọng hơn là giữa các dân tộc ngày càng có sự gắn bó, hỗ trợ nhau trong phát triển kinh tế và xây dựng cộng đồng, từ đó tạo nên sức mạnh đoàn kết rất lớn ở cơ sở"* (PVS07, cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã).

Qua kết quả điều tra xã hội học của luận án tiếp tục khẳng định những chuyển biến tích cực trong thực hiện nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc. Có 70,9% cán bộ, công chức, viên chức và 68% đồng bào các dân tộc, người có uy tín được khảo sát đánh giá đây là một trong những kết quả nổi bật của quá trình xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai hiện nay [Phụ lục 2.1, 2.2]. Điều đó cho thấy các nguyên tắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ dân tộc đã từng bước được hiện thực hóa

trong thực tiễn, tạo sự đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

Như vậy, việc bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc không chỉ góp phần tăng cường sự gắn bó, đồng thuận giữa các cộng đồng dân tộc mà còn tạo nền tảng xã hội vững chắc để củng cố khối ĐĐKCDT. Đây là minh chứng sinh động cho sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giải quyết quan hệ dân tộc, phát huy sức mạnh của các dân tộc vì mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và hạnh phúc của tỉnh Lào Cai.

Thứ tư, chính sách dân tộc được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo đời sống đồng bào các dân tộc, thực hiện bình đẳng và giúp đỡ đồng bào cùng tiến bộ là cơ sở quan trọng để Đảng và Nhà nước hoạch định, thực hiện CSDT. Người căn dặn: "Cán bộ lãnh đạo phải dìu dắt họ, giúp đỡ họ, lâu ngày chắc chắn họ sẽ tiến bộ" [87, tr.523]. Từ yêu cầu đó, thực hiện CSDT không chỉ nhằm hỗ trợ đồng bào khắc phục khó khăn, nâng cao đời sống mà còn phải tạo điều kiện để các dân tộc phát huy nội lực, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển và cùng tham gia, cùng thụ hưởng thành quả phát triển. Đây cũng là một trong những cơ sở quan trọng để củng cố quan hệ bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc.

Trong giai đoạn 2015 đến trước khi sáp nhập tỉnh, cả Lào Cai cũ và Yên Bái cũ đều chú trọng cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc thành các chương trình, kế hoạch phù hợp với đặc điểm địa bàn miền núi, tỷ lệ đồng bào DTTS cao. Sau sáp nhập, tỉnh Lào Cai mới tiếp tục triển khai đồng bộ Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đồng thời lồng ghép hiệu quả ba Chương trình mục tiêu quốc gia, bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và sử dụng nguồn lực theo hướng tập trung, tránh chồng chéo, phù hợp với đặc điểm của từng vùng, từng dân tộc.

Nhờ đó, CSDT được triển khai toàn diện trên các lĩnh vực phát triển hạ tầng, hỗ trợ sinh kế, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sinh hoạt, bảo tồn văn hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Giai đoạn 2021 - 2025, tổng nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào DTTS và miền núi đạt trên 50.000 tỷ đồng; Dự án 3 thuộc Chương trình

mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, toàn tỉnh đã hỗ trợ triển khai 242 dự án phát triển sản xuất, trong đó có 29 dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và 81 dự án phát triển sản xuất cộng đồng [144, tr.5], tạo điều kiện để đồng bào chuyển từ hỗ trợ thụ động sang chủ động phát triển sinh kế và nâng cao thu nhập.

Đặc biệt, chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP) và các chính sách phát triển du lịch gắn với bảo tồn văn hóa dân tộc đã tạo động lực mới cho phát triển kinh tế vùng đồng bào DTTS. Đến tháng 12 năm 2025, toàn tỉnh có 605 sản phẩm OCOP đạt từ 3 đến 5 sao, gồm 551 sản phẩm 3 sao, 52 sản phẩm 4 sao và 02 sản phẩm 5 sao [143, tr.8]. Đồng thời, tỉnh đã hình thành hơn 100 sản phẩm du lịch dựa trên lợi thế về thiên nhiên và bản sắc văn hóa các dân tộc. Nhiều mô hình du lịch cộng đồng ở Sa Pa, Bắc Hà, Nghĩa Lộ, Mù Cang Chải, Bát Xát... đã trở thành sinh kế bền vững của người dân, vừa nâng cao thu nhập, vừa góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc. Các chính sách an sinh xã hội, giáo dục, y tế và phát triển hạ tầng tiếp tục được triển khai đồng bộ, tạo điều kiện để đồng bào DTTS tiếp cận ngày càng tốt hơn các dịch vụ cơ bản.

Kết quả điều tra xã hội học tiếp tục khẳng định hiệu quả của việc thực hiện CSDT ở địa phương. Có 68,3% cán bộ, công chức, viên chức và 84,3% đồng bào các dân tộc, người có uy tín được khảo sát cho rằng các CSDT được triển khai tương đối toàn diện, đồng bộ và đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào DTTS. Một cán bộ làm công tác dân tộc được phỏng vấn sâu nhận định: *"Điều quan trọng nhất hiện nay không phải chỉ là hỗ trợ cho đồng bào mà là tạo điều kiện để đồng bào có cơ hội phát triển, tự vươn lên thoát nghèo, làm giàu trên chính quê hương mình. Đây cũng là hướng đi mà các chính sách dân tộc của tỉnh đang tập trung thực hiện"* (PVS03, cán bộ lãnh đạo phòng chuyên môn cấp tỉnh).

Như vậy, việc thực hiện CSDT ở tỉnh Lào Cai thời gian qua đã đạt nhiều kết quả tích cực, thể hiện tính toàn diện, đồng bộ và nhân văn sâu sắc. Từ hỗ trợ sinh kế, giảm nghèo, phát triển hạ tầng đến bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và phát huy nội lực của đồng bào các dân tộc đều hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, không để ai bị bỏ lại phía sau. Đây là sự vận dụng sáng tạo tư

tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo đời sống đồng bào các dân tộc, phát huy nội lực, tự lực, tự cường và củng cố khối ĐĐKCDT trong điều kiện mới.

Thứ năm, phương pháp tuyên truyền, vận động và công tác dân vận được đổi mới, phát huy vai trò của đồng bào các dân tộc và người có uy tín trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyên truyền, vận động là phương pháp quan trọng để tập hợp, đoàn kết và phát huy sức mạnh của Nhân dân. Người nhấn mạnh "Cán bộ, đảng viên đã biết đi sát dân, mọi việc đều xuất phát từ lợi ích của nhân dân, dựa vào dân và bàn bạc với dân" [90, tr.696]. Từ năm 2015 đến nay, phương pháp tuyên truyền, vận động và công tác dân vận trên địa bàn tỉnh Lào Cai hiện nay từng bước được đổi mới theo hướng gần dân, sát dân, phù hợp với đặc điểm từng địa bàn, từng cộng đồng dân tộc, đồng thời chú trọng phát huy vai trò trực tiếp của Nhân dân trong xây dựng khối ĐĐKCDT.

Trong giai đoạn trước khi sáp nhập tỉnh, ở cả Lào Cai cũ và Yên Bái cũ, công tác tuyên truyền, vận động được đổi mới cả về nội dung và hình thức. Tuyên truyền từng bước chuyển từ truyền đạt một chiều sang kết hợp đối thoại, thuyết phục, nêu gương và phát huy vai trò của cộng đồng; nội dung được lựa chọn phù hợp hơn với đặc điểm từng vùng, từng dân tộc; các hình thức tuyên truyền trực tiếp, truyền thanh cơ sở, tiếng dân tộc và ứng dụng công nghệ thông tin được tăng cường. Ở Lào Cai cũ, mô hình Tuyên vận cơ sở được duy trì nhiều năm, tạo kênh thường xuyên để đưa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến Nhân dân, đồng thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và giải quyết những vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở. Ở Yên Bái cũ, công tác dân vận đối với đồng bào DTTS được đổi mới, phát huy vai trò của bí thư chi bộ, trưởng thôn, bản, Ban công tác Mặt trận và người có uy tín trong tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia các phong trào thi đua, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

Phương pháp tuyên truyền cũng từng bước thích ứng với sự phát triển của công nghệ và nhu cầu tiếp cận thông tin của đồng bào. Các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng Mông, Dao, Tày... được duy trì; hệ thống thông tin cơ sở và các nền tảng số được sử dụng ngày càng rộng hơn để chuyển tải chủ

trương, chính sách bằng hình thức gần gũi, dễ tiếp nhận. Đến năm 2025, 100% các cuộc thi và 75% các cuộc điều tra được thực hiện trên môi trường mạng; các chương trình bằng tiếng dân tộc được duy trì, góp phần đưa thông tin đến vùng sâu, vùng xa [132, tr.24]. Cùng với đó, cổng thông tin điện tử đa ngữ hoạt động với sự đa dạng của các chuyên mục "Bản tin người có uy tín", "Tiếng nói vùng cao", "Học và làm theo Bác Hồ" để chuyển tải chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bằng ngôn ngữ và hình thức gần gũi với đồng bào, nâng cao hiệu quả tiếp cận thông tin. Các hội nghị tuyên truyền, quán triệt nghị quyết được tổ chức đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm mỗi đảng viên, người dân được *"nghe, thấy, hiểu và làm theo"*. Qua đó, khả năng tiếp cận thông tin của đồng bào các dân tộc từng bước được mở rộng, góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền, vận động.

Cùng với đổi mới phương pháp tuyên truyền, công tác dân vận ngày càng gắn chặt với giải quyết những vấn đề thiết thực của Nhân dân và phát huy quyền làm chủ ở cơ sở. Các mô hình "Dân vận khéo", đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân, các tổ tự quản, tổ hòa giải và các phong trào thi đua được triển khai gắn với giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường, phòng, chống tảo hôn, di cư tự do và giữ gìn an ninh, trật tự. Qua đó, công tác dân vận không chỉ dừng ở tuyên truyền mà ngày càng hướng tới vận động Nhân dân cùng bàn bạc, cùng tham gia và cùng chịu trách nhiệm đối với các công việc của cộng đồng.

Sau khi sáp nhập tỉnh, những kinh nghiệm và cách làm của hai địa phương tiếp tục được kế thừa, điều chỉnh và thống nhất trong điều kiện tỉnh Lào Cai mới. Công tác tuyên truyền, dân vận được tổ chức theo hướng tăng cường phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội với đội ngũ cán bộ cơ sở, người có uy tín và đồng bào các dân tộc. Việc duy trì mô hình Tuyên vận, các phong trào "Dân vận khéo", hoạt động đối thoại và tuyên truyền trên môi trường số góp phần tăng khả năng tiếp cận thông tin, nắm bắt tình hình Nhân dân và củng cố sự gắn bó giữa HTCT với đồng bào các dân tộc.

Một kết quả nổi bật là vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS ngày càng được phát huy. Đến tháng 3/2026, toàn tỉnh có 2.288 người có uy tín,

trong đó địa bàn Lào Cai cũ có 1.237 người, Yên Bái cũ có 1.051 người [110, tr.6]. Đây là lực lượng quan trọng trong tuyên truyền, vận động, hòa giải và xây dựng đồng thuận ở cơ sở. Giai đoạn 2021 - 2025, khoảng 140 hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật và cung cấp thông tin cho người có uy tín được tổ chức [110, tr.7]. Với lợi thế am hiểu phong tục, tập quán, tiếng nói và tâm tư của đồng bào, người có uy tín đã tích cực vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia giữ gìn bản sắc văn hóa, xây dựng đời sống cộng đồng, hòa giải mâu thuẫn và bảo đảm an ninh, trật tự.

Cùng với người có uy tín, đồng bào các dân tộc ngày càng thể hiện rõ hơn vai trò trực tiếp trong quá trình tuyên truyền, vận động và thực hiện các nhiệm vụ ở cơ sở. Từ chỗ chủ yếu là đối tượng tiếp nhận chính sách, đồng bào ngày càng chủ động tham gia bàn bạc, giám sát, phản biện xã hội, hưởng ứng các phong trào thi đua, hiến đất, góp công xây dựng kết cấu hạ tầng, tham gia các mô hình tự quản về an ninh, bảo vệ rừng, bảo vệ đường biên, mốc giới và xây dựng đời sống văn hóa. Một cán bộ làm công tác dân tộc chia sẻ: *"Hiện nay đồng bào không chỉ thực hiện chủ trương của Đảng mà còn chủ động tuyên truyền, vận động người thân và cộng đồng cùng tham gia. Chính sự đồng thuận và tính chủ động đó đã tạo nên sức mạnh đoàn kết rất lớn ở cơ sở"* (PVS06, cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã)

Kết quả điều tra xã hội học của luận án cho thấy 71,4% cán bộ, công chức, viên chức và đồng bào các dân tộc, người có uy tín được khảo sát đánh giá phương pháp tuyên truyền, vận động đã có nhiều đổi mới và phát huy hiệu quả trong xây dựng khối ĐĐKCDT [Phụ lục 2.1, 2.2]. Kết quả này cho thấy sự đổi mới phương pháp tuyên truyền, vận động không chỉ góp phần nâng cao nhận thức mà còn khơi dậy tính tự giác, trách nhiệm và sự tham gia ngày càng tích cực của đồng bào các dân tộc trong thực hiện các nhiệm vụ chung.

Như vậy, đổi mới phương pháp tuyên truyền, vận động và công tác dân vận đã góp phần chuyển mạnh từ tuyên truyền cho đồng bào sang phát huy đồng bào cùng tham gia tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện. Đồng thời, việc phát huy vai trò của cán bộ cơ sở và người có uy tín đã tạo nên những cầu nối trực

tiếp giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân, góp phần củng cố niềm tin, tăng cường đồng thuận và xây dựng khối ĐĐKCDT từ cơ sở.

Thứ sáu, công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, cán bộ giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong tổ chức, tập hợp và vận động Nhân dân; đối với vùng đồng bào các dân tộc, cán bộ phải gần dân, hiểu dân, tôn trọng và giúp đỡ đồng bào cùng tiến bộ. Từ năm 2015 đến nay, công tác tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ người DTTS, được các cấp ủy, chính quyền trên địa bàn tỉnh Lào Cai hiện nay quan tâm, qua đó từng bước nâng cao chất lượng HTCT ở cơ sở, tăng cường sự tham gia của đồng bào các dân tộc vào đời sống chính trị và củng cố mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân.

Giai đoạn 2015 đến trước khi sáp nhập tỉnh, cả Lào Cai cũ và Yên Bái cũ đều chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS phù hợp với đặc điểm địa bàn miền núi, đa dân tộc. Ở Lào Cai cũ, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ người DTTS được tiếp tục thực hiện gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ tại chỗ, nhất là ở vùng cao, vùng biên giới và địa bàn có đông đồng bào DTTS. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng từng bước gắn kiến thức chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước với kỹ năng dân vận, kiến thức dân tộc và năng lực giải quyết những vấn đề thực tiễn ở cơ sở. Qua đó, đội ngũ cán bộ người DTTS từng bước trưởng thành, tham gia ngày càng tích cực vào cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý và vận động đồng bào ở cơ sở.

Tại Yên Bái cũ, công tác tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ người DTTS cũng được quan tâm và triển khai tương đối bài bản. Nổi bật là việc thực hiện Đề án số 11-ĐA/TU ngày 08/8/2018 về xây dựng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người DTTS thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Qua thực hiện Đề án, 210 cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người DTTS được tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; trong đó 125 đồng chí có sự thay đổi vị trí công tác theo hướng tích cực, 78 người được bổ nhiệm

chức vụ cao hơn và 22 người được bổ nhiệm, bầu cử giữ các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý [152, tr.11-12]. Kết quả này cho thấy việc đào tạo, bồi dưỡng từng bước được gắn với quy hoạch và sử dụng cán bộ, góp phần tạo nguồn cán bộ người DTTS và tăng cường sự tham gia của các dân tộc trong HTCT.

Điểm chung của Lào Cai cũ và Yên Bái cũ là công tác cán bộ người DTTS không chỉ hướng tới nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ mà còn chú trọng phát huy lợi thế của đội ngũ cán bộ tại chỗ. Với sự am hiểu địa bàn, ngôn ngữ, văn hóa, phong tục, tập quán và tâm lý đồng bào, cán bộ người DTTS có điều kiện thuận lợi trong tuyên truyền, vận động, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và giải quyết những vấn đề phát sinh từ cộng đồng. Vì vậy, đội ngũ này ngày càng phát huy vai trò cầu nối giữa cấp ủy, chính quyền với đồng bào các dân tộc, góp phần đưa chủ trương, chính sách vào cuộc sống, đồng thời phản ánh nguyện vọng chính đáng của đồng bào tới cấp ủy, chính quyền.

Sau khi sáp nhập tỉnh, những kết quả về xây dựng đội ngũ cán bộ của hai địa phương tiếp tục được kế thừa và đặt trong yêu cầu mới của tỉnh Lào Cai có địa bàn rộng, đông đồng bào DTTS và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 xác định ưu tiên xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người DTTS. Đề án số 11-ĐA/TU về tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người DTTS, cán bộ có trình độ khoa học - công nghệ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; cán bộ chiến lược của tỉnh Lào Cai đến năm 2030, định hướng đến năm 2040 tiếp tục tạo cơ sở cho việc phát hiện, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và bố trí cán bộ phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

Kết quả rà soát đến ngày 30/6/2026 cho thấy, toàn tỉnh có 16.844 cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS, chiếm 35,97% tổng số cán bộ, công chức, viên chức; trong đó có 1.229 công chức lãnh đạo, quản lý và 1.437 viên chức lãnh đạo, quản lý là người DTTS. Đáng chú ý, có 1.413 cán bộ người DTTS tham gia cấp ủy các cấp, chiếm 46,71%; 1.150 người tham gia HĐND các cấp, chiếm 53,07% [147, tr.12]. Những con số này không chỉ phản ánh kết quả trong tạo nguồn, bố trí và sử dụng cán bộ người DTTS mà còn cho thấy sự tham gia và

tính đại diện khá rõ của các dân tộc trong HTCT, góp phần bảo đảm quyền bình đẳng về chính trị và phát huy vai trò của đồng bào các dân tộc trong tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội ở địa phương.

Cùng với tạo nguồn và bảo đảm cơ cấu, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tiếp tục được chú trọng theo hướng đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Nội dung bồi dưỡng không chỉ tập trung vào lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý nhà nước mà còn chú trọng kỹ năng dân vận, nắm bắt tình hình cơ sở, giải quyết các vấn đề dân tộc, tôn giáo, phong tục, tập quán và năng lực ứng dụng công nghệ số. Việc đào tạo, bồi dưỡng gắn với thực tiễn cơ sở, nhất là ở vùng đồng bào DTTS, vùng cao và khu vực biên giới, góp phần nâng cao năng lực tham mưu, tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện công tác dân tộc của đội ngũ cán bộ. Điều này càng có ý nghĩa trong điều kiện sau sáp nhập, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, khi đội ngũ cán bộ cơ sở trực tiếp nắm tình hình, giải quyết những vấn đề phát sinh, củng cố niềm tin và tăng cường sự gắn bó giữa cấp ủy, chính quyền với đồng bào các dân tộc.

Kết quả điều tra xã hội học của luận án cho thấy 69,4% cán bộ, công chức, viên chức và 66% đồng bào các dân tộc, người có uy tín đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ đạt kết quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT [Phụ lục 2.1, 2.2]. Kết quả này cho thấy những chuyển biến trong công tác cán bộ đã được ghi nhận từ cả đội ngũ thực thi chính sách và đồng bào các dân tộc.

Như vậy, công tác tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ người DTTS, được cả Lào Cai cũ và Yên Bái cũ quan tâm thực hiện trong giai đoạn 2015 đến trước sáp nhập và tiếp tục được kế thừa, nâng cao sau khi thành lập tỉnh Lào Cai mới. Qua đó, số lượng, cơ cấu và chất lượng cán bộ người DTTS từng bước được nâng lên, sự tham gia của cán bộ người DTTS trong HTCT ngày càng được phát huy. Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ người DTTS, đã phát huy vai trò trong tuyên truyền, vận động, tổ chức thực hiện CSDT, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và giải quyết những vấn đề phát sinh từ cơ sở. Kết quả đó góp phần củng cố mối quan hệ giữa cấp ủy, chính quyền với đồng

bào các dân tộc, tăng cường niềm tin, đồng thuận và nâng cao hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai.

3.2.2.2. Nguyên nhân của thành tựu

Những thành tựu trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai từ năm 2015 đến nay là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố, từ sự lãnh đạo của Đảng, sự tổ chức thực hiện của HTCT đến vai trò tích cực của đồng bào các dân tộc. Có thể khái quát một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Một là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Thành tựu trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai trước hết bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn, nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác dân tộc và xây dựng khối ĐĐKCDT. Kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng luôn xác định ĐĐKCDT là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh to lớn và động lực quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong thời kỳ đổi mới, nhiều nghị quyết, kết luận của Trung ương về công tác dân tộc, công tác dân vận và phát huy sức mạnh khối ĐĐKTDT đã được ban hành, tạo cơ sở chính trị, pháp lý quan trọng để các địa phương tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Sự lãnh đạo thống nhất của Đảng đã bảo đảm định hướng xuyên suốt trong hoạch định và thực hiện CSDT, phát huy sức mạnh của cả HTCT và toàn xã hội trong xây dựng khối ĐĐKCDT. Đây là nguyên nhân mang tính quyết định, tạo nền tảng để các địa phương, trong đó có tỉnh Lào Cai, cụ thể hóa chủ trương của Đảng thành các chương trình, kế hoạch và đề án phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương.

Hai là, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Lào Cai đã vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Đảng bộ và chính quyền tỉnh Lào Cai đã vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng về xây dựng khối ĐĐKCDT vào điều kiện thực tiễn của một tỉnh miền núi, biên giới, đa dân tộc. Trong hai nhiệm kỳ 2015 - 2020 và 2020 - 2025, các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của tỉnh

đều xác định xây dựng khối ĐĐKCDT là nhiệm vụ chiến lược, gắn chặt với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng HTCT và nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc.

Công tác quán triệt, tuyên truyền, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai đồng bộ trong toàn HTCT, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc về vị trí, vai trò của khối ĐĐKCDT. Đây là nguyên nhân có ý nghĩa quyết định, giữ vai trò định hướng đối với toàn bộ quá trình xây dựng khối ĐĐKCDT trên địa bàn tỉnh. Sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của cấp ủy, chính quyền các cấp đã tạo cơ sở để huy động sức mạnh của cả HTCT và sự tham gia tích cực của đồng bào các dân tộc trong thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Ba là, sự vào cuộc đồng bộ của hệ thống chính trị và sự tham gia chủ động của đồng bào các dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đã phối hợp chặt chẽ, phát huy tốt vai trò tuyên truyền, vận động, tập hợp Nhân dân. MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội thực sự trở thành cầu nối giữa Đảng với Nhân dân, góp phần đưa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến từng thôn, bản, từng cộng đồng dân cư. Hằng năm, toàn tỉnh tổ chức trên 200 cuộc đối thoại trực tiếp giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân; đồng thời duy trì hiệu quả các mô hình như "Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc", "Dân vận khéo", "Câu lạc bộ người có uy tín tiêu biểu", qua đó tăng cường sự đồng thuận xã hội và củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với Nhân dân.

Đồng bào các dân tộc ngày càng phát huy rõ vai trò chủ thể trong xây dựng khối ĐĐKCDT. Từ chỗ chủ yếu là đối tượng thụ hưởng chính sách, đồng bào đã chủ động tham gia phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ rừng, giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ đường biên, mốc giới và xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Sự chuyển biến từ nhận thức đến hành động đã tạo nên sức mạnh nội sinh, góp phần củng cố khối ĐĐKCDT và tăng cường sự gắn kết giữa các cộng đồng dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Bốn là, hệ thống chính sách dân tộc được triển khai đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm tộc người và điều kiện thực tiễn của địa phương

Trong những năm qua, tỉnh Lào Cai đã chủ động cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc thành nhiều chương trình, đề án và kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Việc triển khai đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cùng các Đề án số 09 về phát triển toàn diện khu vực nông thôn, Đề án số 14 về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, con người Lào Cai và Đề án số 15 về giảm nghèo đa chiều, bảo đảm an sinh xã hội đã tạo sự gắn kết giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với thực hiện chính sách dân tộc. Đồng thời, tỉnh ưu tiên bố trí nguồn lực cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và khu vực biên giới theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn và từng cộng đồng dân tộc. Cách tiếp cận này góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện CSDT, tạo điều kiện để đồng bào phát huy nội lực, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc và củng cố khối ĐĐKCDT trên địa bàn tỉnh.

Năm là, truyền thống cách mạng, đoàn kết và sự gắn bó lâu đời giữa các dân tộc trên địa bàn tỉnh được kế thừa và phát huy trong điều kiện mới

Lào Cai là vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa và truyền thống cách mạng, kế thừa những giá trị lịch sử của cả hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái trước khi sáp nhập. Trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, nhiều địa danh như Cam Đường, Khởi nghĩa Yên Bái (1930)... đã ghi dấu những đóng góp quan trọng của đồng bào các dân tộc đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng. Quá trình đồng cam cộng khổ trong đấu tranh cách mạng, bảo vệ biên cương và xây dựng quê hương đã hun đúc truyền thống yêu nước, đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc, đồng thời bồi đắp niềm tin sâu sắc của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Đây là nền tảng chính trị - tinh thần quan trọng để tập hợp, phát huy sức mạnh của đồng bào các dân tộc trong xây dựng khối ĐĐKCDT.

Bên cạnh truyền thống cách mạng, quá trình cộng cư lâu đời của các dân tộc Mông, Dao, Tày, Nùng, Giáy, Hà Nhì, Phù Lá… đã hình thành những giá trị văn hóa cộng đồng tốt đẹp như đoàn kết, tương trợ, gắn bó trong lao động sản xuất, phòng, chống thiên tai, bảo vệ biên giới và gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Những giá trị đó trở thành nền tảng xã hội bền vững, tạo môi trường thuận lợi để tăng cường sự đồng thuận, củng cố mối quan hệ gắn bó giữa các cộng đồng dân tộc.

Trong điều kiện hiện nay, truyền thống cách mạng và đoàn kết tiếp tục được kế thừa, phát huy thông qua các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động ở cơ sở và việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc. Nhiều lễ hội như Roóng Poọc của người Giáy, Gầu Tào của người Mông, Nhảy lửa của người Dao, Lễ hội xuống đồng của người Tày... không chỉ góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa mà còn tạo không gian giao lưu, tăng cường sự hiểu biết, tôn trọng và gắn bó giữa các cộng đồng dân cư. Qua đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKCDT tiếp tục được lan tỏa trong đời sống xã hội, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng, phát huy sức mạnh nội sinh và tạo động lực quan trọng cho sự phát triển bền vững của tỉnh Lào Cai.

Sáu là, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng

Trong những năm qua, tỉnh đặc biệt quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ người DTTS gắn với yêu cầu thực tiễn ở vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa và khu vực biên giới. Nhờ đó, đội ngũ cán bộ từng bước trưởng thành về bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn và năng lực vận động quần chúng, đáp ứng ngày càng tốt yêu cầu lãnh đạo, quản lý ở cơ sở.

Cùng với đó, tỉnh luôn quan tâm phát huy vai trò của đội ngũ người có uy tín trong đồng bào các DTTS thông qua việc thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, thường xuyên cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức và tạo điều kiện để tham gia các hoạt động của địa phương. Với uy tín trong cộng đồng, sự am hiểu phong tục, tập quán và tiếng nói dân tộc, người có uy tín cùng đội ngũ cán bộ người DTTS đã trở thành cầu nối quan trọng giữa Đảng, chính quyền với Nhân

dân; góp phần tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân đến cấp ủy, chính quyền. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng tạo nên sự đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai.

Biểu đồ 3.2: Đánh giá năng lực và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc hiện nay

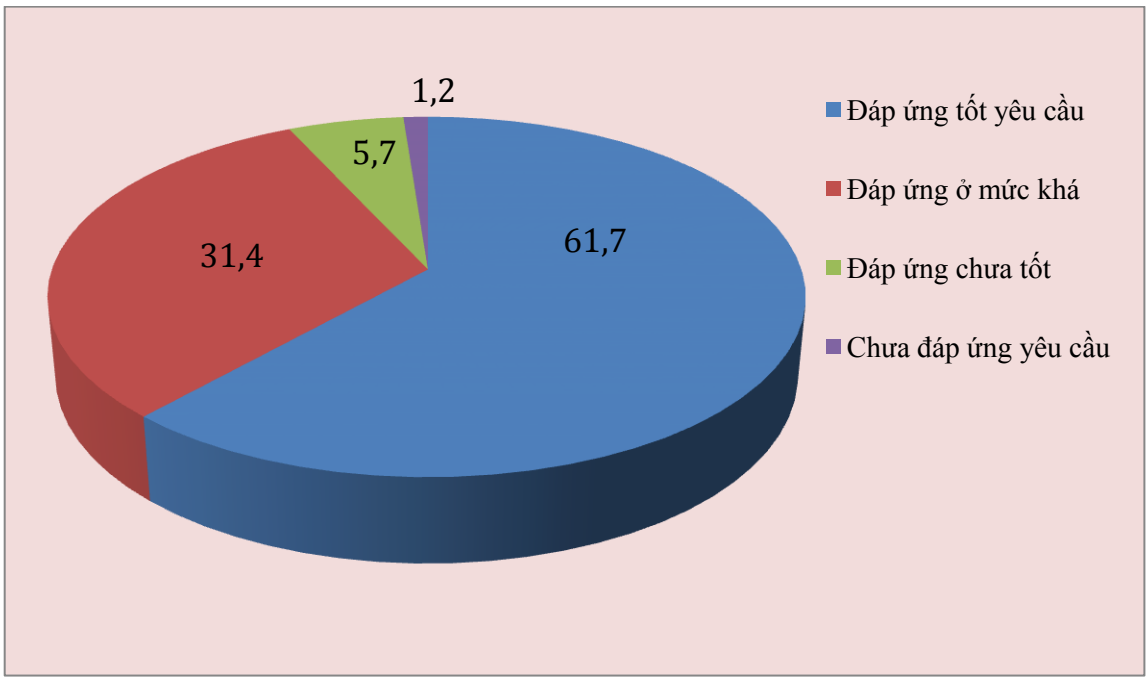

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Kết quả điều tra xã hội học tại Biểu đồ 3.2 cho thấy, có 61,7% cán bộ, công chức, viên chức đánh giá đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ người DTTS, đáp ứng tốt yêu cầu xây dựng khối ĐĐKCDT; 31,4% đánh giá ở mức khá; 5,7% đánh giá ở mức mới đáp ứng và chỉ 1,2% cho rằng chưa đáp ứng yêu cầu. Với 93,1% ý kiến đánh giá ở mức tốt và khá, kết quả khảo sát phản ánh sự ghi nhận tích cực đối với năng lực và vai trò của đội ngũ cán bộ cơ sở trong xây dựng khối ĐĐKCDT. Đây cũng là một trong những biểu hiện về kết quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ thời gian qua. Đặc biệt, với lợi thế am hiểu ngôn ngữ, phong tục, tập quán và đời sống của đồng bào, đội ngũ cán bộ người DTTS có điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà

nước với Nhân dân, góp phần tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương, chính sách dân tộc, củng cố niềm tin và tăng cường sự gắn bó giữa các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Bảy là, phát huy những tác động tích cực của quá trình hội nhập, chuyển đổi số và đổi mới mô hình quản trị địa phương

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng, tỉnh Lào Cai đã chủ động gắn nhiệm vụ xây dựng khối ĐĐKCDT với chuyển đổi số, cải cách hành chính và đổi mới phương thức quản trị địa phương. Việc triển khai các chương trình chuyển đổi số ở vùng đồng bào DTTS không chỉ tạo điều kiện để người dân tiếp cận nhanh hơn với thông tin, tri thức và các dịch vụ công thiết yếu mà còn góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ số trong tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã góp phần nâng cao hiệu quả thông tin, tăng cường mối liên hệ giữa chính quyền với Nhân dân, đồng thời tạo điều kiện để người dân tiếp cận thông tin và tham gia các hoạt động ở cơ sở. Các mô hình kinh tế số, thương mại điện tử, du lịch thông minh và quảng bá sản phẩm đặc trưng của địa phương trên nền tảng số đã mở ra cơ hội mới cho đồng bào dân tộc thiểu số phát triển sản xuất, mở rộng thị trường và nâng cao thu nhập.

Đặc biệt, sau khi sáp nhập tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả đã góp phần nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, rút ngắn khoảng cách giữa chính quyền với cơ sở, tạo điều kiện xử lý kịp thời hơn những vấn đề phát sinh trong vùng đồng bào DTTS. Đây là nhân tố mới có tác động tích cực đến việc củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với HTCT, tăng cường đồng thuận xã hội và phát huy sức mạnh khối ĐĐKCDT trong giai đoạn mới.

Quá trình hội nhập, chuyển đổi số và đổi mới mô hình quản trị địa phương đã tạo thêm động lực, phương thức và điều kiện thuận lợi cho xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai. Đây là nguyên nhân mới, phản ánh sự vận dụng linh hoạt tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKCDT trong bối cảnh phát triển hiện nay.

3.2.3. Hạn chế và nguyên nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Lào Cai

3.2.3.1. Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay vẫn còn một số hạn chế sau:

Một là, nhận thức và năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết các dân tộc của một bộ phận cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc còn chưa chưa đồng đều, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn.

Mặc dù nhận thức về vị trí, vai trò của khối ĐĐKCDT đã có nhiều chuyển biến tích cực, song ở một số địa bàn, một bộ phận cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc vẫn chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa và yêu cầu của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn. Việc học tập, quán triệt và cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT ở một số nơi còn mang tính hình thức, chưa gắn chặt với giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa phương.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, có 34,5% cán bộ, công chức, viên chức và 36,7% đồng bào các dân tộc, người có uy tín được khảo sát cho rằng nhận thức của một bộ phận cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc về xây dựng khối ĐĐKCDT còn hạn chế; việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT chưa thật sự đầy đủ và sâu sắc [Phụ lục 2.1; 2.2]. Điều đó phản ánh thực tế rằng, ở một số nơi, việc quán triệt và cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT chưa đạt hiệu quả như mong muốn, chưa tạo được sự thống nhất cao về nhận thức và hành động giữa các chủ thể tham gia.

Một số cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đội ngũ cán bộ cơ sở còn lúng túng trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện cụ thể của địa phương; việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách về công tác dân tộc và ĐĐKDT chưa thật sự linh hoạt, sáng tạo. Trong khi đó, một bộ phận đồng bào các dân tộc vẫn còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa phát huy đầy đủ vai trò chủ thể, tinh thần tự lực, tự cường và trách nhiệm cộng đồng trong xây dựng đời sống mới cũng như củng cố khối ĐĐKCDT.

Những hạn chế trên đã ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT trong thực tiễn, làm giảm tính chủ động, sáng

tạo của các chủ thể tham gia và chưa phát huy đầy đủ sức mạnh nội sinh của cộng đồng các dân tộc trong quá trình phát triển của tỉnh.

Hai là, công tác dân vận, tuyên truyền, vận động và việc phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, người có uy tín trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở một số địa bàn còn có mặt hạn chế

Những năm qua, công tác dân vận, tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc được các cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội quan tâm triển khai, góp phần củng cố khối ĐĐKCDT. Tuy nhiên, ở một số địa bàn, nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền còn chậm đổi mới, chưa thật sự phù hợp với đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ và phong tục, tập quán của từng dân tộc; một số hoạt động vẫn thiên về phổ biến chủ trương, chính sách theo một chiều, trong khi đối thoại, lắng nghe và giải quyết những vấn đề đồng bào quan tâm chưa được chú trọng đúng mức [136, tr.3].

Việc nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội và tâm tư, nguyện vọng của đồng bào ở một số nơi chưa kịp thời; hoạt động tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân có lúc chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ở một số địa phương còn lúng túng trong lựa chọn nội dung, chất lượng một số cuộc giám sát chưa cao, việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kiến nghị sau giám sát còn hạn chế [138, tr.4].

Bên cạnh đó, vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và người có uy tín ở một số nơi chưa được phát huy đầy đủ; sự phối hợp giữa các lực lượng trong xây dựng khối ĐĐKCDT có lúc chưa chặt chẽ. Một số mô hình "Dân vận khéo", phong trào thi đua và hoạt động xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở chưa tạo được sức lan tỏa bền vững; công tác tuyên truyền xóa bỏ hủ tục, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, mê tín dị đoan vẫn gặp nhiều khó khăn. Đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận ở cơ sở còn thiếu về kỹ năng tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội và ứng dụng công nghệ số, ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả tập hợp, vận động quần chúng [138, tr.4].

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy có 27,7% cán bộ, công chức, viên chức và 42% đồng bào các dân tộc, người có uy tín được khảo sát cho rằng sự phối

hợp giữa các chủ thể và lực lượng trong xây dựng khối ĐĐKCDT chưa thật sự chặt chẽ, chưa phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp [Phụ lục 2.1, 2.2]. Điều đó cho thấy công tác dân vận, tuyên truyền, vận động và phát huy vai trò của các chủ thể tham gia xây dựng khối ĐĐKCDT vẫn là một trong những khâu cần tiếp tục được đổi mới và nâng cao hiệu quả.

Dưới góc độ tư tưởng Hồ Chí Minh, những hạn chế trên cho thấy ở một số nơi việc quán triệt quan điểm "dân là gốc" và phương châm "dân vận khéo thì việc gì cũng thành công" chưa thật sự đầy đủ. Việc phát huy quyền làm chủ và vai trò chủ thể của đồng bào các dân tộc trong xây dựng khối ĐĐKCDT vẫn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, cần tiếp tục được quan tâm đổi mới trong thời gian tới.

Ba là, hiệu quả thực hiện một số chủ trương, chính sách dân tộc và chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa đồng đều; khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc vẫn còn khá lớn

Những năm qua, tỉnh Lào Cai đã triển khai đồng bộ nhiều chủ trương, chính sách và chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, đạt nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, hiệu quả thực hiện ở một số địa bàn còn chưa đồng đều; việc gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với mục tiêu củng cố khối ĐĐKCDT có nơi chưa thật sự chặt chẽ. Một số chương trình, dự án còn triển khai chậm, việc lồng ghép nguồn lực giữa các chương trình mục tiêu quốc gia có lúc chưa đồng bộ, dẫn đến hiệu quả đầu tư ở một số địa phương chưa đạt như kỳ vọng. Cụ thể, một số chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển vùng đồng bào DTTS và miền núi như Chương trình 1719/QĐ-TTg, Nghị quyết 88/2019/QH14 được triển khai chậm so với kế hoạch, hiệu quả chưa cao, đặc biệt tại các xã vùng cao, biên giới như Si Ma Cai, Mường Khương, Bát Xát... Một số địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao (Si Ma Cai 28,3%; Mường Khương 24,7% vào năm 2023) [131, tr.12-13], nhưng chưa được ưu tiên đủ nguồn lực đầu tư hạ tầng và sinh kế phù hợp với đặc thù tộc người.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, hướng dẫn và tổ chức thực hiện một số chính sách ở cơ sở còn hạn chế; việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá hiệu quả sau đầu tư chưa thường xuyên. Một số mô hình hỗ trợ sản xuất, phát triển sinh kế chưa thật sự phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán canh tác và nhu cầu của

từng nhóm dân tộc, nên hiệu quả và tính bền vững chưa cao. Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I (nhiệm kỳ 2025 - 2030) cũng chỉ rõ: "Một số chính sách, chương trình còn dàn trải, thiếu trọng tâm, thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành; chưa tạo được sức lan tỏa trong phát triển vùng đồng bào DTTS" [132, tr.19]. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở một số vùng cao, vùng sâu, vùng xa tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; chất lượng giáo dục, y tế và khả năng tiếp cận các dịch vụ công của đồng bào DTTS còn thấp hơn so với mặt bằng chung của tỉnh. Việc triển khai một số chính sách hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, sinh kế và tạo việc làm chưa thật sự đồng bộ; công tác tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện chính sách ở cơ sở còn hạn chế, dẫn đến một bộ phận đồng bào chưa nắm đầy đủ nội dung và chưa chủ động tham gia thực hiện. Bên cạnh đó, một số mô hình hỗ trợ sản xuất, giảm nghèo chưa phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa bàn, hiệu quả và tính bền vững chưa cao; tình trạng tái nghèo vẫn còn xảy ra ở một số nơi.

Những hạn chế trên cho thấy sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố khối ĐĐKCDT ở một số địa phương chưa thật sự chặt chẽ. Việc tổ chức thực hiện chính sách ở cơ sở còn có mặt hạn chế, khiến hiệu quả thụ hưởng của một bộ phận đồng bào DTTS chưa tương xứng với nguồn lực đầu tư. Đây là một trong những yếu tố làm giảm hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bốn là, nguồn lực đầu tư và chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ người DTTS ở cơ sở, chưa đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới

Tỉnh Lào Cai đã quan tâm bố trí nguồn lực cho phát triển vùng đồng bào DTTS và xây dựng khối ĐĐKCDT, song so với yêu cầu thực tiễn, nguồn lực đầu tư ở một số địa bàn còn phân tán, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển, nhất là vùng sâu, vùng xa và khu vực biên giới. Việc huy động các nguồn lực xã hội tham gia phát triển vùng đồng bào DTTS còn hạn chế; một số công trình hạ tầng thiết yếu, thiết chế văn hóa và các hoạt động phát huy khối ĐĐKCDT còn thiếu tính bền vững.

Bên cạnh đó, chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ người DTTS, còn chưa đồng đều. Một bộ phận cán bộ còn hạn chế về kỹ năng dân vận, năng

lực tuyên truyền, vận động quần chúng, khả năng tham mưu, tổ chức thực hiện CSDT và xử lý những vấn đề mới phát sinh ở cơ sở; việc ứng dụng chuyển đổi số trong thực hiện nhiệm vụ còn chậm. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ ở một số địa phương chưa thật sự đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Kết quả điều tra xã hội học của luận án cho thấy có 35,1% cán bộ, công chức, viên chức và 47,3% đồng bào các dân tộc, người có uy tín được khảo sát cho rằng năng lực của một bộ phận cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới (Phụ lục 2.1; 2.2). Điều đó cho thấy việc tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và tăng cường nguồn lực đầu tư vẫn là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai.

Năm là, một số vấn đề xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn tồn tại, ảnh hưởng đến tính bền vững của khối đại đoàn kết các dân tộc

Một số vấn đề xã hội như tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và một số tập quán lạc hậu vẫn còn diễn ra ở một số địa bàn vùng đồng bào DTTS, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Giai đoạn 2015 - 2025, trên địa bàn hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái trước sáp nhập ghi nhận 5.809 trường hợp tảo hôn; trong đó giai đoạn 2015 - 2020 có 4.974 trường hợp, giai đoạn 2021 - 2025 còn 835 trường hợp, giảm 83% so với giai đoạn trước; đến tháng 7/2025 vẫn còn 36 trường hợp. Hôn nhân cận huyết thống có 35 trường hợp trong cả giai đoạn, nhưng từ năm 2023 đến nay không còn phát sinh trường hợp mới [109, tr.4]. Như vậy, kết quả giảm thiểu tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống là rõ rệt, song nguy cơ tảo hôn vẫn còn tập trung ở một số xã vùng cao, vùng đồng bào DTTS và khu vực biên giới, nhất là trong một bộ phận thanh thiếu niên.

Đáng chú ý, tình trạng phụ nữ sinh con trước 18 tuổi vẫn còn diễn ra. Giai đoạn 2021 - 2025, toàn tỉnh ghi nhận 2.511 trường hợp; riêng đến tháng 7/2025 có 221 trường hợp [109, tr.5]. Đây là vấn đề không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe sinh sản, chất lượng dân số và nguồn nhân lực mà còn phản ánh những hạn chế trong nhận thức, giáo dục giới tính, quản lý thanh thiếu niên và thay đổi tập quán trong một bộ phận đồng bào.

Đời sống của một bộ phận đồng bào DTTS, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn khó khăn; dân cư phân tán, giao thông không thuận lợi, trình độ nhận thức pháp luật không đồng đều, có nơi người dân còn hạn chế trong sử dụng tiếng phổ thông. Trong khi đó, đội ngũ tuyên truyền viên ở một số cơ sở còn thiếu kỹ năng, chưa am hiểu đầy đủ phong tục, tập quán và tiếng dân tộc nên hiệu quả tuyên truyền, vận động chưa cao. Bên cạnh đó, việc can thiệp, ngăn chặn và xử lý một số trường hợp tảo hôn ở cơ sở có lúc chưa kịp thời, thiếu kiên quyết, còn biểu hiện nể nang; kinh phí duy trì mô hình và tổ chức tuyên truyền thường xuyên tại thôn, bản còn hạn chế.

Tình trạng di cư lao động tự phát ở một số địa bàn vùng cao vẫn diễn ra, nhất là trong thanh niên DTTS. Việc một bộ phận lao động trẻ rời địa phương đi làm ăn xa làm giảm nguồn nhân lực tại chỗ, ảnh hưởng đến việc duy trì các thiết chế xã hội truyền thống và sự gắn kết cộng đồng ở cơ sở.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động xóa bỏ hủ tục ở một số địa phương chưa thật sự thường xuyên, liên tục và phù hợp với đặc điểm của từng tộc người. Việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và chính quyền cơ sở trong giải quyết các vấn đề xã hội có lúc chưa chặt chẽ; một số mô hình tuyên truyền, vận động chưa tạo được sức lan tỏa bền vững trong cộng đồng.

Mặt khác, Lào Cai là tỉnh miền núi, biên giới, có địa bàn rộng, giao thông còn nhiều khó khăn, dân cư phân tán, nhiều dân tộc cùng sinh sống với sự khác biệt về ngôn ngữ, phong tục và tín ngưỡng. Đây là điều kiện để các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng và những khó khăn trong đời sống của một bộ phận đồng bào nhằm tuyên truyền thông tin sai trái, kích động chia rẽ khối ĐĐKCDT. Trong khi đó, năng lực nhận diện, đấu tranh phản bác thông tin xấu độc của một bộ phận cán bộ cơ sở và người dân còn hạn chế, nhất là trên không gian mạng.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy có 22,2% cán bộ, công chức, viên chức và 31,3% đồng bào các dân tộc, người có uy tín được khảo sát cho rằng tình trạng lợi dụng vấn đề dân tộc, tín ngưỡng và các yếu tố phức tạp về an ninh, trật tự vẫn là một trong những hạn chế đáng quan tâm hiện nay (Phụ lục 2.1, 2.2).

Những nguyên nhân trên làm cho việc giải quyết các vấn đề xã hội ở vùng đồng bào DTTS chưa đạt được kết quả bền vững, qua đó ảnh hưởng nhất định đến chất lượng nguồn nhân lực, sự gắn kết cộng đồng và hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai.

Biểu đồ 3.3: Đánh giá hạn chế trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai

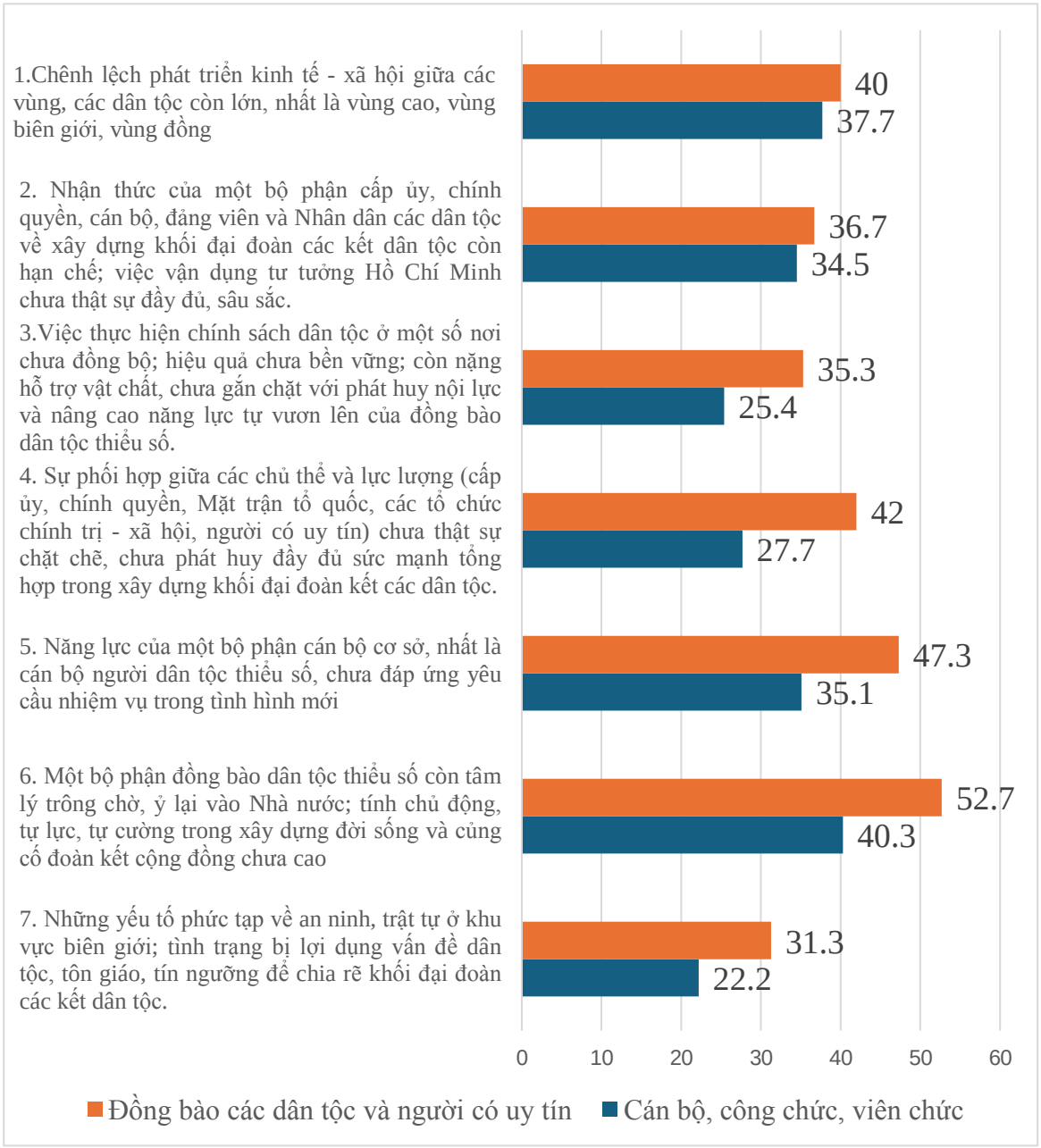

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Biểu đồ 3.3 phản ánh kết quả khảo sát đối với 350 cán bộ, công chức, viên chức và 300 đồng bào các dân tộc, người có uy tín cho thấy, các hạn chế trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay. Kết quả cho thấy giữa hai nhóm đối tượng có sự thống nhất khá cao trong việc nhận diện các hạn chế chủ yếu, mặc dù mức độ đánh giá có sự khác biệt.

Đối với nhóm cán bộ, công chức, viên chức, nội dung được lựa chọn nhiều nhất là một bộ phận đồng bào DTTS còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, tính chủ động, tự lực, tự cường trong xây dựng đời sống và củng cố đoàn kết cộng đồng chưa cao (40,3%); tiếp đến là chênh lệch phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng, các dân tộc còn lớn (37,7%); năng lực của một bộ phận cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới (35,1%); và nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và đồng bào về xây dựng khối ĐĐKCDT còn hạn chế (34,5%).

Đối với nhóm đồng bào các dân tộc và người có uy tín, tỷ lệ đánh giá nhìn chung cao hơn so với nhóm cán bộ. Trong đó, tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, tính chủ động, tự lực, tự cường chưa cao được lựa chọn nhiều nhất (52,7%); tiếp đến là năng lực của một bộ phận cán bộ cơ sở (47,3%); sự phối hợp giữa các chủ thể trong xây dựng khối ĐĐKCDT chưa thật sự chặt chẽ (42%); và chênh lệch phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng, các dân tộc (40%).

Kết quả khảo sát cho thấy, cả hai nhóm đối tượng đều thống nhất rằng những hạn chế hiện nay tập trung vào bốn vấn đề chủ yếu: nhận thức và tính chủ động của một bộ phận đồng bào; chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở; khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc; và hiệu quả phối hợp giữa các chủ thể trong xây dựng khối ĐĐKCDT. Đây là những vấn đề có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, phản ánh cả những khó khăn về điều kiện phát triển, năng lực tổ chức thực hiện và việc phát huy vai trò chủ thể của đồng bào các dân tộc.

Đáng chú ý, tỷ lệ đánh giá của nhóm đồng bào các dân tộc và người có uy tín đều cao hơn nhóm cán bộ, công chức, viên chức ở hầu hết các nội dung. Điều đó cho thấy những bất cập trong tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách, năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở và việc phát huy vai trò lực lượng của đồng bào được cảm nhận rõ hơn từ thực tiễn đời sống. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để

luận án tiếp tục phân tích nguyên nhân của những hạn chế, đồng thời đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai trong giai đoạn mới.

Như vậy, bên cạnh những kết quả đạt được, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai vẫn còn một số hạn chế cả về nhận thức, tổ chức thực hiện, phát huy vai trò của các lực lượng và bảo đảm điều kiện phát triển. Những hạn chế này là cơ sở để tiếp tục phân tích nguyên nhân, từ đó đề xuất các giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

3.2.3.2. Nguyên nhân của hạn chế

Những hạn chế trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai thời gian qua xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, đan xen và tác động lẫn nhau. Trong đó, các nguyên nhân khách quan tạo ra những rào cản nhất định, còn các nguyên nhân chủ quan giữ vai trò quyết định đối với hiệu quả tổ chức thực hiện.

Một là, điều kiện tự nhiên, địa bàn cư trú phân tán và đặc thù tộc người còn nhiều khó khăn

Lào Cai là tỉnh miền núi, biên giới với địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn, giao thông đi lại ở nhiều khu vực còn khó khăn; thường xuyên chịu tác động của thiên tai như lũ quét, sạt lở đất, mưa đá, rét đậm, rét hại. Đồng thời, đồng bào các DTTS chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu dân số của tỉnh, sinh sống chủ yếu ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, phân bố không đồng đều và có sự khác biệt về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, trình độ phát triển giữa các tộc người.

Những đặc điểm đó làm cho quá trình triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp quần chúng và phát huy vai trò chủ thể của đồng bào các dân tộc gặp nhiều trở ngại. Khoảng cách địa lý, địa bàn cư trú phân tán cùng sự đa dạng về ngôn ngữ, phong tục, tập quán giữa các tộc người đã ảnh hưởng đến hiệu quả truyền tải thông tin, tổ chức thực hiện chính sách và xây dựng sự đồng thuận xã hội. Đồng thời, việc triển khai các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, CSDT và hoạt

động của HTCT ở cơ sở đòi hỏi nguồn lực lớn hơn, thời gian dài hơn và sự phối hợp chặt chẽ hơn so với nhiều địa phương khác.

Đồng bào DTTS chiếm trên 57,6% dân số toàn tỉnh, sinh sống chủ yếu ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, điều kiện phát triển sản xuất còn nhiều hạn chế. Nhiều xã vùng cao như Mường Khương, Si Ma Cai, Văn Bàn, Mù Cang Chải, Trạm Tấu… vẫn còn thiếu đất sản xuất, nước sinh hoạt, kết cấu hạ tầng yếu kém. Với địa hình phức tạp và khí hậu khắc nghiệt và sinh kế còn nhiều khó khăn ở một số địa bàn vùng cao, vùng biên giới đã ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận thông tin, giáo dục, y tế và các dịch vụ xã hội cơ bản của một bộ phận đồng bào DTTS. Đây là nguyên nhân khách quan làm cho quá trình phát triển giữa các vùng còn chênh lệch, đồng thời tác động nhất định đến hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay.

Hai là, yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới ngày càng cao, trong khi công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện ở một số lĩnh vực, địa phương chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn

Bước vào giai đoạn phát triển mới, tỉnh Lào Cai đứng trước những yêu cầu ngày càng cao về phát triển nhanh và bền vững, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế cửa khẩu, du lịch và hội nhập quốc tế. Đồng thời, việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và tinh gọn bộ máy đã tạo ra những thay đổi lớn trong cơ cấu tổ chức, phương thức lãnh đạo, quản lý và điều hành ở các cấp. Những yêu cầu mới này đòi hỏi HTCT phải không ngừng đổi mới tư duy, phương pháp lãnh đạo, nâng cao chất lượng quản trị và năng lực tổ chức thực hiện.

Tuy nhiên, ở một số địa phương, việc cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc, công tác dân vận và xây dựng khối ĐĐKCDT có lúc còn chậm hoặc chưa thật sự sát với điều kiện thực tiễn. Công tác dự báo, nắm tình hình, phát hiện và xử lý những vấn đề mới nảy sinh trong vùng đồng bào DTTS có thời điểm chưa kịp thời. Một số nội dung lãnh đạo, chỉ đạo còn thiên về giải quyết công việc trước mắt, chưa chú trọng

đúng mức đến những vấn đề mang tính chiến lược, lâu dài liên quan đến xây dựng khối ĐĐKCDT.

Bên cạnh đó, việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của một số cơ quan, đơn vị, nhất là ở cơ sở, có mặt chưa theo kịp yêu cầu của bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới mô hình quản trị địa phương. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong triển khai một số chương trình, dự án và CSDT có lúc, có nơi chưa thật sự đồng bộ; việc lồng ghép các nguồn lực và gắn kết giữa mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội với mục tiêu xây dựng khối ĐĐKCDT còn hạn chế. Sau quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy và chính quyền địa phương hai cấp, một bộ phận cán bộ được điều động, bố trí công tác ở địa bàn mới, đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ mới, trong khi thời gian thích nghi và tích lũy kinh nghiệm thực tiễn chưa nhiều. Điều đó phần nào ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về công tác dân tộc và xây dựng khối ĐĐKCDT trong giai đoạn đầu sau sắp xếp tổ chức bộ máy.

Những yếu tố trên đã ảnh hưởng đến chất lượng công tác tuyên truyền, vận động, việc phát huy vai trò của các lực lượng tham gia và hiệu quả tổ chức thực hiện các chủ trương, CSDT ở cơ sở. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng làm hạn chế kết quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay.

Ba là, nguồn lực đầu tư và thực hiện chính sách dân tộc chưa tương xứng với yêu cầu phát triển và vị trí chiến lược của tỉnh

Mặc dù Trung ương và tỉnh đã quan tâm bố trí nhiều nguồn lực cho phát triển vùng đồng bào DTTS và miền núi, song so với yêu cầu thực tế, nguồn lực đầu tư vẫn còn hạn chế. Mức đầu tư vẫn còn phân tán, dàn trải, chưa đủ mạnh để tạo đột phá. Tổng vốn đầu tư cho vùng DTTS giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 6.200 tỷ đồng, nhưng nhu cầu thực tế ước gấp 1,8 lần [173, tr.13]. Việc phân bổ kinh phí còn thiếu đồng bộ giữa các ngành, địa phương; nhiều công trình hạ tầng chưa được bảo trì, nâng cấp đúng tiến độ; một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế chưa phù hợp đặc thù tộc người. Do ngân sách trung ương còn hạn chế, trong khi địa phương chưa có nhiều nguồn thu nội lực, CSDT chủ yếu thiên

về hỗ trợ ngắn hạn (cấp phát, trợ giá), ít tập trung vào phát triển con người, tạo sinh kế bền vững. Điều này khiến cho đời sống của một bộ phận đồng bào DTTS chưa thật sự ổn định, dẫn đến tâm lý trông chờ, ỷ lại và làm giảm sức mạnh tự thân của cộng đồng trong việc tham gia xây dựng khối ĐĐKDT.

Nhu cầu đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông, điện, nước sinh hoạt, giáo dục, y tế, văn hóa, chuyển đổi số, giảm nghèo bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở vùng đồng bào DTTS là rất lớn, trong khi khả năng huy động và cân đối nguồn lực của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn. Nguồn vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển vẫn phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ của Trung ương; một số nguồn lực huy động ngoài ngân sách, nguồn vốn xã hội hóa, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chưa đạt như kỳ vọng [145, tr.5].

Bên cạnh đó, kết cấu hạ tầng ở nhiều địa bàn vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới tuy đã được cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Nhiều công trình giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, cơ sở y tế còn thiếu hoặc xuống cấp; việc tiếp cận các dịch vụ giáo dục, y tế, thông tin và chuyển đổi số của đồng bào DTTS số còn gặp nhiều khó khăn. Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực ở vùng đồng bào DTTS còn thấp; cơ hội việc làm, tiếp cận khoa học - công nghệ và thị trường lao động còn hạn chế [144, tr.5-7].

Mặt khác, nhu cầu đầu tư cho các lĩnh vực văn hóa, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân ngày càng lớn nhưng nguồn lực còn phân tán và chưa tương xứng với yêu cầu phát triển. Một số công trình văn hóa, không gian sinh hoạt cộng đồng, hoạt động bảo tồn di sản văn hóa dân tộc chưa được đầu tư đồng bộ; công tác xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa còn gặp nhiều khó khăn [143, tr.5-6].

Những hạn chế về nguồn lực đầu tư đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực hiện các CSDT, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc và việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho một số mục tiêu xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Bốn là, năng lực, trách nhiệm và tính chủ động của một bộ phận cán bộ, đảng viên, tổ chức cơ sở đảng và HTCT ở cơ sở còn hạn chế

Một trong những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai là chất lượng đội ngũ cán bộ và hiệu quả hoạt động của một số tổ chức trong HTCT ở cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Điều này xuất phát từ việc công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí và sử dụng cán bộ ở một số địa phương chưa thật sự đồng bộ; nội dung đào tạo chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn về công tác dân tộc, dân vận, chuyển đổi số và kỹ năng xử lý các vấn đề phát sinh ở cơ sở.

Bên cạnh đó, việc đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở một số tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội còn chậm. Cơ chế phối hợp giữa các chủ thể trong triển khai công tác dân tộc và xây dựng khối ĐĐKCDT có lúc chưa thật sự chặt chẽ; công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và nhân rộng các mô hình hiệu quả chưa được thực hiện thường xuyên, làm ảnh hưởng đến chất lượng tổ chức thực hiện.

Mặt khác, sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và mô hình chính quyền địa phương hai cấp, nhiều cán bộ được điều động, bố trí công tác ở địa bàn mới hoặc đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ hơn trước, trong khi thời gian thích nghi với mô hình tổ chức và yêu cầu công việc mới còn ngắn. Điều này phần nào ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu, khả năng phối hợp và hiệu quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở.

Nguyên nhân nêu trên làm giảm hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về công tác dân tộc; đồng thời ảnh hưởng đến việc phát huy sức mạnh tổng hợp của HTCT và vai trò lực lượng của đồng bào trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay.

Năm là, tác động của mặt trái kinh tế thị trường, hội nhập, mạng xã hội cùng với một số yếu tố xã hội và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch đã ảnh hưởng đến tính bền vững của khối đại đoàn kết các dân tộc

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, chuyển đổi số và phát triển kinh tế thị trường, bên cạnh những cơ hội thuận lợi, tỉnh Lào Cai cũng phải đối mặt với nhiều tác động tiêu cực đến đời sống xã hội và quan hệ dân tộc. Các

luồng thông tin đa chiều trên không gian mạng, trong đó có nhiều thông tin sai lệch, xuyên tạc, thiếu kiểm chứng, đã tác động đến nhận thức, tư tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc, nhất là thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Bên cạnh đó, ở một số địa bàn vùng cao, vùng sâu, vùng xa vẫn còn tồn tại những phong tục, tập quán lạc hậu như tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, tư tưởng sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp và tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Mặc dù các cấp, các ngành đã triển khai nhiều giải pháp tuyên truyền, vận động và hỗ trợ phát triển sinh kế, song sự chuyển biến ở một số nơi còn chậm. Một bộ phận đồng bào chưa thực sự phát huy tinh thần tự lực, tự cường, chưa chủ động vươn lên phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, từ đó ảnh hưởng đến việc phát huy vai trò chủ thể trong xây dựng khối ĐĐKCDT.

Mặt khác, với vị trí là tỉnh miền núi, biên giới có đường biên giới dài trên 182 km tiếp giáp với Trung Quốc, Lào Cai luôn là địa bàn mà các thế lực thù địch, phản động lợi dụng vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, dân chủ và nhân quyền để chống phá. Chúng tìm cách khai thác những khó khăn về kinh tế, xã hội, những hạn chế về nhận thức và các vấn đề nhạy cảm trong vùng đồng bào DTTS để xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, kích động tư tưởng ly khai, chia rẽ dân tộc, gây mất đoàn kết trong cộng đồng. Một số hiện tượng truyền đạo trái phép, tuyên truyền "tà đạo", lôi kéo di cư tự do hoặc phát tán thông tin xấu độc trên không gian mạng đã từng xuất hiện ở một số địa bàn vùng cao, vùng biên giới.

Mặc dù những tác động này không mang tính phổ biến, song đã và đang tạo ra những nguy cơ tiềm ẩn ảnh hưởng đến sự ổn định chính trị, trật tự xã hội và tính bền vững của khối ĐĐKCDT. Đây là một trong những nguyên nhân khách quan quan trọng làm cho quá trình xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai vẫn còn những hạn chế nhất định trong giai đoạn hiện nay.

Như vậy, những hạn chế trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai phản ánh khoảng cách nhất định giữa yêu cầu của thực tiễn phát triển và năng lực đáp ứng của các lực lượng tham gia xây dựng ĐĐKCDT. Đây là những vấn đề mang tính lịch sử, xã hội và phát triển, đòi hỏi phải được giải quyết bằng các

giải pháp đồng bộ, lâu dài, trên cơ sở phát huy sức mạnh nội sinh của đồng bào các dân tộc và tiếp tục vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKCDT trong điều kiện mới.

3.3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC Ở TỈNH LÀO CAI HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Từ những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai thời gian qua cho thấy, bên cạnh những chuyển biến tích cực, vẫn còn tồn tại những khoảng cách nhất định giữa yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới với kết quả thực hiện trên thực tế; giữa mục tiêu xây dựng khối ĐĐKCDT với điều kiện, nguồn lực và năng lực tổ chức thực hiện ở một số địa bàn; giữa yêu cầu phát huy sức mạnh của đồng bào các dân tộc với hiệu quả thực hiện một số chủ trương, CSDT. Đặc biệt, trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, đẩy mạnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và những tác động ngày càng phức tạp của các vấn đề kinh tế, xã hội, dân tộc, tôn giáo, việc xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai đang đặt ra một số vấn đề cần tiếp tục được nhận diện và giải quyết nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của địa phương trong giai đoạn mới.

3.3.1. Yêu cầu nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ngày càng cấp thiết, trong khi nguồn lực và hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc còn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, ĐĐKCDT không chỉ là mục tiêu chiến lược của cách mạng mà còn phải được bảo đảm bằng việc không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Người luôn nhấn mạnh rằng đoàn kết phải gắn với lợi ích thiết thực của các dân tộc; đồng bào các dân tộc chỉ thực sự tin tưởng, gắn bó và đồng hành với Đảng, Nhà nước khi quyền lợi chính đáng được bảo đảm, đời sống ngày càng được cải thiện. Vì vậy, nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc vừa là mục tiêu, vừa là điều kiện quan trọng để xây dựng khối ĐĐKCDT bền vững.

Trong những năm qua, cùng với việc triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và các chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tỉnh Lào Cai đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống Nhân dân. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy sự phát triển giữa các vùng, các dân tộc vẫn chưa thật sự đồng đều. Khoảng cách về mức sống, thu nhập, chất lượng nguồn nhân lực và khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản giữa vùng thấp với vùng cao, giữa khu vực thuận lợi với khu vực đặc biệt khó khăn vẫn còn tồn tại. Đây không chỉ là vấn đề kinh tế - xã hội đơn thuần mà còn tác động trực tiếp đến việc củng cố niềm tin, tăng cường sự gắn kết và phát huy sức mạnh của khối ĐĐKCDT.

Bối cảnh phát triển mới của tỉnh đang đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với công tác dân tộc và xây dựng khối ĐĐKCDT. Sau khi sáp nhập tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, quy mô dân số, địa bàn và số lượng đồng bào DTTS tăng lên đáng kể; đồng thời sự khác biệt về điều kiện phát triển giữa các khu vực cũng trở nên đa dạng và phức tạp hơn. Mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, xây dựng Lào Cai trở thành tỉnh phát triển của khu vực Tây Bắc đòi hỏi phải bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các vùng, các dân tộc; tạo điều kiện để mọi người dân đều được tham gia và thụ hưởng công bằng thành quả phát triển.

Tuy nhiên, giữa yêu cầu đó với điều kiện thực tế vẫn còn những khoảng cách nhất định. Nhu cầu đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng, giáo dục, y tế, văn hóa, chuyển đổi số, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững ở vùng đồng bào DTTS là rất lớn, trong khi khả năng huy động, cân đối và phân bổ nguồn lực còn gặp nhiều khó khăn. Một số chương trình, dự án và CSDT đã được triển khai nhưng hiệu quả chưa đồng đều; việc lồng ghép nguồn lực, tổ chức thực hiện và phát huy nội lực của người dân ở một số địa phương còn hạn chế. Điều đó cho thấy khoảng cách giữa yêu cầu phát triển toàn diện vùng đồng bào DTTS với khả năng đáp ứng về nguồn lực và hiệu quả thực thi chính sách vẫn là một thách thức không nhỏ.

Trong bối cảnh hiện nay, việc nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc không chỉ là mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà còn là yêu cầu quan trọng để củng cố niềm tin của đồng bào đối

với Đảng và Nhà nước, tăng cường đồng thuận xã hội và xây dựng khối ĐĐKCDT vững chắc. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải tiếp tục giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng khối ĐĐKCDT; giữa đầu tư của Nhà nước với phát huy nội lực của đồng bào; giữa bảo đảm công bằng, bình đẳng trong thụ hưởng thành quả phát triển với khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng dân tộc. Đây là một trong những vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay.

3.3.2. Yêu cầu nâng cao nhận thức, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết các dân tộc của các chủ thể tham gia xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ngày càng cao, trong khi chất lượng tổ chức thực hiện ở một số nơi còn chưa đáp ứng yêu cầu

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng khối ĐĐKCDT là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài của cách mạng Việt Nam, đòi hỏi sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý hiệu quả của Nhà nước và sự tham gia tích cực của cả HTCT. Để thực hiện tốt nhiệm vụ đó, các chủ thể tham gia xây dựng khối ĐĐKCDT không chỉ cần có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vị trí, vai trò của đại đoàn kết dân tộc mà còn phải có năng lực vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện thực tiễn của từng địa phương, từng dân tộc và từng giai đoạn phát triển.

Trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu này càng trở nên cấp thiết khi tỉnh Lào Cai đang thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Những biến đổi nhanh chóng của tình hình kinh tế, xã hội, dân tộc, tôn giáo và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của địa phương đòi hỏi đội ngũ cán bộ, đảng viên, các cấp ủy, chính quyền và các lực lượng tham gia xây dựng khối ĐĐKCDT phải không ngừng nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện và khả năng xử lý những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy vẫn còn khoảng cách nhất định giữa yêu cầu đó với chất lượng tổ chức thực hiện trên thực tế. Ở một số nơi, nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác xây dựng khối ĐĐKCDT chưa thật sự đầy đủ và sâu sắc; việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh và các chủ trương, chính sách của Đảng về công tác dân tộc có lúc còn lúng túng,

thiếu tính chủ động và sáng tạo. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là ở cơ sở, còn hạn chế về kỹ năng dân vận, năng lực nắm bắt tình hình, dự báo và giải quyết những vấn đề phát sinh trong vùng đồng bào DTTS. Chất lượng cụ thể hóa chủ trương, chính sách và tổ chức thực hiện ở một số địa phương chưa đồng đều, dẫn đến hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra.

Bên cạnh đó, việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, sắp xếp tổ chức bộ máy và bố trí lại đội ngũ cán bộ cũng đang đặt ra những yêu cầu mới đối với năng lực lãnh đạo, quản lý và điều hành của các lực lượng tham gia xây dựng khối ĐĐKCDT. Trong khi đó, một bộ phận cán bộ còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn và sự am hiểu địa bàn mới chưa kịp thích ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới, ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở cơ sở.

Từ thực tiễn đó đặt ra vấn đề cần tiếp tục nâng cao nhận thức, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKCDT của các chủ thể tham gia xây dựng khối ĐĐKCDT; đồng thời nâng cao chất lượng cụ thể hóa chủ trương, chính sách và hiệu quả tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Đây là yêu cầu có ý nghĩa quyết định nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa nhận thức và hành động, giữa chủ trương và kết quả thực hiện, qua đó nâng cao hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai trong giai đoạn hiện nay.

3.3.3. Yêu cầu phát huy vai trò lực lượng của đồng bào các dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết trong cộng đồng ngày càng cao, trong khi hiệu quả công tác dân vận, tuyên truyền, vận động ở một số địa bàn còn hạn chế

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhân dân là chủ thể của sự nghiệp cách mạng, là nền tảng của khối ĐĐKDT và là nguồn sức mạnh quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đồng thời nhấn mạnh muốn xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết phải thực sự dựa vào dân, tin dân, tôn trọng dân, phát huy quyền làm chủ và vai trò chủ thể của Nhân dân. Đối với vùng đồng bào DTTS, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín và các tổ chức quần chúng trong việc tập hợp, đoàn kết đồng bào tham gia thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu phát huy vai trò lực lượng của đồng bào các dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết trong cộng đồng ngày càng trở nên quan

trọng. Quá trình phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, chuyển đổi số, cùng với việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp đang tạo ra những cơ hội mới nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức đối với việc xây dựng khối ĐĐKCDT. Điều đó đòi hỏi không chỉ phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước mà còn phải khơi dậy mạnh mẽ tinh thần làm chủ, ý thức trách nhiệm, tính chủ động và sự tham gia tích cực của đồng bào các dân tộc vào quá trình xây dựng và phát triển địa phương.

Trong điều kiện mới, đồng bào các dân tộc không chỉ là đối tượng thụ hưởng các chủ trương, chính sách mà phải thực sự trở thành chủ thể tham gia xây dựng khối ĐĐKCDT. Điều này được thể hiện thông qua việc tham gia phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ đường biên, mốc giới quốc gia, tham gia giám sát và phản biện xã hội, cũng như đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan trực tiếp đến đời sống của mình. Đồng thời, yêu cầu phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và đội ngũ người có uy tín trong cộng đồng ngày càng cao nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân và củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy giữa yêu cầu đó với hiệu quả công tác dân vận, tuyên truyền, vận động ở một số địa bàn vẫn còn những khoảng cách nhất định. Nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền ở một số nơi chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn; việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đồng bào có lúc chưa kịp thời; hoạt động đối thoại, phát huy dân chủ ở cơ sở còn có mặt hạn chế. Một số phong trào thi đua, cuộc vận động và mô hình "Dân vận khéo" chưa tạo được sức lan tỏa sâu rộng, chưa thực sự gắn với lợi ích thiết thực của người dân. Vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và người có uy tín ở một số nơi chưa được phát huy đầy đủ; sự phối hợp giữa các lực lượng trong tuyên truyền, vận động và tập hợp quần chúng có lúc chưa thật sự chặt chẽ và hiệu quả.

Bên cạnh đó, những tác động của kinh tế thị trường, quá trình dịch chuyển lao động, sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội và các luồng thông tin đa chiều đang làm thay đổi phương thức liên kết cộng đồng truyền thống ở nhiều địa

phương. Trong khi đó, một bộ phận đồng bào các dân tộc vẫn còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước; việc tham gia các hoạt động cộng đồng, tham gia giám sát, phản biện và thực hiện các phong trào ở cơ sở chưa thật sự chủ động. Điều này ảnh hưởng đến việc phát huy đầy đủ vai trò chủ thể của đồng bào các dân tộc trong xây dựng khối ĐĐKCDT.

Mặt khác, trong bối cảnh các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chống phá, chia rẽ khối ĐĐKCDT, yêu cầu phát huy vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và các tổ chức quần chúng ở cơ sở càng trở nên cấp thiết. Đây là những lực lượng có khả năng định hướng dư luận, tạo sự đồng thuận trong cộng đồng, góp phần giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh từ cơ sở. Tuy nhiên, việc phát huy vai trò của các lực lượng này ở một số nơi vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Từ thực tiễn đó đặt ra vấn đề cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức công tác dân vận, tuyên truyền, vận động và tập hợp quần chúng theo hướng gần dân, sát dân, lấy người dân làm trung tâm; phát huy dân chủ, quyền làm chủ và trách nhiệm của đồng bào các dân tộc trong xây dựng khối ĐĐKCDT; đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và đội ngũ người có uy tín trong cộng đồng. Đây là yêu cầu quan trọng nhằm chuyển hóa sức mạnh tiềm năng của cộng đồng các dân tộc thành sức mạnh thực tiễn, tạo sự đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước, góp phần xây dựng khối ĐĐKCDT ngày càng vững chắc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

3.3.4. Yêu cầu xây dựng hệ thống chính trị cơ sở tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp ngày càng cao, trong khi năng lực, trách nhiệm và khả năng thích ứng của đội ngũ cán bộ cơ sở còn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, ĐĐKDT không chỉ là mục tiêu chiến lược mà còn là nguồn sức mạnh to lớn bảo đảm cho sự ổn định và phát triển của đất nước. Người khẳng định đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công; đồng thời nhấn mạnh muốn giữ vững đoàn kết phải thường xuyên chăm lo đời sống Nhân

dân, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đối với các địa phương có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh như tỉnh Lào Cai, xây dựng khối ĐĐKCDT còn gắn chặt với nhiệm vụ giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia và xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

Trong những năm qua, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai tiếp tục được củng cố và phát huy; niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng, Nhà nước ngày càng được tăng cường; quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững. Tuy nhiên, bước vào giai đoạn phát triển mới, yêu cầu giữ vững ổn định chính trị, tăng cường đồng thuận xã hội và xây dựng khối ĐĐKCDT ngày càng bền vững đang đặt ra những đòi hỏi cao hơn cả về nhận thức, nguồn lực và phương thức tổ chức thực hiện.

Trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu xây dựng HTCT cơ sở tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp đang đặt ra những yêu cầu mới đối với đội ngũ cán bộ cơ sở. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, quy mô địa bàn quản lý rộng hơn, dân số đông hơn, số lượng đồng bào DTTS nhiều hơn, trong khi khối lượng công việc và yêu cầu quản lý nhà nước ngày càng tăng. Điều đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ cơ sở không chỉ có phẩm chất chính trị vững vàng mà còn phải có năng lực quản lý, điều hành, kỹ năng dân vận, khả năng ứng dụng công nghệ số, năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn và khả năng thích ứng nhanh với yêu cầu của mô hình tổ chức mới.

Lào Cai là tỉnh miền núi, biên giới, có đường biên giới dài trên 182 km tiếp giáp với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), đồng thời là nơi sinh sống của 34 dân tộc anh em với sự đa dạng về văn hóa, tín ngưỡng, phong tục, tập quán và trình độ phát triển. Sau khi sáp nhập tỉnh, quy mô dân số, địa bàn và số lượng đồng bào DTTS tăng lên đáng kể, làm cho yêu cầu bảo đảm sự gắn kết xã hội, củng cố niềm tin và tăng cường sự đồng thuận giữa các cộng đồng dân tộc càng trở nên quan trọng. Đây không chỉ là điều kiện bảo đảm cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững mà còn là nền tảng quan trọng để giữ vững chủ quyền biên giới, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển và hội nhập, vẫn còn nhiều yếu tố tác động đến sự gắn kết và đồng thuận trong cộng đồng các dân tộc. Sự phát triển của kinh tế thị trường bên cạnh những tác động tích cực cũng làm xuất hiện những khác biệt nhất định về điều kiện phát triển, mức sống, khả năng tiếp cận các nguồn lực và cơ hội phát triển giữa các vùng, các nhóm dân cư. Quá trình đô thị hóa, dịch chuyển lao động, giao lưu văn hóa và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin đang làm thay đổi các mối quan hệ xã hội truyền thống, đặt ra yêu cầu phải có những phương thức mới để duy trì và củng cố sự gắn kết cộng đồng.

Bên cạnh đó, một số vấn đề xã hội ở vùng đồng bào DTTS vẫn còn tồn tại như chênh lệch mức sống giữa các vùng, chất lượng nguồn nhân lực chưa đồng đều, tình trạng tảo hôn, những hạn chế trong tiếp cận giáo dục, y tế, việc làm và chuyển đổi số ở một số địa bàn khó khăn. Những vấn đề này tuy đã từng bước được khắc phục nhưng vẫn ảnh hưởng nhất định đến chất lượng cuộc sống, mức độ thụ hưởng thành quả phát triển và sự đồng thuận xã hội ở một số nơi.

Đặc biệt, trong điều kiện mở rộng giao lưu, hợp tác và phát triển kinh tế biên giới, sự phát triển mạnh mẽ của không gian mạng và các nền tảng truyền thông số đang tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với công tác xây dựng khối ĐĐKCDT. Một bộ phận người dân, nhất là thanh niên vùng đồng bào DTTS, chịu tác động ngày càng lớn từ các luồng thông tin đa chiều trên không gian mạng. Trong khi đó, các thế lực thù địch vẫn tiếp tục lợi dụng những vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, gây tâm lý hoài nghi, ảnh hưởng đến sự đồng thuận xã hội. Mặc dù các hoạt động này không mang tính phổ biến và đã được các cấp, các ngành chủ động đấu tranh, ngăn chặn, song vẫn đặt ra yêu cầu phải thường xuyên nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị và khả năng "tự miễn dịch" của cộng đồng trước các thông tin sai lệch, xuyên tạc.

Mặt khác, đối với một tỉnh biên giới như Lào Cai, xây dựng khối ĐĐKCDT còn gắn liền với nhiệm vụ xây dựng thế trận lòng dân vững chắc. Thực tiễn cho thấy, ở những nơi đồng bào các dân tộc đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và tích cực tham gia các phong trào ở cơ sở thì quốc phòng, an ninh được giữ vững, các vấn đề phát sinh được giải quyết kịp thời ngay từ cơ sở. Ngược lại,

nếu sự đồng thuận xã hội suy giảm hoặc xuất hiện những biểu hiện chia rẽ trong cộng đồng thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến ổn định chính trị, an ninh biên giới và sự phát triển bền vững của địa phương.

Từ thực tiễn đó đặt ra yêu cầu phải tiếp tục tăng cường sự đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; chủ động nhận diện, phòng ngừa và xử lý hiệu quả những yếu tố có thể ảnh hưởng đến sự gắn kết cộng đồng. Đây là yêu cầu có ý nghĩa chiến lược nhằm xây dựng khối ĐĐKCDT ngày càng bền vững, tạo nền tảng chính trị - xã hội vững chắc cho sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

Tóm lại, những vấn đề đặt ra trong xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai hiện nay phản ánh khoảng cách giữa yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới với điều kiện, nguồn lực và năng lực tổ chức thực hiện trên thực tế. Đó là yêu cầu tiếp tục nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng; nâng cao nhận thức, năng lực của các chủ thể tham gia xây dựng khối đại đoàn kết; phát huy vai trò chủ thể của đồng bào các dân tộc và sức mạnh cộng đồng; xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở đáp ứng yêu cầu của mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đồng thời giữ vững ổn định chính trị, tăng cường đồng thuận xã hội và xây dựng thế trận lòng dân vững chắc ở khu vực biên giới. Đây là vấn đề mang tính "nút thắt" nên việc giải quyết hiệu quả những vấn đề này có ý nghĩa quyết định đối với việc xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tạo nền tảng chính trị - xã hội vững chắc cho sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh Lào Cai trong thời gian tới.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở vận dụng khung lý luận về xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Chương 3 đã phân tích những nhân tố tác động, đánh giá thực trạng xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai giai đoạn từ năm 2015 đến nay, đồng thời làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế. Kết quả nghiên cứu cho thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, sự quản lý của chính quyền các cấp và sự tham gia của cả HTCT cùng đồng bào các dân tộc, khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai không ngừng được củng cố và phát huy; góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai vẫn còn một số hạn chế nhất định, thể hiện ở khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc; hiệu quả thực hiện một số chính sách dân tộc, công tác dân vận, tuyên truyền, vận động quần chúng; năng lực tổ chức thực hiện của một bộ phận chủ thể tham gia xây dựng khối ĐĐKCDT; cũng như những tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, không gian mạng và các yếu tố liên quan đến dân tộc, tôn giáo. Những hạn chế đó xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, phản ánh những khó khăn, thách thức trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn xây dựng khối ĐĐKCDT ở địa phương.

Từ thực trạng và nguyên nhân của những hạn chế, Chương 3 đã xác định những vấn đề đặt ra trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai hiện nay. Đây chính là những yêu cầu có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn, đòi hỏi phải tiếp tục được giải quyết nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cộng đồng các dân tộc, tăng cường đồng thuận xã hội, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc và tạo động lực cho sự phát triển nhanh, bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới. Những kết quả nghiên cứu của chương là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất phương hướng và giải pháp xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai trong Chương 4 của luận án.

Chương 4
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC Ở TỈNH LÀO CAI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.1. DỰ BÁO NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC Ở TỈNH LÀO CAI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Trong thời gian tới, việc xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh **sẽ** chịu sự tác động đan xen của nhiều nhân tố từ tình hình thế giới, trong nước và những biến đổi của địa phương. Các nhân tố này được dự báo sẽ tác động cả thuận lợi và khó khăn đến quá trình xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nhất là trong củng cố quan hệ bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc và phát huy sức mạnh tổng hợp của cộng đồng các dân tộc. Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, những nhân tố chủ yếu được dự báo sẽ tác động như sau:

4.1.1. Tác động của tình hình thế giới

Một là, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và những biến động toàn cầu được dự báo sẽ tiếp tục gia tăng

Xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển sẽ tiếp tục tạo điều kiện để tỉnh Lào Cai phát huy lợi thế là tỉnh biên giới, cửa ngõ kết nối với vùng Tây Nam Trung Quốc, mở rộng hợp tác quốc tế, phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, du lịch, khoa học - công nghệ và giao lưu văn hóa, góp phần nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc và củng cố khối ĐĐKCDT. Tuy nhiên, trong thời gian tới, những biến động của kinh tế, chính trị thế giới, các xung đột khu vực và sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền có khả năng tiếp tục tác động đến môi trường phát triển, an ninh biên giới và sự đồng thuận xã hội. Vì vậy, tỉnh Lào Cai cần tiếp tục vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, mở rộng hội nhập quốc tế đi đôi với giữ vững ổn định chính trị, củng cố thế

trận lòng dân và tăng cường niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

Hai là, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số sẽ phát triển mạnh mẽ, tạo động lực mới, đồng thời đặt ra những thách thức mới đối với xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc.

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số sẽ tiếp tục làm thay đổi sâu sắc phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của Nhân dân. Đây vừa là động lực thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, vừa tạo ra những yêu cầu mới đối với việc xây dựng khối ĐĐKCDT trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

Đối với tỉnh Lào Cai, chuyển đổi số sẽ tạo điều kiện nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, giáo dục, y tế, dịch vụ công và thị trường cho đồng bào các dân tộc, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng. Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ số trong bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, quảng bá hình ảnh địa phương và tăng cường kết nối cộng đồng sẽ tạo thêm những phương thức mới để củng cố khối ĐĐKCDT.

Tuy nhiên, trong thời gian tới, sự chênh lệch về hạ tầng số, trình độ dân trí và khả năng tiếp cận công nghệ giữa các vùng, các dân tộc có thể làm gia tăng khoảng cách phát triển, nhất là ở vùng sâu, vùng xa và khu vực biên giới. Bên cạnh đó, không gian mạng sẽ tiếp tục tiềm ẩn nguy cơ lan truyền thông tin sai trái, xuyên tạc, kích động chia rẽ dân tộc, ảnh hưởng đến nhận thức, tư tưởng và sự đồng thuận xã hội. Vì vậy, xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi tỉnh Lào Cai phải gắn chuyển đổi số với nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực số, thu hẹp khoảng cách số, xây dựng môi trường thông tin lành mạnh và phát huy hiệu quả công nghệ số trong công tác tuyên truyền, dân vận, qua đó củng cố niềm tin và tăng cường sự gắn kết giữa các dân tộc.

Ba là, biến đổi khí hậu, các thách thức an ninh phi truyền thống và những vấn đề toàn cầu sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, tác động ngày càng trực tiếp đến đời sống đồng bào và sự bền vững của khối đại đoàn kết các dân tộc.

Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các thách thức an ninh phi truyền thống được dự báo sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, tác động ngày càng sâu rộng đến sự phát triển của các quốc gia và địa phương. Những thách thức về an ninh mạng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh con người và các rủi ro môi trường không chỉ ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội mà **sẽ** đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với việc giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an sinh xã hội và xây dựng khối ĐĐKCDT.

Đối với tỉnh Lào Cai, với đặc điểm là tỉnh miền núi, biên giới, có tỷ lệ đồng bào DTTS cao và điều kiện phát triển giữa các vùng còn chênh lệch, những tác động của biến đổi khí hậu và các thách thức an ninh phi truyền thống được dự báo sẽ ngày càng rõ nét. Các hiện tượng thời tiết cực đoan, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia, di cư trái phép và các hoạt động vi phạm pháp luật trên khu vực biên giới có thể tiếp tục ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, sinh kế và đời sống của đồng bào các dân tộc; đồng thời tác động đến việc thực hiện CSDT, giảm nghèo bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ vững ổn định xã hội trên địa bàn.

Trong bối cảnh đó, những thách thức toàn cầu sẽ không chỉ tác động đến mục tiêu phát triển bền vững mà còn có khả năng ảnh hưởng đến sự gắn kết cộng đồng và khối ĐĐKCDT nếu không được chủ động nhận diện và ứng phó hiệu quả. Điều đó đặt ra yêu cầu tỉnh Lào Cai phải nâng cao năng lực thích ứng trước các thách thức an ninh phi truyền thống, tăng cường sức chống chịu của cộng đồng, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh và tiếp tục củng cố khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tạo nền tảng cho sự phát triển nhanh và bền vững của địa phương trong giai đoạn tới.

4.1.2. Tác động của tình hình trong nước và địa phương

Sau 40 năm đổi mới, những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước sẽ tiếp tục tạo nền tảng quan trọng cho giai đoạn phát triển mới theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng. Đồng thời, việc sáp nhập tỉnh Lào Cai và Yên Bái, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và mở rộng không gian phát triển sẽ tạo ra những thời cơ, thuận lợi, đồng thời đặt ra những khó khăn, thách thức mới đối với xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm

nhìn đến năm 2045. Những dự báo này được xác định trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Đảng, định hướng phát triển đất nước và tỉnh Lào Cai, kết quả nghiên cứu thực trạng xây dựng khối ĐĐKCDT giai đoạn 2015 - 2025 và những đặc điểm mới của tỉnh sau sáp nhập. Trong thời gian tới, việc thực hiện hiệu quả các nguồn lực, vận hành thông suốt mô hình chính quyền địa phương hai cấp và nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc có thể tạo thêm điều kiện củng cố khối ĐĐKCDT; ngược lại, những khó khăn trong thực hiện chính sách, chênh lệch phát triển giữa các vùng, các dân tộc và yêu cầu quản lý địa bàn rộng, đa dạng có thể ảnh hưởng đến niềm tin, sự đồng thuận và tính bền vững của khối ĐĐKCDT. Những tác động chủ yếu được dự báo trên các phương diện sau:

Một là, yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước gắn với không gian phát triển mới của tỉnh Lào Cai sau sáp nhập sẽ tác động trực tiếp đến việc xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc.

Đại hội XIV của Đảng xác định phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát huy sức mạnh ĐĐKTDT là yêu cầu xuyên suốt trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Cùng với việc tiếp tục triển khai Nghị quyết số 43-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn mới, đây là nền tảng quan trọng để tiếp tục thực hiện hiệu quả các CSDT, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc và xây dựng khối ĐĐKCDT.

Đối với tỉnh Lào Cai, sau sáp nhập tỉnh, quy mô về diện tích tự nhiên, dân số, nguồn lực phát triển và không gian liên kết vùng được mở rộng, tạo điều kiện khai thác hiệu quả hơn các tiềm năng, lợi thế của địa phương. Quá trình này mở ra cơ hội thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân, tăng cường giao lưu, hợp tác và gắn kết giữa các cộng đồng dân tộc. Tuy nhiên, sự khác biệt về điều kiện phát triển giữa các vùng, yêu cầu phân bổ nguồn lực hợp lý và bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các địa bàn cũng đặt ra những yêu cầu mới đối với việc củng cố sự đồng thuận xã hội và tăng cường khối ĐĐKCDT.

Trong thời gian tới, quá trình thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững của đất nước và tỉnh Lào Cai sẽ tạo thêm nguồn lực và điều kiện để nâng cao đời sống đồng bào, thu hẹp khoảng cách phát triển, tăng cường giao lưu và gắn kết giữa các dân tộc. Tuy nhiên, yêu cầu phân bổ hài hòa nguồn lực, giải quyết chênh lệch phát triển giữa các vùng và bảo đảm lợi ích chính đáng của đồng bào các dân tộc sẽ tác động trực tiếp đến mức độ đồng thuận xã hội và tính bền vững của khối ĐĐKCDT. Vì vậy, kết quả giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm bình đẳng, chăm lo lợi ích và phát huy nội lực của các dân tộc sẽ là một trong những nhân tố quan trọng tác động đến xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Hai là, việc tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp sẽ tác động trực tiếp đến hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc.

Thực hiện chủ trương của Đảng về tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của HTCT theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp đang tạo ra những thay đổi quan trọng trong phương thức lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách ở cơ sở. Đây là điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia, phát huy dân chủ, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân và xây dựng khối ĐĐKCDT. Đồng thời, quá trình đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của chính quyền cơ sở sẽ tác động trực tiếp đến hiệu quả thực hiện CSDT, công tác dân vận và việc xây dựng khối ĐĐKCDT ở địa phương.

Đối với tỉnh Lào Cai, sau sáp nhập tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, quy mô quản lý rộng hơn, địa bàn đa dạng hơn và yêu cầu phát triển ngày càng cao đòi hỏi HTCT cơ sở phải được củng cố toàn diện. Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ ở cơ sở và cán bộ là người DTTS, cần đáp ứng tốt hơn yêu cầu lãnh đạo, quản lý, tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và người có uy tín trong đồng bào các dân

tộc cần tiếp tục được phát huy nhằm tăng cường sự đồng thuận xã hội và củng cố khối ĐĐKCDT.

Trong thời gian tới, hiệu lực, hiệu quả vận hành của HTCT, nhất là HTCT cơ sở sau sắp xếp, sẽ tác động trực tiếp đến việc thực hiện CSDT, phát huy dân chủ, giải quyết các vấn đề phát sinh và củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc. Nếu bộ máy hoạt động hiệu quả, gần dân, sát dân, kịp thời nắm bắt và giải quyết tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân sẽ tạo điều kiện tăng cường đồng thuận và gắn kết cộng đồng; ngược lại, những hạn chế trong tổ chức thực hiện hoặc khoảng cách giữa chính quyền với Nhân dân có thể ảnh hưởng đến niềm tin và hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT.

Ba là, sự đa dạng về dân tộc, văn hóa cùng những biến đổi của đời sống xã hội sẽ tiếp tục tác động sâu sắc đến sự gắn kết giữa các cộng đồng dân tộc.

Đại hội XIV của Đảng tiếp tục khẳng định xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực quan trọng của sự phát triển đất nước. Trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, đời sống văn hóa - xã hội có nhiều biến đổi, tạo điều kiện thúc đẩy giao lưu, tiếp biến văn hóa và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, đồng thời làm thay đổi phương thức sinh hoạt, các mối quan hệ xã hội và sự gắn kết trong cộng đồng các dân tộc. Những biến đổi đó sẽ tiếp tục tác động đến việc giữ gìn bản sắc văn hóa, củng cố sự đồng thuận xã hội và xây dựng khối ĐĐKCDT.

Đối với tỉnh Lào Cai, sau sáp nhập tỉnh, không gian văn hóa được mở rộng với sự hội tụ của nhiều cộng đồng dân tộc cùng những giá trị văn hóa đặc sắc, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, nhất là du lịch văn hóa, đồng thời tăng cường giao lưu, hiểu biết và gắn bó giữa các dân tộc. Việc mở rộng kết nối giữa các vùng, phát triển du lịch, giao lưu văn hóa và chuyển đổi số cũng góp phần lan tỏa các giá trị văn hóa tốt đẹp, tăng cường sự đoàn kết, gắn bó giữa các cộng đồng dân tộc. Tuy nhiên, sự phát triển của kinh tế thị trường, quá trình đô thị hóa, dịch chuyển lao động, không gian mạng và giao lưu văn hóa ngày càng sâu rộng cũng có thể làm mai một một số giá trị văn hóa truyền thống, ảnh

hưởng đến sự gắn kết cộng đồng và bản sắc văn hóa của các dân tộc nếu không được định hướng, phát huy phù hợp.

Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa, đô thị hóa, dịch chuyển dân cư và sự phát triển của không gian số được dự báo sẽ tiếp tục làm biến đổi đời sống văn hóa - xã hội của các cộng đồng dân tộc ở Lào Cai. Nếu các giá trị văn hóa tốt đẹp được bảo tồn, phát huy gắn với tăng cường giao lưu, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau sẽ tạo thêm nền tảng cho sự gắn kết giữa các dân tộc; ngược lại, nguy cơ mai một bản sắc, phát sinh những khác biệt về lối sống và tác động tiêu cực từ không gian mạng có thể ảnh hưởng đến sự gắn kết cộng đồng. Vì vậy, những biến đổi của đời sống văn hóa - xã hội sẽ là nhân tố tác động ngày càng rõ đến chất lượng và tính bền vững của khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai.

Bốn là, mức độ thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc và nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc sẽ tác động trực tiếp đến sự đồng thuận và tính bền vững của khối đại đoàn kết các dân tộc.

Trong giai đoạn phát triển mới, phát triển nhanh, bền vững gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân và không để ai bị bỏ lại phía sau tiếp tục là định hướng xuyên suốt của Đảng và Nhà nước. Việc triển khai đồng bộ các chương trình mục tiêu quốc gia, CSDT, chính sách giảm nghèo bền vững và phát triển vùng đồng bào DTTS và miền núi sẽ tiếp tục tạo động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân và củng cố nền tảng của khối ĐĐKCDT.

Đối với tỉnh Lào Cai, sau sáp nhập tỉnh, không gian phát triển được mở rộng, tạo thêm điều kiện khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng vùng. Tuy nhiên, sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, kết cấu hạ tầng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, chất lượng nguồn nhân lực và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản giữa các địa bàn vẫn còn khá rõ. Đồng bào các dân tộc ở một số vùng cao, vùng sâu, vùng xa và khu vực biên giới vẫn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận việc làm, giáo dục, y tế, chuyển đổi số và các cơ hội phát triển. Những yếu tố đó sẽ tiếp tục tác động đến mức sống, khả năng thụ hưởng thành quả phát triển cũng như hiệu quả thực hiện CSDT trong thời gian tới.

Trong thời gian tới, việc tiếp tục triển khai các CSDT, chương trình mục tiêu quốc gia, giảm nghèo bền vững và đầu tư phát triển vùng đồng bào DTTS và miền núi sẽ tạo thêm điều kiện nâng cao đời sống, mở rộng cơ hội phát triển và thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, các dân tộc. Tuy nhiên, do sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, kết cấu hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội, quá trình này được dự báo vẫn còn những khó khăn và có thể diễn ra không đồng đều giữa các địa bàn.

Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, mức độ thu hẹp khoảng cách phát triển, nâng cao đời sống và bảo đảm cơ hội tham gia, thụ hưởng thành quả phát triển của đồng bào các dân tộc sẽ tác động trực tiếp đến niềm tin, sự đồng thuận và gắn kết cộng đồng. Nếu khoảng cách phát triển từng bước được thu hẹp, lợi ích chính đáng của đồng bào được bảo đảm sẽ tạo nền tảng kinh tế - xã hội vững chắc cho khối ĐĐKCDT; ngược lại, nếu chênh lệch kéo dài hoặc cơ hội tiếp cận nguồn lực giữa các vùng, các dân tộc còn lớn thì có thể tác động đến tâm lý xã hội, niềm tin và tính bền vững của khối ĐĐKCDT.

4.2. PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC Ở TỈNH LÀO CAI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.2.1. Kiên định xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là đường lối chiến lược, nhiệm vụ cơ bản và lâu dài của tỉnh Lào Cai

Kiên định xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải được xác định là phương hướng xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong mọi giai đoạn phát triển, xây dựng khối ĐĐKCDT cần được đặt ở vị trí trung tâm trong quá trình hoạch định chủ trương, chính sách và tổ chức thực hiện, bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội với mục tiêu xây dựng khối đoàn kết giữa các dân tộc. Đây là định hướng có tính chiến lược, lâu dài, là cơ sở để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả HTCT và đồng bào các dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Lào Cai.

Việc quán triệt phương hướng này cần được thực hiện thống nhất trong toàn bộ HTCT, từ xây dựng và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách đến công tác tuyên truyền, vận động và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Mọi chủ trương, chính sách phát triển của tỉnh cần hướng đến mục tiêu tăng cường sự đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước, bảo đảm bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc. Đồng thời, cần kết hợp hài hòa giữa phát huy sức mạnh nội sinh của cộng đồng các dân tộc với việc tranh thủ các nguồn lực phát triển, bảo đảm sự phát triển cân bằng giữa các vùng, các dân tộc và giữa các địa bàn trong toàn tỉnh.

Trong bối cảnh tỉnh Lào Cai bước vào giai đoạn phát triển mới với không gian phát triển rộng hơn, yêu cầu phát triển nhanh và bền vững cao hơn, việc kiên định xây dựng khối ĐĐKCDT càng phải được thể hiện nhất quán trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đây không chỉ là định hướng đối với công tác dân tộc mà còn là định hướng xuyên suốt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng HTCT, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại của tỉnh. Trên cơ sở đó, tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết của cộng đồng các dân tộc, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động, huy động hiệu quả mọi nguồn lực, tạo nền tảng chính trị - xã hội vững chắc để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển của tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4.2.2. Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai trên nền tảng bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giúp nhau cùng tiến bộ; gắn với bảo đảm lợi ích và nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc

Xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai cần quán triệt nhất quán nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc, bảo đảm mọi dân tộc đều có quyền và cơ hội tham gia vào quá trình phát triển, được tiếp cận các nguồn lực và thụ hưởng thành quả phát triển một cách công bằng. Trong điều kiện tỉnh Lào Cai có 34 thành phần dân tộc cùng sinh sống với sự khác biệt về điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ phát triển và đặc điểm văn hóa, việc thực hiện tốt nguyên tắc bình đẳng sẽ góp phần củng cố niềm tin, tăng cường sự đồng thuận và xây dựng khối ĐĐKCDT ngày càng vững chắc.

Xây dựng khối ĐĐKCDT cần được thực hiện trên cơ sở tôn trọng sự khác biệt, phát huy bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc, đồng thời tăng cường đoàn kết, hợp tác và giúp nhau cùng phát triển. Trong bối cảnh tỉnh Lào Cai mở rộng không gian phát triển sau sáp nhập, việc giữ gìn sự hài hòa trong quan hệ giữa các cộng đồng dân tộc, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và tăng cường giao lưu, gắn kết giữa các vùng, các địa bàn có ý nghĩa quan trọng đối với việc xây dựng khối ĐĐKCDT, đồng thời tạo động lực cho phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội của địa phương.

Xây dựng khối ĐĐKCDT phải gắn chặt với việc bảo đảm lợi ích thiết thực và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc. Trong giai đoạn tới, cần tiếp tục thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách phát triển vùng đồng bào DTTS và miền núi; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc; tạo sinh kế bền vững; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, nhà ở, nước sinh hoạt và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Đồng thời, tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc tham gia tích cực vào chuyển đổi số, phát triển du lịch cộng đồng, kinh tế cửa khẩu, kinh tế xanh và các ngành, lĩnh vực có lợi thế của địa phương, qua đó nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống và phát huy vai trò lực lượng của đồng bào các dân tộc trong quá trình phát triển.

4.2.3. Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai gắn phát triển kinh tế với giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ chủ quyền biên giới và phát huy các giá trị văn hóa

Xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai cần được đặt trong tổng thể nhiệm vụ phát triển nhanh, bền vững của tỉnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh và bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Mọi chủ trương, chính sách phát triển phải hướng tới củng cố sự đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh tổng hợp của cộng đồng các dân tộc, giữ vững môi trường ổn định để phát triển.

Đối với tỉnh Lào Cai, xây dựng khối ĐĐKCDT cần gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững chắc;

phát huy vai trò của đồng bào các dân tộc trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ gìn an ninh, trật tự, xây dựng khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Đồng thời, chủ động nâng cao năng lực phòng ngừa, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, không gian mạng và các yếu tố có thể ảnh hưởng đến sự ổn định chính trị - xã hội và khối ĐĐKCDT.

Việc xây dựng khối ĐĐKCDT cũng cần gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, coi văn hóa vừa là nền tảng tinh thần, vừa là nguồn lực nội sinh của sự phát triển. Phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, tăng cường giao lưu, tiếp biến văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh và phát triển văn hóa gắn với du lịch, kinh tế văn hóa sẽ góp phần tăng cường sự gắn kết cộng đồng, củng cố sự thống nhất trong đa dạng và phát huy sức mạnh của khối ĐĐKCDT trong giai đoạn mới.

Gắn xây dựng khối ĐĐKCDT với phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ chủ quyền biên giới và phát huy các giá trị văn hóa là phương hướng có ý nghĩa lâu dài, bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu phát triển với nhiệm vụ giữ vững ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng, an ninh và phát huy sức mạnh nội sinh của cộng đồng các dân tộc, tạo nền tảng vững chắc để tỉnh Lào Cai phát triển nhanh, bền vững đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Như vậy, những phương hướng trên là sự cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh Lào Cai trong giai đoạn mới. Đây là những định hướng cơ bản nhằm bảo đảm sự thống nhất trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng khối ĐĐKCDT, đồng thời tạo cơ sở để phát huy hiệu quả các nguồn lực, củng cố sự đồng thuận xã hội và đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trên cơ sở các phương hướng đó, cần triển khai đồng bộ các giải pháp phù hợp nhằm tiếp tục xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới.

4.3. GIẢI PHÁP XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC Ở TỈNH LÀO CAI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.3.1. Nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và trách nhiệm của các lực lượng trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và phát huy trách nhiệm của các lực lượng là giải pháp có ý nghĩa nền tảng nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai. Thực hiện tốt giải pháp này sẽ góp phần tăng cường đồng thuận xã hội, phát huy vai trò của cả HTCT và đồng bào các dân tộc, tạo cơ sở để triển khai hiệu quả các giải pháp xây dựng khối ĐĐKCDT trong giai đoạn mới.

Thứ nhất, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức và đồng bào các dân tộc về vị trí, vai trò của khối đại đoàn kết các dân tộc trong giai đoạn mới.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy đây là giải pháp được đánh giá có mức độ cần thiết cao nhất trong hệ thống các giải pháp xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai thời gian tới. Cụ thể, khi hỏi 350 cán bộ, công chức, viên chức trả lời chiếm tỷ lệ 98,9% và 300 đồng bào các dân tộc, người có uy tín trả lời chiếm tỷ lệ 98,3% lựa chọn giải pháp "nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc" [Phụ lục 2.1, 2.2]. Tỷ lệ gần như tuyệt đối này phản ánh sự thống nhất rất cao trong nhận thức rằng: xây dựng khối ĐĐKCDT không phải là nhiệm vụ riêng của cán bộ dân vận mà là trách nhiệm chính trị chung của toàn bộ HTCT và toàn xã hội.

Trên cơ sở đó, tỉnh Lào Cai cần tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc và ĐĐKCDT; đưa nội dung xây dựng khối ĐĐKCDT vào sinh hoạt cấp ủy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và hoạt động của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội. Đồng thời, gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả xây dựng đoàn kết ở từng địa bàn, tăng cường kiểm tra, giám sát, khắc phục tình trạng nhận thức

đúng nhưng hành động chưa quyết liệt, tổ chức thực hiện chưa đồng bộ hoặc còn hình thức.

Qua phỏng vấn sâu cũng cho thấy nhiều ý kiến đều cho rằng, để xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc bền vững, trước hết cần tạo được sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động trong toàn HTCT và đồng bào các dân tộc, ý kiến cho rằng *"Khi cán bộ và người dân cùng hiểu đúng mục tiêu, cùng tin tưởng vào chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước thì việc triển khai bất kỳ nhiệm vụ nào cũng thuận lợi hơn, sự đồng thuận trong cộng đồng cũng cao hơn"* (PVS07, cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã). Điều này tiếp tục khẳng định rằng nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và trách nhiệm của các chủ thể là điều kiện tiên quyết để phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc trong giai đoạn hiện nay.

Thứ hai, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; tăng cường đồng thuận xã hội trong điều kiện sáp nhập tỉnh và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp

Củng cố niềm tin là mục đích trực tiếp của giải pháp này, bởi niềm tin của đồng bào các dân tộc là cơ sở để tạo đồng thuận xã hội và phát huy sức mạnh đoàn kết. Trong điều kiện tỉnh Lào Cai sau sáp nhập, các cấp ủy, chính quyền cần giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân; bảo đảm công khai, minh bạch trong thực hiện CSDT, phân bổ nguồn lực, sắp xếp tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ; hạn chế phát sinh tâm lý so bì, mặc cảm hoặc lợi ích cục bộ giữa các địa bàn, các cộng đồng dân tộc. Trước mắt, đến năm 2030, cấp ủy, chính quyền các cấp cần chú trọng nắm bắt, giải quyết kịp thời tâm tư, nguyện vọng của cán bộ và Nhân dân trên địa bàn hai tỉnh trước sáp nhập, nhất là những vấn đề liên quan đến sắp xếp cán bộ, tiếp cận dịch vụ công và bảo đảm quyền lợi chính đáng, qua đó hạn chế tâm lý cục bộ địa phương, củng cố niềm tin và sự đồng thuận xã hội.

Cùng với đó, cần nâng cao chất lượng công tác dân vận, tăng cường đối thoại trực tiếp với Nhân dân, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng, chủ động nắm bắt và giải quyết những vấn đề phát sinh từ cơ sở. Ý kiến phỏng vấn sâu cho thấy: *"Đồng bào tin cán bộ hay không là ở cách làm. Nói*

đúng, làm thật, giải quyết kịp thời việc của dân thì tự nhiên đoàn kết sẽ bền, không cần vận động nhiều" (PVS08, người có uy tín, dân tộc Tày). Đây là minh chứng thực tế thấy rõ niềm tin và đồng thuận xã hội chỉ thực sự bền vững khi được xây dựng từ trách nhiệm, sự tận tụy và hiệu quả phục vụ đồng bào các dân tộc của đội ngũ cán bộ ở cơ sở.

Thứ ba, nâng cao nhận thức về bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc; coi đây là nền tảng tinh thần của khối đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Lào Cai

Đối với tỉnh Lào Cai, nơi có 34 thành phần dân tộc cùng sinh sống, cần tiếp tục tuyên truyền, giáo dục để các giá trị bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển trở thành chuẩn mực ứng xử trong đời sống xã hội. Đồng thời, phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, người có uy tín, già làng, trưởng bản trong tuyên truyền, vận động, hòa giải, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư và củng cố sự gắn kết giữa các cộng đồng dân tộc.

Cùng với đó, cần đẩy mạnh các hoạt động giao lưu văn hóa, ngày hội đại đoàn kết, các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và các hoạt động cộng đồng, tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc tăng cường giao lưu, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm trong lao động, sản xuất và đời sống; đồng thời chủ động khắc phục tư tưởng cục bộ địa phương, tâm lý so bì, mặc cảm hoặc những biểu hiện có thể ảnh hưởng đến sự đoàn kết giữa các dân tộc.

Thực hiện tốt nội dung này sẽ góp phần củng cố sự đồng thuận xã hội, tăng cường sự gắn bó giữa các cộng đồng dân tộc và xây dựng nền tảng tinh thần vững chắc cho khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai trong giai đoạn mới.

4.3.2. Hoàn thiện và thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc gắn với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm hài hòa lợi ích của đồng bào các dân tộc và tăng cường thể chế cho xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Hoàn thiện và thực hiện hiệu quả CSDT gắn với phát triển kinh tế - xã hội là giải pháp có ý nghĩa nền tảng nhằm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của đồng bào các dân tộc, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, củng cố niềm tin của Nhân dân và tăng cường khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai. Trong giai đoạn mới,

nhất là sau sáp nhập, với đặc điểm là tỉnh biên giới có địa bàn rộng, đa dân tộc và còn nhiều vùng khó khăn, việc thực hiện CSDT cần gắn chặt với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững, phát huy lợi thế của địa phương, tạo sinh kế ổn định, thu hẹp khoảng cách phát triển và khơi dậy nội lực của đồng bào các dân tộc.

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện hệ thống chính sách dân tộc theo hướng toàn diện, đồng bộ, phù hợp đặc điểm tộc người và vùng miền và yêu cầu phát triển của tỉnh Lào Cai sau sáp nhập.

Thực tiễn ở tỉnh Lào Cai cho thấy, các chương trình, CSDT trong thời gian qua đã góp phần quan trọng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, qua đó củng cố niềm tin và tăng cường đoàn kết trong cộng đồng. Tuy nhiên, bước vào giai đoạn mới (đặc biệt sau sáp nhập), yêu cầu đặt ra không chỉ là có chính sách, mà là chính sách phải đi vào thực chất, giảm dàn trải, giảm chồng chéo và bám sát đặc điểm vùng cao, vùng biên giới; đồng thời tính đến khác biệt tộc người về sinh kế, phong tục, ngôn ngữ, mức độ tiếp cận dịch vụ công.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, 86,2% cán bộ, công chức, viên chức và 92,7% đồng bào các dân tộc, người có uy tín được hỏi cho rằng cần thực hiện hiệu quả các CSDT, bảo đảm bình đẳng, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc [Phụ lục 2.1, 2.2]. Điều đó cho thấy yêu cầu nâng cao chất lượng thực thi CSDT đang trở thành đòi hỏi khách quan từ thực tiễn và là mong muốn trực tiếp của đồng bào các dân tộc.

Trong thời gian tới, tỉnh Lào Cai cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách dân tộc theo hướng lấy nhu cầu, lợi ích chính đáng và khả năng tự phát triển của đồng bào các dân tộc làm trung tâm; khắc phục tình trạng chồng chéo, dàn trải, phân tán nguồn lực. Việc xây dựng và thực hiện chính sách cần xuất phát từ đặc điểm cụ thể của từng địa bàn, từng cộng đồng tộc người, nhất là vùng cao, vùng biên giới, vùng còn nhiều khó khăn; bảo đảm hài hòa giữa hỗ trợ trực tiếp với nâng cao năng lực tự vươn lên của đồng bào. Bên cạnh đầu tư kết cấu hạ tầng, cần chú trọng các chính sách hỗ trợ sinh kế bền vững, chuyển giao khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, kết nối thị trường,

nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục, y tế, thông tin, dịch vụ công và các thành quả của chuyển đổi số. Đây là sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, chăm lo lợi ích thiết thực của đồng bào và thực hiện chính sách phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, qua đó củng cố niềm tin và tăng cường khối ĐĐKCDT.

Một ý kiến phỏng vấn sâu cho thấy rõ hơn *"Chính sách tốt phải giúp bà con thấy mình được tôn trọng và có việc làm ăn lâu dài, chứ không phải nhận hỗ trợ xong rồi lại quay về khó khăn như cũ"* (PVS07, cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã). Đây cũng chính là yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện và thực hiện CSDT ở tỉnh Lào Cai trong giai đoạn hiện nay.

Thứ hai, gắn chính sách dân tộc với phát triển kinh tế - xã hội bền vững, tạo sinh kế ổn định, thu hẹp khoảng cách phát triển và bảo đảm cơ hội phát triển công bằng cho đồng bào các dân tộc.

Tỉnh Lào Cai cần gắn việc thực hiện chính sách dân tộc với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; lấy nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc làm mục tiêu, đồng thời tạo điều kiện để đồng bào phát huy vai trò chủ thể trong phát triển. Chính sách dân tộc cần chuyển mạnh từ hỗ trợ trước mắt sang tạo sinh kế bền vững, nâng cao năng lực tự phát triển và khuyến khích tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào.

Cần ưu tiên đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng thiết yếu ở vùng cao, vùng biên giới và vùng đồng bào DTTS; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ; tăng cường chuyển giao khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, mở rộng tiếp cận tín dụng, thị trường và các dịch vụ công. Đồng thời, thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, giảm nghèo bền vững, bảo đảm đồng bào có điều kiện tham gia bình đẳng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Phát huy lợi thế đặc thù của tỉnh Lào Cai để phát triển kinh tế vùng đồng bào DTTS theo hướng bền vững; đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hàng hóa, dược liệu, kinh tế rừng, sản phẩm OCOP, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa gắn với bảo tồn bản sắc các dân tộc; đồng thời khai thác hiệu quả lợi thế kinh tế

cửa khẩu, thương mại biên giới, dịch vụ logistics và hành lang kinh tế để tạo thêm việc làm, tăng thu nhập và nâng cao đời sống của đồng bào, nhất là khu vực biên giới. Đặc biệt, đối với các địa bàn phát triển du lịch, khai thác tài nguyên và kinh tế cửa khẩu, chính quyền địa phương cần có cơ chế bảo đảm đồng bào các dân tộc tại chỗ được tham gia, hưởng lợi công bằng từ các hoạt động phát triển, nhất là về việc làm, sinh kế và bảo vệ môi trường, qua đó hạn chế phát sinh mâu thuẫn lợi ích, củng cố sự đồng thuận trong cộng đồng.

Cùng với đó, cần ưu tiên bố trí nguồn lực cho các địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa vùng thấp với vùng cao, giữa các nhóm dân tộc và giữa các địa bàn sau sáp nhập; bảo đảm mọi đồng bào đều được tiếp cận công bằng các cơ hội phát triển. Việc phân bổ nguồn lực phải gắn với hiệu quả đầu tư, phát huy nội lực của cộng đồng và tăng cường liên kết phát triển giữa các vùng trong tỉnh.

Kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy yêu cầu này xuất phát từ thực tiễn: *"Muốn đoàn kết bền thì phải làm cho bà con yên tâm sống được trên đất của mình: có đường đi, có việc làm, con cái được học hành, ốm đau được chữa. Khi đời sống ổn, dân tin và dân cùng chung sức"* (PVS06, cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã). Đây cũng chính là sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về gắn đoàn kết với chăm lo đời sống Nhân dân, phát huy nội lực của đồng bào các dân tộc, tạo nền tảng kinh tế - xã hội vững chắc cho việc củng cố khối ĐĐKCDT.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện, điều phối, kiểm tra, giám sát chính sách dân tộc của hệ thống chính trị, nhất là ở cấp cơ sở

Nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện CSDT là yêu cầu quan trọng để đưa các chủ trương, chính sách vào thực tiễn, bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của đồng bào các dân tộc, qua đó củng cố niềm tin và tăng cường khối ĐĐKCDT. Đối với tỉnh Lào Cai sau sáp nhập, địa bàn rộng, điều kiện phát triển giữa các vùng còn chênh lệch, yêu cầu này càng cần được chú trọng.

Trước hết, cần nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện CSDT; bảo đảm chính sách được triển khai đúng đối tượng, đúng địa bàn, phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của từng vùng, từng dân tộc. Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với

xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan và người đứng đầu; đồng thời tăng cường phối hợp, hướng dẫn và tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Cùng với đó, cần đổi mới công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá theo hướng lấy kết quả thực hiện, mức độ thụ hưởng, sự hài lòng của đồng bào và tác động của chính sách đối với củng cố khối ĐĐKCDT làm những tiêu chí quan trọng. Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý, theo dõi và đánh giá; bảo đảm công khai, minh bạch trong phân bổ, sử dụng nguồn lực; phát huy vai trò giám sát của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, người có uy tín và đồng bào các dân tộc. Trước mắt, đến năm 2030, UBND tỉnh cần chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với MTTQ xây dựng bộ tiêu chí theo dõi, đánh giá hiệu quả thực hiện CSDT gắn với xây dựng khối ĐĐKCDT, tập trung vào mức độ thụ hưởng chính sách, thu hẹp chênh lệch phát triển, sự hài lòng và mức độ tham gia thực chất của đồng bào các dân tộc.

Đồng thời, duy trì thường xuyên cơ chế tiếp xúc, đối thoại với đồng bào; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, tiếp nhận và giải quyết những kiến nghị chính đáng ngay từ cơ sở. Qua đó, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện CSDT, hạn chế tình trạng chính sách chậm đi vào cuộc sống hoặc chưa phù hợp với thực tiễn, góp phần củng cố niềm tin, tăng cường đồng thuận xã hội và xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai ngày càng bền vững.

Thứ tư, kiến nghị sớm hoàn thiện thể chế về công tác dân tộc, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trong giai đoạn mới

Thực tiễn cho thấy, công tác dân tộc hiện nay chủ yếu được triển khai thông qua các chương trình mục tiêu, đề án và hệ thống chính sách theo từng giai đoạn; trong khi các quy định pháp luật liên quan còn phân tán ở nhiều văn bản khác nhau. Điều này phần nào ảnh hưởng đến tính thống nhất, ổn định và lâu dài trong tổ chức thực hiện, đồng thời gây khó khăn cho việc xác định rõ trách nhiệm của các chủ thể trong công tác dân tộc. Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác dân tộc

trở nên cấp thiết nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho việc thực hiện CSDT và xây dựng khối ĐĐKCDT.

Yêu cầu hoàn thiện thể chế về công tác dân tộc cũng đã được đặt ra từ thực tiễn quản lý nhà nước. Trả lời chất vấn tại Quốc hội ngày 6/6/2023, Nguyên Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hầu A Lềnh cho biết, từ năm 2017, Ủy ban Dân tộc đã trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật Dân tộc; việc xây dựng Luật Dân tộc đang tiếp tục được nghiên cứu nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Đồng thời khẳng định, Luật Dân tộc sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để hoạch định và tổ chức thực hiện CSDT trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả công tác dân tộc trong giai đoạn mới.

Biểu đồ 4.1: Sự cần thiết của việc xây dựng và ban hành Luật Dân tộc ở Việt Nam nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý cho công tác dân tộc, góp phần xây dựng khối đoàn kết các dân tộc

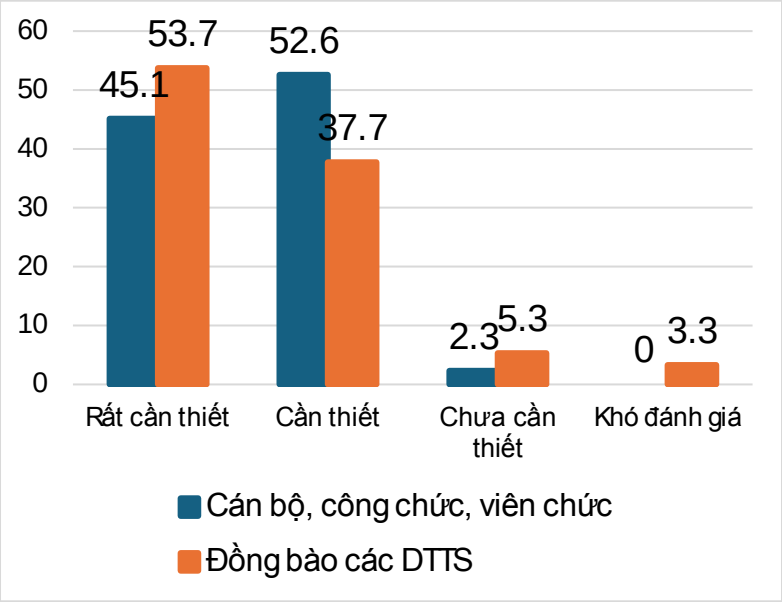

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Kết quả biểu 4.1 cũng cho thấy rõ mức đồng thuận rất cao đối với kiến nghị này. Có 97,7% cán bộ, công chức, viên chức được hỏi cho rằng việc sớm xây dựng và ban hành Luật Dân tộc là cần thiết hoặc rất cần thiết; trong đó 45,1% đánh giá "rất cần thiết", 52,6% đánh giá "cần thiết". Đối với đồng bào các dân tộc và người có uy tín, tỷ lệ đồng thuận là 91,4%; trong đó 53,7% đánh giá "rất cần thiết", 37,7% đánh giá "cần thiết"; chỉ có 5,3% cho rằng chưa cần thiết và 3,3% khó đánh giá [Phụ lục 2.1, 2.2]. Điều đó cho thấy yêu cầu hoàn thiện thể chế về công tác dân tộc không chỉ xuất phát từ thực tiễn quản lý nhà nước mà còn phản ánh mong muốn, nguyện vọng chính đáng của đồng bào các dân tộc và đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện công tác dân tộc ở cơ sở.

Kết quả phỏng vấn sâu tiếp tục khẳng định sự thống nhất cao về vấn đề này. Một lãnh đạo xã cho rằng: *"Thiếu một đạo luật riêng thì nhiều việc vẫn làm theo chương trình từng giai đoạn. Nếu có Luật Dân tộc, sẽ có khung pháp lý ổn định để chủ động bố trí nguồn lực, thống nhất tiêu chí, rõ trách nhiệm và tránh tình trạng chính sách manh mún, ngắn hạn"* (PVS04, cán bộ lãnh đạo cấp xã). Tương tự, một đồng chí lãnh đạo phòng nhận định: *"Nếu có Luật Dân tộc, công tác dân tộc sẽ có cơ sở pháp lý thống nhất, lâu dài; các chính sách sẽ được triển khai chủ động, đồng bộ hơn và khắc phục tình trạng phân tán như hiện nay"* (PVS01, cán bộ lãnh đạo cơ quan chuyên môn cấp tỉnh). Điều đó cũng cho thấy, việc ban hành Luật Dân tộc không chỉ tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho công tác dân tộc mà còn góp phần thể chế hóa đầy đủ hơn quan điểm của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc, qua đó củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc trong quốc gia thống nhất Việt Nam.

Do đó, trong thời gian tới cần tiếp tục kiến nghị Trung ương nghiên cứu, xây dựng và ban hành Luật Dân tộc nhằm thể chế hóa đầy đủ hơn quan điểm của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc; xác định rõ trách nhiệm của Nhà nước, HTCT và các chủ thể liên quan trong công tác dân tộc. Đây là giải pháp có ý nghĩa lâu dài, góp phần hoàn thiện nền tảng pháp lý cho thực hiện CSDT, củng cố niềm

tin, tăng cường đồng thuận xã hội và xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai nói riêng, cả nước nói chung trong giai đoạn phát triển mới.

4.3.3. Phát triển văn hóa - xã hội, đẩy mạnh giáo dục và thông tin - truyền thông, xây dựng môi trường đoàn kết, lành mạnh trong cộng đồng các dân tộc

Phát triển văn hóa - xã hội, đẩy mạnh giáo dục và thông tin - truyền thông là giải pháp quan trọng nhằm xây dựng môi trường xã hội đoàn kết, lành mạnh, nâng cao dân trí, củng cố niềm tin và tăng cường sự gắn kết giữa các dân tộc. Thực hiện tốt giải pháp này sẽ góp phần phát huy sức mạnh văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tạo nền tảng tinh thần vững chắc cho việc xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai.

Thứ nhất, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc tỉnh Lào Cai; xây dựng hệ giá trị chung làm nền tảng tinh thần của khối đại đoàn kết các dân tộc

Tỉnh Lào Cai cần tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc gắn với phát triển bền vững; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng trong gìn giữ, trao truyền và lan tỏa các giá trị văn hóa truyền thống. Đồng thời, xây dựng và phát huy các giá trị đoàn kết, bình đẳng, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển; gắn bảo tồn văn hóa với nâng cao đời sống tinh thần và tăng cường sự gắn kết giữa các cộng đồng dân tộc.

Cùng với đó, cần kết hợp hài hòa giữa bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch và kinh tế văn hóa; hạn chế thương mại hóa, hình thức hóa các giá trị văn hóa truyền thống; bảo đảm các cộng đồng dân tộc đều được tham gia và thụ hưởng công bằng từ các hoạt động văn hóa. Thông qua đó, khơi dậy niềm tự hào về bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc, bồi đắp tinh thần đại đoàn kết, ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng và khát vọng xây dựng quê hương, đất nước.

Thứ hai, phát triển giáo dục, y tế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào các dân tộc; tạo nền tảng xã hội cho đoàn kết bền vững

Cần tiếp tục phát triển giáo dục, y tế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc được tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản và tham gia tích cực vào quá trình phát triển. Trong đó, chú trọng nâng

cao chất lượng giáo dục ở vùng đồng bào DTTS; bảo đảm cơ hội học tập, hạn chế tình trạng học sinh bỏ học; tăng cường giáo dục kỹ năng số, ý thức cộng đồng và tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc. Đồng thời, đẩy mạnh đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực gắn với nhu cầu việc làm, tiềm năng, lợi thế và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng địa bàn.

Cùng với đó, cần củng cố y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế thiết yếu, nhất là đối với đồng bào ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa và khu vực biên giới; chú trọng phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và nâng cao chất lượng dân số. Việc bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền tiếp cận giáo dục, y tế và cơ hội phát triển nguồn nhân lực sẽ góp phần thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, các dân tộc, nâng cao đời sống Nhân dân, củng cố niềm tin và tăng cường sự gắn bó giữa các cộng đồng dân tộc, tạo nền tảng xã hội bền vững cho xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai.

Thứ ba, đẩy mạnh thông tin, truyền thông, chuyển đổi số và giáo dục xã hội nhằm tăng cường hiểu biết, tôn trọng, đồng thuận giữa các dân tộc

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, có 70% cán bộ, công chức, viên chức và 59,3% đồng bào các dân tộc, người có uy tín lựa chọn giải pháp đẩy mạnh công tác văn hóa, giáo dục, thông tin - truyền thông nhằm tăng cường hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau giữa các dân tộc [Phụ lục 2.1, 2.2]. Điều đó cho thấy nhu cầu nâng cao chất lượng thông tin, truyền thông và giáo dục xã hội đang trở thành yêu cầu thực tiễn trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền theo hướng gần dân, phù hợp với đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ của từng cộng đồng dân tộc; tăng cường giáo dục pháp luật, giáo dục công dân, lan tỏa các giá trị đoàn kết, bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; đồng thời phát huy hiệu quả các nền tảng số, hệ thống truyền thông cơ sở và truyền thông bằng tiếng dân tộc để đưa thông tin chính thống đến với đồng bào. Cùng với đó, cần nâng cao kỹ năng số, kỹ năng tiếp nhận và sàng lọc thông tin; chủ động đấu tranh với các thông tin sai trái, xuyên tạc, kích động chia rẽ dân tộc, góp phần củng cố niềm tin và tăng cường đồng thuận xã hội.

Thứ tư, xây dựng môi trường văn hóa cộng đồng lành mạnh, phát huy các thiết chế tự quản và tăng cường gắn kết giữa các cộng đồng dân tộc

Tiếp tục phát huy vai trò của gia đình, dòng họ, thôn, bản, tổ dân phố và các thiết chế tự quản trong xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn an ninh trật tự, hòa giải mâu thuẫn và củng cố tinh thần đoàn kết trong cộng đồng. Đồng thời, nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; khai thác hiệu quả các nhà văn hóa, không gian sinh hoạt cộng đồng và các nền tảng số để tăng cường giao lưu, chia sẻ, hiểu biết giữa các dân tộc, nhất là thế hệ trẻ. Qua đó, xây dựng môi trường xã hội đoàn kết, lành mạnh, phát huy sức mạnh cộng đồng và củng cố khối ĐĐKCDT trong giai đoạn mới.

Thứ năm, khơi dậy truyền thống cách mạng, niềm tự hào về bản sắc văn hóa các dân tộc, phát huy tinh thần đại đoàn kết và trách nhiệm xã hội trong cộng đồng

Khơi dậy truyền thống cách mạng, lòng yêu nước và niềm tự hào về bản sắc văn hóa các dân tộc nhằm bồi đắp tinh thần đoàn kết, ý thức trách nhiệm cộng đồng và khát vọng phát triển của đồng bào các dân tộc. Đối với tỉnh Lào Cai, vùng đất giàu truyền thống cách mạng, giữ vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh và là địa bàn trực tiếp bảo vệ biên cương Tổ quốc qua các thời kỳ lịch sử, đồng bào các dân tộc đã hun đúc truyền thống yêu nước, đoàn kết, kiên cường và tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Đây là nguồn lực tinh thần quý báu cần tiếp tục được gìn giữ và phát huy trong giai đoạn mới.

Vì vậy, cần đẩy mạnh giáo dục truyền thống cách mạng, lịch sử địa phương, giáo dục ý thức công dân và trách nhiệm xã hội; tôn vinh các giá trị văn hóa tốt đẹp, các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt và những tấm gương tiêu biểu trong đồng bào các dân tộc. Đồng thời, khơi dậy niềm tự hào về truyền thống yêu nước, bản sắc văn hóa và khát vọng cống hiến của mỗi cộng đồng dân tộc; gắn niềm tự hào dân tộc với ý thức bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng quê hương Lào Cai ngày càng phát triển. Qua đó, củng cố tinh thần đại đoàn kết, tăng cường trách nhiệm xã hội và phát huy sức mạnh nội sinh của cộng đồng các dân tộc trong giai đoạn mới.

Như vậy, phát triển văn hóa - xã hội, đẩy mạnh giáo dục và thông tin - truyền thông là giải pháp quan trọng nhằm xây dựng môi trường xã hội đoàn kết, lành mạnh; phát huy các giá trị văn hóa, nâng cao dân trí, củng cố niềm tin và tăng cường sự gắn kết giữa các cộng đồng dân tộc. Qua đó, góp phần củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc và tạo động lực cho sự phát triển bền vững của tỉnh Lào Cai trong giai đoạn mới.

4.3.4. Khơi dậy, phát huy nội lực và vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là đội ngũ cán bộ, đảng viên người dân tộc thiểu số và người có uy tín trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Khơi dậy, phát huy nội lực và vai trò của đồng bào DTTS là giải pháp quan trọng nhằm củng cố khối ĐĐKCDT từ chính sức mạnh của cộng đồng. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, cần phát huy tinh thần làm chủ, ý chí tự lực, tự cường và trách nhiệm của Nhân dân; coi đồng bào DTTS là lực lượng trực tiếp tham gia xây dựng khối đoàn kết. Trong đó, cán bộ, đảng viên người DTTS và người có uy tín cần được phát huy vai trò nòng cốt trong tuyên truyền, vận động, tập hợp đồng bào, củng cố niềm tin và tăng cường đồng thuận xã hội.

Thứ nhất, phát huy quyền làm chủ, vai trò tự quản và trách nhiệm cộng đồng của đồng bào các dân tộc thiểu số

Trước hết, cần tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc tham gia thực chất vào quá trình bàn bạc, quyết định, tổ chức thực hiện và giám sát những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích và đời sống của cộng đồng. Việc phát huy dân chủ ở cơ sở phải được thực hiện theo hướng thực chất, tránh hình thức; bảo đảm để người dân được tiếp cận đầy đủ thông tin, được bày tỏ ý kiến, được tham gia giám sát và được thụ hưởng thành quả của các chương trình, dự án phát triển. Đối với các xã vùng cao, biên giới và địa bàn có nhiều dân tộc cùng sinh sống ở Lào Cai, chính quyền cấp xã cần tổ chức lấy ý kiến cộng đồng bằng hình thức phù hợp với ngôn ngữ, phong tục của từng dân tộc, bảo đảm tiếng nói của đồng bào được phản ánh thực chất trong các quyết định liên quan trực tiếp đến đời sống của họ.

Cùng với đó, cần tiếp tục phát huy các hương ước, quy ước, thiết chế tự quản phù hợp với pháp luật và phong tục, tập quán tốt đẹp của từng dân tộc;

củng cố các tổ hòa giải, tổ tự quản, mô hình tự quản về an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa và xây dựng đời sống cộng đồng. Đặc biệt, ở những địa bàn có nhiều dân tộc cùng sinh sống, cần khuyến khích các hình thức tự quản liên cộng đồng, tạo cơ hội để đồng bào các dân tộc cùng bàn bạc, cùng giải quyết những vấn đề chung, qua đó tăng cường sự hiểu biết, tôn trọng và gắn bó lẫn nhau.

Phát huy vai trò tự quản không có nghĩa là giảm vai trò của Nhà nước và HTCT, mà là tạo điều kiện để quản lý nhà nước và quản trị cộng đồng hỗ trợ lẫn nhau. Cấp ủy, chính quyền cơ sở cần hướng dẫn, hỗ trợ và tạo khuôn khổ để cộng đồng chủ động giải quyết những vấn đề thuộc đời sống thường ngày; đồng thời kịp thời xử lý những vấn đề vượt quá khả năng tự quản. Qua đó, từng bước hình thành ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng, hạn chế tâm lý ỷ lại, đồng thời làm cho đoàn kết trở thành nhu cầu tự thân của mỗi người dân và mỗi cộng đồng dân tộc.

Thứ hai, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường và phát huy các nguồn lực nội sinh của đồng bào DTTS trong phát triển kinh tế - xã hội.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, 82,3% cán bộ, công chức, viên chức và 65,3% đồng bào các dân tộc, người có uy tín lựa chọn giải pháp phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào trong xây dựng khối ĐĐKCDT (Phụ lục 2.1, 2.2). Kết quả này là căn cứ thực tiễn để tiếp tục đổi mới cách thức thực hiện chính sách theo hướng không chỉ hỗ trợ trực tiếp mà quan trọng hơn là tạo cơ hội, nâng cao năng lực và khuyến khích đồng bào chủ động vươn lên.

Trong thời gian tới, các chương trình, dự án hỗ trợ vùng đồng bào DTTS cần chuyển mạnh theo hướng phát triển năng lực, sinh kế và khả năng tự chủ của người dân. Cần ưu tiên đào tạo nghề, hỗ trợ tiếp cận vốn, khoa học - công nghệ, thị trường, chuyển đổi số và các mô hình sản xuất phù hợp; đồng thời tăng cường hướng dẫn quản lý tài chính hộ gia đình, liên kết sản xuất, xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm. Chính sách hỗ trợ phải tạo động lực để người dân vươn lên, tránh tạo tâm lý trông chờ, phụ thuộc kéo dài.

Đồng thời, cần khai thác và phát huy hiệu quả các nguồn lực nội sinh của cộng đồng, bao gồm nguồn lực về đất đai, lao động, kinh nghiệm sản xuất, tri

thức bản địa, các giá trị văn hóa truyền thống và tinh thần đoàn kết, tương trợ. Đây là những nguồn lực có giá trị đặc biệt đối với vùng đồng bào DTTS, bởi nhiều lợi thế phát triển không chỉ nằm ở tài nguyên tự nhiên mà còn ở chính những giá trị văn hóa, tri thức, kinh nghiệm và mối quan hệ cộng đồng đã được tích lũy qua nhiều thế hệ.

Trên cơ sở lợi thế của từng địa bàn, cần khuyến khích đồng bào tham gia phát triển du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, nông nghiệp hàng hóa đặc hữu, dược liệu, lâm nghiệp bền vững, sản phẩm OCOP và các mô hình kinh tế phù hợp với điều kiện tự nhiên, văn hóa của từng vùng, từng dân tộc. Việc phát triển kinh tế phải đi đôi với bảo tồn văn hóa, tránh khai thác quá mức hoặc thương mại hóa làm mất đi giá trị truyền thống. Đặc biệt, cần bảo đảm để đồng bào được tham gia và hưởng lợi thực chất từ quá trình phát triển, qua đó củng cố niềm tin và sự gắn bó với cộng đồng.

Cùng với đó, cần tăng cường liên kết sản xuất giữa các hộ, các cộng đồng và các dân tộc; phát huy các mô hình hợp tác, tổ hợp tác, hợp tác xã phù hợp; nhân rộng những điển hình tự lực vươn lên, làm kinh tế giỏi, giảm nghèo bền vững. Việc biểu dương và nhân rộng các mô hình tiêu biểu không chỉ tạo động lực kinh tế mà còn có tác dụng lan tỏa tinh thần tự lực, tương trợ và trách nhiệm cộng đồng, làm cho phát triển kinh tế trở thành một nhân tố trực tiếp củng cố khối ĐĐKCDT.

Thứ ba, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên người DTTS, nhất là cán bộ cấp cơ sở ở vùng đồng bào DTTS và khu vực biên giới

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên người DTTS có ý nghĩa quan trọng trong phát huy vai trò nòng cốt, tập hợp, vận động đồng bào và củng cố khối ĐĐKCDT ngay từ cơ sở. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, có 72,5% cán bộ, công chức, viên chức và 78,3% đồng bào các dân tộc, người có uy tín lựa chọn giải pháp phát huy vai trò của HTCT cơ sở trong công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội [Phụ lục 2.1, 2.2]. Điều đó đặt ra yêu cầu tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên người DTTS có phẩm chất, năng lực, uy tín, gần gũi với đồng bào và có khả năng vận động, tập hợp Nhân dân.

Trước hết, cần tiếp tục đổi mới công tác tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ người DTTS theo hướng bảo đảm cơ cấu hợp lý gắn với nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chú trọng phát hiện, tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ ở vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới; có chính sách phù hợp để thu hút, khuyến khích cán bộ có năng lực, uy tín gắn bó lâu dài với cơ sở. Việc bố trí, sử dụng cán bộ cần căn cứ vào phẩm chất, năng lực, sở trường, yêu cầu của vị trí việc làm và đặc điểm địa bàn; đồng thời chú ý khả năng am hiểu văn hóa, phong tục, tập quán, ngôn ngữ và tâm tư, nguyện vọng của đồng bào. Trong điều kiện vận hành chính quyền địa phương hai cấp, tỉnh Lào Cai cần ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng và bố trí cán bộ người DTTS có năng lực, am hiểu địa bàn tại các xã vùng cao, biên giới, đồng thời gắn đánh giá cán bộ với khả năng vận động, tập hợp đồng bào và giải quyết những vấn đề phát sinh từ cơ sở.

Cùng với đó, đổi mới nội dung đào tạo, bồi dưỡng theo hướng toàn diện, thiết thực, gắn với yêu cầu công tác ở vùng đồng bào DTTS. Bên cạnh nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, cần chú trọng kỹ năng dân vận, đối thoại, hòa giải, xử lý các vấn đề phát sinh ở cơ sở; kiến thức về dân tộc, tôn giáo, pháp luật; năng lực ứng dụng công nghệ số và khả năng sử dụng tiếng dân tộc ở những địa bàn cần thiết. Đặc biệt, cán bộ phải có khả năng chuyển tải chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành những nội dung dễ hiểu, dễ tiếp nhận, phù hợp với đặc điểm của từng cộng đồng dân tộc.

Kết quả phỏng vấn sâu cũng khẳng định điều này. Một lãnh đạo xã cho rằng: *"Ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cán bộ không chỉ cần có trình độ mà quan trọng hơn là phải gần dân, hiểu dân, nói được dân nghe và làm được dân tin"* (PVS05, cán bộ lãnh đạo cấp xã). Một cán bộ phụ trách công tác dân tộc chia sẻ: *"Muốn củng cố đoàn kết thì phải chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS. Họ hiểu phong tục, tập quán, tiếng nói và tâm tư của đồng bào nên dễ tạo được sự đồng thuận trong cộng đồng"* (PVS01, cán bộ lãnh đạo cơ quan chuyên môn cấp tỉnh). Cùng quan điểm đó, một cán bộ xã vùng cao chia sẻ: *"Cán bộ cơ sở không chỉ cần đúng về chuyên môn mà còn phải hiểu dân, biết*

nói tiếng dân tộc, biết giải thích chính sách theo cách dân dễ hiểu thì mới tạo được sự đồng thuận" (PVS07, cán bộ lãnh đạo cấp xã).

Những ý kiến trên cho thấy, chất lượng cán bộ, đảng viên người DTTS cần được thể hiện không chỉ ở trình độ, năng lực chuyên môn mà còn ở khả năng gần dân, hiểu dân, trọng dân, vận động được dân và tạo dựng niềm tin trong đồng bào. Vì vậy, cần gắn đào tạo, bồi dưỡng với rèn luyện cán bộ qua thực tiễn cơ sở; tăng cường trách nhiệm nêu gương, ý thức phục vụ Nhân dân và năng lực nắm bắt, giải quyết kịp thời tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đồng bào. Qua đó, phát huy cán bộ, đảng viên người DTTS thực sự trở thành hạt nhân đoàn kết, cầu nối giữa cấp ủy, chính quyền với đồng bào các dân tộc, góp phần củng cố niềm tin, tăng cường đồng thuận và xây dựng khối ĐĐKCDT vững chắc từ cơ sở.

Thứ tư, phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS trong tuyên truyền, vận động, hòa giải và củng cố đoàn kết cộng đồng.

Kết quả điều tra cho thấy 89,1% cán bộ, công chức, viên chức và 95,3% đồng bào các dân tộc, người có uy tín lựa chọn giải pháp phát huy vai trò của người có uy tín trong tuyên truyền, vận động, hòa giải và củng cố đoàn kết cộng đồng (Phụ lục 2.1, 2.2). Đây là một trong những giải pháp nhận được mức đồng thuận rất cao, cho thấy vai trò đặc biệt của người có uy tín trong đời sống cộng đồng dân tộc.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục rà soát, phát hiện và xây dựng đội ngũ người có uy tín thực sự tiêu biểu, có ảnh hưởng tích cực, có tinh thần trách nhiệm và được cộng đồng tin tưởng. Cần thường xuyên cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, công tác dân tộc, tôn giáo, quốc phòng - an ninh và các vấn đề mới phát sinh ở cơ sở để họ có đủ thông tin, kỹ năng và khả năng định hướng cộng đồng.

Cùng với đó, cần tạo điều kiện để người có uy tín tham gia sâu hơn vào tuyên truyền, vận động đồng bào phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn bản sắc văn hóa, xóa bỏ hủ tục, hòa giải mâu thuẫn, bảo vệ an ninh, trật tự và chủ quyền biên giới. Người có uy tín cũng cần được phát huy trong việc phản ánh tâm tư, nguyện vọng của đồng bào với cấp ủy, chính quyền; tham gia giám

sát việc thực hiện chính sách dân tộc và góp ý đối với những vấn đề có liên quan trực tiếp đến cộng đồng.

Một người có uy tín ở xã chia sẻ: *"Khi có việc phức tạp, bà con thường nghe lời già làng, trưởng bản. Nếu mình giải thích đúng, nhẹ nhàng thì bà con hiểu, không nghe theo kẻ xấu"* (PVS12, người có uy tín ở xã). Ý kiến này cho thấy sức mạnh của người có uy tín nằm ở khả năng thuyết phục dựa trên niềm tin cộng đồng, chứ không phải quyền lực hành chính. Vì vậy, cần phát huy tốt uy tín xã hội của họ thành nguồn lực trong tuyên truyền, hòa giải, phòng ngừa mâu thuẫn và giữ vững sự đoàn kết từ cơ sở.

Đồng thời, cần thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có uy tín; xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên giữa cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội với lực lượng này. Việc phát huy người có uy tín phải đi đôi với tôn trọng vai trò, tạo điều kiện hoạt động và kịp thời biểu dương những cá nhân có đóng góp tích cực, qua đó tạo động lực để họ tiếp tục tham gia xây dựng cộng đồng.

Như vậy, khơi dậy, phát huy nội lực và vai trò của đồng bào DTTS cần được thực hiện đồng bộ từ việc phát huy quyền làm chủ và khả năng tự quản, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát triển sinh kế và nguồn lực nội sinh đến xây dựng, phát huy các lực lượng nòng cốt trong cộng đồng. Trong đó, cán bộ, đảng viên người DTTS và người có uy tín giữ vai trò đặc biệt trong kết nối, vận động, dẫn dắt và củng cố niềm tin của Nhân dân. Khi đồng bào thực sự có năng lực tự vươn lên, được tham gia vào công việc chung và các lực lượng nòng cốt phát huy tốt vai trò, sức mạnh của khối ĐĐKCDT sẽ được hình thành và củng cố từ chính bên trong cộng đồng, tạo nền tảng xã hội vững chắc cho phát triển nhanh và bền vững của tỉnh Lào Cai trong giai đoạn mới.

4.3.5. Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở

Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở là giải pháp có ý nghĩa nền tảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, hiệu lực quản lý, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và tăng cường sự đồng thuận xã hội trong xây dựng khối ĐĐKCDT. Đối với tỉnh Lào Cai, địa bàn miền núi, biên giới với nhiều dân

tộc cùng sinh sống, xây dựng HTCT cơ sở vững mạnh, gần dân, trọng dân và phục vụ Nhân dân là yêu cầu quan trọng để củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc và phát huy sức mạnh đại đoàn kết trong giai đoạn mới.

Thứ nhất, nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng gắn với hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc theo hướng phân cấp, phân quyền và xác định rõ trách nhiệm

Nội dung này nhằm bảo đảm mọi chủ trương, chính sách về công tác dân tộc được lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thống nhất, hiệu quả ngay từ cơ sở. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy một lãnh đạo xã nhận định: *"Ở cơ sở, đoàn kết hay không thể hiện rất rõ qua cách cấp ủy và chính quyền giải quyết việc của dân. Làm kịp thời, minh bạch thì dân tin; để kéo dài, né tránh thì dễ phát sinh so bì, bức xúc"* (PVS06, cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã). Điều đó cho thấy năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng và hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở có ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ đoàn kết và đồng thuận trong cộng đồng.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy cơ sở theo hướng sát thực tiễn, lấy hiệu quả giải quyết những vấn đề thiết thực của Nhân dân làm thước đo; đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở theo hướng công khai, minh bạch, gần dân và phục vụ Nhân dân. Cùng với đó, thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực, xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan và người đứng đầu trong xây dựng khối ĐĐKCDT.

Thứ hai, đổi mới thực chất công tác dân vận, tuyên vận cơ sở và phát huy dân chủ ở cơ sở nhằm tăng cường đồng thuận xã hội trong đồng bào các dân tộc

Công tác dân vận, tuyên vận cơ sở và phát huy dân chủ là giải pháp quan trọng nhằm củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội và xây dựng khối ĐĐKCDT. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy có 72,5% cán bộ, công chức, viên chức và 78,3% đồng bào các dân tộc, người có uy tín lựa chọn giải pháp phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội [Phụ lục 2.1, 2.2]. Điều

đó cho thấy cả đội ngũ cán bộ và đồng bào các dân tộc đều nhận thức rõ vai trò của công tác dân vận trong xây dựng khối ĐĐKCDT.

Đặc biệt, Lào Cai là địa phương đầu tiên trong cả nước xây dựng và triển khai mô hình Tổ tuyên vận ở cơ sở, qua đó tạo cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa công tác tuyên truyền, dân vận và hoạt động của HTCT, góp phần đưa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với Nhân dân kịp thời, thống nhất và hiệu quả. Thực tiễn cho thấy mô hình tuyên vận đã phát huy vai trò quan trọng trong tạo đồng thuận xã hội, giải quyết các vấn đề phát sinh từ cơ sở, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và chính quyền. Đây là kinh nghiệm cần tiếp tục kế thừa, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động trong điều kiện tỉnh Lào Cai sau sáp nhập và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục đổi mới công tác dân vận và tuyên vận theo hướng thực chất, lấy hiệu quả giải quyết những vấn đề thiết thực của Nhân dân làm thước đo; tăng cường đối thoại trực tiếp, lắng nghe và kịp thời giải quyết các kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của đồng bào các dân tộc. Đồng thời, thực hiện tốt phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng", tạo điều kiện để Nhân dân tham gia nhiều hơn vào quá trình xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan trực tiếp đến đời sống của mình. Khi quyền làm chủ của Nhân dân được phát huy, niềm tin xã hội được củng cố, sự đồng thuận giữa các dân tộc được tăng cường thì khối ĐĐKCDT sẽ ngày càng vững chắc.

Thứ ba, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tập hợp, tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc; tăng cường giám sát, phản biện xã hội, góp phần củng cố và xây dựng vững chắc khối đại đoàn kết các dân tộc.

Thực tiễn ở Lào Cai cho thấy, khi các phong trào như "Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc", "Dân vận khéo", "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" được tổ chức thiết thực, hiệu quả và thu hút sự tham gia rộng rãi của đồng bào các dân tộc thì không chỉ tăng cường sự gắn kết cộng đồng mà còn

tạo môi trường để các dân tộc giao lưu, chia sẻ, hiểu biết và hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống.

Trong thời gian tới, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; nâng cao chất lượng công tác tập hợp, vận động đồng bào các dân tộc; đồng thời phát huy hiệu quả chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện CSDT, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động của chính quyền cơ sở. Thông qua giám sát, phản biện, kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý những hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện chính sách, góp phần bảo đảm công khai, minh bạch, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy một người dân chia sẻ: *"Khi người dân được tham gia góp ý, được lắng nghe và được phản hồi thì họ thấy mình được tôn trọng, từ đó trách nhiệm với cộng đồng và tinh thần đoàn kết cũng cao hơn"* (PVS11, đồng bào dân tộc Mông). Điều đó cho thấy phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở mà còn tăng cường dân chủ, đồng thuận xã hội và củng cố khối ĐĐKCDT một cách bền vững.

Cùng với đó, cần đẩy mạnh tổng kết kinh nghiệm xây dựng khối ĐĐKCDT ở cơ sở; kịp thời phát hiện, tôn vinh và nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả trong tập hợp, vận động đồng bào các dân tộc, phát huy dân chủ, giám sát, phản biện xã hội và xây dựng đời sống cộng đồng. Qua đó, lan tỏa những giá trị tích cực, tạo động lực thi đua và góp phần củng cố khối ĐĐKCDT từ cơ sở.

Thứ tư, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và tăng cường kết nối với đồng bào các dân tộc, góp phần củng cố niềm tin và đồng thuận xã hội.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của HTCT cơ sở nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành, mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, phát huy dân chủ và tăng cường mối quan hệ giữa cấp ủy, chính quyền với đồng bào các dân tộc. Đối với tỉnh Lào Cai, đây là giải pháp quan trọng để khắc phục

những trở ngại do địa hình chia cắt, dân cư phân tán, nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới; đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân và hiệu quả xây dựng khối ĐĐKCDT trong điều kiện mới.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục xây dựng chính quyền số, phát triển và khai thác hiệu quả các nền tảng số phục vụ quản lý, điều hành; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến; ứng dụng công nghệ số trong tổ chức thực hiện CSDT, nắm bắt tình hình cơ sở và tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị của Nhân dân. Đồng thời, phát huy hiệu quả hệ thống truyền thanh cơ sở, các nền tảng truyền thông số và mạng xã hội để tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đổi mới công tác dân vận, tuyên vận trên môi trường số, bảo đảm thông tin chính thống đến với đồng bào kịp thời, chính xác, dễ tiếp cận và phù hợp với đặc điểm từng địa bàn, từng cộng đồng dân tộc.

Cùng với đó, cần thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, các dân tộc; nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ cơ sở và đồng bào các dân tộc, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới; tạo điều kiện để người dân tiếp cận bình đẳng với các dịch vụ số và tham gia tích cực vào quá trình chuyển đổi số. Qua đó, nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tăng cường sự gắn kết giữa chính quyền với đồng bào các dân tộc và góp phần xây dựng khối ĐĐKCDT vững chắc trong giai đoạn mới.

Như vậy, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở là giải pháp có ý nghĩa nền tảng trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai. Đây là sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng HTCT gần dân, trọng dân, hiểu dân, vì dân và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. HTCT cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn bó mật thiết với Nhân dân sẽ góp phần củng cố niềm tin, tăng cường đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh của đồng bào các dân tộc, tạo nền tảng chính trị - xã hội vững chắc cho sự phát triển của tỉnh.

4.3.6. Tăng cường quốc phòng - an ninh và chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ với nhau; sức mạnh bảo vệ Tổ quốc được tạo nên

từ khối ĐĐKTDT và "thế trận lòng dân" vững chắc. Đối với tỉnh Lào Cai - địa bàn miền núi, biên giới, có nhiều dân tộc cùng sinh sống và giữ vị trí chiến lược về quốc phòng - an ninh, việc gắn xây dựng khối ĐĐKCDT với củng cố quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia và giữ vững ổn định chính trị - xã hội là yêu cầu có ý nghĩa chiến lược, tạo nền tảng cho sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới.

Thứ nhất, xây dựng "thế trận lòng dân" vững chắc, gắn xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc với củng cố quốc phòng - an ninh và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia

Xây dựng "thế trận lòng dân" vững chắc là nội dung có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai, góp phần tạo nền tảng chính trị - xã hội vững chắc để giữ gìn an ninh, trật tự và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy có 96% cán bộ, công chức, viên chức và 56,0% đồng bào các dân tộc, người có uy tín lựa chọn giải pháp gắn xây dựng khối ĐĐKCDT với bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng thế trận lòng dân ở khu vực biên giới và chủ động đấu tranh với các âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết [Phụ lục 2.1, 2.2]. Điều đó cho thấy việc gắn xây dựng khối ĐĐKCDT với củng cố quốc phòng - an ninh là yêu cầu cấp thiết từ thực tiễn của địa phương.

Trong thời gian tới, cần gắn chặt phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh; chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, nhất là ở vùng đồng bào DTTS, khu vực biên giới và địa bàn trọng yếu. Đồng thời, phát huy vai trò của đồng bào các dân tộc trong tham gia quản lý, bảo vệ đường biên, mốc giới, giữ gìn an ninh, trật tự; tăng cường phối hợp giữa lực lượng vũ trang với cấp ủy, chính quyền, người có uy tín và Nhân dân trong xây dựng khu vực phòng thủ và "thế trận lòng dân" vững chắc. Qua đó, góp phần bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và củng cố khối ĐĐKCDT trong giai đoạn mới.

Thứ hai, phát huy vai trò của đồng bào các dân tộc trong xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân trên địa bàn tỉnh

Phát huy vai trò lực lượng của đồng bào các dân tộc trong bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và xây dựng "thế trận lòng dân" vững chắc. Đối với tỉnh Lào Cai, nơi có đường biên giới dài, nhiều dân tộc cùng sinh sống và giữ vị trí chiến lược về quốc phòng - an ninh, sự tham gia tích cực của đồng bào các dân tộc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc xây dựng khối ĐĐKCDT gắn với bảo vệ Tổ quốc.

Thực tiễn cho thấy, ở những địa bàn mà đồng bào các dân tộc tích cực tham gia các mô hình tự quản về an ninh, trật tự, bảo vệ đường biên, mốc giới, phòng, chống tội phạm và giữ gìn an ninh khu dân cư thì hiệu quả bảo đảm quốc phòng - an ninh được nâng lên rõ rệt. Đồng thời, quá trình tham gia các hoạt động chung cũng góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần đoàn kết và sự gắn kết giữa các cộng đồng dân tộc.

Kết quả phỏng vấn sâu, một cán bộ xã chia sẻ: *"Ở vùng biên giới, khi người dân hiểu rằng giữ biên giới cũng chính là giữ cuộc sống bình yên của gia đình mình, thì họ tham gia rất tự giác. Lúc đó, quốc phòng - an ninh trở thành việc của cả cộng đồng, chứ không chỉ là nhiệm vụ của lực lượng chức năng"* (PVS05, cán bộ lãnh đạo cấp xã). Điều đó cho thấy sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân được hình thành từ sự tham gia tự giác, trách nhiệm của đồng bào các dân tộc.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục phát huy vai trò của đồng bào các dân tộc trong quản lý, bảo vệ đường biên, mốc giới; nhân rộng các mô hình tự quản về an ninh, trật tự; tăng cường phối hợp giữa Nhân dân với lực lượng Quân sự, Công an, Bộ đội Biên phòng trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, đấu tranh phòng, chống tội phạm và giữ vững an ninh khu vực biên giới. Qua đó, xây dựng "thế trận lòng dân" vững chắc, chuyển hóa sức mạnh của khối ĐĐKCDT thành sức mạnh tổng hợp trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và phát triển bền vững tỉnh Lào Cai.

Thứ ba, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của đồng bào các dân tộc trong bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống

Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và phát huy vai trò lực lượng của đồng bào các dân tộc trong bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và xây dựng khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển. Đối với tỉnh Lào Cai, đây là giải pháp quan trọng để xây dựng "thế trận lòng dân" vững chắc gắn với củng cố khối ĐĐKCDT.

Trong thời gian tới, cần đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về biên giới, quốc phòng, an ninh; nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc về chủ quyền lãnh thổ, trách nhiệm công dân và âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch. Nội dung tuyên truyền cần phù hợp với đặc điểm tộc người, ngôn ngữ, phong tục và điều kiện thực tiễn của từng địa bàn; đồng thời tăng cường giáo dục kỹ năng nhận diện, phòng ngừa các nguy cơ an ninh phi truyền thống, nhất là trên không gian mạng.

Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của đồng bào các dân tộc trong tham gia bảo vệ đường biên, mốc giới, giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các tình huống khẩn cấp; nhân rộng các mô hình tự quản, các phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và tăng cường phối hợp giữa Nhân dân với lực lượng chức năng.

Kết quả phỏng vấn sâu, một người có uy tín ở xã biên giới chia sẻ: *"Bà con bây giờ hiểu hơn trước rất nhiều. Khi được tuyên truyền rõ ràng thì ai cũng thấy giữ biên giới, giữ an ninh thôn bản chính là bảo vệ cuộc sống của mình và con cháu mình"* (PVS14, người có uy tín, dân tộc Mông). Điều đó cho thấy khi nhận thức được nâng cao và trách nhiệm được phát huy, đồng bào các dân tộc sẽ trở thành lực lượng nòng cốt trong bảo vệ chủ quyền biên giới, giữ gìn an ninh, trật tự và củng cố khối ĐĐKCDT từ cơ sở.

Thứ tư, chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc và gây mất ổn định chính trị - xã hội

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, các thế lực thù địch ngày càng triệt để lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền để xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng, kích động chia rẽ nội bộ, làm suy giảm niềm tin của Nhân dân. Điều tra xã hội học cho thấy, 96% cán bộ, công chức, viên chức đánh giá đây là vấn đề đặc biệt quan trọng cần được chủ động phòng ngừa và đấu tranh (Phụ lục 2.1). Qua phỏng vấn sâu, một cán bộ làm công tác dân tộc cũng thấy rõ điều này: *"Họ không chống phá trực diện mà đánh vào niềm tin của người dân. Nếu không kịp thời đối thoại, giải thích và chăm lo đời sống thì rất dễ bị kích động, nhất là ở vùng sâu, vùng xa*" (PVS02, cán bộ lãnh đạo cơ quan tham mưu cấp tỉnh). Điều đó cho thấy bảo vệ khối ĐĐKCDT phải bắt đầu từ việc củng cố niềm tin, tăng cường đồng thuận xã hội và chủ động phòng ngừa từ cơ sở.

Vì vậy, đấu tranh với các âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền phải được triển khai đồng bộ bằng các giải pháp chính trị, tư tưởng, pháp luật và vận động quần chúng; trong đó lấy nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin, chăm lo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đồng bào các dân tộc làm giải pháp căn bản, lâu dài. Đồng thời, cần chủ động nắm chắc tình hình từ cơ sở, kịp thời phát hiện, xử lý các vấn đề phát sinh; nâng cao hiệu quả đấu tranh phản bác thông tin sai trái, xuyên tạc trên không gian mạng; phát huy vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động Nhân dân không nghe theo các luận điệu kích động, chia rẽ. Qua đó, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc và bảo vệ vững chắc khối ĐĐKCDT trong giai đoạn mới..

Thứ năm, tăng cường đối ngoại nhân dân, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, tạo môi trường thuận lợi cho xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ Tổ quốc phải gắn với xây dựng quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác với các quốc gia, các dân tộc trên cơ sở tôn

trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. Đối với tỉnh Lào Cai - địa phương có đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc, có vị trí quan trọng trong giao lưu và hợp tác quốc tế - tăng cường đối ngoại nhân dân có ý nghĩa thiết thực trong xây dựng môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, củng cố đoàn kết trong Nhân dân và giữ vững an ninh khu vực biên giới.

Trong thời gian tới, tỉnh Lào Cai cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân; duy trì và mở rộng các hoạt động giao lưu hữu nghị, hợp tác văn hóa, thương mại, du lịch và các hình thức giao lưu phù hợp giữa Nhân dân khu vực biên giới. Phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang, người có uy tín và đồng bào các dân tộc trong vun đắp quan hệ hữu nghị, tăng cường hiểu biết và xây dựng lòng tin giữa Nhân dân hai bên biên giới; qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào phát triển sản xuất, nâng cao đời sống và tích cực tham gia bảo vệ đường biên, mốc giới.

Cùng với đó, cần gắn đối ngoại nhân dân với tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đồng bào các dân tộc trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; tăng cường phối hợp giữa các lực lượng trong nắm tình hình, giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh từ cơ sở. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo và giao lưu qua biên giới để kích động, chia rẽ khối ĐĐKCDT, gây mất ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

Đồng thời, cần gắn đối ngoại nhân dân với phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống đồng bào khu vực biên giới, để người dân vừa là chủ thể thụ hưởng thành quả phát triển, vừa là lực lượng trực tiếp tham gia xây dựng và bảo vệ biên giới. Qua đó, củng cố niềm tin, tăng cường đồng thuận xã hội, xây dựng "thế trận lòng dân" vững chắc, tạo sự gắn kết giữa phát triển, đoàn kết dân tộc với bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia.

Tóm lại, tăng cường đối ngoại nhân dân, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển là sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, góp phần tạo môi trường hòa bình, ổn định, củng cố khối ĐĐKCDT và bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia.

Tiểu kết chương 4

Trên cơ sở quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKCDT, đồng thời kế thừa quan điểm của Đảng về công tác dân tộc trong thời kỳ mới, Chương 4 đã phân tích những nhân tố tác động và dự báo bối cảnh xây dựng khối ĐĐKCDT của tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Những yêu cầu mới của quá trình phát triển đất nước, tổ chức chính quyền địa phương sau sáp nhập, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế, cùng nhiệm vụ giữ vững quốc phòng - an ninh và chủ quyền biên giới quốc gia vừa tạo ra thời cơ, vừa đặt ra những thách thức mới đối với việc xây dựng khối ĐĐKCDT trên địa bàn tỉnh.

Từ những căn cứ lý luận và thực tiễn đó, Chương 4 đã xác định phương hướng cơ bản nhằm xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới, gồm: kiên định xây dựng khối ĐĐKCDT là đường lối chiến lược, nhiệm vụ cơ bản, lâu dài của tỉnh; xây dựng khối ĐĐKCDT trên nền tảng bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giúp nhau cùng tiến bộ, gắn với bảo đảm lợi ích và nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc; kết hợp chặt chẽ xây dựng khối ĐĐKCDT với phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia và phát huy các giá trị văn hóa. Đây là những định hướng có ý nghĩa xuyên suốt, bảo đảm sự thống nhất giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với yêu cầu phát triển của tỉnh Lào Cai trong giai đoạn mới.

Trên cơ sở các phương hướng đó, luận án đã đề xuất các giải pháp có tính toàn diện, đồng bộ và khả thi, gồm: nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và trách nhiệm của các lực lượng; hoàn thiện và thực hiện hiệu quả CSDT gắn với phát triển kinh tế - xã hội; phát triển văn hóa - xã hội, giáo dục và thông tin - truyền thông; khơi dậy, phát huy nội lực và vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là đội ngũ cán bộ, đảng viên người dân tộc thiểu số và người có uy tín; củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT cơ sở; tăng cường quốc phòng - an ninh và chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch. Các giải pháp có mối quan hệ hữu cơ, bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau, hướng tới

phát huy sức mạnh tổng hợp của cả HTCT và đồng bào các dân tộc trong xây dựng khối ĐĐKCDT.

Nhìn tổng thể, kết quả nghiên cứu của Chương 4 khẳng định rằng việc vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKCDT vào điều kiện cụ thể của tỉnh Lào Cai không chỉ góp phần giải quyết hiệu quả những vấn đề đặt ra từ thực tiễn hiện nay mà còn tạo cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc xây dựng khối ĐĐKCDT trong giai đoạn phát triển mới. Đây là nhân tố có ý nghĩa quyết định để tăng cường "thế trận lòng dân", giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia và tạo động lực phát huy sức mạnh nội sinh của đồng bào các dân tộc, góp phần xây dựng tỉnh Lào Cai phát triển theo hướng xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc.

KẾT LUẬN

Xây dựng khối ĐĐKCDT là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đối với một quốc gia thống nhất trong đa dạng tộc người như Việt Nam, ĐĐKCDT không chỉ là điều kiện bảo đảm độc lập, thống nhất, ổn định và phát triển, mà còn là nguồn sức mạnh nội sinh to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT vào thực tiễn địa phương miền núi, biên giới, đa dân tộc như tỉnh Lào Cai có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Thứ nhất, trên phương diện lý luận, luận án đã hệ thống hóa và làm rõ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT. như một hệ thống quan điểm toàn diện, bao gồm mục đích, nội dung, chủ thể, lực lượng, nguyên tắc và biện pháp xây dựng đoàn kết giữa các dân tộc trong cộng đồng quốc gia Việt Nam. Hạt nhân của hệ thống quan điểm đó là bảo đảm bình đẳng dân tộc, tôn trọng sự khác biệt, chăm lo lợi ích thiết thực của đồng bào, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, củng cố niềm tin đối với Đảng, Nhà nước và hướng tới mục tiêu các dân tộc cùng phát triển, cùng hưởng thành quả của cách mạng.

Trên cơ sở đó, luận án đã xây dựng khung lý luận về xây dựng khối ĐĐKCDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện hiện nay. Điểm nhấn của khung lý luận này là tiếp cận xây dựng khối ĐĐKCDT được thể hiện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng HTCT; đồng thời chịu tác động của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan. Cách tiếp cận này góp phần làm rõ hơn giá trị và khả năng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh phát triển mới của đất nước.

Thứ hai, trên phương diện thực tiễn, luận án đã phân tích khá toàn diện thực trạng xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai từ năm 2015 đến nay, đồng thời nhận diện những vấn đề mới đặt ra trong bối cảnh phát triển hiện nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, khối ĐĐKCDT tiếp tục được củng cố và tăng cường; niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước được nâng lên; chính sách dân tộc được triển khai tương đối đồng bộ; đời sống vật chất,

tinh thần của đồng bào từng bước được cải thiện; bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn, phát huy; quốc phòng - an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững; HTCT cơ sở từng bước được củng cố.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, luận án cũng chỉ ra những hạn chế trong quá trình xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai. Đó là nhận thức và năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của một bộ phận cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc chưa thật sâu sắc; công tác tuyên truyền, vận động, dân vận ở một số nơi còn hạn chế; hiệu quả thực hiện một số CSDT và chương trình phát triển kinh tế - xã hội chưa đồng đều; khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc còn khá lớn; chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ người DTTS ở cơ sở, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu; một số vấn đề xã hội ở vùng đồng bào DTTS còn tác động đến tính bền vững của khối đoàn kết.

Luận án cũng làm rõ những yêu cầu mới đặt ra đối với xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai sau sáp nhập và trong điều kiện thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Việc mở rộng không gian phát triển, tái cấu trúc bộ máy quản lý, tăng cường liên kết vùng, đẩy mạnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia vừa tạo ra thời cơ mới, vừa đặt ra yêu cầu cao hơn về hài hòa lợi ích, củng cố niềm tin, tăng cường đồng thuận xã hội và phát huy vai trò lực lượng của đồng bào các dân tộc.

Thứ ba, cơ sở nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, luận án đã xác định phương hướng và đề xuất hệ thống giải pháp xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai theo tư tưởng Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các giải pháp tập trung vào nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và trách nhiệm của các lực lượng; hoàn thiện và thực hiện hiệu quả CSDT gắn với phát triển kinh tế - xã hội; phát triển văn hóa - xã hội, giáo dục và thông tin - truyền thông; khơi dậy, phát huy nội lực và vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là đội ngũ cán bộ, đảng viên người dân tộc thiểu số và người có uy tín; củng cố HTCT cơ sở; tăng cường quốc phòng - an ninh và đấu tranh làm thất bại âm mưu chia rẽ khối ĐĐKCDT.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, luận án cũng bước đầu luận giải cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác dân tộc cần được đặt trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp

nhau cùng phát triển giữa các dân tộc. Đây cũng là cơ sở tư tưởng quan trọng để Đảng vận dụng, phát triển và cụ thể hóa thành chủ trương, chính sách về công tác dân tộc phù hợp với yêu cầu của giai đoạn hiện nay. Từ đó, luận án đề xuất nghiên cứu xây dựng và ban hành Luật Dân tộc nhằm thể chế hóa đầy đủ hơn tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về công tác dân tộc, tạo hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ cho việc thực hiện chính sách dân tộc, xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc.

Từ kết quả nghiên cứu có thể khẳng định, xây dựng khối ĐĐKCDT ở tỉnh Lào Cai hiện nay vừa là nhiệm vụ chiến lược, cơ bản, lâu dài, vừa là yêu cầu cấp thiết của quá trình phát triển. Việc vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện cụ thể của tỉnh không chỉ góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh và bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, mà còn khơi dậy khát vọng phát triển, phát huy sức mạnh nội sinh của đồng bào các dân tộc, tạo động lực quan trọng cho phát triển nhanh và bền vững.

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung và làm sáng tỏ hơn giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKCDT trong điều kiện mới; đồng thời cung cấp thêm luận cứ khoa học cho quá trình hoạch định, hoàn thiện và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách về công tác dân tộc ở tỉnh Lào Cai cũng như ở các địa phương miền núi, biên giới có điều kiện tương đồng. Trên ý nghĩa rộng hơn, luận án tiếp tục khẳng định sức sống bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKCDT; khẳng định rằng phát huy sức mạnh đoàn kết giữa các dân tộc là nền tảng quan trọng để xây dựng tỉnh Lào Cai phát triển theo hướng xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lê Thị Huệ (2025), "Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng tỉnh Lào Cai phát triển "xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc"*, Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, số 71 (9 - 10/2025).

2. Lê Thị Huệ (2025), "Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết các dân tộc - nền tảng tư tưởng cho khát vọng xây dựng "tỉnh hạnh phúc" Lào Cai hôm nay", tại trang https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-dai-doan-ket-cac-dan-toc-nen-tang-tu-tuong-cho-khat-vong-xay-dung-%E2%80%9Ctinh-hanh-phuc%E2%80%9D-lao-cai-hom-nay-p29509.html, ngày 08/12/2025.

3. Lê Thị Huệ (2025), "Phát huy vai trò của người có uy tín trong xây dựng đại đoàn kết dân tộc tỉnh Lào Cai", tại trang https://lyluanchinhtri.vn/ phat-huy-vai-tro-cua-nguoi-co-uy-tin-trong-xay-dung-khoi-dai-doan-ket-dan-toc-tinh-lao-cai-10402.html, ngày 26/12/2025.

4. Lê Thị Huệ (2026), "Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh từ mô hình "Tuyên vận cơ sở" ở tỉnh Lào Cai, *Tạp chí Thanh niên,* số 106, ngày 01/8/2026.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Hồng Anh (2021), *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước (Tập 1)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Minh Anh, Nguyễn Vũ, Quang Minh (2022), *Bác Hồ tấm gương đại đoàn kết*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2003), *Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/03/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IX về "phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh",* Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2003), *Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 13/03/2003 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc,* Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2023), *Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ tám khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh Đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc*.
6. Ban Dân tộc tỉnh Lào Cai (2025), *Báo cáo chuyên đề về công tác phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và xuất cảnh trái phép giai đoạn 2023-2025*, Lào Cai.
7. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai (2023), *Nghị quyết số 43-NQ/TU ngày 25/9/2023 về tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tảo hôn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2030*.
8. Ban Tuyên Giáo Trung ương (2020), *Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
9. Ban Tuyên Giáo và Dân vận tỉnh Lào Cai (2025), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên vận năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026, số 77 ngày 17/12/2025*.

10. Hoàng Chí Bảo (2009) (Chủ biên), *Bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Bùi Đình Bôn (2012), *Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay*, in trong: Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
12. Phạm Văn Búa (2016), *Quá trình thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu long (1991-2006), kết quả và kinh nghiệm*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
13. Nguyễn Ngọc Cẩn (2025), *Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
14. Đỗ Văn Chiến (2025), *Đại đoàn kết toàn dân tộc - cội nguồn của ý chí, niềm tin, sức mạnh để xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới*, Tạp chí Cộng sản số 1053 + 1054, tr.42 - 47.
15. Chu Lê Chinh (Chủ nhiệm đề tài) (2019), *Xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc Lai Châu, thực tiễn sau 15 năm chia tách, thành lập (2004-2019)*.
16. Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Ngọc, Phạm Ngọc Anh và Nguyễn Văn Hồng (2013), *Hồ Chí Minh về đại đoàn kết, xây dựng mặt trận và các đoàn thể quần chúng*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
17. Cục Thống kê tỉnh Lào Cai (2020), *Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai năm 2020*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
18. Cục Thống kê tỉnh Lào Cai (2023), *Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai năm 2023*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
19. Nguyễn Văn Du, Trịnh Thị Hoa (2019), *Vấn đề đoàn kết các dân tộc thiểu số trong khối đại đoàn các kết dân tộc Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Thông tin khoa học Lý luận chính trị, (3) 57, tr.19-26.
20. Trương Minh Dục (2008), *Xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

21. Trương Minh Dục (2017), *Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ dân tộc và việc vận dụng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Lịch sử Đảng, (4), tr.41-47.
22. Giàng Thị Dung (2014), *Phát triển khu kinh tế cửa khẩu với xóa đói giảm nghèo ở tỉnh Lào Cai*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Hà Nội.
23. Nguyễn Thị Kim Dung (2004*), Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và miền núi vào thực hiện CSDT hiện nay*", in trong: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết với vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.231-272
24. Đặng Văn Dũng, Hà Thị Giang (2025), *Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - kim chỉ nam trong xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta*, tại trang https://tcnnld.vn/news/detail/70630/Tu-tuong-dai-doan-ket-dan-toc-cua-Chu-tich-Ho-Chi-Minh---kim-chi-nam-trong-xay-dung-va-thuc-hien-chinh-sach-dan-toc-cua-Dang-va-Nha-nuoc-ta.html [cập nhật ngày 08/12/2025].
25. Nguyễn Hữu Dũng, Lê Mậu Nhiệm (2022), *Phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam đối với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
26. Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2015), *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XV, nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Lào Cai.
27. Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2025), *Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Lào Cai.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập 1, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
33. Đặng Quang Định (2023), *Gìn giữ, phát huy vai trò khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng*, Tạp chí Cộng sản, số 1.027 (12/2023), tr.60-61.
34. Cao Anh Đô (2016), *Một số chính sách và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số nhằm phát triển bền vững vùng Tây Bắc* in trong: Kỷ yếu Hội thảo khoa học - thực tiễn giảm nghèo đa chiều bền vững: thực tiễn và định hướng, giải pháp cho các tỉnh Tây Bắc.
35. Nguyễn Hữu Đồng (2016), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về thêm bạn bớt thù và vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân*, Tạp chí Mặt trận, (150).
36. Phạm Văn Đồng (1976), *Sức mạnh Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
37. Phạm Văn Đồng (2023), *Hồ Chí Minh tinh hoa và khí phách của dân tộc,* (xuất bản lần thứ ba), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
38. Phạm Văn Đức (2008), *Vai trò và cơ sở của đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay,* in trong: Công bằng xã hội, trách nhiệm xã hội và đoàn kết xã hội, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
39. Võ Nguyên Giáp (chủ biên) (2016), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, (xuất bản lần thứ sáu), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Lê Thị Hà (2016), *Nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh,* Luận án tiến sỹ Triết học, Đại học khoa học xã hội và nhân văn.
41. Phạm Thị Hoàng Hà (2021), *Đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc với việc giữ vững chủ quyền an ninh quốc gia,* Nxb Quân đội nhân dân.

42. Vũ Thị Thu Hà (2021), *Phương pháp đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng trong lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay*, Tạp chí Giáo dục lý luận (319 + 320), tr.42 - 48.
43. Lê Mậu Hãn (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh rọi sáng con đường độc lập tự do của dân tộc Việt Nam*, Nxb Nghệ An, Nghệ An.
44. Lê Mậu Hãn (2001), *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Phạm Thị Hằng (2012), *Xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc*, Tạp chí Tổ chức nhà nước, (6), tr.35-38, 41.
46. Phạm Thị Hằng (2021), *Phát huy phương pháp đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh,* Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh, (10).
47. Lê Thị Hạnh (2021), *Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh,* Tạp chí Lý luận chính trị, (7), tr.63-67.
48. Nguyễn Bích Hạnh, Nguyễn Văn Khoan (2001), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết và mặt trận đoàn kết dân tộc,* Nxb Lao động, Hà Nội.
49. Ngô Thị Hảo (2026), *Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tỉnh biên giới Tây Bắc Bộ hiện nay,* Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
50. Sỹ Hào (2025), *Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc; nâng cao đời sống cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi*, https://baodantoc.vn/tang-cuong-khoi-dai-doan-ket-dan-toc-nang-cao-doisong-cho-dong-bao-vung-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui-1619660286605.htm [cập nhật ngày 12/5/2025]
51. Trần Hậu (2022), *Đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận Dân tộc thống nhất: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Đào Đình Hiếu (2020), *Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc và vấn đề quyền con người trong Hiến pháp năm 2013*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

53. Khuất Thị Hoa (2000), *Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh được thể hiện trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
54. Trương Mỹ Hoa (2003), *Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc*, Tạp chí Cộng sản, số 15, tr.12-15..
55. Nguyễn Đình Hòa (2015), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tạp chí Triết học, số 8 (291), tr.11-19.
56. Bùi Thị Minh Hoài (2026), *Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới* tại trang https://www.tapchicongsan.org.vn/ web/guest/quan-triet-va-thuc-hien-nghi-quyet-dai-hoi-xiv-cua-dang/-/2018/1219303/phat-huy-suc-manh-dai-doan-ket-toan-dan-toc-trong-su-nghiep-xay-dung%2C-phat-trien-dat-nuoc-va-bao-ve-to-quoc-trong-ky-nguyen-moi.aspx# [cập nhật ngày 08-02-2026]
57. Phạm Quang Hoan (2015), *Quan hệ tộc người và chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong phát triển bền vững Tây Nguyên* (Đề tài thuộc Chương trình khoa học công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015 "Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên").
58. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2004), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết với vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. Nguyễn Văn Hùng (2021), *Đại đoàn kết dân tộc - Nguồn sức mạnh, nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam*, Tạp chí Tuyên giáo, (15), tr.23-30.
60. Nguyễn Nam Hưng (Chủ biên) (2022), *Tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh và vận dụng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Thái Nguyên.

61. Hoàng Thị Hương (2018), *Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số ở miền núi phía bắc Việt Nam hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
62. Lê Thị Hường (2021), *Đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh - Nhìn từ Đại hội XIII của Đảng, Tạp chí Quản lý nhà nước*, (303).
63. Bùi Văn Khánh (2021), *Phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc, tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả công tác dân tộc tại tỉnh Hòa Bình*, Tạp chí Cộng sản, (970), tr.29-35.
64. Lại Quốc Khánh (2023), *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam hiện nay,* Tạp chí Cộng sản, (1011).
65. Trần Tăng Khởi (2015), *Xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Gia Lai (2001-2015)*, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
66. Cầm Chí Kiên (2005), *Nhân dân các dân tộc Sơn La làm theo lời Bác,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
67. Tô Lâm (2025), *Sức mạnh của đoàn kết,* Tạp chí Cộng sản 6/2025. https://tapchicongsan.org.vn/media- story/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/suc-manh-cua-doan-ket [Truy cập, 19/7/2025].
68. Bùi Thị Ngọc Lan (2016), *Đại đoàn kết các dân tộc - Một bảo đảm cho việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam,* Tạp chí Lý luận chính trị, số 3, tr.30-35.
69. V.I.Lênin (2005), *Bệnh ấu trĩ "tả khuynh" trong phong trào cộng sản*, V.I.Lênin toàn tập, Tập 41, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
70. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
71. Lê Văn Lợi (2024), *Nghiên cứu, vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc thời kỳ đổi mới kết quả và kinh nghiệm.*
72. Lê Văn Lợi (2024), *Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông, (6), tr.41-45.

73. C.Mác và Ph.Ăngghen (1848), *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
74. Văn Thị Thanh Mai (2009), *Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết đồng bào các dân tộc thiểu số*, Tạp chí Tuyên giáo, số 5, tr.37-40.
75. Dương Văn Mạnh (2017), *Vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Bắc hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh (qua thực tế ở Sơn La)*, Luận án tiến sỹ Triết học, Học viện Báo chí và tuyên truyền, Hà Nội.
76. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2005), *Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Mặt trận tổ quốc Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh,* Kỷ yếu hội thảo khoa học - thực tiễn.
77. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
78. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
79. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
80. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
81. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
82. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
83. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
84. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
85. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
86. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
87. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
88. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
89. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
90. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

91. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
92. Nguyễn Đình Minh (2016), *Đoàn kết dân tộc ở Việt Nam,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
93. M.Rô-den-tan, P. I-u-đin (Chủ biên) (1976), *Từ điển Triết học*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.219.
94. Giàng Páo Mỷ (2020), *Xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc trên địa bàn tỉnh Lai Châu - kết quả và một số kinh nghiệm*, Tạp chí Cộng sản, (953), tr.74-77.
95. Đậu Tuấn Nam (2010), *Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
96. Nhà xuất bản Thông tấn (2006), *Bác Hồ với đồng bào các dân tộc*, Hà Nội.
97. Nhà xuất bản Tiến bộ Mátxcơva (1998), *Từ điển Chính trị vắn tắt*, Hà Nội.
98. Trần Nhâm (2020), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng thiên tài (xuất bản lần thứ ba)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
99. Đặng Kim Oanh (2024), *Đại đoàn kết toàn dân tộc một nội dung lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí Lịch sử Đảng (số 400).
100. Hoàng Phê (Chủ biên) (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb từ điển Bách khoa.
101. Phùng Hữu Phú (2010), *Bí quyết thành công Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
102. Nguyễn Mạnh Quang (2018), *Tăng cường công tác vận động đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên - Nội dung cốt lõi để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc"* tại trang http://m.mattran.org.vn/to-chuc-thanh-vien/tang-cuong-congtac-van-dong-dong-bao-cac-dan-toc-o-tay-nguyen-noi-dung-cot-loi-dexay-dung-khoi-dai-doan-ket-dan-toc-11742.html [truy cập ngày 08/02/2024].
103. Nguyễn Văn Quang, Chế Đình Quang (2016), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc,* Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

104. Quốc hội (2019), *Nghị quyết phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030,* Nghị quyết số 88/2019/QH14
105. Bùi Lệ Quyên (2021), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc - tiếp cận trên phương diện quan hệ dân tộc - tộc người,* Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, số 9, tr.32-36.
106. Trần Quỳnh (2015), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết các dân tộc thiểu số,* Báo điện tử *Đảng Cộng sản Việt Nam*, tại trang http://hochiminh.vn [cập nhật ngày 06/2/2025].
107. Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lào Cai (2025), *Báo cáo công tác dân tộc và thực thi pháp luật giai đoạn 2021- 2025*, Lào Cai.
108. Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lào Cai (2025), *Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025, Nghị quyết số 154/NQ-CP của Chính phủ thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo tháng 12 và cả năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ năm 2026,* số 218/BC-SDTTG ngày 20/12/2025.
109. Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lào Cai (2025), *Báo cáo sơ kết 10 năm thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng đồng bào dân tộc thiểu số (2015-2025)*, Lào Cai.
110. Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lào Cai (2026), *Báo cáo tình hình công tác dân tộc, tôn giáo 6 tháng đầu, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026*.
111. Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Yên Bái (2025), *Báo cáo tổng kết thực hiện chính sách bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025*, Yên Bái.
112. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai (2025), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và các giải pháp phát triển tỉnh Lào Cai năm 2025*, Lào Cai.
113. Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai (2025), *Báo cáo thực thi pháp luật và chuyển đổi số trong công tác pháp chế năm 2025*, Lào Cai.

114. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai (2024), *Báo cáo Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Lào Cai.
115. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai (2025), *Báo cáo chuyên đề văn hóa ngày 18/10/2025*, Lào Cai.
116. Sơn Song Sơn (2009), *Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc Tây Nam Bộ trong thời kỳ mới, hội nhập,* Tạp chí Cộng sản - Chuyên đề cơ sở (25).
117. Nguyễn Đình Tấn, Trần Thị Bích Hằng (đồng chủ biên) (2010), *Nhận thức, thái độ, hành vi của cộng đồng các dân tộc thiểu số đối với CSDT của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay thực trạng và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
118. Song Thành (2010), *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
119. Lê Ngọc Thắng (2005), *Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết các dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
120. Mạch Quang Thắng (2024), *Phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc*,http://tapchiqptd.vn/vi/quan-triet-thuc-hien-nghi-quyet/phat-huy-truyen-thong-suc-manh-dai-doan-ket-toan-dan-toc-xay-dung-dat-nuoc-giau-manh-phon-/21570.html [truy cập ngày 15-03-2024].
121. Phạm Minh Thế (2024), *Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở vùng Tây Bắc (2001 - 2021),* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
122. Thống kê tỉnh Lào Cai (2025), *Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai (Mới) giai đoạn 2020 - 2024*, Nxb Kinh tế - Tài chính, Hà Nội.
123. Vũ Thị Thủy (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc và vận dụng trong giải quyết vấn đề dân tộc ở Thái Nguyên hiện nay*, Luận án tiến sỹ Chính trị học, Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.

124. Nguyễn Danh Tiên (2024), *Bác Hồ với đồng bào các dân tộc thiểu số và khối đại đoàn các kết dân tộc*, Thông tin đối ngoại 02/2024. https://ttdn.vn/nghien-cuu-trao-doi/ly-luan-thuc-tien/bac-ho-voi-dong-bao-cac-dan-toc-thieu-so-va-khoi-dai-doan-ket-cac-dan-toc-97791 [Truy cập, 10/01/2025].
125. Tỉnh uỷ Lào Cai (2015), *Lời dạy của Bác Hồ mãi mãi soi đường cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
126. Tỉnh ủy Lào Cai (2016), *Báo cáo tình hình giáo dục, đào tạo, dạy nghề, xóa đói giảm nghèo, bố trí đất sản xuất, nước sinh hoạt, công tác cán bộ trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số*, Lào Cai.
127. Tỉnh uỷ Lào Cai (2020), *Báo cáo Chính trị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XV trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, số 1018-BC/TU ngày 28/9/2020.
128. Tỉnh ủy Lào Cai (2020), *Đề án số 01 phát triển nông, lâm nghiệp, sắp xếp dân cư, xây dựng nông thôn mới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020 - 2025, ngày 11/12/2020.*
129. Tỉnh ủy Lào Cai (2020), *Đề án số 02 về phát triển dịch vụ, kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020 - 2025, ngày 11/12/2020.*
130. Tỉnh ủy Lào Cai (2022), *Chỉ thị số 28-CT/TU ngày 01/7/2022 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc trong tình hình mới*, Lào Cai.
131. Tỉnh ủy Lào Cai (2023), *Kế hoạch số 82-KH/TU ngày 13/12/2023 về thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025*, Lào Cai.
132. Tỉnh ủy Lào Cai (2025), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, số 46 ngày 30/9/2025, Lào Cai.
133. Tỉnh ủy Lào Cai (2025), *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị 5 năm (2021-2025); phương hướng, nhiệm vụ giai doạn 2025-2030*, số 48-BC/TU, ngày 30/9/2025.

134. Tỉnh ủy Lào Cai (2025), *Báo cáo công tác dân tộc, tôn giáo năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ năm 2026,* Lào Cai.
135. Tỉnh ủy Lào Cai (2025), *Báo cáo sơ bộ năm 2025, số 44-BC/TU ngày 24/12/2025.*
136. Tỉnh uỷ Lào Cai (2025), *Đề án số 01 về nâng cao hiệu quả công tác tuyên giáo, dân vận trên địa bàn tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2025 - 2030, ngày 29/12/2025*.
137. Tỉnh uỷ Lào Cai (2025), *Đề án số 02 về củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025 - 2030, ngày 29/12/2025.*
138. Tỉnh uỷ Lào Cai (2025), *Đề án số 05 về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh nhiệm kỳ 2025 - 2030, ngày 29/12/2025*.
139. Tỉnh uỷ Lào Cai (2025), *Đề án số 07 về xây dựng Lào Cai trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc, ngày 29/12/2025*.
140. Tỉnh uỷ Lào Cai (2025), *Đề án số 09 về phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030, ngày 29/12/2025*.
141. Tỉnh uỷ Lào Cai (2025), *Đề án số 10 về phát triển du lịch tỉnh Lào Cai 2026 - 2030, ngày 29/12/2025*.
142. Tỉnh uỷ Lào Cai (2025), *Đề án số 11 về đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, nâng cao tỷ trọng kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế giai đoạn 2026 - 2030, ngày 29/12/2025*.
143. Tỉnh uỷ Lào Cai (2025), *Đề án số 14 về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá, con người Lào Cai đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển giai đoạn 2026 - 2030, ngày 29/12/2025*.
144. Tỉnh uỷ Lào Cai (2025), *Đề án số 15 về giảm nghèo đa chiều và bảo đảm an sinh xã hội tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030, ngày 29/12/2025*.

145. Tỉnh uỷ Lào Cai (2025), *Đề án số 16 về huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030, ngày 29/12/2025*.

146. Tỉnh ủy Lào Cai (2025), *Nghị quyết số 35-NQ/TU ngày 29/12/2025 về ban hành 17 đề án trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ 2025 - 2030*.

147. Tỉnh uỷ Lào Cai (2026), *Đề án số 11-ĐA/TU về tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học công nghệ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; cán bộ chiến lược của tỉnh Lào Cai đến năm 2030, định hướng đến năm 2040, ngày 17/7/2026*.

148. Tỉnh ủy Yên Bái (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020.*

149. Tỉnh ủy Yên Bái (2019), *Báo cáo kết quả phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái 5 năm 2016 - 2020; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu giai đoạn 2021 - 2025*.

150. Tỉnh ủy Yên Bái (2020), *Báo cáo kết quả thực hiện một số chương trình, đề án, chính sách dân tộc góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và đề xuất thực hiện giai đoạn 2021 - 2025, ngày 15/3/2020*.

151. Tỉnh ủy Yên Bái (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2025-2030.*

152. Tỉnh uỷ Yên Bái (2024), *Đánh giá kết quả thực hiện Đề án số 11-ĐA/TU ngày 08/8/2018 của Tỉnh ủy Yên Bái về xây dựng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030, định hướng đến năm 2035*.

153. Tỉnh ủy Yên Bái (2025), *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024, dự kiến kế hoạch năm 2025, số 09/BC-BDT ngày 24/01/2025.*

154. Tỉnh ủy Yên Bái (2025), *Báo cáo năm 2024, số 598-BC/TU ngày 06/01/2025*.

155. Lô Quốc Toản (2010), *Phát triển nguồn cán bộ dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
156. Trần Thị Minh Tuyết (2017), *Nguyên tắc giải quyết vấn đề dân tộc của Hồ Chí Minh*, Tạp chí Lịch sử Đảng, (321), tr.30-35.
157. Hoàng Thị Trang (2020), *Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo thực hiện đại đoàn kết dân tộc từ năm 1996 đến năm 2015,* Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Hà Nội.
158. Nguyễn Thị Trang, Phan Thị Lan và Đào Nhật Kim (2020), *Một số vấn đề đoàn kết các dân tộc trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Phú Yên hiện nay*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
159. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
160. Nguyễn Phú Trọng (2024), *Giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy truyền thống yêu nước, vai trò nòng cốt chính trị của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, quyết tâm xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
161. Nguyễn Xuân Trung (chủ biên), (2022), *Giải quyết vấn đề dân tộc - tôn giáo ở Việt Nam hiện nay nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
162. Trung tâm biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam (1995), *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.655.
163. Trần Trung (2025), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, bình đẳng, giúp nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc - Giá trị cho xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay* tại trang https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-doan-ket-binh-dang-giup-nhau-cung-tien-bo-giua-cac-dan-toc-gia-tri-cho-xay-dung-cung-co-khoi-dai-doan-ket-toan-dan-toc-trong-g [cập nhật ngày 4/7/2025]

164. Trịnh Quốc Tuấn (1996), *Bình đẳng dân tộc ở nước ta hiện nay - vấn đề và giải pháp,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

165. Võ Anh Tuấn (2025), *Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh - nguồn sức mạnh đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới,* Tạp chí Quản lý nhà nước, (352), tr.20 - 24.

166. Ủy ban Dân tộc tỉnh Lào Cai (2019), *Báo cáo công tác dân tộc năm 2019, phương hướng năm 2020,* Lào Cai.

167. Ủy ban Dân tộc tỉnh Lào Cai (2020), *Báo cáo công tác dân tộc năm 2020, phương hướng năm 2021,* Lào Cai.

168. Ủy ban Dân tộc tỉnh Lào Cai (2021), *Báo cáo công tác dân tộc năm 2021, phương hướng năm 2022,* Lào Cai.

169. Ủy ban Dân tộc tỉnh Lào Cai (2022), *Báo cáo công tác dân tộc năm 2022, phương hướng năm 2023,* Lào Cai.

170. Ủy ban Dân tộc tỉnh Lào Cai (2023), *Báo cáo công tác dân tộc năm 2023, phương hướng năm 2024,* Lào Cai.

171. Ủy ban Dân tộc tỉnh Lào Cai (2024), *Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác dân tộc vùng Tây Bắc (2020-2025)*, Lào Cai.

172. Ủy ban Dân tộc tỉnh Lào Cai (2024), *Báo cáo tổng kết công tác dân tộc năm 2024, phương hướng năm 2025,* Lào Cai.

173. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai (2024), *Báo cáo về kết quả thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo, đối ngoại nhân dân và Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc, Lào Cai, số 16 ngày 10/7/2024.*

174. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai (2025), *Báo cáo chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh nhiệm kỳ 2024 - 2029 trình Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, số 01/BC-MTTQ-UB ngày 06/11/2025.*

175. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2016), *Quyết định số 96/2016/QĐ- UBND ngày 7/9/2016 quy định hỗ trợ lãi suất tiền vay ngân hàng cho các dự án*

đầu tư phát triển sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp đối với các huyện nghèo và các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020.

176. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2017), *Báo cáo về kết quả thực hiện một số chính sách dân tộc giai đoạn 2011-2016*, số 53/BC-BDT ngày 29/3/2017.
177. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2019), *Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Lào Cai lần thứ III năm 2019*, Lào Cai.
178. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2024), *Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Lào Cai lần thứ IV, năm 2024*, số 382/BC-ĐH ngày 27/8/2024.
179. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2025), *Báo cáo kết quả triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và định hướng năm 2025*, Lào Cai.
180. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2025), *Báo cáo tình hình triển khai Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045,* số 102/BC-UBND ngày 30/9/2025.
181. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2025), *Quyết định phê duyệt danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai, số 2752 ngày 31/12/2025*.
182. Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (2020), *Tổng kết chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Yên Bái, ngày 20/12/2020*.
183. Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (2021), *Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 05/2011/CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc từ năm 2016 đến nay trên địa bàn tỉnh Yên Bái*
184. Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (2022), *Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, ngày 16/9/2022*.
185. Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (2024), *Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Yên Bái lần thứ IV,* ngày 25/8/2024.

186. Nguyễn Thị Lương Uyên (2024), *Tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay"*, Tạp chí Tổ chức nhà nước, (8), tr.34-37.

187. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2024), *Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh,* Kỷ yếu Hội thảo khoa học nhân kỷ niệm 134 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2024).

188. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

189. Quang Vũ (2020), *Đồng bào các dân tộc thiểu số Việt Nam trong trái tim Bác Hồ,* Báo Đại đoàn kết ngày 24/5/2020.

190. Trần Thị Vui (2023*), Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay,* Tạp chí lịch sử Đảng, (11), tr.28-33.

191. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

192. Lê Văn Yên (2020), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc ở Việt Nam,* tại trang https://hochiminh.vn/tu-tuong-dao-duc-ho-chi-minh/nghien-cuu-tu-tuong-dao-duc-ho-chi-minh/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-doan-ket-binh-dang-giua-cac-dan-toc-o-viet-nam-2788, [cập nhật ngày 25/6/2025].

PHỤ LỤC

Phụ lục 1.1
PHIẾU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC
(Dành cho cán bộ, công chức, viên chức)

Kính thưa ông/bà!

Để có cơ sở đánh giá khách quan và toàn diện về *"Xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai hiện nay"*. Sự tham gia của ông/bà sẽ đóng góp tích cực cho sự thành công của đề tài nghiên cứu. Xin ông/bà vui lòng cho biết ý kiến của mình vào các câu hỏi được nêu ra dưới đây. Ông/bà đánh dấu ☑ vào ô thích hợp với ý kiến của mình hoặc thêm ý kiến khác vào phần để trống. Với mỗi câu hỏi, ông/bà có thể chọn một hoặc nhiều phương án.

Mọi thông tin ông/bà cung cấp trong Phiếu điều tra xã hội học sẽ được sử dụng đúng mục đích và hoàn toàn bảo mật.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của đồng chí!

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới tính: Nam ☐Nữ ☐

2. Dân tộc: Kinh Dân tộc khác

3. Tuổi: Dưới 30 tuổi Từ 30 tuổi đến 40 tuổi
Từ 40 tuổi đến 50 tuổi Trên 50 tuổi

4. Trình độ học vấn:

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	**Giới tính**	
	Nam	
	Nữ	
2	**Dân tộc**	
	Kinh	
	Dân tộc khác	
3	**Tuổi**	
	Dưới 30 tuổi	
	Từ 30 tuổi đến 40 tuổi	
	Từ 40 tuổi đến 50 tuổi	
	Trên 50 tuổi	
4	**Trình độ học vấn**	
	Trung cấp	
	Cao đẳng	
	Đại học	
	Sau đại học	

5	**Trình độ lý luận chính trị**	
	Chưa qua đào tạo	
	Sơ cấp LLCT	
	Trung cấp LLCT	
	Cao cấp LLCT	
6	**Đối tượng**	
	Cán bộ lãnh đạo, quản lý	
	Cán bộ, công chức, viên chức	
	Cán bộ Mặt trận tổ quốc/tổ chức chính trị - xã hội	
7	**Lĩnh vực công tác**	
	Đảng	
	Chính quyền	
	Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội	
	Lĩnh vực khác (ghi rõ):……	
8	**Thời gian công tác/tham gia hoạt động tại địa phương**	
	Dưới 5 năm	
	Từ 5 năm đến dưới 10 năm	
	Từ 10 năm đến dưới 20 năm	
	Trên 20 năm	
9	**Địa bàn công tác/sinh sống**	
	Đô thị	
	Nông thôn	
	Miền núi	
	Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Theo ông/bà, việc xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai hiện nay có mức độ quan trọng như thế nào?

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Rất quan trọng	
2	Quan trọng	
3	Bình thường	
4	Không quan trọng	

Câu 2. Theo ông/bà, mức độ nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, HTCT và Nhân dân các dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai hiện nay là:

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Tốt	
2	Khá	
3	Bình thường	
4	Yếu	
5	Khó đánh giá	

Câu 3. Theo ông/bà, mục đích quan trọng của việc xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai hiện nay là gì? *(Chọn nhiều phương án)*

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Tăng cường sự gắn bó, đoàn kết, đồng thuận giữa các dân tộc	
2	Bảo đảm ổn định chính trị, giữ vững quốc phòng - an ninh, bảo vệ biên giới	
3	Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân	
4	Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc	
5	Củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước	
6	Ý kiến khác (ghi cụ thể)……..	

Câu 4. Theo ông/bà, những kết quả đã đạt được trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai thời gian qua là gì? *(Chọn nhiều phương án)*

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị và Nhân dân các dân tộc được nâng lên rõ rệt	
2	Công tác tuyên truyền, vận động được đổi mới; vai trò chủ thể của đồng bào các dân tộc được phát huy	
3	Chính sách dân tộc được triển khai tương đối toàn diện, đồng bộ; đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được nâng cao	
4	Xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh đạt nhiều kết quả quan trọng	
5	Nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc được bảo đảm	
6	Công tác dân vận, đào tạo cán bộ, phát huy vai trò người có uy tín đạt kết quả tích cực	
7	Ý kiến khác (ghi cụ thể)……..	

Câu 5. Ông/bà đánh giá mức độ thực hiện xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc hiện nay trong các lĩnh vực sau? *(Mỗi nội dung chọn 1 phương án trả lời)*

TT	Lĩnh vực	Mức độ đánh giá			
		Tốt	Khá	Trung bình	Chưa tốt
1	Chính trị				
2	Kinh tế				
3	Văn hóa - xã hội				
4	Quốc phòng - an ninh				

Câu 6. Theo ông/bà, những kết quả đạt được trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai thời gian qua chủ yếu do những nguyên nhân nào sau đây?

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của cấp ủy, chính quyền các cấp.	
2	Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn các kết dân tộc vào thực tiễn địa phương.	
3	Các chủ trương, chính sách dân tộc được cụ thể hóa và tổ chức thực hiện ngày càng hiệu quả.	
4	Vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động, tập hợp Nhân dân được phát huy.	
5	Vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản trong đồng bào các dân tộc được đề cao.	
6	Sự đồng thuận xã hội và tham gia tích cực của Nhân dân các dân tộc trong các phong trào, cuộc vận động ở địa phương.	
7	Ý kiến khác (ghi cụ thể)……..	

Câu 7. Theo ông/bà, những hạn chế chủ yếu hiện nay trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai là gì? *(Chọn nhiều phương án)*

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Chênh lệch phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng, các dân tộc còn lớn, nhất là vùng cao, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	
2	Nhận thức của một bộ phận cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc về xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc còn hạn chế; việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc.	

3	Việc thực hiện chính sách dân tộc ở một số nơi chưa đồng bộ; hiệu quả chưa bền vững; còn nặng hỗ trợ vật chất, chưa gắn chặt với phát huy nội lực và nâng cao năng lực tự vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.	
4	Sự phối hợp giữa các chủ thể và lực lượng (cấp ủy, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, người có uy tín) chưa thật sự chặt chẽ, chưa phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc.	
5	Năng lực của một bộ phận cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới	
6	Một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước; tính chủ động, tự lực, tự cường trong xây dựng đời sống và củng cố đoàn kết cộng đồng chưa cao.	
7	Những yếu tố phức tạp về an ninh, trật tự ở khu vực biên giới; tình trạng bị lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng để chia rẽ khối đại đoàn các kết dân tộc.	
8	Ý kiến khác (ghi cụ thể)……..	

Câu 8. Theo ông/bà, những hạn chế nêu trên trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai chủ yếu do những nguyên nhân nào? *(chọn nhiều phương án)*

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục về đoàn kết các dân tộc ở một số nơi chưa thật sự hiệu quả, chưa phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán và tâm lý tộc người.	
2	Việc xây dựng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc ở một số địa phương chưa thật sự sát với từng dân tộc, từng địa bàn, hiệu quả chưa bền vững.	
3	Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến đời sống và sự tham gia của Nhân dân các dân tộc.	

4	Phong tục, tập quán và tâm lý xã hội của một bộ phận đồng bào các dân tộc còn tác động đến việc phát huy tính chủ động, tự lực, tự cường trong xây dựng đoàn kết cộng đồng.	
5	Những yếu tố phức tạp về an ninh, trật tự ở khu vực biên giới, các thế lực xấu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng để chia rẽ khối đại đoàn các kết dân tộc.	
6	Ý kiến khác (ghi cụ thể)……..	

Câu 9. Theo ông/bà, việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở địa phương hiện nay được triển khai ở mức độ nào?

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Tốt	
2	Khá	
3	Trung bình	
4	Kém	

Câu 10. Theo ông/bà, trong thực tiễn xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở địa phương, hạn chế nổi bật nhất hiện nay nằm ở khâu nào? *(Chọn 01 phương án)*

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Công tác quán triệt, cụ thể hóa chủ trương, chính sách	
2	Tổ chức triển khai, thực hiện ở cơ sở	
3	Sự phối hợp giữa các chủ thể và lực lượng	
4	Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết	

Câu 11. Theo ông/bà, năng lực và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cơ sở (nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số) trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc hiện nay *(Chọn 01 phương án)*

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Đáp ứng tốt yêu cầu	
2	Đáp ứng ở mức khá	
3	Đáp ứng	
4	Chưa đáp ứng yêu cầu	
5	Khó đánh giá	

Câu 12. Theo ông/bà, trong thực tiễn công tác hiện nay, việc lồng ghép mục tiêu xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc vào các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh ở địa phương được thực hiện ở mức độ nào? *(Chọn 01 phương án)*

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Thực hiện đồng bộ, hiệu quả	
2	Có thực hiện nhưng chưa đồng bộ	
3	Thực hiện còn hình thức	
4	Chưa được chú trọng	
5	Khó đánh giá	

Câu 13. Theo ông/bà, trong thời gian tới cần thực hiện những giải pháp nào để xây dựng khối đại đoàn kết giữa các dân tộc ở tỉnh Lào Cai? *(chọn nhiều phương án)*

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc về xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.	
2	Thực hiện hiệu quả các chính sách dân tộc, bảo đảm bình đẳng, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc, tộc người.	
3	Gắn phát triển kinh tế - xã hội với giảm nghèo bền vững, thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, các dân tộc, nhất là vùng cao, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	
4	Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở (cấp ủy, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội) trong công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội trong Nhân dân các dân tộc.	
5	Phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong tuyên truyền, vận động, hòa giải, củng cố đoàn kết cộng đồng.	
6	Khơi dậy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc.	

7	Đẩy mạnh công tác văn hóa, giáo dục, thông tin - truyền thông; tăng cường giao lưu, hiểu biết, tôn trọng lẫn nhau giữa đồng bào các dân tộc.	
8	Gắn xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc với bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng "thế trận lòng dân" ở khu vực biên giới; chủ động đấu tranh với các âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết.	
9	Củng cố đoàn kết, đồng thuận xã hội trong quá trình sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính; kịp thời nắm bắt, giải quyết tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân các dân tộc.	
10	Giải pháp khác (ghi cụ thể)…….	

Câu 14. Theo ông/bà, có cần sớm xây dựng và ban hành Luật Dân tộc ở Việt Nam nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý cho công tác dân tộc, góp phần xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc không?

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Rất cần thiết	
2	Cần thiết	
3	Chưa cần thiết	
4	Khó trả lời	

Nếu lựa chọn rất cần thiết hoặc cần thiết, theo ông/bà Luật Dân tộc nên tập trung vào nội dung nào là quan trọng nhất?

……
……

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của ông/bà!

Phụ lục 1.2

PHIẾU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

(Dành cho đồng bào các dân tộc, người có uy tín)

Kính thưa ông (bà)!

Để có cơ sở đánh giá khách quan và toàn diện về *"Xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai hiện nay*", chúng tôi rất mong nhận được ý kiến của ông/bà thông qua phiếu khảo sát này. Ông/bà vui lòng cho biết ý kiến của mình vào các câu hỏi được nêu ra dưới đây. Ông/bà đánh dấu ☑ vào ô thích hợp với ý kiến của mình hoặc thêm ý kiến khác vào phần để trống. Với mỗi câu hỏi, đồng chí có thể chọn một hoặc nhiều phương án.

Mọi thông tin đồng chí cung cấp trong Phiếu điều tra xã hội học sẽ được sử dụng đúng mục đích và hoàn toàn bảo mật.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của ông (bà)!

I. THÔNG TIN CHUNG

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	**Giới tính**	
	Nam	
	Nữ	
2	**Dân tộc**	
	Mông	
	Tày	
	Dao	
	Dân tộc khác (ghi rõ):……	
3	**Tuổi**	
	Dưới 30 tuổi	
	Từ 30 tuổi đến 50 tuổi	
	Từ 50 tuổi đến 60 tuổi	
	Trên 60 tuổi	
4	**Trình độ học vấn**	
	Tiểu học	
	Trung học cơ sở	
	Trung học phổ thông	
	Cao đẳng	
	Đại học	
	Trên Đại học	
5	**Nghề nghiệp chính hiện nay**	
	Sản xuất nông - lâm nghiệp	
	Kinh doanh, dịch vụ	

	Công nhân, lao động tự do	
	Cán bộ, công chức, viên chức	
	Lực lượng vũ trang	
	Nghề khác (ghi rõ): ……..	
6	**Địa bàn sinh sống**	
	Khu vực đô thị	
	Khu vực nông thôn	
	Miền núi	
	Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Theo ông/bà, việc xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai hiện nay có mức độ quan trọng như thế nào?

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Rất quan trọng	
2	Quan trọng	
3	Bình thường	
4	Không quan trọng	

Câu 2. Theo ông/bà, việc xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của tỉnh Lào Cai - một tỉnh đa dân tộc, tỉnh biên giới? *(Chọn nhiều phương án)*

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Là nền tảng quan trọng để giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền biên giới.	
2	Là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc.	
3	Góp phần giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc.	
4	Củng cố niềm tin của Nhân dân các dân tộc đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.	
5	Ý kiến khác (ghi cụ thể)……..	

Câu 3. Theo ông/bà, mức độ nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị và Nhân dân các dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai hiện nay là:

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Tốt	
2	Khá	
3	Bình thường	
4	Yếu	
5	Khó đánh giá	

Câu 4. Theo ông/bà, mục đích quan trọng của việc xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai hiện nay là gì? *(Chọn nhiều phương án)*

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Tăng cường sự gắn bó, đoàn kết, đồng thuận giữa các dân tộc	
2	Bảo đảm ổn định chính trị, giữ vững quốc phòng - an ninh, bảo vệ biên giới	
3	Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân	
4	Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc	
5	Củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước	
6	Ý kiến khác (ghi cụ thể)……..	

Câu 5. Theo ông/bà, những kết quả đã đạt được trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai thời gian qua là gì? *(Chọn nhiều phương án)*

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị và Nhân dân các dân tộc được nâng lên rõ rệt	
2	Công tác tuyên truyền, vận động được đổi mới; vai trò chủ thể của đồng bào các dân tộc được phát huy	
3	Chính sách dân tộc được triển khai tương đối toàn diện, đồng bộ; đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được nâng cao	
4	Xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh đạt nhiều kết quả quan trọng	
5	Nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc được bảo đảm	
6	Công tác dân vận, đào tạo cán bộ, phát huy vai trò người có uy tín đạt kết quả tích cực	
7	Ý kiến khác (ghi cụ thể)……..	

Câu 6. Ông/bà đánh giá mức độ thực hiện xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc hiện nay trong các lĩnh vực sau? *(Mỗi nội dung chọn 1 phương án trả lời)*

TT	Lĩnh vực	Mức độ đánh giá			
		Tốt	Khá	Trung bình	Chưa tốt
1	Chính trị				
2	Kinh tế				
3	Văn hóa - xã hội				
4	Quốc phòng - an ninh				

Câu 7. Theo ông/bà, những kết quả đạt được trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai thời gian qua chủ yếu do những nguyên nhân nào sau đây?*(Chọn nhiều phương án)*

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của cấp ủy, chính quyền các cấp.	
2	Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn các kết dân tộc vào thực tiễn địa phương.	
3	Các chủ trương, chính sách dân tộc được cụ thể hóa và tổ chức thực hiện ngày càng hiệu quả.	
4	Vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động, tập hợp Nhân dân được phát huy.	
5	Vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản trong đồng bào các dân tộc được đề cao.	
6	Sự đồng thuận xã hội và tham gia tích cực của Nhân dân các dân tộc trong các phong trào, cuộc vận động ở địa phương.	
7	Ý kiến khác (ghi cụ thể)……..	

Câu 8. Theo ông/bà, những hạn chế chủ yếu hiện nay trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai là gì? *(Chọn nhiều phương án)*

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Chênh lệch phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng, các dân tộc còn lớn, nhất là vùng cao, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số..	
2	Nhận thức của một bộ phận cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc về xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc còn hạn chế; việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc.	
3	Việc thực hiện chính sách dân tộc ở một số nơi chưa đồng bộ; hiệu quả chưa bền vững; còn nặng hỗ trợ vật chất, chưa gắn chặt với phát huy nội lực và nâng cao năng lực tự vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.	
4	Sự phối hợp giữa các chủ thể và lực lượng (cấp ủy, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, người có uy tín) chưa thật sự chặt chẽ, chưa phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc.	
5	Năng lực của một bộ phận cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới	

6	Một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước; tính chủ động, tự lực, tự cường trong xây dựng đời sống và củng cố đoàn kết cộng đồng chưa cao.	
7	Những yếu tố phức tạp về an ninh, trật tự ở khu vực biên giới; tình trạng bị lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng để chia rẽ khối đại đoàn các kết dân tộc.	
8	Ý kiến khác (ghi cụ thể)……..	

Câu 9. Theo ông/bà, những hạn chế nêu trên trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai chủ yếu do những nguyên nhân nào sau đây? *(chọn nhiều phương án)*

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục về đoàn kết các dân tộc ở một số nơi chưa thật sự hiệu quả, chưa phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán và tâm lý tộc người.	
2	Việc xây dựng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc ở một số địa phương chưa thật sự sát với từng dân tộc, từng địa bàn, hiệu quả chưa bền vững.	
3	Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến đời sống và sự tham gia của Nhân dân các dân tộc.	
4	Phong tục, tập quán và tâm lý xã hội của một bộ phận đồng bào các dân tộc còn tác động đến việc phát huy tính chủ động, tự lực, tự cường trong xây dựng đoàn kết cộng đồng.	
5	Những yếu tố phức tạp về an ninh, trật tự ở khu vực biên giới, các thế lực xấu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng để chia rẽ khối đại đoàn các kết dân tộc.	
6	Ý kiến khác (ghi cụ thể)……..	

Câu 10. Theo ông/bà, đồng bào các dân tộc ở địa phương hiện nay tham gia vào các hoạt động, phong trào nhằm xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở mức độ nào?

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Tham gia chủ động, thường xuyên	
2	Có tham gia nhưng chưa thường xuyên	
3	Tham gia còn mang tính hình thức	
4	Ít hoặc hầu như không tham gia	

Câu 11. Theo ông/bà, mức độ tin tưởng và đồng thuận của đồng bào các dân tộc đối với cấp ủy, chính quyền và các chủ trương, chính sách ở địa phương hiện nay là:

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Rất cao	
2	Khá cao	
3	Trung bình	
4	Thấp	

Câu 12. Theo ông/bà, trong thực tế đời sống cộng đồng, người có uy tín ở địa phương có vai trò như thế nào trong việc gắn kết các dân tộc, hòa giải mâu thuẫn và vận động Nhân dân?

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Rất hiệu quả	
2	Hiệu quả	
3	Ít hiệu quả	
4	Không hiệu quả	

Câu 13. Theo ông/bà, các chính sách dân tộc do Đảng bộ, chính quyền triển khai ở địa phương trong thời gian qua đã đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của đồng bào các dân tộc ở mức độ nào?

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Đáp ứng tốt	
2	Đáp ứng ở mức khá	
3	Đáp ứng còn hạn chế	
4	Chưa đáp ứng	

Câu 14. Theo ông/bà, trong thời gian tới cần thực hiện những giải pháp nào để xây dựng khối đại đoàn kết giữa các dân tộc ở tỉnh Lào Cai? *(chọn nhiều phương án)*

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc về xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.	
2	Thực hiện hiệu quả các chính sách dân tộc, bảo đảm bình đẳng, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc, tộc người.	
3	Gắn phát triển kinh tế - xã hội với giảm nghèo bền vững, thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, các dân tộc, nhất là vùng cao, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	

4	Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở (cấp ủy, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội) trong công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội trong Nhân dân các dân tộc.	
5	Phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong tuyên truyền, vận động, hòa giải, củng cố đoàn kết cộng đồng.	
6	Khơi dậy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc.	
7	Đẩy mạnh công tác văn hóa, giáo dục, thông tin - truyền thông; tăng cường giao lưu, hiểu biết, tôn trọng lẫn nhau giữa đồng bào các dân tộc.	
8	Gắn xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc với bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng "thế trận lòng dân" ở khu vực biên giới; chủ động đấu tranh với các âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết.	
9	Củng cố đoàn kết, đồng thuận xã hội trong quá trình sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính; kịp thời nắm bắt, giải quyết tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân các dân tộc.	
10	Giải pháp khác (ghi cụ thể)…….	

Câu 15. Theo ông/bà, có cần sớm xây dựng và ban hành Luật Dân tộc ở Việt Nam nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý cho công tác dân tộc, góp phần xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc không?

TT	Nội dung	Lựa chọn
1	Rất cần thiết	
2	Cần thiết	
3	Chưa cần thiết	
4	Khó đánh giá	

Nếu lựa chọn rất cần thiết hoặc cần thiết, theo ông/bà Luật Dân tộc nên tập trung vào nội dung nào là quan trọng nhất?

……
……

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của ông/bà!

Phụ lục 1.3
PHIẾU PHỎNG VẤN SÂU
(Dành cho cán bộ lãnh đạo, quản lý; cán bộ làm công tác dân tộc; chuyên gia trên địa bàn tỉnh Lào Cai)

Kính thưa đồng chí!

Để có cơ sở đánh giá khách quan và toàn diện về *"Xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai hiện nay"*. Sự tham gia của đồng chí sẽ đóng góp tích cực cho sự thành công của đề tài nghiên cứu. Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình vào các câu hỏi được nêu ra dưới đây.

Mọi thông tin đồng chí cung cấp trong Phiếu phỏng vấn sâu sẽ được sử dụng đúng mục đích và hoàn toàn bảo mật.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của đồng chí!

I. Thông tin chung

1. Họ và tên:……
2. Chức vụ:……..
3. Đơn vị công tác:……..
4. Dân tộc: Kinh……; Dân tộc khác:……..
5. Trình độ chuyên môn:……..

II. Nội dung phỏng vấn

Câu 1. Theo đồng chí, trong bối cảnh hiện nay, xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai có ý nghĩa như thế nào đối với phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh?

Câu 2. Đồng chí đánh giá thế nào về việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn các kết dân tộc trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở địa phương thời gian qua?

Câu 3. Theo đồng chí, những kết quả nổi bật nhất trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh thời gian qua là gì?

Câu 4. Đồng chí cho rằng những hạn chế chủ yếu hiện nay trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai là gì? Nguyên nhân của những hạn chế đó là gì? (nhận thức, chính sách, tổ chức thực hiện, đặc thù địa bàn biên giới…)?

Câu 5 Việc chênh lệch phát triển giữa các vùng, các dân tộc đã và đang tác động như thế nào đến sự đồng thuận xã hội và khối đại đoàn các kết dân tộc? Tác động như thế nào?

Câu 6. Đồng chí đánh giá thế nào về mức độ phù hợp và hiệu quả của các chính sách dân tộc hiện nay đối với tỉnh Lào Cai?

Câu 7. Trong quá trình cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa phương gặp những khó khăn, vướng mắc gì?

Câu 8. Vai trò của Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và người có uy tín trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc hiện nay được phát huy ở mức độ nào?

Câu 9. Theo đồng chí, giải pháp then chốt nhất để xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai trong thời gian tới? Vì sao?

Câu 10. Trong bối cảnh Lào Cai là tỉnh đa dân tộc, tỉnh biên giới, cần có những giải pháp đặc thù nào để tăng cường đoàn kết các dân tộc?

Câu 11. Đồng chí có kiến nghị gì về hoàn thiện cơ chế, chính sách, trong đó có việc nghiên cứu ban hành Luật Dân tộc, nhằm tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác dân tộc hiện nay?

Phụ lục 1.4

PHIẾU PHỎNG VẤN SÂU

(Dành cho đồng bào các dân tộc, người có uy tín trong cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai)

Kính thưa ông/bà!

Để có cơ sở đánh giá khách quan và toàn diện về *"Xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai hiện nay"*. Sự tham gia của ông/bà sẽ đóng góp tích cực cho sự thành công của đề tài nghiên cứu. Xin ông/bà vui lòng cho biết ý kiến của mình vào các câu hỏi được nêu ra dưới đây.

Mọi thông tin ông/bà cung cấp trong Phiếu phỏng vấn sâu sẽ được sử dụng đúng mục đích và hoàn toàn bảo mật.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của ông/bà!

I. Thông tin chung

1. Họ và tên:…….
2. Nơi cư trú:……
4. Dân tộc: Kinh……; Dân tộc khác:……..
5. Trình độ học vấn:…….
6. Trình độ chuyên môn:……..
7. Nghề nghiệp:…….

II. Nội dung phỏng vấn

Câu 1. Ở địa phương nơi ông/bà sinh sống hiện nay có những dân tộc nào cùng chung sống? Theo ông/bà, quan hệ giữa các dân tộc đó có đoàn kết, gắn bó hay không? Sự đoàn kết, gắn bó ấy được thể hiện cụ thể qua những việc làm, sinh hoạt hoặc mối quan hệ nào trong đời sống hằng ngày?

Câu 2. Theo ông/bà, hiện nay việc giữ gìn và tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc ở địa phương có gặp khó khăn gì không? Nếu có, những khó khăn đó chủ yếu xuất phát từ đâu (đời sống, phong tục, nhận thức, điều kiện phát triển, tác động bên ngoài…)?

Câu 3. Ông/bà đánh giá thế nào về đời sống vật chất và tinh thần của người dân ở vùng mình đang sinh sống? Hiện nay, có sự chênh lệch về đời sống giữa các vùng hoặc giữa các dân tộc hay không?

Theo ông/bà, sự chênh lệch đó có ảnh hưởng như thế nào đến tinh thần đoàn kết, sự đồng thuận giữa các dân tộc trong cộng đồng?

Câu 4. Ông/bà đánh giá thế nào về vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản trong việc vận động, hòa giải và gắn kết cộng đồng?

Câu 5. Theo ông/bà, cần làm gì để người có uy tín, già làng, trưởng bản phát huy tốt hơn vai trò của mình trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở địa phương?

Câu 6. Theo ông/bà, trước mắt cần làm những việc gì để tăng cường hơn nữa sự đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc ở địa phương hiện nay?

Câu 7. Ông/bà có mong muốn, kiến nghị hoặc đề xuất gì với Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương để đời sống của đồng bào và mối quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc ngày càng tốt hơn?

Phụ lục 2.1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

Để thực hiện Luận án ***"Xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai hiện nay"***, nghiên cứu sinh đã tiến hành khảo sát lấy số liệu thực tiễn tại một số địa phương có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

- *Địa phương điều tra, khảo sát*: Sở, ban, ngành của tỉnh; 10 xã, 02 phường: xã Mù Cang Chải, xã Lao Chải, xã Hạnh Phúc, xã Thượng Bằng La, xã Đông Cuông, xã Lục Yên, xã Cảm Nhân, xã Mường Khương, xã Pha Long, xã Bản Lầu, phường Trung Tâm, phường Cam Đường.

- *Đối tượng điều tra:* Cán bộ, công chức, viên chức.

+ Số lượng phiếu điều tra: 350

+ Số lượng phiếu thu về: 350

+ Số phiếu đưa vào xử lý: 350

- *Thời gian điều tra:* Từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2025.

- *Người lập phiếu điều tra, phỏng vấn:* Nghiên cứu sinh Lê Thị Huệ

I. THÔNG TIN CHUNG

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	**Giới tính**		
	Nam	195	55.7
	Nữ	155	44.3
2	**Dân tộc**		
	Kinh	182	52
	Dân tộc khác	168	48
3	**Tuổi**		
	Dưới 30 tuổi	43	12
	Từ 30 tuổi đến 40 tuổi	178	51
	Từ 40 tuổi đến 50 tuổi	72	21
	Trên 50 tuổi	57	16
4	**Trình độ học vấn**		
	Trung cấp	25	7.2
	Cao đẳng	4	1.1
	Đại học	291	83.1
	Sau đại học	30	8.6
5	**Trình độ lý luận chính trị**		
	Chưa qua đào tạo	5	1.4
	Sơ cấp LLCT	22	6.2
	Trung cấp LLCT	186	53
	Cao cấp LLCT	137	39.4

6	**Đối tượng**		
	Cán bộ lãnh đạo, quản lý	85	24.3
	Cán bộ, công chức, viên chức	220	62.9
	Cán bộ Mặt trận tổ quốc/tổ chức chính trị - xã hội	45	12.8
7	**Lĩnh vực công tác**		
	Đảng	120	34.3
	Chính quyền	112	32
	Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội	39	11.1
	Lĩnh vực khác	79	22.6
8	**Thời gian công tác/tham gia hoạt động tại địa phương:**		
	Dưới 5 năm	42	12.2
	Từ 5 năm đến dưới 10 năm	138	39.4
	Từ 10 năm đến dưới 20 năm	88	25.1
	Trên 20 năm	82	23.3
9	**Địa bàn công tác/sinh sống**		
	Đô thị	136	38.8
	Nông thôn	86	24.5
	Miền núi	52	14.9
	Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	76	21.8

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Theo ông/bà, việc xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai hiện nay có mức độ quan trọng như thế nào?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Rất quan trọng	158	45.1
2	Quan trọng	148	42.3
4	Bình thường	44	12.6
4	Không quan trọng	0	0

Câu 2. Theo ông/bà, mức độ nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị và Nhân dân các dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai hiện nay là:

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Tốt	166	47.4
2	Khá	156	44.6
3	Bình thường	28	8
4	Yếu	0	0
5	Khó đánh giá		

Câu 3. Theo ông/bà, mục đích quan trọng của việc xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai hiện nay là gì?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Tăng cường sự gắn bó, đoàn kết, đồng thuận giữa các dân tộc	324	92.6
2	Bảo đảm ổn định chính trị, giữ vững quốc phòng - an ninh, bảo vệ biên giới	315	90
3	Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân	308	88
4	Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc	302	86.3
5	Củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước	310	88.6

Câu 4. Theo ông/bà, những kết quả đã đạt được trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai thời gian qua là gì?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị và Nhân dân các dân tộc được nâng lên rõ rệt	274	78.3
2	Công tác tuyên truyền, vận động được đổi mới; vai trò chủ thể của đồng bào các dân tộc được phát huy	250	71.4
3	Chính sách dân tộc được triển khai tương đối toàn diện, đồng bộ; đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được nâng cao	239	68.3
4	Xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh đạt nhiều kết quả quan trọng	304	86.9
5	Nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc được bảo đảm	248	70.9
6	Công tác dân vận, đào tạo cán bộ, phát huy vai trò người có uy tín đạt kết quả tích cực	243	69.4

Câu 5. Ông/bà đánh giá mức độ thực hiện xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc hiện nay trong các lĩnh vực sau?

TT	Nội dung	Kết quả							
		Tốt		***Khá***		***Trung bình***		***Chưa tốt***	
		Số lượng	*Tỷ lệ %*	*Số lượng*	*Tỷ lệ %*	*Số lượng*	*Tỷ lệ %*	*Số lượng*	*Tỷ lệ %*
1	Chính trị	158	45.1	188	53.8	4	1.1		
2	Kinh tế	134	38.2	213	60.9	3	0.9		
3	Văn hóa - xã hội	157	44.9	185	52.8	8	2.3		
4	Quốc phòng - an ninh	148	42.2	192	54.9	10	2.9		

Câu 6. Theo ông/bà, những kết quả đạt được trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai thời gian qua chủ yếu do những nguyên nhân nào sau đây?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	*Tỷ lệ %*
1	Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của cấp ủy, chính quyền các cấp.	320	91.4
2	Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn các kết dân tộc vào thực tiễn địa phương.	296	84.6
3	Các chủ trương, chính sách dân tộc được cụ thể hóa và tổ chức thực hiện ngày càng hiệu quả.	268	76.6
4	Vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động, tập hợp Nhân dân được phát huy.	348	99.4
5	Vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản trong đồng bào các dân tộc được đề cao.	275	78.6
6	Sự đồng thuận xã hội và tham gia tích cực của Nhân dân các dân tộc trong các phong trào, cuộc vận động ở địa phương.	304	86.9

Câu 7. Theo ông/bà, những hạn chế chủ yếu hiện nay trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai là gì?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	*Tỷ lệ %*
1	Chênh lệch phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng, các dân tộc còn lớn, nhất là vùng cao, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số..	132	37.7
2	Nhận thức của một bộ phận cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc về xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc còn hạn chế; việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc.	122	34.5
3	Việc thực hiện chính sách dân tộc ở một số nơi chưa đồng bộ; hiệu quả chưa bền vững; còn nặng hỗ trợ vật chất, chưa gắn chặt với phát huy nội lực và nâng cao năng lực tự vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.	89	25.4
4	Sự phối hợp giữa các chủ thể và lực lượng (cấp ủy, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, người có uy tín) chưa thật sự chặt chẽ, chưa phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc.	97	27.7
5	Năng lực của một bộ phận cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới	123	35.1

6	Một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước; tính chủ động, tự lực, tự cường trong xây dựng đời sống và củng cố đoàn kết cộng đồng chưa cao.	141	40.3
7	Những yếu tố phức tạp về an ninh, trật tự ở khu vực biên giới; tình trạng bị lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng để chia rẽ khối đại đoàn các kết dân tộc.	78	22.2

Câu 8. Theo ông/bà, những hạn chế nêu trên trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai chủ yếu do những nguyên nhân nào?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục về đoàn kết các dân tộc ở một số nơi chưa thật sự hiệu quả, chưa phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán và tâm lý tộc người.	156	44.6
2	Việc xây dựng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc ở một số địa phương chưa thật sự sát với từng dân tộc, từng địa bàn, hiệu quả chưa bền vững.	105	30
3	Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến đời sống và sự tham gia của Nhân dân các dân tộc.	145	41.4
4	Phong tục, tập quán và tâm lý xã hội của một bộ phận đồng bào các dân tộc còn tác động đến việc phát huy tính chủ động, tự lực, tự cường trong xây dựng đoàn kết cộng đồng.	142	40.6
5	Những yếu tố phức tạp về an ninh, trật tự ở khu vực biên giới, các thế lực xấu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng để chia rẽ khối đại đoàn các kết dân tộc.	182	52

Câu 9. Theo ông/bà, việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở địa phương hiện nay được triển khai ở mức độ nào?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Tốt	169	48.3
2	Khá	128	36.6
3	Trung bình	41	11.7
4	Kém	12	3.4

Câu 10. Theo ông/bà, trong thực tiễn xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở địa phương, hạn chế nổi bật nhất hiện nay nằm ở khâu nào?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Công tác quán triệt, cụ thể hóa chủ trương, chính sách	32	9.1
2	Tổ chức triển khai, thực hiện ở cơ sở	178	50.9
3	Sự phối hợp giữa các chủ thể và lực lượng	75	21.4
4	Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết	65	18.6

Câu 11. Theo ông/bà, năng lực và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cơ sở (nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số) trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc hiện nay

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Đáp ứng tốt yêu cầu	216	61.7
2	Đáp ứng ở mức khá	110	31.4
3	Đáp ứng	20	5.7
4	Chưa đáp ứng yêu cầu	4	1.2
5	Khó đánh giá	0	0

Câu 12. Theo ông/bà, trong thực tiễn công tác hiện nay, việc lồng ghép mục tiêu xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc vào các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh ở địa phương được thực hiện ở mức độ nào?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Thực hiện đồng bộ, hiệu quả	204	58.3
2	Có thực hiện nhưng chưa đồng bộ	90	25.7
3	Thực hiện còn hình thức	21	6
4	Chưa được chú trọng	23	6.6
5	Khó đánh giá	12	3.4

Câu 13. Theo ông/bà, trong thời gian tới cần thực hiện những giải pháp nào để xây dựng khối đại đoàn kết giữa các dân tộc ở tỉnh Lào Cai?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc về xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.	346	98.9

2	Thực hiện hiệu quả các chính sách dân tộc, bảo đảm bình đẳng, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc, tộc người.	302	86.2
3	Gắn phát triển kinh tế - xã hội với giảm nghèo bền vững, thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, các dân tộc, nhất là vùng cao, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	268	76.5
4	Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở (cấp ủy, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội) trong công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội trong Nhân dân các dân tộc.	254	72.5
5	Phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong tuyên truyền, vận động, hòa giải, củng cố đoàn kết cộng đồng.	312	89.1
6	Khơi dậy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc.	288	82.3
7	Đẩy mạnh công tác văn hóa, giáo dục, thông tin - truyền thông; tăng cường giao lưu, hiểu biết, tôn trọng lẫn nhau giữa đồng bào các dân tộc.	245	70
8	Gắn xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc với bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng "thế trận lòng dân" ở khu vực biên giới; chủ động đấu tranh với các âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết.	336	96
9	Củng cố đoàn kết, đồng thuận xã hội trong quá trình sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính; kịp thời nắm bắt, giải quyết tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân các dân tộc.	281	80.3

Câu 14. Theo ông/bà, có cần sớm xây dựng và ban hành Luật Dân tộc ở Việt Nam nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý cho công tác dân tộc, góp phần xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc không?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Rất cần thiết	158	45.1
2	Cần thiết	184	52.6
3	Chưa cần thiết	8	2.3
4	Khó trả lời		

Phụ lục 2.2
TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

Để thực hiện Luận án ***"Xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai hiện nay"***, nghiên cứu sinh đã tiến hành khảo sát lấy số liệu thực tiễn tại một số địa phương có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

- *Địa phương điều tra, khảo sát*: 10 xã, 02 phường: xã Mù Cang Chải, xã Lao Chải, xã Hạnh Phúc, xã Thượng Bằng La, xã Đông Cuông, xã Lục Yên, xã Cảm Nhân, xã Mường Khương, xã Pha Long, xã Bản Lầu, phường Trung Tâm, phường Lào Cai.

- *Đối tượng điều tra:* Người có uy tín và đồng bào các dân tộc.

+ Số lượng phiếu điều tra: 300

+ Số lượng phiếu thu về: 300

+ Số phiếu đưa vào xử lý: 300

- *Thời gian điều tra:* Từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2025.

- *Người lập phiếu điều tra, phỏng vấn:* Nghiên cứu sinh Lê Thị Huệ

I. THÔNG TIN CHUNG

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	**Giới tính**		
	Nam	175	58.3
	Nữ	125	41.7
2	**Dân tộc**		
	Mông	92	30.7
	Tày	80	26.7
	Dao	76	25.3
	Dân tộc khác	52	17.3
3	**Tuổi**		
	Dưới 30 tuổi	76	25.3
	Từ 30 tuổi đến 50 tuổi	86	28.7
	Từ 50 tuổi đến 60 tuổi	90	30
	Trên 60 tuổi	48	16
4	**Trình độ học vấn**		
	Tiểu học	15	5
	Trung học cơ sở	38	12.7
	Trung học phổ thông	68	22.7
	Trung cấp	56	18.7
	Cao đẳng	42	14
	Đại học	79	26.3
	Trên Đại học	2	0.67
5	**Nghề nghiệp chính hiện nay**		
	Sản xuất nông - lâm nghiệp	59	19.7
	Kinh doanh, dịch vụ	64	21.3
	Công nhân, lao động tự do	52	17.3

	Cán bộ, công chức, viên chức	69	23
	Lực lượng vũ trang	16	5.3
	Nghề khác	40	13.3
6	**Địa bàn sinh sống**		
	Khu vực đô thị	64	21.3
	Khu vực nông thôn	92	30.7
	Miền núi	67	22.3
	Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	77	25.7

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Theo ông/bà, việc xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai hiện nay có mức độ quan trọng như thế nào?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Rất quan trọng	152	50.6
2	Quan trọng	107	35.7
3	Bình thường	41	13.7
4	Không quan trọng	0	0

Câu 2. Theo ông/bà, việc xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của tỉnh Lào Cai - một tỉnh đa dân tộc, tỉnh biên giới?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Là nền tảng quan trọng để giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền biên giới.	288	96
2	Là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc.	256	85.3
3	Góp phần giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc.	195	65
4	Củng cố niềm tin của Nhân dân các dân tộc đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.	206	68.7

Câu 3. Theo ông/bà, mức độ nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị và Nhân dân các dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Lào Cai hiện nay là:

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Tốt	165	55
2	Khá	103	34.3

3	Bình thường	20	6.7
4	Yếu	0	0
5	Khó đánh giá	12	4

Câu 4. Theo ông/bà, mục đích quan trọng của việc xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai hiện nay là gì?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	*Tỷ lệ %*
1	Tăng cường sự gắn bó, đoàn kết, đồng thuận giữa các dân tộc	288	96
2	Bảo đảm ổn định chính trị, giữ vững quốc phòng - an ninh, bảo vệ biên giới	256	85.3
3	Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân	195	65
4	Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc	206	68.7
5	Củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước	278	92.7

Câu 5. Theo ông/bà, những kết quả đã đạt được trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai thời gian qua là gì?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	*Tỷ lệ %*
1	Nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị và Nhân dân các dân tộc được nâng lên rõ rệt	265	88.3
2	Công tác tuyên truyền, vận động được đổi mới; vai trò chủ thể của đồng bào các dân tộc được phát huy	250	71.4
3	chính sách dân tộc được triển khai tương đối toàn diện, đồng bộ; đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được nâng cao	253	84.3
4	Xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh đạt nhiều kết quả quan trọng	267	89
5	Nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc được bảo đảm	204	68
6	Công tác dân vận, đào tạo cán bộ, phát huy vai trò người có uy tín đạt kết quả tích cực	198	66

Câu 6. Ông/bà đánh giá mức độ thực hiện xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc hiện nay trong các lĩnh vực sau?

TT	Nội dung	Kết quả							
		Tốt		*Khá*		*Trung bình*		*Chưa tốt*	
		Số lượng	*Tỷ lệ %*	*Số lượng*	*Tỷ lệ %*	*Số lượng*	*Tỷ lệ %*	*Số lượng*	*Tỷ lệ %*
1	Chính trị	157	53.3	136	45.3	7	2.3		
2	Kinh tế	134	44.7	145	48.3	21	7		
3	Văn hóa - xã hội	144	48	143	46.7	13	4.3		
4	Quốc phòng - an ninh	153	51	132	44	15	5		

Câu 7. Theo ông/bà, những kết quả đạt được trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai thời gian qua chủ yếu do những nguyên nhân nào sau đây?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của cấp ủy, chính quyền các cấp.	262	86.7
2	Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn các kết dân tộc vào thực tiễn địa phương.	250	71.4
3	Các chủ trương, chính sách dân tộc được cụ thể hóa và tổ chức thực hiện ngày càng hiệu quả.	223	74.3
4	Vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động, tập hợp Nhân dân được phát huy.	218	72.7
5	Vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản trong đồng bào các dân tộc được đề cao.	231	77
6	Sự đồng thuận xã hội và tham gia tích cực của Nhân dân các dân tộc trong các phong trào, cuộc vận động ở địa phương.	205	68.3

Câu 8. Theo ông/bà, những hạn chế chủ yếu hiện nay trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai là gì?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Chênh lệch phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng, các dân tộc còn lớn, nhất là vùng cao, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số..	120	40
2	Nhận thức của một bộ phận cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc về xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc còn hạn chế; việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc.	110	36.7

3	Việc thực hiện chính sách dân tộc ở một số nơi chưa đồng bộ; hiệu quả chưa bền vững; còn nặng hỗ trợ vật chất, chưa gắn chặt với phát huy nội lực và nâng cao năng lực tự vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.	106	35.3
4	Sự phối hợp giữa các chủ thể và lực lượng (cấp ủy, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, người có uy tín) chưa thật sự chặt chẽ, chưa phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc.	126	42
5	Năng lực của một bộ phận cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới	142	47.3
6	Một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước; tính chủ động, tự lực, tự cường trong xây dựng đời sống và củng cố đoàn kết cộng đồng chưa cao.	158	52.7
7	Những yếu tố phức tạp về an ninh, trật tự ở khu vực biên giới; tình trạng bị lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng để chia rẽ khối đại đoàn các kết dân tộc.	94	31.3

Câu 9. Theo ông/bà, những hạn chế nêu trên trong xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở tỉnh Lào Cai chủ yếu do những nguyên nhân nào sau đây?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục về đoàn kết các dân tộc ở một số nơi chưa thật sự hiệu quả, chưa phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán và tâm lý tộc người	143	47.7
2	Việc xây dựng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc ở một số địa phương chưa thật sự sát với từng dân tộc, từng địa bàn, hiệu quả chưa bền vững	97	32.3
3	Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến đời sống và sự tham gia của Nhân dân các dân tộc	132	44

4	Phong tục, tập quán và tâm lý xã hội của một bộ phận đồng bào các dân tộc còn tác động đến việc phát huy tính chủ động, tự lực, tự cường trong xây dựng đoàn kết cộng đồng	104	34.7
5	Những yếu tố phức tạp về an ninh, trật tự ở khu vực biên giới, các thế lực xấu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng để chia rẽ khối đại đoàn các kết dân tộc	141	47

Câu 10. Theo ông/bà, đồng bào các dân tộc ở địa phương hiện nay tham gia vào các hoạt động, phong trào nhằm xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc ở mức độ nào?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Tham gia chủ động, thường xuyên	172	57.3
2	Có tham gia nhưng chưa thường xuyên	68	22.7
3	Tham gia còn mang tính hình thức	40	13.3
4	Ít hoặc hầu như không tham gia	20	6.7

Câu 11. Theo ông/bà, mức độ tin tưởng và đồng thuận của đồng bào các dân tộc đối với cấp ủy, chính quyền và các chủ trương, chính sách ở địa phương hiện nay là:

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Rất cao	151	50.3
2	Khá cao	103	34.3
3	Trung bình	32	10.7
4	Thấp	14	4.7

Câu 12. Theo ông/bà, trong thực tế đời sống cộng đồng, người có uy tín ở địa phương có vai trò như thế nào trong việc gắn kết các dân tộc, hòa giải mâu thuẫn và vận động Nhân dân?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Rất hiệu quả	126	42
2	Hiệu quả	134	44.7
3	Ít hiệu quả	30	10
4	Không hiệu quả	10	3.3

Câu 13. Theo ông/bà, các chính sách dân tộc do Đảng bộ, chính quyền triển khai ở địa phương trong thời gian qua đã đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của đồng bào các dân tộc ở mức độ nào?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Đáp ứng tốt	147	49
2	Đáp ứng ở mức khá	104	34.7
3	Đáp ứng còn hạn chế	28	9.3
4	Chưa đáp ứng	21	7

Câu 14. Theo ông/bà, trong thời gian tới cần thực hiện những giải pháp nào để xây dựng khối đại đoàn kết giữa các dân tộc ở tỉnh Lào Cai?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc về xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh	295	98.3
2	Thực hiện hiệu quả các chính sách dân tộc, bảo đảm bình đẳng, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc, tộc người	278	92.7
3	Gắn phát triển kinh tế - xã hội với giảm nghèo bền vững, thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, các dân tộc, nhất là vùng cao, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số	242	80.7
4	Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở (cấp ủy, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội) trong công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội trong Nhân dân các dân tộc	235	78.3
5	Phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong tuyên truyền, vận động, hòa giải, củng cố đoàn kết cộng đồng	286	95.3
6	Khơi dậy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc	196	65.3
7	Đẩy mạnh công tác văn hóa, giáo dục, thông tin - truyền thông; tăng cường giao lưu, hiểu biết, tôn trọng lẫn nhau giữa đồng bào các dân tộc	178	59.3

8	Gắn xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc với bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng "thế trận lòng dân" ở khu vực biên giới; chủ động đấu tranh với các âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết	168	56
9	Củng cố đoàn kết, đồng thuận xã hội trong quá trình sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính; kịp thời nắm bắt, giải quyết tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân các dân tộc	204	68

Câu 15. Theo ông/bà, có cần sớm xây dựng và ban hành Luật Dân tộc ở Việt Nam nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý cho công tác dân tộc, góp phần xây dựng khối đại đoàn các kết dân tộc không?

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số lượng	***Tỷ lệ %***
1	Rất cần thiết	161	53.7
2	Cần thiết	113	37.7
3	Chưa cần thiết	16	5.3
4	Khó đánh giá	10	3.3

Phụ lục 3.1. THÔNG TIN ĐỐI TƯỢNG PHỎNG VẤN SÂU
(Dành cho cán bộ lãnh đạo, quản lý; cán bộ làm công tác dân tộc; chuyên gia trên địa bàn tỉnh Lào Cai)

STT	Mã PVS	Dân tộc	Nhóm/vị trí công tác	Phạm vi công tác
1	PVS01	Mông	Lãnh đạo cơ quan chuyên môn về dân tộc, tôn giáo	Cấp tỉnh
2	PVS02	Tày	Cán bộ lãnh đạo cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy	Cấp tỉnh
3	PVS03	Kinh	Lãnh đạo cơ quan chuyên môn về dân tộc, tôn giáo	Cấp tỉnh
4	PVS04	Tày	Cán bộ lãnh đạo chính quyền	Cấp xã
5	PVS05	Kinh	Cán bộ lãnh đạo chính quyền	Cấp xã
6	PVS06	Tày	Lãnh đạo cấp phòng chuyên	Cấp xã
7	PVS07	Cao Lan	Lãnh đạo cấp ủy	Cấp xã

Phụ lục 3.2. NHÓM ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC VÀ NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI
(Dành cho đồng bào các dân tộc, người có uy tín trong cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai)

STT	Mã PVS	Dân tộc	Nhóm đối tượng	Địa bàn
1	PVS08	Tày	Đồng bào dân tộc	Khu vực nông thôn, vùng DTTS
2	PVS09	Tày	Người có uy tín trong cộng đồng	Khu vực nông thôn, vùng DTTS
3	PVS10	Nùng	Người có uy tín trong cộng đồng	Người có uy tín trong cộng đồng
4	PVS11	Mông	Đồng bào dân tộc	Khu vực vùng cao, biên giới
5	PVS12	Mông	Người có uy tín trong cộng đồng	Khu vực vùng cao
6	PVS13	Tày	Đồng bào dân tộc	Khu vực nông thôn, vùng DTTS
7	PVS14	Mông	Người có uy tín trong cộng đồng	Khu vực vùng cao, biên giới

Phụ lục 3

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH LÀO CAI NĂM 2025



DANH SÁCH 99 ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ THUỘC TỈNH LÀO CAI			
STT	Tên xã, phường	STT	Tên xã, phường
1	Xã Khao Mang	51	Xã Bản Xèo
2	Xã Mù Cang Chải	52	Xã Bát Xát
3	Xã Púng Luông	53	Xã Võ Lao
4	Xã Tú Lệ	54	Xã Khánh Yên
5	Xã Trạm Tấu	55	Xã Văn Bàn
6	Xã Hạnh Phúc	56	Xã Dương Quỳ
7	Xã Phình Hồ	57	Xã Chiềng Ken
8	Xã Liên Sơn	58	Xã Minh Lương
9	Xã Gia Hội	59	Xã Nậm Chày
10	Xã Sơn Lương	60	Xã Bảo Yên
11	Xã Văn Chấn	61	Xã Nghĩa Đô
12	Xã Thượng Bằng La	62	Xã Thượng Hà
13	Xã Chấn Thịnh	63	Xã Xuân Hòa
14	Xã Nghĩa Tâm	64	Xã Phúc Khánh
15	Xã Phong Dụ Hạ	65	Xã Bảo Hà
16	Xã Châu Quế	66	Xã Mường Bo
17	Xã Lâm Giang	67	Xã Bản Hồ
18	Xã Đông Cuông	68	Xã Tả Van
19	Xã Tân Hợp	69	Xã Tả Phìn
20	Xã Mậu A	70	Xã Cốc Lầu
21	Xã Xuân Ái	71	Xã Bảo Nhai
22	Xã Mỏ Vàng	72	Xã Bản Liền
23	Xã Lâm Thượng	73	Xã Bắc Hà
24	Xã Lục Yên	74	Xã Tả Củ Tỷ
25	Xã Tân Lĩnh	75	Xã Lùng Phình
26	Xã Khánh Hòa	76	Xã Pha Long
27	Xã Phúc Lợi	77	Xã Mường Khương
28	Xã Mường Lai	78	Xã Bản Lầu
29	Xã Cảm Nhân	79	Xã Cao Sơn
30	Xã Yên Thành	80	Xã Si Ma Cai
31	Xã Thác Bà	81	Xã Sín Chéng
32	Xã Yên Bình	82	Xã Nậm Xé
33	Xã Bảo Ái	83	Xã Ngũ Chỉ Sơn
34	Xã Trần Yên	84	Xã Chế Tạo
35	Xã Hưng Khánh	85	Xã Lao Chải
36	Xã Lương Thịnh	86	Xã Nậm Có
37	Xã Việt Hồng	87	Xã Tà Xi Láng
38	Xã Quy Mông	88	Xã Cát Thịnh
39	Xã Cốc San	89	Xã Phong Dụ Thượng
40	Xã Hợp Thành	90	Phường Nghĩa Lộ
41	Xã Phong Hải	91	Phường Trung Tâm
42	Xã Xuân Quang	92	Phường Cầu Thia
43	Xã Bảo Thắng	93	Phường Văn Phú
44	Xã Tằng Loỏng	94	Phường Yên Bái
45	Xã Gia Phú	95	Phường Nam Cường
46	Xã Mường Hum	96	Phường Âu Lâu
47	Xã Dền Sáng	97	Phường Cam Đường
48	Xã Y Tý	98	Phường Lào Cai
49	Xã A Mú Sung	99	Phường Sa Pa
50	Xã Trịnh Tường		

Nguồn: https://ever.vn/ban-do-tinh-lao-cai-moi